



Lý
Thanh
Chiếu
truyện

MỖI
MÓN

TÌM
KIẾM

Bạch
Lạc
Mai

lại là
người
cũ
từng
quen

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung
寻寻觅觅，却是旧时相识：李清照传

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty TNHH
Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam, 2019.

Thông tin eBook

Tên sách:

Mỗi Mòn Tìm Kiếm Lại Là Người Cũ Từng Quen: Lý Thanh Chiêu Truyện

Nguyên tác:

寻寻觅觅，却是旧时相识：李清照传

Tác giả:

Bạch Lạc Mai

Dịch giả:

Nguyễn Vinh Chi

Phát hành:

BLUE.BOOKS

Xuất bản:

NXB Văn Học

ISBN:

978-604-349-451-8

Số trang / Khổ giấy:

314 / 14.5 x 20.5 cm

Giá bìa:

135.000đ

Ngày phát hành:

04/2022

Tạo eBook:

@huyetleid0907, 03/2024

Bạch Lạc Mai 8x, tên thật là Tư Trí Tuệ. Một cô gái mang hơi thở của hoa mai, đoan trang, tao nhã, tự nhiên, an tĩnh, thuần khiết. Ẩn cư ở Giang Nam, tài năng nhưng lánh đời.

Tác phẩm tiêu biểu:

- "Nếu em an lành, đó là ngày nắng"
- "Bởi vì thấu hiểu cho nên từ bi"
- "Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất"
- "Năm tháng tĩnh lặng, kiếp này bình yên"
- "Tôi dùng hết thanh xuân để tìm em"

"Nếu như có thể, hãy trả tiếc nỗi cho đất mẹ rồi để từ bi ở lại nhân gian. Chỉ cần vạn vật thanh bình, năm tháng ung dung, đời không kinh sợ, hồng nhan không già."

Thời Tống có một kiểu phong nhã và khí phách riêng, cũng có một nỗi đau buồn không thể nguôi ngoai. Thời đại ấy có thể cuộc xoay vần, gió mây cuồn cuộn, nhưng bao nhiêu ân oán đều được hóa giải trong chung trà chén rượu, giữa khúc nhạc điệu từ.

Cả đời của người con gái thời Tống sâu sắc quanh co, đoan chính hữu tình, mà Lý Thanh Chiếu là nữ từ nhân tuyệt điểm trong thế giới thời Tống.

Nàng tay cầm quyển thanh từ, rời xa phú quý danh lợi, không cần muôn hồng ngàn tía mà vẫn mày mắt đẹp dễ.

Nàng tay nâng chén rượu nhạt, giữ gìn tranh chữ và thành trì của mình, kể một vài tâm sự như say như tỉnh.

Nàng tay nhón cành mai gầy, gặp gỡ với trận tuyết đầu mùa chốn Giang Nam ấy, liền khó rời xa...

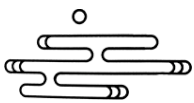
Mỗi
mòn
tăm
kiếm

Lại
là
người

cũ

Từng
quen

LÝ
THANH
CHIẾU
TRUYỆN



Người con gái thời Tống Lý Thanh Chiếu

Ngẫm ra, tôi vẫn thích thời Tống. Ở đó, sông núi uốn lượn, đẹp đẽ phong lưu. Ở đó, năm tháng thanh nhã, trong sáng tinh khiết. Ở đó, văn nhân tuấn tú, diện mạo khôi ngô.

Thời Tống có một kiểu phong nhã và khí phách riêng, cũng có một nỗi đau buồn không thể nguôi ngoai. Vì yêu thích Tống từ nên tôi nảy sinh mối tương tư với cảnh vật thời Tống. Đôi lúc tôi lại mơ trở về Biện Kinh¹, có một buổi gặp gỡ với họ giữa nước non của triều đại ấy.

Mỗi vương triều đều có sự thịnh suy vinh nhục của nó, trời trăng núi sông, đồng ruộng thôn xóm, muôn vàn cảnh tượng đại để giống nhau. Thời gian, chỉ là hoa rụng hoa nở. Câu chuyện tình người như vầng dương mới mọc chiếu lên tuyết đọng, trải qua cuộc bể dâu vẫn sáng trong.

Thời đại ấy không nhiều vương giả, mà lắm tử khách. Thời đại ấy dù là vợ chồng bình thường cũng ngấm mưa bay gió thoảng, cũng hiểu muôn vẻ phong tình. Thời đại ấy cũng có thể cuộc xoay vần, gió mây cuốn cuộn, nhưng bao nhiêu ân oán đều hóa giải trong chung trà chén rượu, giữa khúc nhạc điệu từ.

Trong thời thịnh trị, gió xuân mầu đơn, uống rượu viết từ. Trong thời loạn lạc, khói lửa chiến tranh, gai giăng tường đồ. Bất luận thành bại tươi héo đều là một loại cảnh giới, thuận theo ý trời thì đương nhiên cũng sẽ thanh bình.

Cả đời của người con gái thời Tống sâu sắc quanh co, đoạn chính hữu tình. Lý Thanh Chiếu là nữ tử nhân tuyệt điểm trong thế giới thời Tống. Cuộc đời nàng, nếu nói phức tạp thì cũng chính là đã trải qua quá trình từ phồn hoa đến suy tàn. Mà nếu nói đơn giản thì là một quyển Tống từ, dăm vò rượu ngon và một đoạn tình sử.

¹ Nay là thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, nhà Tống đặt kinh đô ở đây.

Người đời bảo nàng uyển chuyển đa tình, mà lại không biết rằng nàng cũng thẳng thắn hào sảng. Thời thiếu nữ, phong cách từ của nàng thanh tân, hoạt bát sinh động, ngây thơ hồn nhiên như cành non tháng Ba; sau khi xuất giá, phong cách từ nhẹ nhàng tươi đẹp, trong sáng mới mẻ như sen xanh ao biếc, gió nhẹ hương đưa; tuổi xế chiều, phong cách từ ai oán, sầu đầy khó vơi, buốt giá thê lương tựa nước thu đầm lạnh.

Năm tháng đối đãi với nàng khoan dung vô tư, tuy nàng sinh ra trong gia đình thư hương nhưng không bị lễ tiết thế tục ràng buộc. Trong mắt nàng, cõi hồng trần mờ mịt, kiếp phù du rồi ren đều là đóa sen cành mai, cảm hứng thiên nhiên.

Tuổi xuân đôi chín, nàng gặp được chàng trai ôn nhuận như ngọc, cùng chàng hạnh phúc bên nhau, chung tay chinh lý kim thạch thư họa; tuy cũng có chuyện thăng trầm bất an song chỉ là cái bóng trong ao, chung quy chẳng trở ngại gì.

Quy Lai đường² là chốn gửi gắm mười năm đẹp nhất của nàng. Vợ chồng cầm sắt hòa hợp, thấu hiểu vui vẻ, chẳng có mảy may nuối tiếc và tủi hờn. Mấy cây mai trồng trước sân thường đi vào thơ từ của họ. Đủ thứ đồ vật cất giữ trong nhà đều để tu tập.

Nàng tuy ít trải đời nhưng lại có sự chấp nhận và kiên trì đối với kiếp người. Nếu không phải đất nước loạn lạc, mọi sự đổi thay, thì ắt hẳn trọn đời nàng sẽ ẩn cư ở Quy Lai đường, sống tĩnh lặng bình yên.

Khổ nổi gặp lúc thay đổi triều đại, cũng đành nước chảy bèo trôi, lưu lạc lang thang. Trong thời loạn, đời người thoát hợp thoát tan, cuộc sống được chăng hay chớ. Biết bao chuyện hưng vong, tai nạn kiếp số giống như gió thu nắng chiều, khiến người ta ngậm ngùi mà chẳng thể làm trái lại.

Trên đường lánh nạn, sương mù dày đặc; thiên hạ rộng lớn, vậy mà không chốn nương thân. Sống nhờ ở Giang Nam, dầu phong cảnh tươi đẹp nhưng cõi lòng đầy ứ nổi khổ biệt ly. Trong hoạn nạn khốn khó, tình ý cũng hững hờ hơn trước, sự lạnh nhạt của chàng khiến nàng than tiếc song không hối hận. Bao nhiêu tình ái trên thế gian, cuối cùng đều trở nên bình lặng, ấy không xem là phụ nhau.

Triều Minh Thành mất, giang sơn tan nát khiến nàng ném hết khổ sở gió sương. Một thân một mình, lẻ loi phiêu bạt, lội suối băng ngàn giữa thời loạn, chẳng có chốn về. Triều đình nhà Tống yên phận ở Giang Tả, nàng cũng chỉ có thể theo họ dừng chân chốn nhân gian gió bụi, buông bỏ chí khí, thích nghi với đời.

² Tên căn nhà ở Thanh Châu của vợ chồng Lý Thanh Chiếu, lấy ý từ bài *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm.

Trải qua mấy cơn đại nạn, bao nhiêu phần hoa cũng tan biến. Đến cuối cùng, lá rụng núi vắng, chỉ còn vài quyển sách nát, mấy món văn vật bầu bạn cùng nàng sống những ngày cô quạnh.

Về sau lại gặp phải mối nghiệt duyên, may mà nàng kiên quyết cắt đứt. Người từng trải qua sinh ly tử biệt từ lâu đã không coi chuyện hợp tan vui buồn là quan trọng nữa, thâm tâm vẫn bình tĩnh, nhìn hoa là hoa, nhìn nước vẫn là nước.

"*Tùng phong lưu năm ấy, đốt hương thơm áo, đun nước châm trà?*³" Đến lúc này, "*Rượu nhạt uống đôi ba chén, không chống nổi chiều về gió dữ?*⁴" Cuộc sống tuy không được như ý, thậm chí bần hàn, song cũng giản dị yên ổn.

Vương triều ấy như sao rơi rục rở, tuy dời đến Giang Nam, mọi việc đều đã phải thuận theo thời thế nhưng dù sao vẫn yếu đuối, không chịu nổi gió mưa. Bậc tài nữ một thời, từ nhân muôn thuở cũng chỉ ẩn cư nơi nhà cũ ngõ sâu, ngắm hoa xuân từng bùng nở rồi lại rụng, trăng thu lặn lẽ tròn rồi lại khuyết.

Thiên hạ bao la, lịch sử lâu dài, người bị lạnh nhạt đâu chỉ một mình nàng. Trăng rơi góc hiên, mưa hắt hành lang, hoa nở trên cành, bèo dạt dưới nước, rơi vào trong từ của nàng đều có tình cảm phong vận, như khóc như than.

Mãi đến một ngày nọ, nàng tóc mai điểm sương, nhạt hết hoa mai, thờ ơ hồng trần, rời xa hỗn loạn. Bóng dáng cô đơn, không ai hỏi han, song vẫn có một cây bút có thể hiệu lệnh trắng hoa, sai khiến sông núi, sắp xếp người và việc.

Ngàn năm thắm thoát trôi qua, hương thơm của từ được niêm phong cất vào kho thời gian vẫn ngào ngạt không tan. Tôi và nàng tuy cách nhau biển cả nhưng lại cảm thấy gần gũi, tâm ý này rốt cuộc thật khó tả.

Tất nhiên là nàng đã theo nước chảy gió ngàn nhẹ nhàng đi xa, chẳng thấy tung tích đâu nữa. Hoặc quần quanh bên đá Tam Sinh, đợi chờ tình duyên kiếp sau. Hoặc nường nấu nơi cõi hồng trần, làm một cây hoa ở nhà dân thường, tu luyện lịch kiếp.

Khói bếp bảng lảng, mọi thứ rõ ràng, trong con ngõ nhân gian vẫn thoảng hương hoa mai, rộn tiếng nói cười vui vẻ. Thế giới của tôi giống như một quyển từ cũ, không tô son điểm phấn mà đẹp tự nhiên.

³ Trích bài *Chuyển điệu Mãn đình phương* của Lý Thanh Chiếu.

⁴ Trích bài *Thanh thanh mạn* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Trong sách chúng tôi xin mạn phép sử dụng bản dịch thơ, từ của một số dịch giả, có ghi chú đầy đủ.

Tôi có thể hưởng thụ phú quý vinh hoa, cũng có thể an cư nơi lầu tranh phủ tuyết, giữa trần thế, tránh được mưa gió là chỗ tốt rồi. Ngàn năm vạn năm, phong cảnh như tranh, ý vị vô cùng, thú gần gũi với tôi chỉ là hiện tại. Lý tưởng cao xa hay tình cảm đôi lứa đều trang trọng cả.

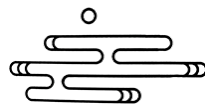
"*Lúc nhận bay về, nguyệt rọi tây lâu!*"⁵ Câu ấy miêu tả không khí mừng vui, cũng là cảnh sắc tươi đẹp.

Bạch Lạc Mai
Tháng Mười một âm lịch năm Mậu Tuất,
ở sơn trang Lạc Mai

⁵ Trích bài *Nhất tiến mai* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Thơ
có
câu
hay
khiến
người
sợ¹

¹ Trích bài *Ngư gia ngạo* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.



"*Hoa rụng rơi bởi nước chảy mau, một mối tương tư, hai chốn ưu sầu.*"¹

Có lẽ câu của gió thu, từ của tương tư đã được người thời Tống viết hết từ lâu. Sau này, lời văn thanh nhã, tình cảm dịu dàng, tâm sự cô liêu cách mấy đều chẳng sánh bằng đôi câu vài lời thuở ấy. Dù là hoa thông ủ rượu, lửa củi đun trà, lầu nhỏ nghe mưa, thuyền lan ngược dòng cũng bớt đi đôi chút nhu tình, mấy phần khí độ, mấy phần hàm ý.

Tôi từng nói, thời Tống là thời đại dùng một bài từ đổi một bình rượu, cũng là thời đại có thể dùng một quyển từ đổi một thành trì. Đế vương thời Tống biết viết thể chữ Sáu Kim, giỏi vẽ tranh hoa điểu. Ở nơi ngõ sâu hoặc lầu Tần quán Sở, người dân thời Tống đều vui vẻ khoan khoái, ngẫu hứng điền từ.

Thành Biện Kinh cũng từng có cảnh tượng phồn thịnh, bao hàm thế thái muôn hình vạn trạng, tập hợp những điều kỳ lạ trên đời. Mưa đêm ao Kim, trăng sáng cầu Châu, tuyết tạnh vườn Lương, tiếng thu sông Biện, liễu khói đê Tùy, chuông sương Tướng Quốc², hết thảy những phong cảnh này tồn tại trong lịch sử, đi qua nhân thế dọc ngang, duyên dáng ngàn năm. Đến nay được nhắc tới vẫn xinh đẹp quyến rũ, nhàn nhã thướt tha.

Nơi đây không thiếu xe đẹp ngựa quý, tài tử giai nhân. Nơi đây vô số châu ngọc trân ngoạn, từ khách đa tình. Có người nói: "*Đời người đều vương vấn tình si, hận ấy chẳng liên quan trăng gió.*"³ Có người ngâm: "*Tương tư gửi gắm bốn dây đàn, lúc đó*

¹ Trích bài *Nhất tiễn mai* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

² Đây là sáu trong tám cảnh đẹp của Biện Kinh. Ao Kim tức ao Kim Minh, một vườn cảnh hoàng gia nổi tiếng thời Bắc Tống. Cầu Châu tức cầu Biện Châu, một cây cầu cổ trên sông Biện. Vườn Lương: một vườn cảnh có từ thời Tây Hán. Sông Biện: một nhánh của sông Tú, bắt nguồn từ phía Tây Bắc Biện Kinh. Đê Tùy: một con đê cổ trên sông Biện, trồng nhiều liễu, tơ liễu như khói. Tướng Quốc tức chùa Đại Tướng Quốc, trong chùa có chiếc chuông đồng lớn.

³ Trích bài *Ngọc lâu xuân* của Âu Dương Tu.

trắng sáng tỏ, từng soi áng mây ngàn.⁴ Có người bảo: "Tháng năm thực dễ bỏ rơi người. Đào chín đỏ ối, chuối trở xanh tươi."⁵

Nước đầy thì tràn, thịnh cực tất suy. Đế vương thời Tống có thể để mất Biện Kinh, giữ nửa mảnh giang sơn ở Giang Nam, mãi mê hiện tại, chẳng cần tương lai. Văn nhân mặc khách thời Tống cũng có thể vứt bỏ phần hoa, tránh xa khói lửa, ở nơi cửa sài sơn vắng, ôm mấy quyển từ, sống những năm tháng hoang hoải cuối đời.

Có người than rằng: "Trời xa đất cách, muốn núi ngàn sông, nào biết cố cung đâu chú? Há chẳng đau buồn, chỉ trong mộng đôi khi về đó. Không cứ, giờ mộng寐 cũng không thấy nữa."⁶ Có người viết rằng: "Bao giờ trở về, làm một kẻ nhàn. Với một áng mây, một bình rượu, một cây đàn."⁷

Đó chính là từ khách, phóng khoáng tự nhiên, song cũng có lúc cụt hứng uể oải. Khi hào hứng thì mang theo một quyển từ mới ruỗi ngựa trên phố dài Biện Kinh, ngồi quanh lò uống rượu, sáng khoái thoải mái; lúc chán nản thì học theo Đào Tiềm thời Tấn, từ quan quy ẩn núi Nam, điền đàm thanh thảo.

Có một người con gái như thế, từ của nàng vang danh cả thời Tống. Sự xuất hiện của nàng giống một mùa hoa nở vô cùng rực rỡ, không tàn không rụng. Sau này, biết bao giai nhân bước vào văn đàn, thử để lại vài bài từ uyển ước song đều không thể sánh bằng, cũng không thể so bì.

Trên thế gian có vô vàn cô gái, nhưng chỉ có một Lý Thanh Chiếu mà thôi. Nàng hiệu là Di An cư sĩ, được người đời tôn xưng là "thiên cổ đệ nhất tài nữ". Có câu hư danh như khói, lãng phí trăm năm chẳng bằng quý trọng một quãng thời gian ngắn ngủi. Người con gái như thế được niêm phong trong quyển từ, cao quý tao nhã mà cũng cô đơn.

Tâm sự thiếu nữ của nàng không tỏ cùng ai, rơi vào câu chữ, làm kinh động cả thời gian. Nàng thích rượu, say rồi ngắm mưa bay gió thoảng, cuốn rèm hỏi han, chỉ đáp hải đường như cũ; cũng thích ngồi thuyền hái sen, lạc vào giữa vạt hoa, làm bấy cò trên bãi hoảng sợ vút bay; hoặc tựa cửa ngoảnh đầu, thẹn thùng e lệ, lại ngửi nhánh mai xanh.

⁴ Trích bài *Lâm giang tiên* của Ân Kỷ Đạo.

⁵ Trích bài *Nhất tiễn mai* của Tưởng Tiệp.

⁶ Trích bài *Yến sơn đình* của Triệu Cát (Tống Huy Tông), bản dịch của Châu Hải Đường.

⁷ Trích bài *Hành hương tử* của Tô Thức.

Phàm là phái nữ đều là một gốc cây cỏ, mộc mạc, tươi mát, cũng đẹp dễ dịu dàng. Mỗi triều đại đều có nhiều cô gái kinh diễm tuyệt thế, hoặc được người đời sau tôn sùng ca ngợi, để tiếng ngàn thu, hoặc ẩn nơi thâm khuê, chẳng ai hay biết. Nơi họ ở thoang thoảng hương thơm, khiến người ta như nếm chén trà mới buổi đầu xuân, chỉ thấy hiền hòa mềm mại, yên tĩnh thanh bình.

Trong *Kinh Thi* có nàng Trang Khương miệng cười duyên dáng, mắt đẹp long lanh. Trong *Sở từ* có hương thảo mỹ nhân mình khoác thạch lan, eo buộc đồ hạnh. Thời Hán có Trác Văn Quân, thời Tấn có Tạ Đạo Uẩn, thời Đường có Tiết Đào, thời Tống thì có Lý Thanh Chiếu. Hồng nhan tài nữ sau này như cây hoa giữa rừng, lênh đênh cõi đời, âm thầm lặng lẽ.

Chỉ có nàng khác biệt, dung nhan thanh khiết, vàng vạc tựa trăng; âm thanh ngân xưa, miên man không dứt. Mà có lẽ tất cả những điều tốt đẹp như ảo cảnh này không phải tâm nguyện của nàng. Nàng chỉ muốn ở lại Biện Kinh gấm vóc, cùng chồng là Triệu Minh Thành mãi mê sưu tầm kim thạch thư họa; hoặc ẩn cư ở Quy Lai đường, vợ chồng hòa hợp, tình cảm mặn nồng.

Số phận đối đãi với nàng nhân từ yêu mến hơn hẳn người bình thường. Lý Thanh Chiếu là dòng dõi thư hương, cha nàng Ly Cách Phi là Tiến sĩ, học trò của Tô Thức, thích lưu trữ sách, giỏi thơ văn. Nàng bản tính thông minh nhanh nhẹn, cộng thêm được sách vở hun đúc lâu ngày nên càng hiểu biết hơn người, "từ thời niên thiếu đã có tiếng thơ hay, văn chương hoa mỹ, gần bằng các bậc tiền bối".

Bảy tuổi, Lý Thanh Chiếu theo cha đến cư ngụ ở Biện Kinh. Phồn hoa chốn đô thành và cuộc sống tao nhã khiến thời thiếu nữ của nàng an nhàn vô tư. Chính vì thời Tống non nước trong trẻo, vui với hiện tại nên nàng mới có nhiều bài từ du dương tươi đẹp.

Duyên phận vốn có thể gặp chứ chẳng thể cầu lại khá ưu ái nàng khi còn trẻ. Chuyện tốt đẹp trên đời không gì ngoài anh hùng gặp gỡ mỹ nhân, tài tử có giai nhân bầu bạn. Nàng là nữ tử nhân, gặp được Triệu Minh Thành là may mắn và phúc báo cả đời của đôi bên.

Chàng biết nàng đáng về đa tình, tâm sự uyển chuyển. Chàng yêu nàng dung mạo như hoa, tài hoa tuyệt thế. Còn nàng cũng mến chàng nho nhã tuấn tú, học rộng hiểu nhiều. Chàng thích thu thập kim thạch thư họa đến gần như si mê, nàng vì chàng đem cầm thoa châu, cùng nhau đọc sách.

Nàng sớm dậy lười trang điểm, chàng vẽ mày cho nàng, đậm nhạt vừa phải. Nàng nửa đêm khêu đèn uống rượu, say rồi lật đọc kinh sử, vẽ tranh diên từ với chàng. Cuộc sống an nhàn như thế kéo dài vài năm, tuy có sóng gió, gặp tai nạn, song rốt cuộc vợ chồng gắn bó, tình cảm bền chặt.

Lý Thanh Chiếu viết trong *Lời tựa để sau Kim thạch lục*: "Tôi vốn có trí nhớ tốt, mỗi khi dùng cơm xong, cùng Minh Thành ngồi trong Quy Lai đường pha trà, chỉ vào sách sử chất đống, nói điển tích nào đó nằm ở dòng thứ mấy trang thứ mấy quyển nào sách nào, lấy việc đoán đúng hay không để phân thắng thua, từ đó quyết định ai được uống trà trước. Người đoán đúng nâng chén cười vang, thường bắt cần làm đổ trà lên vạt áo trước ngực, thế là chẳng uống được ngụm nào."

Nạp Lan Dung Nhược thời Thanh có từ rằng: "*Cực sách tiêu khiển trà thơm hương. Bấy giờ chỉ nói là bình thường.*"⁸ Điều ông nhớ lại cũng là cảm sát hòa hợp, niềm vui thanh nhã kiếp phù du cùng người vợ dấu yêu. Thế gian mộng đẹp dễ tỉnh, tình ái khó dài lâu, cho dù tâm chí không đổi cũng khó tránh khỏi bị số phận trêu ngươi, người và việc vương bận, nên có hợp tan sinh tử. Biết bao tình duyên rồi cũng có lúc tan vỡ, chỉ mong rằng không hối hận.

Lý Thanh Chiếu xứng là nữ trung hào kiệt, tuy nhu mì yếu ớt nhưng không nhường mảy râu. Từ của nàng uyển ước trang nhã, lại không đánh mất phong thái của bậc thầy. Nàng thích rượu, thích đánh bạc, không câu nệ tiểu tiết, khí phách lỗi lạc, xưa nay khó tìm.

Lý Thanh Chiếu viết trong *Lời tựa Đả mã đồ kinh*: "Tôi bản tính thích đánh bạc, hễ đánh bạc là tôi sẽ say mê, mỗi lần đều quên ăn quên ngủ. Hơn nữa tôi đánh bạc cả đời, bất kể nhiều ít, hễ đánh ắt thắng. Chẳng qua là vì tôi biết cách chơi tinh khôn thôi. Từ khi xuôi Nam đến nay, rày đây mai đó, đồ đánh bạc bị mất hết nên ít chơi, nhưng trong lòng tôi thực vẫn ngứa ngáy khó quên."

Chính trị biến động bất ngờ, khiến người ta trở tay không kịp. Từ xưa đến nay, tranh đấu chốn triều đình đã làm bao nhiêu kẻ mê danh lợi mệt mỏi. Anh hùng bá chủ, danh thần lương tướng cuối cùng cũng khó thoát khỏi đấu tranh đảng phái. Kẻ thắng lên mây, kẻ thua xuống bùn.

Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành đi trên con đường đầy gai góc, khó tránh khỏi bị thương. Nàng nén lòng, theo Triệu Minh Thành chuyển mười mấy xe thư họa

⁸ Trích bài *Hoán Khê sa* của Nạp Lan Tính Đức.

về Thanh Châu⁹, ẩn cư Quy Lai đường. Triệu Minh Thành đề *Bài chiếu Dị An cư sĩ ba mươi một tuổi*: "Văn chương thanh lệ, nhân phẩm đoan trang, về đi thôi hê, ẩn dật ở quê. Đầu thu năm Giáp Ngọ Chính Hòa¹⁰, Đức Phủ¹¹ đề tại Quy Lai đường."

Phủ Thừa tướng ở kinh sư ngày xưa có ngói xanh tường đỏ, hoa mai rợp cảnh, cười nói ồn ào. Giờ đây sân nhà cũ kĩ, cành trúc la đà bên cửa sổ, cuộc sống thanh bần như nước, song không đánh mất thú vui phàm trần. Hai vợ chồng đã trải qua một khoảng thời gian yên ổn, làm bạn với bộ sưu tầm bột ăn bột mặc nhiều năm để đổi lấy.

Khổ nổi xã hội rối ren, sợ bóng sợ gió, đâu có sự yên ổn thực sự? Đế vương Đại Tống chưa kịp tỉnh táo khỏi cuộc rượu tàn đêm qua thì đã mất đi nửa mảnh giang sơn. Khói lửa mịt mù, dân chúng lầm than, quân vương bỏ chạy, trăm họ cũng lưu lạc theo. Cả thành Biện Kinh như hoa hải đường rơi rụng, tiêu tụy vô chủ.

Trên đường lánh nạn, núi sông hoang vắng, của nả không thể chở hết, báu vật thuở nào nay thành gánh nặng. Về sau Thanh Châu binh biến, số thư họa sót lại đều bị thiêu hủy, chẳng còn gì nữa.

Non nước phương Nam tuy tình tứ mềm mại nhưng cũng không thể vỗ về con tim lang bạt kỳ hồ. Giang Nam dưới ngòi bút của thi nhân từ khách xưa kia đã bớt đi bao nhiêu trong trẻo phong lưu mà thêm sầu khổ bi thương giữa thời loạn. Về sau Triệu Minh Thành mất, Lý Thanh Chiếu mang theo quyển từ và trái tim sứt mẻ, một mình phiêu bạt nơi đất khách quê người, chán nản bơ vơ.

"Gió lảng hương trần hoa đã hết, dậy muộn chải đầu lười. Vật đổi sao dời mọi việc thôi, chưa nói lệ tuôn rơi."¹² Nếu không trải qua sinh ly tử biệt, từng có kinh hoàng chìm nổi, làm sao hát ra được âm điệu thê lương, ứ đọng như thế.

"Cây ngô đồng gặp mưa bay, buổi hoàng hôn thánh thót giọt nhỏ. Nối tiếp vậy, ghé gắm sao, sầu kia một chữ!"¹³ Sông núi mệnh mông không chịu nổi một đòn, thiên hạ hỗn loạn, đâu là chốn gửi thân. Người con gái trong sáng vui tươi thuở ấy đã bị sầu tư lấp đầy tâm khảm. Nàng gương tám thân gầy yếu, một mình chèo chống con thuyền mong manh, quên mất nơi đến, chẳng biết đường về.

⁹ Nay là vùng Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

¹⁰ Chính Hòa (1111-1118): niên hiệu của Tống Huy Tông.

¹¹ Tên chữ của Triệu Minh Thành.

¹² Trích bài *Vũ Lăng xuân - Vãn xuân* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

¹³ Trích bài *Thanh thanh mạn* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Lý Thanh Chiếu lúc ấy tuy là người đẹp tuổi hoàng hôn, thêm vẻ tang thương man mác, song phong vận không giảm. Nàng mang theo những văn vật mà Triệu Minh Thành để lại, hoảng loạn di chuyển. Trong thời gian đó, đồ sưu tầm vốn đã chẳng nhiều nhận gì bị thất tán mấy lần, sau lại bị kẻ gian ăn trộm nên càng thêm ít ỏi, lẻ tẻ.

Nàng đơn độc trôi dạt đến Lâm An¹⁴, cảnh đẹp nhân gian bên Tây Hồ khiến nàng ai oán, du khách nườm nượp khiến nàng lạc lõng. Kiếp sống lưu vong mù mịt làm nàng cảm thấy mệt mỏi với tất cả, thậm chí mấy lần rơi vào tình cảnh cùng đường bí lối.

Nhưng có một người đàn ông xông vào thế giới của nàng lúc nàng quẫn bách, cho nàng chút hơi ấm, rồi khiến nàng thua không kịp trở tay. Gã tên Trương Nhữ Châu, là một gã đàn ông bình thường trong thế giới rộng lớn thời Tống. Gã lấy làm vinh dự bởi cưới được tài nữ đứng đầu thiên hạ, còn nàng lại thấy nhục nhã vì đã gả cho một tên tiểu nhân gian ác.

Đâu phải nàng không biết rằng trên đời chẳng còn nam tử tâm đầu ý hợp với nàng, cho nàng muôn vàn nuông chiều như Triệu Minh Thành. Nhưng vào lúc yếu đuối, thứ người phụ nữ cần chỉ là một chỗ dựa ấm áp. Nàng ngỡ rằng mình có thể yên ổn sống hết kiếp này với gã đàn ông bình thường ấy. Nàng đã nhầm.

Nếu không có Lý Thanh Chiếu, người đời hoàn toàn không nhớ có một kẻ như Trương Nhữ Châu. Gã đối xử tốt với nàng là vì ham mê tài danh vang dội của nàng, hơn nữa là nhòm ngó những đồ sưu tầm quý hiếm của nàng. Sau khi kết hôn, gã nhận ra kim thạch thư họa của Lý Thanh Chiếu chẳng còn lại bao nhiêu, có tiếng mà không có miếng nên thất vọng náo nức, rồi lạnh nhạt sỉ nhục, mắng nhiếc đánh đập nàng.

Gã là tai họa, là kiếp nạn, càng là nỗi nhục của nàng. Lý Thanh Chiếu đã gặp nhiều bão táp, chịu đủ giày vò, tuy lấy nhầm kẻ thô lỗ nhưng cũng không chịu nhịn nhục cầu toàn. Tài nữ một thời dù như nhành cỏ bồ cũng có sự cao ngạo dẻo dai. Nàng thà rằng mình rơi vào lao ngục cũng phải đổi lấy tự do cuối đời.

Tai nạn này rốt cuộc cũng qua đi, ngăn ngui mà cay đắng. Nhất thời, lần tái giá đầy sóng gió của nàng đã khơi lên những lời ong tiếng ve khắp thành Lâm An. Nhưng trần thế muôn vẻ, hoặc vinh hoặc nhục, hoặc thành hoặc bại, rồi sẽ tiêu tan. Sự xuất hiện của Trương Nhữ Châu khiến những năm về già vốn đã thê lương thống khổ của Lý Thanh Chiếu càng thêm bi ai. Có lẽ đời người vì có hối hận, có tiếc nuối nên mới chân thực hơn chẳng.

¹⁴ Đô thành của vương triều Nam Tống. Nay là thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Yêu là trăng tròn, hận là trăng khuyết. Hoa nở là vui, hoa tàn là buồn. Nàng yêu vạn vật nhân gian, hữu tình hay vô tình, với nàng cũng chỉ là một vùng phong cảnh, mấy đoạn tâm sự. Vinh hoa phú quý mà số phận cho nàng nhiều hơn hẳn tai họa tổn thương.

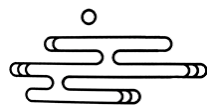
Ngàn cánh bướm qua hết, vạn sự như hạt bụi, nhỏ bé không đáng kể. Tuổi xế chiều của Lý Thanh Chiêu tuy đau khổ bơ vơ nhưng không hề vì thế mà ý chí sa sút. Bà cầm bút vẩy mực, tô điểm non sông, tựa bàn khêu đèn, viết về chuyện đời.

Bà lẻ loi hiu quạnh, một mình sống đến khi mái tóc bạc phơ, buồn vui đều chẳng liên quan đến bản thân nữa. Một bà cụ không có bạn đời bên cạnh, không có con cái tựa nương, chỉ có mấy quyển từ cùng bà trải qua vô số buổi hoàng hôn mưa bụi và đêm trường lạnh lẽo.

*"Thêm sợ ly mong biệt khổ, có lắm việc muốn nói lại rầu."*¹⁵ Nhân gian biến đổi khôn lường, không kể hết sinh ly tử biệt, cũng không thuật hết chuyện biến biếc hóa nương dâu. Tôi mong rằng lòng này trong vắt như trà, không bị ảnh hưởng bởi vật chuyển sao dời, viết về bậc tài nữ trong lòng người đời, Dị An trong mắt tôi, Lý Thanh Chiêu thời Tống.

Hoàng hôn lặng lẽ buông xuống, lầu gác đèn đuốc chập chờn, câu chuyện của nàng mới vừa trình diễn. Sớm mai, nơi gió thu lướt qua, mây trôi khắp trời kia lại không biết nên tụ hay tan, là đi hay ở.

¹⁵ Trích bài Phụng hoàng đài thượng ức xuy tiêu của Lý Thanh Chiêu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.



Vạn vật chung sống bình yên vô sự, không gây thêm rắc rối, mà rớt cuộc đều có nơi gửi gắm. Năm này sang năm khác, trần duyên đến rồi đi, ngay cả thời gian trôi qua, triều đại đổi thay đều chỉ xem là bình thường. Nơi có người chính là giang hồ. Mọi thứ cõi trần đều là phong cảnh.

Đời người như câu đố, rắc rối phức tạp, chỉ có đi đến cuối cùng mới biết đáp án. Lịch sử lâu dài, nhân vật ngàn xưa là chân thực, cũng là mộng ảo. Từ xưa danh tướng mỹ nhân được đời sau truyền tụng, song họ cũng giống như chúng ta, đi qua khoảng trời này, chung quy chỉ là người phàm. Tên tuổi ngàn năm, câu chuyện ngàn năm, rơi xuống nhân gian, chớp mắt đã như hạt bụi.

Ký ức liên quan đến thời Tống mờ nhạt mà lại rõ ràng, tôi chỉ có thể suy đoán quá khứ của họ trong thơ văn uyển chuyển hàm súc. Nhưng việc người vốn là như thế, hoặc đẹp đẽ, hoặc buồn bã, hoặc lộng lẫy, hoặc bi tráng, có hưng có vong có sinh có tử.

Con người ta không thể tự làm chủ việc mình sinh ra vào triều đại nào. Tôi vốn tình sâu, hiềm nỗi duyên mỏng. Mọi thứ của hiện tại xa lạ với tôi, nhưng không thể vứt bỏ chút nào. Lý Thanh Chiếu sinh vào thời Tống, nên nàng may mắn có thể ngâm thơ điền từ. Chỉ thời Tống có thể dung nạp tình ý, bồi dưỡng tâm hồn, vun đắp tài học của nàng.

Năm Nguyên Phong thứ bảy thời Tống Thần Tông (1084). Bấy giờ đương độ tháng Ba, nhân gian xuân ấm, đào đỏ liễu xanh, vô cùng thú vị. Lý Thanh Chiếu sinh ở Chương Khâu, Tế Nam, Sơn Đông. Sự chào đời của tài nữ một thời chẳng có gì khác với người thường, nàng đến với cõi đời này, chưa từng thay đổi lịch sử non sông, cũng không thể kinh động một gốc cây ngọn cỏ.

Tế Nam được gọi là Tuyên Thành, tuy không sánh bằng vẻ dịu dàng tú lệ, phong lưu đa tình của Giang Nam, song cũng có hồ Đại Minh "bốn mặt hoa sen ba mặt liễu, một thành cảnh núi nửa thành hồ". Sự ra đời của con người tự có nguyên nhân, bất kể Tái Bắc Giang Nam, giàu nghèo sang hèn đều có an bài từ sớm.

Lúc đó cảnh xuân tươi đẹp, người đi đường đông như mắc cửi. Vạn vật thức tỉnh, bắt đầu vòng luân hồi của sinh mệnh, hoa nở hoa tàn, muôn hình muôn vẻ. Phố

phường phồn hoa, nhộn nhịp náo nhiệt, phần nhiều bôn ba vì danh lợi, hoặc chỉ để sống giản đơn.

Triều Tống là đất nước của từ. Dường như bất kể đi tới đâu cũng gặp được tài tử văn chương phong lưu, giai nhân uyển chuyển thanh lệ. Bây giờ, ta chỉ cảm thấy gió xuân nước thu đều có ngôn ngữ, trăng sáng sơn khê đều hiểu vần điệu.

Có lẽ chỉ câu chữ mới có thể cho người ta sự yên tĩnh, thông suốt và từ bi. Cho dù khi Lý Thanh Chiếu sinh ra, phồn hoa của Bắc Tống ngày càng tiêu tan nhưng quang cảnh tươi sáng ấy vẫn quanh quẩn, lưu luyến chưa đi.

Nàng đến nhân gian, chỉ là thêm sắc màu cho bầu trời sao Đại Tống sắp sửa lu mờ. Thời gian mệnh mang, cho dù thời bình hay thời loạn đều khó được mọi sự như ý. Nếu may mắn thì xem là phúc báo của kiếp này, nếu bất hạnh cũng nên tha thứ cho những gì mình gặp phải.

Lý Thanh Chiếu may mắn sinh vào vương triều Đại Tống, dòng dõi thư hương. Cha nàng Lý Cách Phi là tài tử đọc nhiều thi thư, tinh thông Nho học, Tiến sĩ xuất thân, được đại văn hào Tô Thức khen ngợi, trở thành một trong "Tô môn hậu tứ học sĩ"¹, làm quan đến chức Viên ngoại lang Bộ Lễ.

Lý Cách Phi thích lưu trữ sách, giỏi thơ văn, cũng là nhà văn học thời Bắc Tống. *Tống sử - Nghệ văn chí chép*, Lý Cách Phi có mười sáu quyển *Lễ ký tinh nghĩa*, năm quyển *Sử truyện biện chí*, một quyển *Lạc Dương danh viên ký*, một quyển *Vĩnh Lạc thành ký*.

Lý Cách Phi không những tài học xuất chúng mà còn là một quân tử có khí tiết, có phong độ. Tính ông cương trực không a dua nịnh bợ, căm ghét cái ác. Cả đời Đông Pha cư sĩ quang minh lỗi lạc, hào phóng không chịu gò bó, mà Lý Cách Phi cũng thêm niềm phong thái siêu nhiên, lòng dạ rộng rãi ấy.

Từ xưa văn nhân cô độc ngạo đời, tuy có lòng công danh, bước lên con đường làm quan nhưng sao chịu nổi tranh đấu hiểm ác chốn quan trường. Họ chìm nổi giữa quan trường, trải hết bể dâu. Nhiều văn nhân mặc khách chán nản vứt bỏ hư danh, ẩn dật núi rừng, song cuối cùng khó thoát lưới trăn.

Tô Đông Pha tài hoa tột bậc, khí độ rộng rãi như thế cũng nhiều phen lận đận chốn quan trường, như lữ khách thăm mệt nơi chân trời, đi đến độ chồn chân mỏi gối. Lý

¹ Gồm Lý Cách Phi, Liêu Chính Nhất, Lý Hi, Đồng Vinh.

Cách Phi cũng không thể may mắn thoát khỏi, nhưng ông giữ vững lập trường trên triều, không muốn tham gia đấu tranh đảng phái, cố gắng là chính mình.

Mẹ ruột của Lý Thanh Chiếu mất sớm. Lý Cách Phi lại lấy Vương thị - cháu gái của Trạng nguyên Vương Cung Thần, bà có kiến thức hiểu lễ nghĩa, tính tình ôn hòa, thơ văn thanh nhã. *Tống sử* viết về Lý Cách Phi: "Vợ là Vương thị, cháu gái Cung Thần, cũng giỏi văn."

Một người phụ nữ được viết vào sách sử như vậy hẳn có chỗ xuất chúng. Nhưng bà chỉ là một gốc cây cỏ bé nhỏ không đáng kể trong thế giới rộng lớn, sự tồn tại của bà là để làm nền cho người khác, hiếm có ghi chép liên quan đến bà.

Vương thị xem Thanh Chiếu như con đẻ, hết lòng chăm nom cái ăn cái mặc, khiến thời thơ ấu của nàng không phải chịu gió mưa. Tình thương vô tư của bà ấm áp như gió xuân, khiến Lý Thanh Chiếu có thêm vài phần được cưng chiều và tùy hứng hơn con gái gia đình bình thường.

Cha kiến thức uyên bác, mẹ khí chất dịu hiền, là ân huệ lớn nhất mà cuộc đời ban cho Lý Thanh Chiếu. Sóng gió trong triều, cây hoa trong sân cho đến hương sách, hương trà khắp nhà đều hun đúc nàng, khiến nàng nảy sinh sự yêu thích với văn chương.

Tạo hóa thần kỳ, với người với vật đều có thiên cơ, không thể nói ra, lại tự thành cảnh giới. Thời thơ ấu đẹp đẽ mà lâu dài, không nhuộm phiền não. Ở nơi sâu sâu giữa phố thị, không lo cơm áo, cách xa náo loạn, buồn phiền cũng chẳng tiếp cận nàng được.

Lúc đó, cha làm quan ở kinh thành, mẹ săn sóc nàng chu đáo mọi bề. Non nước cỏ cây trong mắt Lý Thanh Chiếu có linh hồn có tình cảm, có thể viết thành thơ vẽ thành tranh. Từ bé nàng nhìn nhận sự vật đã không giống với người khác, tâm sự nữ nhi lãng mạn vô biên.

Vương thị dạy nàng biết chữ đọc sách, cũng dạy nàng nữ công. Người con gái có đức hạnh thời xưa không tùy tiện ra khỏi cửa, càng không khen chê người khác. Mẹ đoan trang khoan thai như nhân vật trong tranh; hiền dịu điềm tĩnh chẳng khác nào bà tiên, đã cho nàng cuộc sống yên ả.

Lý Thanh Chiếu nói với mẹ rằng nàng thích sách vở bút mực chứ không thích nữ công. Nàng thích bằng bằng trắc trắc trong thơ từ, không thích lễ nghi rườm rà của thế tục. Đối với tất cả những chuyện này, Vương thị không mấy may cưỡng ép mà luôn

vô cùng nuông chiều nàng. Gia đình này từ đầu chí cuối chưa từng ràng buộc nàng, dạy bảo nàng cũng tự nhiên tùy tâm, hợp tình hợp lý.

Lý Thanh Chiếu thông minh khác thường, khí chất thanh cao nên được Lý Cách Phi biệt đãi. Ông biết khuê phòng nhỏ nhỏ không nhốt nổi cô con gái đầy khí chất sách vở này. Thế giới của nàng nên có một vùng trời đất hồn nhiên, buông thả tự do, ấy là sự nhân từ và yêu thương dành cho nàng.

Năm mười mấy tuổi, Lý Thanh Chiếu thanh mảnh duyên dáng, yếu điệu xinh đẹp, tâm tư dịu dàng, khí chất thi nhân. Độ tuổi ấy như hoa nở trước sân, không cần trang điểm cũng có thể làm non nước rung động. Nàng dáng vẻ thướt tha, như liễu vờn theo gió trước họa sảo, dung nhan thoát tục càng như sen mới nở khi mưa tạnh, đẹp không sao tả xiết.

Cũng phải, tài nữ một thời, người phàm dù tu hành ngàn năm cũng không có được thần vận ấy. Nàng đọc kinh sử tử tập², giỏi thơ từ ca phú, thạo cầm kỳ thư họa, từng lời nói cử chỉ, từng nụ cười hay cái cau mày đều tuyệt diệu.

Lý Cách Phi từng vô cùng kiêu hãnh nhắc đến với bạn về tài hoa của con gái Lý Thanh Chiếu. Có người dẫn lời khen ngợi: "Trung lang có con gái có thể nổi nghiệp." Đối với Lý Cách Phi, may mắn trong đời không phải công danh lợi lộc mà là có một cô con gái rượu như thế.

Đỗ Lệ Nương trong *Mẫu đơn đình* dạo vườn, hát rằng: "Mộng về oanh hót, khắp nơi xuân thấm màu. Riêng ta đứng giữa sân sâu." Nàng là cô gái thời xưa, giữ nề nếp cũ, suốt bao năm tháng, những thứ thưởng ngoạn chỉ là mảnh sân và lầu gác nhà mình.

Nhưng Lý Thanh Chiếu thì khác, nàng có thể gác lại nữ công, uống rượu đọc sách, thậm chí có thể ra khỏi khuê phòng, ngắm trường đình giữa mưa khói và hoàng hôn trên hồ ven núi. Thế giới của nàng bao la như trời đất, náo nhiệt thú vị, thênh thang thoáng đãng; chí khí của nàng càng như đào mận nở rộ trong gió xuân, hào phóng lạc quan.

Giống như nhiều văn nhân, Lý Thanh Chiếu thích rượu mê trà. Từ của nàng không thể rời rượu, mà mỗi lần uống rượu nàng đều không chịu uống ít, phải say mới thôi. Say rồi văn chương bay bổng, vạn vật đi vào trong từ, hòa quyện với tình cảm, trở thành thiên cổ tuyệt xướng.

² Cách phân loại sách vở thời xưa của Trung Quốc, chia tất cả sách vở làm bốn loại lớn là kinh, sử, tử, tập. Kinh bao gồm kinh điển Nho gia. Sử bao gồm các loại sách lịch sử, kể cả sách địa lý. Tử bao gồm các tác phẩm của Bách gia chư tử. Tập bao gồm thơ, văn, từ, phú...

Nàng thà rằng hái hoa ử rượu, cũng không chịu lãng phí vài canh giờ thêm một đóa sen tịnh đế, vài con uyên ương giỡn nước. Thơ từ là bầu bạn linh hồn, trà rượu là hồng phần tri kỷ, cả hai như trăng thanh gió mát, nương tựa gắn bó, không thể thiếu được.

Rượu của thi nhân có mấy phần hào khí phóng khoáng; rượu của từ khách thì thêm man mác sầu tư. Thời Đường có Lý Bạch đầu rượu làm trăm bài thơ, thời Tống thì có Thanh Chiếu không rượu không điền từ được. Nàng bắt đầu uống rượu từ thời thiếu nữ, làm vợ người ta rồi cũng không rời chén rượu, về già cô đơn một mình càng tiếu rượu như mạng.

Nàng dùng chén rượu để đổi lấy kiếp phù du. *"Rượu tàn lại thích hương trà đắng, mộng dứt riêng ưa thụy não hương."*³

*"Ngủ dậy lạnh hơi hơi, hoa tàn trên tóc mai. Cố hương hồn lẻo đèo, quên được trừ say rượu."*⁴ Phiêu bạt giữa biển người, một chén rượu lưng chống đỡ mưa sầu gió thảm trong đời.

"Rượu nhạt uống đôi ba chén, không chống nổi chiều về gió dữ." Từng nói sẽ nắm tay hẹn ước bên nhau đến già, mà nay chỉ có thể hoài niệm tình cảnh năm xưa sau khi uống say, như sương cũng như chớp.

Chim nhận bay xa, muôn vàn tâm sự như cánh xuân, chẳng ai cất giữ. Lý Thanh Chiếu xem uống rượu, đánh bạc là trò chơi khuê các. Sau này, nàng lấy Triệu Minh Thành, cuộc đời càng thêm nhiều màu nhiều vẻ. Tính cách khoáng đạt không chịu ràng buộc và tâm tư ngây thơ hồn nhiên của nàng đã tạo nên tài hoa khiến người đời ngợi ca ngưỡng mộ.

Năm tháng trong tù, một khắc đáng giá ngàn vàng. Tình ý thiếu nữ vốn là thơ, nàng chưa từng tưởng tượng trong tương lai sẽ có cuộc gặp gỡ thế nào, càng không sợ hãi lo lắng, chỉ yên vui với hiện tại, sống đây thi vị. Uống rượu tự tiêu khiển, hoặc ra ngoài dạo chơi cũng rất tự nhiên, không hề có vẻ làm bộ làm tịch.

Nàng không bị trói buộc bởi những luật lệ của phụ nữ kiểu cũ. Người đi đường vội vã đều lướt qua bên cạnh, nàng chẳng một lần ngoảnh nhìn. Nàng chỉ đem lòng cảm mến gió thoảng mái đình, mây buổi hoàng hôn, sen trong ao đầm, cò trên mặt nước.

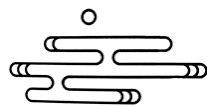
³ Trích bài *Giá cô thiên* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

⁴ Trích bài *Bồ tát man* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí viễn.

Đối với cuộc đời, tôi luôn có quá nhiều điều lưỡng lự không chắc chắn, đối với mọi chuyện quá khứ, lại có quá nhiều nỗi tiếc nuối áy náy. Nhưng nàng thì không, nàng thản nhiên thuận theo số phận, lại có thể làm theo ý mình, nàng là vai chính của cuộc đời mình, và thiết tha với nó.

"*Trời lặn vàng nung, mây chiều ngọc ghép, nơi đâu người ở?*⁵" Nàng ngồi thuyền mà đến, mang theo đôi phần men say, hoa sen đang xa kia có một sắc thái trang nghiêm lánh đời không thể miêu tả bằng ngôn từ. Giống như nàng, đẹp vô ngần, đã cách ngàn năm mà vẫn phảng phất hương thơm.

⁵ Trích bài *Vĩnh ngộ lạc* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.



Đông Pha có từ rằng: "Sông lớn về đông, sóng cuốn hết nhân vật phong lưu muôn thuở... Non sông như vẽ, một thời biết bao hào kiệt... Đời người như mộng, một chén mời trăng trên sông."¹ Ông viết về dòng sông cuốn cuộn, người và việc ngàn xưa với tình cảm hoài cổ, tâm hồn khoáng đạt. Nhưng ông lại không biết rằng mình cũng đã trở thành nhân vật phong lưu, bị sóng lớn cuốn đi.

Thời gian sâu xa, khiến nhiều chuyện trong quá khứ thật thành giả, giả thành thật. Đứng trước lịch sử, con người nhỏ bé như hạt bụi, đương nhiên nên khiêm tốn im lặng, không giữ khúc mắc.

Có điều, phồn hoa bao đời, muôn vàn phong cảnh không khiến tôi cảm thấy yên ổn bằng một giỏ cơm, một gáo nước. Hoàng hôn Trường Giang, sương chiều khói bếp, sơn hà từng là của ai, từng có nhân vật thế nào, tôi đều không để tâm. Thành phố tôi đang ở, Lý Thanh Chiếu từng đến hay chưa, cũng chẳng liên quan đến tôi.

Thời Tống đã quá xa xưa, núi sông cách trở, mờ nhạt không rõ. Dõi mắt trông vời, trời quang trăng sáng, không gì che khuất. May thay, để lại trên đời còn có sách sử, có Tống từ, có những giai thoại tình yêu dịu dàng khắc cốt ghi tâm.

Đêm đông ấy, Lý Thanh Chiếu thu xếp hành lý dưới ánh nến, chuẩn bị cho chuyến đi xa đầu tiên trong đời. Thứ nàng mang theo bên người không phải váy áo đẹp, cũng không phải son phấn, mà là thật nhiều sách vở tranh chữ.

Tuyết đầu mùa đè cong cành trúc, hoa mai in bóng khung cửa sổ, hết thấy tĩnh vật đều là tình thơ, đều có ý từ. Ngôi nhà này tuy không rộng lớn xa hoa nhưng xinh xắn trang nhã, đã bầu bạn cùng nàng suốt mấy năm. Ở đây, niềm vui nhiều hơn nỗi buồn, náo nhiệt nhiều hơn tịch mịch.

Ngày mai, nàng sẽ đi Biện Kinh, đô thành xa lạ mà tráng lệ ấy. Nàng từng đọc trong sách, cũng từng nghe cha kể thường ngày, song chưa từng thấy bộ mặt thật của nó.

¹ Trích bài *Niệm nô kiều* - *Xích Bích hoài cổ* của Tô Thức.

Mùa đông năm Nguyên Hựu² thứ tư (1089), Lý Thanh Chiếu lên đường đến kinh thành, lội suối trèo đèo, trời đất băng giá, cây cối xác xơ. Chỗ cầu gãy ven đường dịch trạm, có người vội vàng qua lại, có mai đại lặng lẽ bung nở. Trong nhiều ngày, nàng vượt qua tuyết rơi lả tả và gió táp sương sa, đến được Biện Kinh (nay là thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc). Khai Phong, nước Ngụy thời Chiến Quốc, Hậu Lương, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu thời Ngũ Đại, nhà Tống, nhà Kim đều từng đóng đô ở đây, được gọi là "cố đô của bảy triều đại".

Tòa thành nổi tiếng này vào thời Tống được gọi là Biện Kinh, có thể nói là đứng đầu thiên hạ. Có câu: *"Biện Kinh tráng lệ thiên hạ hiếm"*. Bức *Thanh minh thượng hạ đồ* lừng danh trong lịch sử miêu tả cảnh phồn thịnh của Biện Kinh thời ấy.

Thành Biện Kinh quả là danh bất hư truyền, độc nhất vô nhị. Đường ngựa ngựa quý, ruộng cật chạm trổ, vàng ngọc báu vật đến từ khắp nơi. Dù là ngày đông tuyết lạnh cũng không che lấp nổi đầy rẫy phồn hoa.

Đông Kinh mộng hoa lục kể lại sự phồn thịnh năm xưa của Đông Kinh Khai Phong phủ - đô thành thời Bắc Tống. Lời tựa viết rằng: "... Vừa gặp lúc sống dưới chân thiên tử. Thái bình lâu ngày, trong kinh thành dân số đông đúc, sản vật phong phú. Trẻ con tóc để chỏm chỉ mãi vui đùa; người già hai mái hoa râu chưa từng trải qua chiến tranh. Lễ hội nối tiếp nhau với đủ thứ để thưởng thức. Nguyên tiêu thả đèn, Trung thu trăng tỏ, lúc tuyết lạnh rơi, khi trăm hoa nở, Thất tịch khát xảo, Trùng cửu lên cao, thao luyện trên hồ Kim Minh, du ngoạn ở vườn Quỳnh Lâm, ngược mắt nhìn, khắp nơi là nhà cửa lộng lẫy, màn gấm rèm châu. Hương xa san sát ven đường, tuần mã tung vó trên phố, vàng ngọc chói lọi, lụa là thoảng hương. Thanh lâu kỹ viện giòn giã tiếng nói cười; trà quán tửu điểm rộn ràng khúc đàn sáo. Người các châu quận tụ tập cả về đây, sứ giả các nước đều thăm viếng giao hảo. Tập trung hàng hóa quý hiếm của bốn bể để mua bán ở chợ phiên; gom đủ cao lương mỹ vị của chín châu để ăn uống trên bàn tiệc. Đường sá rợp hoa, trăm họ du xuân thỏa thích; tiêu trống vang trời, mấy nhà đang bày dạ yến. Biểu diễn tài nghệ tinh xảo làm vui tai lạ mắt, cuộc sống hưởng thụ xa xỉ giúp thoải mái tinh thần."

Tiếc rằng tôi sinh vào thời nay, không thể chiêm ngưỡng phong thái của Biện Kinh, ngay cả vách đỏ tường xiêu cũng chẳng còn dấu vết. Quan Hán Khanh thời Nguyên có câu: *"Ta chơi trăng vườn Lương, uống rượu Đông Kinh, ngắm hoa Lạc Dương, vịn liêu Chương Đài."*

² Nguyên Hựu (1086-1094): niên hiệu đầu tiên của Tống Triết Tông.

Chuyện tao nhã của văn nhân trên đời thú vị khôn tả. Thường trăng xem mây, nghe mưa hóng gió, đập tuyết bẻ mai, hơn hẳn theo đuổi danh lợi chốn quan trường. Đạo lý thì ai cũng hiểu, song có mấy ai cam nguyện đam bạc, lặn lội giữ niềm vui thanh nhã?

Xuống xe ngựa, gột rửa cát bụi dặm trường, trong lòng Lý Thanh Chiếu muôn vàn cảm xúc, kinh ngạc trước cảnh tượng diễm lệ mới gặp lần đầu. Nàng thích tòa thành này, yêu dòng sông nhịp cầu, phố phường chợ búa, cũng yêu xe đẹp ngựa quý và dân chúng nơi đây.

Lúc đó, Lý Cách Phi giữ chức Hiệu thư lang, phủ đệ tuy không hào hoa bề thế lắm song rất trang nhã thanh tĩnh. Nhà nhỏ sân sâu, lầu gác hiên tạ, trồng tùng trồng trúc, chứa sách treo tranh, quả là nhà làm quan, dòng dõi thư hương.

Ở đây, ông đã viết áng văn để đời *Lạc Dương danh viên ký*. *Trống sử - Lý Cách Phi* truyện nói: "Từng viết *Lạc Dương danh viên ký*, kể về thịnh suy của Lạc Dương, cũng là điềm thái bình và loạn lạc của thiên hạ. Về sau Lạc Dương rơi vào tay giặc Kim, người ta cho là lời tiên tri."

Cũng ở đây, hằng ngày Lý Thanh Chiếu ngồi trong sân pha trà ngắm cảnh, thông dong điền từ. Danh tiếng tài nữ của nàng, sân nhà nho nhỏ tĩnh mịch này đâu thể nổi. Thiên hạ nhộn nhịp, náo nhiệt như thế. Ngoài tường rào, loáng thoáng nghe thấy tiếng lao xao từ phố chợ, làm sao cho phép nàng một mình buồn tẻ.

Trăm năm ngắn ngủi xiết bao, hướng chi nàng đương độ tuổi xuân, cúi đầu cười mỉm đều có muôn vẻ phong tình, đương nhiên không chịu sống hoài. Môi trường sống tao nhã, cảnh phồn thịnh của Biện Kinh đã cho nàng cảm hứng vô tận. Vạn vật hữu tình và trân quý. Bao táp chính trị chưa từng ngồi nghĩ, song nàng vẫn may mắn khi sinh ra vào thời đại này.

Thường ngày, Lý Thanh Chiếu ở nhà uống rượu đọc sách, mài mực múa bút. Lúc hứng thú, nàng cũng đi dạo phố, mua sách mua tranh, lấy đó làm vui. Tất cả những việc này, Lý Cách Phi chẳng những không cấm cản mà còn đồng ý. Ông không muốn thế tục tầm thường trói buộc nàng, ông mong nàng sống chân thật và vui vẻ.

Bất kể xuân hạ thu đông, ngày nắng ngày mưa, thành Biện Kinh đều đông đúc, tấp nập. Trên phố, quán rượu quán trà, tiệm cầm đồ, hiệu thuốc bắc, hàng quần áo, hàng thư họa như nước chảy hoa nở, nhìn đâu cũng thấy.

Lý Thanh Chiếu thích uống rượu, thường ra quán gọi mấy món ăn đặc sản, thông thả nhấm nháp, mãi đến khi mặt trời lặn mới ngà ngà say về nhà; hoặc đến hàng thư họa, mua ít sách cũ tranh chữ, chứa đầy thư phòng.

Chuyện khiến nàng thấy sảng khoái thỏa thích nhất là đánh bạc. Trong *Lời tựa Đả mã đồ kinh*, nàng liệt kê mấy chục cách chơi đánh bạc, mà những trò này nàng đều tinh thông. Nàng nói: "Nếu thông minh thì suy nghĩ sẽ rộng mở, thế thì chẳng có thứ gì không biết cả. Nếu chuyên tâm thì trình độ sẽ tinh thâm, thế thì sẽ thông hiểu mọi điều huyền diệu."

Từ thời thiếu nữ, Lý Thanh Chiếu đã đánh bạc, sau này chiến tranh loạn lạc, trên đường lánh nạn, nàng cũng nhớ mãi chuyện đánh bạc. Sau khi kết hôn, ngoài việc sưu tầm kim thạch thư họa với Triệu Minh Thành, chỉ có đánh bạc khiến nàng say mê, vì nó quên ăn quên ngủ.

Nàng đánh bạc cả đời, ắt thắng nhiều thua ít. Người con gái này có trình độ về thơ từ rất cao, cũng có lối sống tự tại phóng khoáng. Nếu không phải số phận trêu người, cả đời nàng hẳn cũng vẻ vang hoa lệ như trên sông bạc.

Một buổi chiều mùa hạ, Lý Thanh Chiếu mang theo rượu ra ngoài, không rủ bạn đi cùng, nàng một mình đến ngôi đình bên suối. Trong ao sen xòe cánh, lá xanh hoa đỏ như trong tranh vẽ, nàng mượn hơi men, chèo con thuyền nhỏ vào sâu giữa vạt hoa. Chiều tà chốn sơn khê, xa xa ngư tiều nông phu bận rộn, khói bếp bốc lên từ những mái nhà tranh.

Năng chẳng khác nào thân hoa du ngoạn, khua mái chèo lên lối giữa vạt hoa sen, trông rất thanh tân trong sáng. Nàng lúc ấy tâm tư thuần khiết, lãng mạn vui vẻ, không có nỗi khổ tương tư, chỉ yêu nhân thế hồng trần này. Sau đó, đã có bài *Như mộng lệnh* lưu truyền ngàn năm:

*Từng nhớ khê đình chập tối, say khướt trở về quên lối.
Hết hứng mãi quay thuyền, lạc giữa đầm sen len lối.
Chèo vội, chèo vội, kinh động bấy cò bay rối.³*

Niềm vui sướng và ý tưởng hay của từ nhân đều nằm trong câu chữ. Tháng Bảy giữa hè, hoa sen mười dặm, không nhìn thấy tận cùng, chỉ ngửi được hương thơm.

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Chân trời mây đám mây bay, trong ao có chiếc thuyền trôi. Bầy cò kinh sợ cất cánh bay tới khu rừng, chỉ để lại thiếu nữ say mơ màng giữa vạt sen, không biết lối về.

Từ nhân yêu núi thu, vạn vật thích hoa rơi. Năm đó, sắc thu rực rỡ, mây nhạt gió nhẹ, Lý Thanh Chiêu lại ra ngoại thành ngắm sen. Nàng yêu nhân gian khói lửa, càng yêu thiên nhiên non nước.

Trời trong nắng ấm, mặt hồ phẳng lặng như gương. Cuối thu, tuy hồng thưa hương vợi nhưng núi non như tranh, thú vị vô cùng. Trong hồ tuy sen lác đác, lá khô héo, song bèo tấm trên mặt nước và cỏ xanh ven bờ được sương trong tưới nhuần vẫn mơn mớn tốt tươi.

Gió thu xào xạc, âu cò bãi cát, hồ in bóng núi đều đầy ý vị. Sen muộn giống như phụ nữ tuổi hoàng hôn, nhưng nàng đang độ xuân xanh, làm sao có ý buồn thu. Trong mắt nàng, dù là cây cối xác xơ cũng không có vẻ u sầu, không thấy tiêu tụy.

Nàng cười gió mà đi, thỏa chí mà về. Sau đó, dưới song cửa sổ mùa thu, nàng điền bài *Úc vương tôn*⁴:

Sóng dậy mặt hồ làn gió thổi. Thu đã muộn, hồng thưa hương vợi. Non xanh nước biếc với người quen, nói chẳng xiết, điều ca ngợi.

Sen hạt đã thành lá khô lụi, sương gieo tấy, hoa tàn cỏ bãi. Âu cò bãi cát chẳng quay đầu, chừng cũng hận, người về mãi.

Từ cửa nàng là một bức tranh sơn thủy lúc cuối thu. Non xanh nước biếc, hoa tàn cỏ bãi, vạn vật dưới ngòi bút của nàng đều quyến rũ đa tình. Còn nàng một mình đứng đón gió thu, vẫn đoan trang mỹ lệ, vui vẻ vô tư. Không lâu sau, nàng lại điền một bài *Như mộng lệnh*:

Sáng suốt ngót mưa bùng gió. Say rượu ngủ lì không rõ.

Ướm hỏi kẻ treo rèm, lại bảo hải đường như cũ.

*Đâu có, đâu có? Chừng hảnh lục tươi hồng võ.*⁵

⁴ Còn có tên *Oán vương tôn*, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

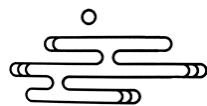
⁵ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Bài từ này vừa ra đời đã làm rung động cả Biện Kinh. *Nghiêu Sơn đường ngoại ký* từng viết: "Văn sĩ đương thời ai cũng khen ngợi, trước đó vẫn chưa có ai viết được như thế."

Danh tiếng của tài nữ lan truyền mạnh mẽ, rực rỡ như hoa đào lúc bình minh, hải đường sau cơn mưa. Hết thấy đều là ý trời, nỗi buồn man mác, tình ý tự nhiên của nàng tất nhiên sẽ khiến Đại Tống kinh ngạc.

Cái bóng của lịch sử quanh quẩn ngoài song, dưới gió thu, nỗi nhớ ngàn năm càng thêm tĩnh lặng miên viễn. Nếu không viết những thơ từ ấy, Lý Thanh Chiếu cũng chỉ là một cô gái bình thường thời Tống, ngồi yên chốn thâm khuê, nép dưới khung cửa sổ. Thời gian lâu rồi, chẳng còn ai nhớ nàng từng đến đây.

Buổi chiều yên ả, hãy đợi tôi pha một bình trà lâu năm, rủ rỉ kể lại câu chuyện đã xa ấy.



Năm tháng dài đằng đẵng, làm sao lo được giang sơn hưng vong, người và việc đổi thay. Nếu gặp thời bình, đương nhiên nên cảm ơn trời xanh hậu đãi, nếu gặp thời loạn, cũng không cần phải oán than đau buồn. Từ xưa vương triều thay đổi như hoa rụng hoa nở, mà thứ chúng ta có vẫn là nhân gian kiếp này hiện giờ.

Chính trường Đại Tổng trải qua mấy phen tranh đấu ngoài sáng lẫn trong tối, đến lúc này có thể nói là bấp bênh, suy tàn. Trong khi đó thành Biện Kinh vẫn đẹp như gấm vóc, thương khách tới lui, ca kỹ thanh lâu và văn nhân đa tình gắng sức mọn duy trì thái bình thịnh thế.

Vương An Thạch chủ trương biến pháp, những người đi theo ông là phe biến pháp, cũng gọi là "tân đảng". Những người phản đối biến pháp trong triều đình thì là phe bảo thủ, cũng gọi là "cựu đảng".

Nhóm Vương An Thạch, Tăng Bốc thuộc tân đảng, còn nhóm Âu Dương Tu, Tư Mã Quang và Tô Thức thì thuộc cựu đảng. Cuộc tranh đấu đảng phái này bắt đầu từ biến pháp Vương An Thạch, đấu qua đấu lại, kéo dài lâu ngày.

Nhiều tranh chấp trên đời khó nói ai đúng ai sai, cũng chẳng có đúng sai để nói. Chỉ có cán cân quyền lực lên xuống bất định trong cuộc tranh đấu giữa các quan. Trăm ngàn năm nay, sóng gió nơi triều đình chưa từng yên lặng.

Triều Tống trải qua sự kích động của Tống Thần Tông tự ví với Nghiêu Thuấn, sự hà khắc của Cao Hoàng hậu buông rèm chấp chính, lại đến sự ngu xuẩn của Tống Triết Tông năng lực kém cỏi. Giữa quần thần, công kích lẫn nhau, hoặc gió hoặc mưa, hoặc thành hoặc bại đều phụ thuộc vào cách nghĩ. Là một trong những học sĩ nhà họ Tô, Lý Cách Phi cũng lún sâu vào đó, khó bề thoát thân.

Lúc đó Lý Thanh Chiếu thân ở khuê phòng, danh vang Biện Kinh. Trong lòng nàng chỉ có thơ từ trà rượu, hoa trăng cỏ cây, đương nhiên không hỏi chuyện vui buồn nhân gian, không quan tâm tranh đấu triều chính.

Nàng biết Biện Kinh là vùng đất báu, nơi đây mặc khách tụ tập, tài tử khắp chốn. Trên phố xá, trong lầu Tần quán Sở, chẳng biết đã để lại bao nhiêu câu chuyện phong

lưu. Bằg qua ngổ liễu cầu đá, hoặc tìm một cây hoa cỏ, hoặc ngâm vịnh vài phen. Một ngôi nhà bình thường cũng không rõ từng say phong nhã mấy lần.

Thanh danh của Lý Thanh Chiếu như tháng Tư nhân gian, tươi đẹp phơi phới. Cũng nhờ cơ duyên, nàng quen biết mấy vị từ khách, trong đó, hai người Triều Bồ Chi và Trương Lỗi đã chứng kiến thời gian đẹp nhất của nàng. Mấy vị tài tử tuy chưa đích thân dạy bảo nhưng đều có ảnh hưởng đối với sự hình thành phong cách từ của Lý Thanh Chiếu, thậm chí là luận điệu chính trong *Từ luận* của nàng.

Triều Bồ Chi là một trong "Tô môn tứ học sĩ"¹, thông thạo thư pháp hội họa, còn giỏi điền từ. Lý Cách Phi là một trong "Tô môn hậu tứ học sĩ". Hai người theo học nhà họ Tô, không những văn phong tương tự mà quan hệ mật thiết, khác hẳn bình thường. Những năm Nguyên Hựu, Lý Cách Phi và Triều Bồ Chi từng làm việc chung ở Quốc tử giám, có nghĩa đồng liêu.

Tô Thúc tài hoa rộng lượng, nhân phẩm thoát tục, lại giỏi thơ từ, bút lực vô song, kẻ sĩ đương thời đều đem văn thơ đến bái kiến, tự xưng là môn sinh. Vì vậy dưới Tô môn, một thời nhân tài như rừng, anh hào hội tụ. Nếu như có thể, tôi cũng muốn mơ về thời Tống, làm láng giềng với ông, chia sẻ một khung cửa sổ giải trăng thu, một rèm mưa bụi như sương khói, đủ để an ủi suốt đời.

Lý Thanh Chiếu chưa chắc đã gặp Tô Thúc, nhưng nhất định biết tên ông, đọc nhiều văn thơ của ông. Tô Thúc cũng chưa chắc biết Thanh Chiếu, cho dù biết, thì chỉ là con gái của môn sinh mà thôi. Nàng khéo điền từ, nhiều năm sau, mấy bài kiệt tác làm triều Tống kinh ngạc. Tài danh của ông ngàn đời khó tìm, thanh vận của nàng tuyệt đại vô song.

Cơ duyên trong đời huyền diệu khó đoán. Dù ở cùng một thời đại, chung một khoảng trời, thậm chí đi trên một con phố cũng chưa chắc có thể quen nhau. Có lẽ, Tô Thúc và Lý Thanh Chiếu từng có một lần đi lướt qua nhau đẹp đẽ. Ở quán rượu nào đó, cây cầu đá nào đó, hoặc ngõ nhỏ trong mưa nào đó của Biện Kinh.

Khi Tô Thúc bị giáng chức đến Đàm Châu (nay là thành phố Đàm Châu, tỉnh Hải Nam, Trung Quốc), Lý Thanh Chiếu mới mười bốn tuổi. Tô Thúc ốm rồi mất, nàng cũng mới mười tám tuổi. Lúc đó Lý Thanh Chiếu tuy thông minh nhưng về câu từ vẫn còn thiếu sót so với danh gia. Song bấy giờ nàng đã có thể khiến Triều Bồ Chi kinh ngạc tán thán, thường khen nàng văn hay và có trí tuệ trước mặt người khác.

¹ Gồm Tân Quán, Hoàng Đình Kiên, Triều Bồ Chi, Trương Lỗi.

Triều Bồ Chi từng có bài *Hữu Trúc đường ký*, viết tặng Lý Cách Phi sau khi ông nhậm chức ở Thái học, có được một căn nhà. Trong đó có câu khen ngợi tài thơ văn của Lý Cách Phi: "Buổi trưa từ Thái học về thường ngồi trong sảnh, quét sàn bày bút nghiên, đọc sách viết chữ, viết văn một ngày mấy chục bài không nghỉ. Như kén rút tơ, như mây bốc lên trên núi, như suối chảy ra từ đất, như xuân về cỏ cây mọc, trong chốc lát đã đầy cuộn giấy."

Lúc nhàn rồi không bận việc công, trong ngôi nhà nhỏ u nhã ấy, Lý Cách Phi mài mực nhắc bút, cảm hứng tuôn trào, viết cả trăm bài. Những chỗ tâm tư rung động giống như kén trắng rút tơ, liên miên kéo sợi; như mây giăng trên núi, mù mịt không ngời. Như dòng suối tuôn chảy, ào ạt không dứt; như gió xuân đâm mực, tràn trề thành bài. Nơi gió xuân qua, cây cỏ nảy nở, thành gấm thành vóc.

Cha nào con nấy. Từ khi biết chữ, Lý Thanh Chiếu đã thích đọc thi thư, sau khi đến kinh thành lại quen Triều Bồ Chi, có được tinh hoa trong văn của ông.

Lý Cách Phi rất giỏi văn chương, song không thạo về từ. Còn Triều Bồ Chi là bậc thầy Tống từ, được người đời sau khen là "từ của ông thần thái cao nhã thanh tú, có thể theo kịp Tô Thức".

Do đó Lý Thanh Chiếu mỗi lần có bài từ mới nào đều nhờ Triều Bồ Chi bình phẩm. Triều Bồ Chi giỏi về lĩnh vực này, đương nhiên vui lòng chỉ bảo, ông cũng biết tài của Thanh Chiếu kẻ bình thường không thể sánh bằng. Về sau, hai người ngưỡng mộ tài điển từ và quý mến nhau nên đã trở thành bạn vong niên.

Thời Bắc Tống tuy tác phẩm từ nhiều nhưng bình luận từ ít. *Từ luận* của Lý Thanh Chiếu xuất hiện mới có cách nói từ "riêng là một nhà". Trước đó, Triều Bồ Chi có một tác phẩm bình từ là *Bình bản triều nhạc chương*, có ý nghĩa gợi mở cho sự hình thành *Từ luận* của Lý Thanh Chiếu.

Từ luận của Lý Thanh Chiếu bình khắp các nhà, nói hết khuyết điểm của họ, không nề mặt. Chỉ riêng Triều Bồ Chi nàng không bình luận, không phải từ của ông còn thiếu sót, khó đưa vào lời bình, mà có lẽ là sự tôn trọng.

Con người sống trên đời, núi cao sông rộng, lại rút cuộc vội vã, ngăn ngủi như khói mây. Hoặc là đóa hoa quý hiếm, kinh điển thời gian, hoặc là nhánh cỏ bình thường, âm thầm lặng lẽ, nhưng đều có sứ mệnh tồn tại của mình, đoan chính trang nghiêm, không thể xâm phạm. Bất kể là từ khách phong lưu hay dân thường phố chợ, đều ở cùng một thời gian, cùng một cõi trần, nếm trải khói lửa giống nhau, không có khác biệt.

Trương Lỗi, một trong "Tô môn tứ học sĩ", cũng có ngọn nguồn rất sâu với Lý Cách Phi. So với Triều Bỗ Chi, Trương Lỗi không thạo từ mà giỏi các thể văn khác hơn. Đúng như ông viết trong lời tựa thơ: "Tôi từ nhỏ đã thích làm văn, với các thể văn khác, tuy không thạo nhưng vẫn có thể tìm câu chữ. Còn về điền từ, dù cố sức cũng không viết ra được lời nào."

Trương Lỗi giỏi viết văn, ngâm thơ, không thạo điền từ, có thể thấy từ không giống với các thể loại văn chương khác. Quan điểm này chính là lời cốt lõi trong *Từ luận* của Lý Thanh Chiếu, từ "riêng là một nhà".

Hôm đó, Lý Thanh Chiếu đọc bài *Độc trung hưng tụng bi* nổi tiếng của Trương Lỗi, rất thích. Nhất thời trong lòng nàng vô cùng xúc động, dường như đã có nhận thức sâu sắc hơn về lịch sử non sông, về chính trị rối ren, về hưng vong của Đại Đường.

Nàng lập tức cầm bút, viết hai bài thơ họa lại là *Ngô Khê trung hưng tụng thi họa Trương Văn Tiềm*². Khí thế tung hoành, lỗi lạc bất phàm, mượn xưa mĩa nay, ngụ ý sâu xa, khiến người ta vỗ bàn khen hay.

Kỳ 1

Công năm mươi năm như chớp lóe,
 Trơ liễu Hoa Thanh cỏ Hàm Dương.
 Đắm chìm tửu sắc, già chẳng biết,
 Say mê gà chọi bọn năm phường.
 Quân Hồ từ trên trời rơi xuống,
 Người Hồ cũng có bạc gian hùng.
 Ngựa Hồ giày xéo lầu Cần Chính,
 Ngọc nát hương tan quá thảm thương.
 Vì sao xuất chiến ắt thất bại,
 Đồn ngựa đưa vải chết trên đường.
 Công Nghiêu đức Thuấn như trời bể,
 Cần gì ca ngợi mượn văn chương.
 Lập bia tụng đức đã nông cạn,
 Còn khiến quỷ thần đảo hoa cương.
 Tử Nghi, Quang Bật cùng một dạ,
 Trời thôi giáng họa, người vui mừng.

² Tên chữ của Trương Lỗi.

Sử sách nay còn ghi chép lại,
Chuyện cũ Hạ Thương để làm gương.
Há chẳng thấy:
Khi xưa Trương Thuyết nhiều mưu mẹo,
Diêu Sùng bày kế vẫn khó lường.³

Kỳ 2

Há chẳng thấy:
Thiên Bảo thịnh suy khiến người kinh,
Trên bia trung hưng cỏ mọc xanh.
Chỉ nói thành công tôn quốc lão,
Chẳng hay hại nước có gian thần.
Ai xui Dương phi trên trời xuống?
Quắc, Tần, Hàn Quốc nhận hoàng ân.
Trống Yết đàn ngọc vang không ngớt,
Gió xuân chẳng dám cuốn bụi trần.
Họ tên An, Sử nào ai biết,
Tráng sĩ mãnh tướng chết an lành.
Trên đỉnh Bão Ung cao chót vót,
Tạc chữ "Khai Nguyên" rõ rành rành.
Thời đời thế mất buồn não ruột,
Tâm địa kẻ gian hiểm muôn phần.
Tây Thục vạn dặm còn về được,
Nam nội đóng cửa suốt bao năm.
Tiếc thay hiếu đức như trời rộng,
Lại bảo tướng quân tự lo thân.

³ Năm mươi năm: chỉ thời gian Đường Huyền Tông tại vị, trên thực tế là 44 năm, 50 là số làm tròn. Năm phượng: chỉ kẻ lông bông. Quân Hồ: chỉ quân phản loạn của An Lộc Sơn, Sử Tự Minh. Ngựa đưa vải chết: vì Dương Quý phi thích ăn quả vải nên người ta phải thúc ngựa chạy thật nhanh để khi vận chuyển tới Trường An vải vẫn tươi ngon, khiến nhiều con ngựa chết vì quá mệt. Tử Nghi: Quách Tử Nghi, Quang Bát: Lý Quang Bát, cả hai đều là danh tướng thời Đường, có công dẹp loạn An Sử. Trương Thuyết và Diêu Sùng đều là Tể tướng thời Đường, Trước lúc lâm chung, Diêu Sùng đã bày kế lừa Trương Thuyết để bảo vệ gia tộc của mình.

Than ôi! Bọn nô tỳ không dám nói: Phụ Quốc chuyên quyền cùng Trương hậu, Chỉ nói rằng: Trường An tể thái bán theo cân.⁴

Bài thơ này đã phân tích loạn An Sử thời Đường, nguyên nhân quân đội nhà Đường thất bại thảm hại. Đây là bài học lịch sử, tiếng nói núi sông, không cần hỏi, cũng không cần giải đáp. Nàng mượn việc châm biếm Đường Minh Hoàng để nhắc nhở nhà thống trị triều Tống: "Sử sách nay còn ghi chép lại, chuyện cũ Hạ Thương để làm gương".

Một thiếu nữ ít trải đời, thường ngày ngâm gió ngời trăng, bỏ mai hái sen, làm sao biết nàng có lòng dạ như thế? Nàng tấm thân bồ liễu, lại nảy sinh nỗi lo âu sâu sắc về triều chính, biết bao nam nhi trên đời cũng chẳng có khí phách ấy, dù có, cũng chưa chắc có tiếng nói đánh thép ấy.

Lý Thanh Chiêu trong lòng người đời đương nhiên là giai nhân yêu kiều văn chương thanh lệ. Lúc này nàng vẫn chưa trải qua tụ hợp ly tan, cũng chưa có buồn vui được mất, ngay cả một cuộc tình đẹp đẽ cũng chưa gặp. Làm sao có thể sầu tư triền miên, càng không thể nói đến hưng vong bể dâu. Nhưng nàng không nhuốm việc đời mà lại am hiểu thiên hạ, đây là trí tuệ của tài nữ, người thường không hiểu được.

Nàng trang điểm nhẹ nhàng tự nhiên, tay cầm hoa sen, đứng dưới liễu rủ như khói nhẹ, có một vẻ phong tình riêng. Bản thân nàng là một bài Tống từ uyển chuyển, ở cõi hồng trần này, chỉ chờ người có duyên tìm đọc.

Có lẽ, đối với phú quý danh lợi, ân oán tình ái trên đời, nàng đều để ý. Người con gái như nàng, thâm tâm chứa đựng đâu chỉ là vui buồn mừng giận cá nhân. Huống chi cha nàng làm quan trong triều, sớm tối chung sống tai nghe mắt thấy, sao có thể điềm tĩnh thản nhiên.

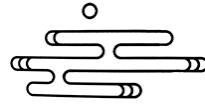
⁴ Thiên Bảo (742-756): niên hiệu của Đường Huyền Tông. Quắc, Tấn, Hàn Quốc: Quắc Quốc phu nhân, Tấn Quốc phu nhân và Hàn Quốc phu nhân, ba người chị của Dương Quý phi, do Quý phi đắc sủng nên cũng được phong làm mệnh phụ. Tây Thục vạn dặm: trong loạn An Sử, Huyền Tông chạy đến Tây Thục (Tứ Xuyên ngày nay). Nam nội: Trường An có ba cung là Đại nội, Tây nội và Nam nội. Nam nội vốn là nơi Huyền Tông nghe chính sự. Sau khi dẹp yên loạn An Sử, trở về Trường An, Huyền Tông dời đến Tây nội. Tướng quân: chỉ Cao Lực Sĩ, được phong Phiêu kỵ đại tướng quân. Phụ Quốc: Lý Phụ Quốc, Trương hậu: hoàng hậu của Đường Túc Tông. Y hai câu thơ cuối là: Mọi người chỉ biết trách Đường Huyền Tông sủng ái Cao Lực Sĩ và Dương Quý phi, mà không biết trách Đường Túc Tông sủng ái Lý Phụ Quốc và Trương Hoàng hậu.

Bài Kỳ 1 và Kỳ 2 vốn cùng văn, nhưng khi chuyển ngữ chúng tôi đã không giữ được. Mong quý bạn đọc lượng thứ!

Vương giả hưng thì mùa hoa rực rỡ; vương giả suy thì trăm hoa tàn úa. Tuy nàng có lo lắng nhưng không buồn phiền lắm, vẫn uống rượu, đánh bạc tiêu khiển trên phố Biện Kinh; hoặc ngồi trong thư phòng chép kinh thời Tùy, đọc thơ thời Đường, viết từ thời Tống.

"Gió chiều đình viện chớm rơi mai, áng mây lơ lửng nguyệt chơi vơi."⁵

⁵ Trích bài *Hoán Khê Sa* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.



Tâm tư của người con gái giống như một mùa hoa, từ chúm chim hé nở, dần rực rỡ cho đến úa tàn, đều không biết nương tựa vào đâu. Phàm là tâm sự đều có hứng thú, có ý vị, có nhiều nỗi dịu êm không nói rõ duyên do. Nó là phức bút tuyệt diệu, cũng là kết cục đẹp và buồn.

Trong đó có tình duyên xuân đi xuân về, câu chuyện trăng tròn trăng khuyết. Một cơn mưa nhỏ gió nhẹ, hoa lại là hoa, cát bụi trở về cát bụi, dường như chưa từng xuất hiện trên thế gian này, nhưng lại động phách kinh tâm.

Thứ đẹp nhất trên thế gian không phải hoa nở, cũng không phải trăng tròn, mà là tâm tư của người con gái. Đó là chim thư cưu hát suốt ba ngàn năm không chịu ngừng nghỉ, là người ấy bên dòng sông thu, mãi chẳng tìm thấy trong *Kinh Thi*.

Đỗ Lệ Nương trong *Mẫu đơn đình* ấp ủ tình cảm thâm kín, trong giấc mộng, gặp chàng thư sinh cầm cành liễu, kết mối kỳ duyên. Tuy mấy lần ly hợp, vào sinh ra tử, nhưng rốt cuộc cũng nắm tay cùng ngắm hoa thắm trăng tròn.

Hồng trần biết bao người có tình, trải qua hợp tan, bình thản nhìn tuế nguyệt, mới hiểu rõ câu "*vợ đẹp như hoa, năm tháng trôi qua như dòng nước*". Cùng người thương hiểu nhau bên nhau, một khắc ngàn vàng, hơn cả hên biển thế non.

Lý Thanh Chiếu không những tài hoa xuất chúng, đầy bụng thơ từ, mà còn là người con gái sống tình cảm, xinh tươi thùy mị. Từ của nàng không chỉ có trăng sáng núi xuân, mai thưa bóng trúc, mà còn có đàn ngọc cô quạnh, ý đậm tình sâu.

***Hoán Khê sa* - Kỳ 3**

Viện nhỏ song im xuân sắc thắm, mấy lần rèm rủ bóng trầm trầm. Tựa lâu im lặng dạo cung cầm.

Hốc núi mây đùn mau giục tối, gió đưa mưa phún kéo cơn râm. Hoa lê chực rụng sợ khôn cầm.¹

¹ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Nhà nhỏ song nhân, rèm châu không cuốn, trong lòng nàng đã có tình ý miên man của thiếu nữ buồn khuê. Vô vàn tâm sự chẳng có ai để giải bày, ngấm gió nhẹ thổi mưa bay, như tuyết như hoa lê. Thời gian dần trôi, cuộc đời dường như chưa từng xảy ra chuyện gì cả.

Trăm ngàn năm nay, có người xem nhẹ phú quý, muốn sống thanh bần cả đời, dựa vào rào giậu, ngấm mây bay bờ ruộng, mặt trời xuống núi; có người xem nhẹ công danh, cởi bỏ mũ áo nho sinh, làm một tế tướng trong núi, công khanh trong chữ. Chỉ riêng tình ái là non nước mà nhiều người suốt đời cũng không vượt qua được, là huyền cơ mà họ không hiểu thấu đáo được.

Mùa đông năm ấy, không biết nàng lại ngâm vịnh bao nhiêu từ hay câu đẹp bên gốc mai núi tuyết nơi nào. Bấy giờ nàng đã nổi tiếng khắp kinh thành. Bất kể là hang cùng ngõ hẻm, nhà dân bình thường hay nhà cao cửa rộng, quan lại quyền quý đều biết phủ họ Lý có một vị giai nhân, ngòi bút nở hoa, tài hoa tuyết thế.

Đến ngày lễ Nguyên tiêu, không khí năm mới vẫn còn, vạn vật đều vui. Tuy lúc đó vận nước đã suy yếu, song những người hiền đạt trong kinh không mấy lo sợ. Tường đỏ nhà cao, đình đài lầu gác, vạn vật thuận theo thời tiết, hoặc tươi hoặc héo cũng không liên quan đến con người.

Sau một trận tuyết, trời đất yên tĩnh thuần khiết. Thi thoảng có mấy con chim sẻ nhảy nhót giữa đình đài, nhân nhả bình an. Cỏ cây tiêu điều bị tuyết trắng che phủ, chờ sang năm nảy cành mới.

Người làm sớm ra thức dậy, quét dọn sân nhà sạch sẽ, chỉ đợi tuyết tạnh mây vén, vui đón ngày lễ. Những lễ nhạc truyền thống có từ thời Hán Đường này truyền đến thời Tống, Minh Thanh, rồi đến thời nay, người đời sau luôn tuân theo, chưa bao giờ sơ suất.

Chạng vạng hôm ấy, Lý Cách Phi dẫn gia quyến đến chùa Tướng Quốc cùng ngắm hoa đăng. Thời Tống là một triều đại phong hoa tuyết nguyệt, cũng là triều đại lấy văn làm đầu. Một khi có từ hay, văn hay, là có thể cười nhạo vương hầu, tự ví với khanh tướng.

Chẳng phải họ không biết sơn hà chao đảo, thời cuộc bấp bênh, mà là vận số Đại Tống đã định, văn nhân trói gà không chặt đâu thay đổi được. Họ mong thiên hạ thái bình, trăm họ yên vui, sống trong triều đại thuộc về mình, làm việc mình thích, ngắm cảnh mình muốn.

Chùa Tướng Quốc vốn là chỗ ở khi xưa của Tín Lăng quân thời Chiến Quốc. Chùa được xây xong vào thời Bắc Tề, ban đầu tên là chùa Kiến Quốc, sau gặp tai họa bị phá hủy. Thời Đường, một hòa thượng tên Huệ Vân quyên bạc xây lại, Duệ Tông ra lệnh đổi tên thành "chùa Tướng Quốc", và ban biển "Chùa Đại Tướng Quốc".

Ngôi chùa này trải qua mấy phen mưa gió, hoặc hủy hoặc xây, hoặc hưng hoặc suy. Lại không biết trải qua mấy đời đế vương, từng có bao nhiêu tăng lữ và bao nhiêu khách hành hương thăm viếng. Đầu thời Tống, chùa lại được tu sửa, đến lúc ấy càng thêm hùng vĩ khác thường, diệu pháp trang nghiêm.

Phong cảnh giống nhau, tình cảm giống nhau, trong mắt thi nhân là thơ, trong mắt họa sĩ là tranh. Còn trong mắt chúng sinh là cỏ cây bình thường, trời trăng gió mưa.

*"Văn chương vốn tự nhiên mà thành, người khéo chỉ tình cờ có được."*² Vốn vẹn mấy chữ, cao thấp hiện hết, tốt xấu phân rõ, cũng là thú vui của thơ từ xưa. Phong cảnh cũng là tự nhiên mà thành, mặt trời mặt trăng luân phiên, hoa nở hoa tàn trông có vẻ bất biến, nhưng thực ra sớm đã vật đổi sao dời, thời gian chảy trôi.

Ngoài chùa Tướng Quốc, đèn lồng treo rợp, đủ kiểu đủ màu, phản chiếu ánh sương tuyết vô cùng rạng rỡ. Trên đường ngựa xe như nước, tiếng người ồn ào, phồn hoa ngàn xưa chưa từng giảm sút.

Người thời Tống thích nhất tiết Nguyên tiêu, bất kể vương hầu hay áo vải đều nhân đêm lạnh này để buông bỏ thân phận, gột rửa bụi trần, vui vẻ hết mình. Thường hoa đăng, đoán đồ đèn, giữa muôn ngàn người sẽ có muôn ngàn kiểu gặp gỡ, cũng có muôn ngàn sự bỏ lỡ.

Âu Dương Tu có một bài *Ngự hái hoa* kể hết vẻ phồn thịnh của cảnh đẹp đêm Nguyên tiêu.

Xuân xanh nơi nào cảnh đẹp tươi? Kinh thành ấy ưa Nguyên tiêu lắm. Vạn lớp lụa màu, xây lâu cao như núi, lồng lẩy tầng không. Đèn báu xa hoa, màn đỏ ánh, rống cuộn hổ vồ. Đường đá dài, ngựa quý xe sang, phủ chúa đi hối hả.

*Khoan thai rộn rã như ngày, xem thần cơ nhạc phủ, tiên khách ngoài khơi. Đường lớn phồn hoa, hương bay sắc biếc, cùng tay nắm vui ca. Trăng mờ se lạnh, đêm dần tàn, giọt điểm canh im. Dương thiếu niên, lòng ham chưa thỏa, không say há lại về!*³

² Trích bài *Văn chương* của Lục Du.

³ Bản dịch của Tùng Phong.

Một bài từ, đủ thấy vẻ hoành tráng phong lưu của Biện Kinh thời ấy. Vô số lớp tơ lụa xây thành những tòa lầu cao như núi, vàng son lộng lẫy, rực rỡ chói mắt. Hoa đăng đủ màu, bóng sáng đầy trời, in lên màn đỏ, nhảy nhót chập chờn.

Xe đẹp ngựa quý nườm nượp không ngớt, qua lại giữa lầu Tần quán Sở, phủ đệ quý tộc. Dân chúng thường đèn trên phố xá sầm uất cũng đều khoan khoái, thông dong, mặc sức vui chơi, chẳng so đo giàu nghèo.

Đương kim thiên tử cũng không phụ ngày lễ tốt lành, dẫn theo phi tần đích thân ra phố thưởng hoa đăng, cùng vui với dân. Cảnh tượng sôi nổi kéo dài đến rạng sáng, tất cả mới lắng xuống. Trên đường phố, dường như chưa từng có người giẫm đạp, không khí mừng vui tan biến, lại có một vẻ đẹp trong trẻo.

Không phải người thời Tống riêng yêu ngày lễ này, mà từ xưa Nguyên tiêu vốn là ngày lễ tốt lành. Thăng cảnh phồn hoa như thế, ngôi chùa nổi tiếng nhường ấy, đương nhiên khiến người ta say mê, lưu luyến quên về.

Lý Thanh Chiếu tuy trong lòng yên tĩnh, không thích phù hoa, song gặp giờ lành cảnh đẹp như vậy cũng vui sướng khôn xiết. Chỉ là cuộc đời phù du tựa giấc mộng, hoa đăng như mưa, những người qua lại như con thoi ấy trong mắt nàng đều là phong cảnh có hay không cũng chẳng quan trọng. Nhưng những phong cảnh này đi vào thơ từ lại thành kiệt tác muôn đời.

Lý Cách Phi dẫn gia quyến dạo khắp các nơi, vừa ngắm đèn, vừa tìm nhã hứng. Giữa hành lang, dưới tầng phòng, trên cây cối đều treo đầy đèn lồng. Nhiều du khách vào vào ra ra, chen vai thích cánh.

Nàng không biết trong biển người này quả thật có một người duyên định ba kiếp với mình. Càng không biết rằng cuộc gặp gỡ tình cờ ấy khiến nàng yêu thương nửa đời, lỡ dở nửa đời, phong nhã nửa đời, cũng phiêu lãng nửa đời.

Triệu Minh Thành cũng được xem là người có tên tuổi trong thế giới thời Tống. Nếu không có Lý Thanh Chiếu, chàng chỉ là một người bình thường trong dòng sông dài của thời gian mệnh mang. Tuy Triệu Đĩnh Chi cha chàng là đại thần Bắc Tống, song con đường làm quan của bản thân chàng lại không được suôn sẻ.

Cả đời Triệu Minh Thành, thứ yêu nhất, khiến chàng mãi không thay lòng không phải Lý Thanh Chiếu, mà là nghiên cứu về kim thạch. Chàng từng nói: "Tôi từ bé thích theo các học sĩ đại phu đương thời tìm hiểu văn khắc trên đồ đồng đồ đá của đời trước." Về sau thành hôn với Lý Thanh Chiếu, hai vợ chồng tính tình hợp nhau, cùng chung chí hướng. Đối với kim thạch thư họa, chàng si mê không thôi, thể cùng sống chết.

Nghe nói, hôm ấy Triệu Minh Thành và anh họ Lý Thanh Chiếu là Lý Huýnh cùng ngắm hoa đăng. Cũng không biết bao nhiêu lần ngoảnh đầu ở kiếp trước đã đổi được cuộc gặp gỡ ở kiếp này của họ. Lý Thanh Chiếu xiêm áo trang nhã, dáng vẻ yếu điệu, có thể nói là giai nhân thanh lệ. Còn Triệu Minh Thành cũng tướng mạo đường đường, phong thái hiên ngang.

Nàng có tâm tính từ nhân, dịu dàng nhạy cảm. Chỉ là một khoảnh khắc, hồ nước tâm hồn vốn tĩnh lặng đã gợn sóng. Nỗi xao xuyến chưa từng có suốt bao năm qua đã dấy lên vì chàng. Giây phút đó, cõi lòng nàng đẹp đẽ ấm áp như cành non trong nắng sớm.

Lý Thanh Chiếu không còn lòng dạ xem đèn ngắm trăng nữa, muôn ngàn tâm tư chẳng biết sắp xếp thế nào. Mấy năm nay, nàng sống ở đế đô, cũng coi như đã gặp non nước chúng sinh, nhưng chưa từng có rung động thế này.

Triệu Minh Thành từ lâu đã nghe tài danh của Lý Thanh Chiếu, cũng từng đọc nhiều bài từ của nàng, trong lòng mến mộ, khen không ngớt lời. Hôm nay có được cơ duyên này, nhìn thấy dung mạo thật của tài nữ, hoàn thành tâm nguyện, từ đây cuộc đời không còn chuyện tiếc nuối nữa.

Chàng cũng là một vị tài tử, hiểu thơ từ, tuy kém xa Lý Thanh Chiếu nhưng khí độ nho nhã và cách ăn nói lịch sự của chàng khiến nàng thấy lòng êm đềm vui vẻ. Từ xưa nam nữ yêu nhau chẳng qua là một chữ duyên. Người hữu duyên, trời nam đất bắc cũng sẽ gặp gỡ. Người vô duyên, sớm chiều chung sống cũng chẳng có được chân tâm.

Sự trong sáng khoáng đạt, cốt cách tài hoa của Lý Thanh Chiếu vượt trội Triệu Minh Thành. Nhưng sự cố chấp của chàng với kim thạch thư họa khiến nàng vui lòng cùng chàng sống yên ổn kiếp này, đêm dài khêu đèn cho chàng, mưa gió có nhau.

Nhưng về sau vợ chồng cách biệt đôi nơi, Triệu Minh Thành lại thay lòng đổi dạ, bội bạc lời thề, khiến người ta thất vọng; rồi sau đó, trong cuộc phản loạn, chàng nhu nhược bỏ trốn, càng khiến Lý Thanh Chiếu tâm ý xa cách. Giả sử chàng không làm như thế thì cuộc tình này có thể nói là hoàn hảo.

Chàng đâu biết trên đường lánh nạn, nàng thà vứt bỏ y phục, ăn gió nằm sương cũng phải giữ những đồ cổ tranh chữ mà họ sưu tầm. May thay tất cả những chuyện này không ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng đồng cam cộng khổ ba mươi năm của họ. Chúng ta đều nhớ rằng, từng có một vị tài tử và giai nhân tuyệt thế, ở Quy Lai đường, cực sách sánh trà, năm tháng tĩnh lặng.

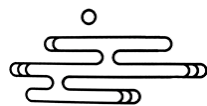
Thời gian vô tình, không thay đổi vì con người; cảnh xuân dễ mất, chẳng thương xót cánh hoa rơi. Khi chàng còn sống, từ của nàng mới mẻ thanh lệ, khó kể hết chỗ hay. Sau khi chàng mất, nàng mới có những câu xé ruột, những âm ai oán.

Bởi lần gặp gỡ này, nàng đã dốc hết cả đời, có lẽ có hạnh phúc, cũng có lẽ có tiếc nuối. Tình duyên như nước, nước đổ khó hết, không thể hết, cũng không cần hết.

Cây
đồng
đang
lớn,
chơi
xuân
nhiều
tình
tứ¹

¹ Trích bài Niệm nô kiều của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Nước nhược ba ngàn



Biển người mênh mông, chẳng qua một mình bạn, một mình tôi, duyên phận đi lướt qua nhau, bóng dáng nắm tay nhìn nhau. Có câu nước nhược ba ngàn, chỉ lấy một gáo để uống, nhưng một gáo ấy cũng là tìm được giữa biển cả mênh mông. Duyên khởi ở đây, cũng tận ở đây.

Gió xuân giống nhau, song tâm trạng không giống nhau. Cỏ mịn liều mềm, trăm hoa khoe sắc. Lý Thanh Chiếu ngồi dưới cành hoa, buồn chán trăm chiều. Nàng vốn là người cởi mở, vạn vật không thể dễ dàng quấy nhiễu tâm hồn, cũng chẳng có ý hối tiếc buồn phiền với cuộc đời, vậy mà giờ đây trong lòng lại gợn nỗi bi thương bởi tương tư.

Vào lúc đó, vương triều Đại Tống cũng đã có không khí thê lương. Tống Triết Tông băng hà, nhờ nhóm người Hướng Thái hậu ra sức đề cử, Đoan vương Triệu Cát được lên ngôi. Ông chính là vị Tống Huy Tông "việc gì cũng biết, chỉ không biết làm vua".

Tống Huy Tông viết đẹp vẽ đẹp, theo học nhiều nhà, tùy ý và tự nhiên. Ông tự sáng tạo thể chữ Sáu Kim, nét bút gầy guộc mà phong thái thanh nhã. Trên trang giấy, ông vẽ núi cao nước chảy, vẽ tuyết trắng mùa xuân. Ông từng nói: "Những lúc lo xong chính sự, trăm chẳng có sở thích gì khác, chỉ thích vẽ tranh mà thôi."

Huy Tông thạo vẽ tranh công bút¹, hoa điều, sơn thủy, nhân vật, lầu gác, không gì không thích. Ông đề xướng kết hợp thi, thư, họa, ấn, làm tôn lên cái hay của tác phẩm. Tranh của ông đẹp mà có thần, nét bút linh hoạt thanh tú, thư thái tự nhiên, có khí chất an lành tĩnh lặng.

Ông cũng chú trọng vẽ vật thực, nổi tiếng vì tinh vi giống y như thật. Tương truyền, ông từng dùng sơn sống điểm mắt, làm bức tranh càng sinh động, khiến mọi người thán phục.

Tống Huy Tông yêu trà, đã viết *Đại Quan trà luận*, được trà nhân nhiều thế hệ trích dẫn. Thời Tống thịnh hành trà sự, có điểm trà², đấu trà, trà bách hí vân vân. Huy Tông tinh thông nghệ thuật thưởng thức trà, nhiều lần điểm trà cho bề tôi. *Thái Thanh lâu*

¹ Tranh với lối vẽ tỉ mỉ.

² Một cách pha trà thời Đường, Tống.

thị yến ký của Sái Kinh chép: "Ngài ngự ở Tây các, tự tay pha trà, chia ra ban cho tả hữu."

Một vị đế vương như thế, có thể vẽ mây vờn suối lượn, hoa nở chim hót giữa núi rừng. Ông ném trăm loài cỏ, uống sương đọng trên hoa, song không thể quản lý giang sơn muôn dặm. Nếu không làm Tống Huy Tông, hẳn ông sẽ càng gần gũi với vạn vật chúng sinh, ngồi trong thư phòng rộng rãi, yên ổn viết thể chữ Sáu Kim, điểm đậm nhàn nhã, không lo không sợ.

Non nước gió trăng, thơ từ trà rượu của thời Tống vốn đủ để nuôi dưỡng ông cả đời, nhưng ông lại bị khốn đốn trên ngai rồng, nhìn sơn hà ngày càng suy tàn mà đành chịu bó tay. Ông chỉ muốn làm một kẻ nhàn rồi thông dong, phẩm trà vẽ tranh, phong nhã vô biên. Năm tháng đối đãi với con người thường tử tế, cố sao lại phủ phàng với ông.

May thay, trên đời còn có một đoạn trần duyên đẹp để đang chờ vài người gặp nhau, bên nhau. Từ lần gặp gỡ vội vã ấy, Lý Thanh Chiếu không còn đơn thuần như xưa được nữa, chỉ vì trong lòng đã có một người. Đây bụng u hoài, muôn vàn tâm tư đều gửi vào trong từ.

Hoán kê sa - Kỳ 1

Trưởng vóc phù dung nhoẻn miệng cười, nghiêng ôm bảo áp má hồng tươi. Thu ba vừa gợn bị xoi moi.

Một mặt phong tình đầm vận điệu, mảnh thư kiều hận gửi u hoài. Bóng hoa trắng xế hẹn trùng lai.³

Tình yêu của người con gái như núi cao sông dài. Niềm vui trong lòng nàng hơn hẳn lo buồn. Duyên phận này xuất hiện đúng lúc, cũng xem như không phụ tuổi xuân của nàng. Nàng biết, sau này mọi thứ liên quan đến người ấy đều vừa ý. Một khi trao đi, đời này cũng không oán không hối.

Còn chàng, từ khi gặp bóng dáng thanh lệ đó, tương tư khó quên. Mỗi ngày đọc những câu từ đẹp như gấm của nàng, càng thêm thương nhớ. Bấy giờ Triệu Minh Thành vẫn là Thái học sinh, chưa có công danh, nhưng chàng đọc nhiều sách vở, am hiểu về sưu tầm kim thạch thư họa, cũng xem là xuất chúng.

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Một hôm, Triệu Minh Thành nhân dịp Thái học cho nghỉ, hẹn Lý Huýnh anh họ Lý Thanh Chiếu cùng đến viếng thăm Lý Cách Phi. Triệu Minh Thành tuy là con trai thứ ba của Triệu Đỉnh Chi nhưng chàng bản tính độ lượng, không câu nệ tiểu tiết, không phân biệt đẳng phái. Lần này chàng đến phủ họ Lý, nói là bái kiến Lý Cách Phi song thực ra là có dụng ý khác.

Lúc chàng đến, Lý Thanh Chiếu đang chơi đánh đu trong sân, mồ hôi nhễ nhại. Nghe thấy có khách đến thăm, nàng vội vàng né tránh, tình cờ liếc nhìn, nhận ra công tử tuần tú đó chính là người mình mong nhớ nhiều ngày qua. Tựa cửa ngoái đầu, mai xanh trong sân như hiểu được, nơi gió thổi qua, hương đưa thoang thoảng, thấm vào lòng người.

Đánh đu là trò tiêu khiển của thiếu nữ chốn khuê phòng thời xưa. Thường ngày ngoài nữ công, họ chẳng còn việc gì khác. Đông Pha từng có từ rằng: *"Trong tường chơi đu ngoài lối ngõ. Ngoài: khách lại qua, trong: mỹ nhân cười rộ. Cười dần lắng đi, tiếng dần nhỏ, vô tình khiến khách đa tình khổ."*⁴

Lý Thanh Chiếu là giai nhân bên trong bức tường đó, còn Triệu Minh Thành là khách qua đường đa tình nọ. Nàng biết tâm ý của chàng nên không cố tình lánh mặt, chỉ nép sau cánh cửa, lặng lẽ nhòm trộm. Sau đó, đã có bài *Điểm giáng thân*:

Thôi đập bàn đu, đứng chờ lười vuốt tay thon nhỏ. Sương đầm hoa võ, áo thấm mồ hôi rỏ.

*Thấy có người vào, thoa tuột giày để hở. Chừng mắc cỡ. Chạy về quay cổ, lại ngửi thanh mai ngó.*⁵

Vẻ đẹp nữ nhi, tâm tư dịu dàng thể hiện trên trang giấy, sinh động mà chân thực. Trong lòng nàng, chàng chính là từ của nàng, từng chữ như châu như ngọc, bằng lòng quý trọng yêu thương. Người có duyên nếu gặp hoa nở không cần lãng phí thời gian, đã tình khó dần lòng.

Triệu Minh Thành uống trà trò chuyện với Lý Cách Phi mà tâm hồn để tận đâu đâu, có phần cẩn trọng, thậm chí lúng túng. Trong đầu chàng hiện lên dáng vẻ Lý Thanh Chiếu chơi đánh đu ban nãy, như én bay, tựa bướm liệng. Khi từ biệt, chàng

⁴ Trích bài *Điệp luyến hoa*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

⁵ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

cũng thấy mai xanh trước cửa, hương thâm ngào ngạt, cảnh xuân tươi đẹp giống như tình duyên của họ.

Khổ nổi hương mai ấy thấm vào lòng, từ đó không xua đi được nữa. Sau khi ra về, Triệu Minh Thành tương tư da diết hơn trước. Chàng bức thiết muốn cưới Thanh Chiêu làm vợ, song biết giữa đôi bên cách trở một vùng biển cả khó bề vượt qua.

Triệu Minh Thành tuy là Thái học sinh, song biết cha mình Triệu Đĩnh Chi và Lý Cách Phi vì phân chia đảng phái nên xưa nay chính kiến không hợp. Chàng biết, nếu mình trực tiếp thổ lộ nỗi lòng với cha thì chắc chắn sẽ bị từ chối. Vất óc suy nghĩ, Triệu Minh Thành định dùng một phương thức uyển chuyển để giải bày tâm sự với cha.

Lang Hoàn ký thời Nguyên từng ghi chép, có một hôm, Triệu Minh Thành nằm mơ, sau khi tỉnh giấc cảm thấy rất quái lạ. Chàng bèn kể với Triệu Đĩnh Chi rằng mình mơ thấy một cuốn sách, nội dung bên trong nhạt nhòa không rõ. Chỉ nhớ ba câu, chàng không hiểu ý, mong cha giải đáp.

"Ngôn dữ ti hợp, an thượng dĩ thoát, chi phù thảo bạt." Triệu Đĩnh Chi đọc xong, biết đây chỉ là trò chơi chữ đơn giản, không đáng lấy làm lạ. Nhưng dụng ý của Triệu Minh Thành thì ông ta đã tỏ tường.

Ba câu này có nghĩa là "từ nữ chi phu⁶ (chồng của từ nữ)". Triệu Minh Thành hao tâm tổn trí, lấy cớ nằm mộng, cũng chỉ để truyền đạt cho cha mẹ rằng chàng đã có ý trung nhân. Thành Biện Kinh lúc đó tài nữ như mây, nhưng nổi tiếng khắp kinh sư chỉ có một mình Lý Thanh Chiêu.

Triệu Đĩnh Chi là nhân vật cỡ nào, ông ta quyền cao chức trọng, lòng dạ sâu xa. Hiện giờ Tống Huy Tông lên ngôi, cục diện triều đình rối ren bất an, tình hình tạm thời chưa rõ ràng/ Ông ta xưa nay chính kiến không hợp với Lý Cách Phi, đâu chịu tùy tiện đồng ý việc cưới xin của con trai mình với con gái người ta.

Triệu Đĩnh Chi là người ủng hộ biến pháp Vương An Thạch, kết oán rất sâu với những người thuộc phe bảo thủ như Tô Thức, Hoàng Đình Kiên. Lý Cách Phi là một trong "Tô môn hậu tứ học sĩ", đương nhiên cũng trở thành đối tượng mà Triệu Đĩnh Chi nghi ngờ và loại trừ.

Theo Tô Thức thấy, Triệu Đĩnh Chi lòng tham không đáy, học vấn và phẩm cách không tốt, khó đảm đương trọng trách. Ông từng có câu: "Đĩnh Chi là kẻ tiểu nhân vợ

⁶ Câu thứ nhất: chữ "ngôn (言)" hợp với chữ "ti (司)" là chữ "từ (詞)". Câu thứ hai: chữ "an (安)" bỏ phía trên là chữ "nữ (女)". Câu thứ ba: hai chữ "chi phù (芝芙)" bỏ bộ thảo là "chi phu (之夫)".

vết của dân, học vấn phẩm hạnh không có chỗ nào dùng được, sao có thể phù hợp với chức vị này?"

Triệu Đình Chi lòng dạ hẹp hòi, là người có thù tất trả. Trong cuộc đấu tranh chính trị sau đó, đối với Tô Thúc và các môn sinh của Tô Thúc, ông ta không chút nể tình, có thể nói là cực kỳ lạnh lùng khắc nghiệt.

Triệu Đình Chi không thể để bất cứ chuyện gì làm lung lay địa vị nhiều năm qua vất vả mưu cầu được. Thành trì mà ông ta giữ vững cũng không cho phép bất cứ ai xâm phạm. Vì vậy, ông ta phải cẩn trọng với cuộc hôn nhân này, bởi hễ có chút sai lầm là sẽ rơi vào tình cảnh nguy hiểm, khó mà thoát thân.

Có câu ngòi cao thường lạnh lẽo, Triệu Đình Chi trông có vẻ đạo chơi quan trường, thăng quan tiến chức thuận lợi, nhưng trong lòng ngày nào cũng lo sợ. Lúc hưng thịnh thì trời mây quang đãng, phồn hoa như gấm; lúc thất bại thì công danh mất hết, người đi trà ngụy. Song đã bước vào quan trường, có mấy ai cam lòng gặp sao yên vậy?

Triệu Minh Thành vất óc nghĩ cách mà không có hiệu quả, vẫn bị Triệu Đình Chi từ chối, trong lòng chàng không khỏi buồn phiền chán nản. Nhưng lệnh cha khó trái, chàng không thể làm chủ, đành miệt mài học hành. Lúc rỗi rãi, chàng tiếp tục tìm kiếm, thu thập kim thạch thư họa, đắm chìm vào đó, không hỏi xuân thu. Một khi nhàn hạ, nổi tương tư thấu xương ấy còn dài hơn mộng.

Thời gian như nước chảy, chẳng dừng lại vì ai, năm tháng như giấc mộng, muốn vẽ khó thành. Thời gian tan biến trên đầu ngón tay, không nắm bắt được; thời gian ẩn nấp giữa làn tóc mai, không phủi đi được; thời gian rơi xuống dưới bước chân, càng đi càng ít.

Chờ đợi, đối với một chàng trai, tuy dài đằng đặc nhưng cũng vẫn có thể chịu đựng. Còn đối với một cô gái, mùa hoa ngắn ngủi, chẳng có bao nhiêu thời gian để tiêu hao.

Họ hiểu tâm ý nhau, linh hồn tương thông, nhưng cũng giống như người thường, không chống đỡ nổi ngăn trở của thế tục. Lý Thanh Chiếu hằng ngày ở nơi thâm khuê tịch mịch, buồn rầu khôn tả, chỉ có mọi chuyện êm xuôi mới có thể nhẹ lòng.

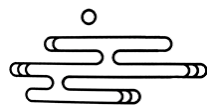
Lúc đó nàng nổi tiếng kinh sử, tài mạo đều là hạng nhất. Thanh danh như thế, không biết khiến bao nhiêu quan lại quyền quý, danh sĩ phong lưu động lòng. Huống chi nàng xuân xanh phơi phới, đến tuổi xuất giá, người đến phủ họ Lý dăm hỏi đương nhiên là nườm nượp không ngớt.

May thay, Lý Cách Phi thấu tình đạt lý, luôn vô cùng cưng chiều Lý Thanh Chiếu. Một vị tài nữ có một không hai, tâm tính thanh khiết như thế, sao ông nỡ lòng để nàng

chịu mảy may tủi thân. Ông không cho phép quyết định qua loa của mình hủy hoại hạnh phúc cả đời của nàng.

Quan trường rồi ren, thành bại thắng thua trong tranh đấu đảng phái còn có cơ xoay chuyển. Đời người dài đằng đẵng, chuyện hôn nhân một khi phạm sai lầm thì chẳng còn cách vãn hồi. Đây không phải một canh bạc, dù sao thì họ đều không thua nổi, cũng không thể thua.

Năm tháng rất công bằng, tuy nói người phụ nữ cả đời thê lương nhưng cũng ổn định. Lấy một người như thế thì cũng đã có bến đỗ, cho dù là yêu hay oán, là mừng hay lo, bên nhau trọn đời là tốt rồi. Còn về kiếp này dài bao nhiêu sớm đã định sẵn, không cần suy đoán, cũng không cần lo âu.



Tôi thích sự trang nghiêm ổn thỏa của hôn nhân thời xưa, lại thích sự tự do của hôn nhân thời nay. Hôn nhân vốn là chuyện lớn của đời người, liên quan đến số phận cả đời của một người. Đây là một cuộc tu hành, có người sớm một chút, có người muộn một chút, cũng có người có thể lược bỏ quá trình này.

Nam nữ thời xưa đa phần là lệnh cha mẹ, lời mai mối, họ chưa từng gặp mặt đã phải chung sống suốt đời. Kiểu chung sống ấy cần sự can đảm và kiên quyết phi thường. Giữa họ có thể không có tình yêu, song phải cùng người kia gánh chung mưa gió, dẫn bước trên đường đời.

Không phải tôi cố chấp duyên phận, tin vào số mệnh, mà là đủ thứ cảnh ngộ trên đời đã có sắp xếp từ lâu, không hề theo ý con người. Nếu là trai gái yêu nhau, tâm đầu ý hợp, nguyện sớm chiều không rời, mặc cho thời gian đằng đẳng; nếu là ghét nhau chán nhau thì quãng đời còn lại dài đằng đặc, lo nghĩ khó yên.

Thời buổi chiến tranh loạn lạc, biết bao thay đổi xảy ra trong chớp mắt, chẳng ai đoán được biến số, cũng không thể biết trước kết cục. Lúc đó Triệu Minh Thành ngày ngày buồn bực, hạnh phúc của chàng đã trở thành vốn cược mà phụ thân dùng để củng cố địa vị. Gia đình đế vương và quan lại thời xưa tuy áo đẹp cơm ngon song cũng có nỗi bi ai mà người bình thường không hiểu.

Có một chàng trai ngưỡng mộ, nhớ nhung là niềm hạnh phúc đối với Lý Thanh Chiếu. Vốn cho rằng đời này gửi tình vào mai gầy trắng lạnh, giờ đây, nàng bằng lòng nương tựa vào chàng, sống như một bài từ uyển ước.

Nhưng rõ ràng họ cùng ở Biện Kinh, hiểu tình ý của nhau, mà lại cách trở non nước không thể vượt qua. Nàng tuy đa tình, uống rượu ngon trà xanh, viết câu từ phong lưu, song khi tĩnh tâm lại, một mình ngắm trăng, nghĩ tới đoạn tình duyên này, lại không khỏi âu sầu.

Nhiều năm sau, có một nhà thơ tên Lục Du viết rằng: "*Núi trùng khe khuất ngò không lối, liễu rậm hoa tươi lại một thôn.*"¹ Cũng phải, chuyện đời biến ảo khôn lường,

¹ Trích bài Du Sơn Tây thôn.

khi suôn sẻ có thể gặp trắc trở, rơi vào hiểm cảnh có thể có chuyển biến tốt. Đằng sau đó có cơ hội, cũng có niềm tin cá nhân, kết cục hoặc vui hoặc buồn đều nên坦然 nhiên.

Sau khi kế vị, để dẹp yên tranh đấu đảng phái nhiều năm qua, Tống Huy Tông đã thi hành chính sách chiết trung, không thiên vị tân đảng cũng không thiên vị cựu đảng, đặt niên hiệu là "Kiến Trung Tĩnh Quốc", để tỏ ý "dựa vào trung hòa mà xác lập đạo trị quốc".

Tống Huy Tông yêu non nước thiên nhiên, chiếc ngai rồng này, ông vốn ngồi rất hững hờ, thậm chí chẳng thèm ngó tới. Cuộc đấu tranh ngày càng ác liệt giữa phe thủ cựu và phe biến pháp khiến ông buồn phiền. Giờ đây chính sách không thiên vị bên nào giúp triều đình vốn hết sức hỗn loạn tạm thời đã có đôi chút yên bình.

Những quan viên ngày xưa tranh chấp cũng thấy đôi bên đều có sự hiểu lầm, mong từ đây xóa bỏ thành kiến, không đấu đá nữa. Mâu thuẫn được xoa dịu, nhưng chẳng ai nói rõ được trạng thái yên ổn này có thể duy trì bao lâu, có lẽ một tháng, có lẽ một năm, hoặc có lẽ lâu hơn.

Từ xưa triều đình biến đổi khôn lường, cơn gió này thổi suốt ngàn năm không chịu ngừng. So với sự chìm nổi của giang sơn, sự thăng trầm của cá nhân quá nhỏ bé không đáng kể. Song cuộc đời giản dị chất phác của người phụ nữ còn hơn cả chuyện quát gió gọi mây của vương giả.

Chính thời cuộc ổn định lúc đó đã thúc đẩy nhân duyên của Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành. Triệu Đĩnh Chi và Lý Cách Phi tuy người thuộc tân đảng người thuộc cựu đảng nhưng suy cho cùng không phải thủ lĩnh, chưa từng có xích mích và xung đột trực tiếp, cũng không có bất hòa sâu sắc. Hơn nữa, hai người làm quan cùng triều, đôi bên đều không cần phải quá nóng nảy.

Triệu Đĩnh Chi suy đi nghĩ lại, ưng thuận cuộc hôn nhân này vừa hợp ý hoàng thượng, vừa chiều lòng con trai. Ông ta biết Lý Thanh Chiếu con gái Lý Cách Phi tài mạo song toàn, nổi tiếng khắp Biện Kinh, con trai cưới được một vị tài nữ như vậy cũng là chuyện may mắn.

Huống chi, Triệu Minh Thành từ lâu đã yêu mến Lý Thanh Chiếu, nhiều lần nài nỉ, gặp dịp tốt này đâu có lý nào ngăn cản? Tài tử giai nhân, đôi bên tâm đầu ý hợp, lại môn đăng hộ đối, có thể nói là lương duyên trời ban.

Sau mấy phen cân nhắc, cuối cùng Triệu Đĩnh Chi vui vẻ đồng ý việc cưới xin này. Ông ta nhờ một quan viên tương đối trung lập về chính trị đến nhà họ Lý đưa thảo thiếp².

Lý Cách Phi tính tình thanh liêm chính trực, xem Lý Thanh Chiếu là viên ngọc sáng trên tay, nên đương nhiên thận trọng suy nghĩ về hôn sự của nàng. Ông không vì đường công danh của mình mà chỉ mong con gái có một bến đỗ yên ấm.

Lý Cách Phi biết rõ con người Triệu Đĩnh Chi, giữa họ vĩnh viễn có khe sâu không vượt qua được. Vả lại thế cuộc bấp bênh, tranh chấp khó yên, ông không muốn Lý Thanh Chiếu bị cuốn vào sóng gió, nặng gánh cả đời.

Khổ nổi sinh ra trong nhà quan, đâu thể sống yên bình, không chút xáo động. Từ lâu ông đã biết rõ tâm ý của Lý Thanh Chiếu, hiện giờ nhà họ Triệu cầu thân, cũng xem như nàng mộng đẹp thành sự thật.

Học thức và nhân phẩm của Triệu Minh Thành có thể nói là trong trăm chọn một. Chàng tuổi trẻ có chí, trong sáng ngay thẳng, khác với người cha mưu tính sâu xa. Lý Cách Phi tuy có đắn đo lo ngại song luôn xem trọng tâm nguyện của con gái, nên đã vui vẻ đồng ý.

Chính sách của Tống Huy Tông, sự tác thành của Triệu Đĩnh Chi, sự ưng thuận của Lý Cách Phi khiến đôi lứa có tình cuối cùng cũng nên vợ nên chồng. Có lẽ đây chính là chỗ đáng yêu, cũng là chỗ đáng oán của duyên phận.

Nếu không có mối lương duyên này thì không có phong nhã vô biên, đấu rượu đấu từ, cợt sách sánh trà, cùng viết sách về kim thạch ngày sau. Đương nhiên, cũng không có nỗi quẫn bách lúc nàng bốn ba lưu lạc, nỗi bơ vơ khi tha hương mất chồng, và nỗi thê lương của mỹ nhân về già.

Có lẽ, Lý Thanh Chiếu dạo chơi ở thành Biện Kinh, cũng có thể gặp gỡ một vị tài tử khác. Người đó sẽ bầu bạn nàng làm thơ uống rượu, cùng nàng tay ấp má kề, rời xa rồi ren chính trị, bên nhau đến già. Thế thì cuộc đời nàng sẽ là một cảnh ngộ khác, thơ từ của nàng cũng sẽ mang một phong vị khác.

Nàng vốn độc hành, vì đoạn duyên phận này mà chung sống với chàng, từ đó cùng trải qua gió xuân trăng thu. Chỉ là duyên đến khó từ chối, duyên hết thì tự tan, mọi thị phi vinh nhục, hợp tan ly biệt luôn khó tự mình làm chủ, chỉ mong số phận tác thành.

² Thiếp viết giờ ngày tháng năm sinh của bên trai hoặc bên gái khi cầu thân thời xưa.

Con người ta sống trên đời, may mắn lớn nhất không phải có bao nhiêu danh lợi, mà là gặp được một người tâm hồn tương thông với mình. Khéo sao, tuổi tác tương đương, khéo sao, quen nhau hiểu nhau, lại khéo sao, thật lòng yêu nhau, không sinh oán giận. Tri kỷ trần thế cho dù không phải vợ chồng, không phải thân thích, cũng không uổng kiếp này.

Du Bá Nha đập vỡ cây đàn, chỉ vì côi đời mệnh mang không còn tri âm như Chung Tử Kỳ nữa. Nếu hiểu tâm ý nhau, sao lại để tâm giàu nghèo cách biệt và đường sá xa xôi, chỉ mong siêu phàm thoát tục, không thay lòng đổi dạ.

Người xưa có thơ rằng: "*Người sinh ta chưa sinh, ta sinh người đã già. Người hận ta sinh muộn, ta hận người sớm quá.*" Đọc lên có một nỗi bất lực chân thực, thương cảm thấu xương. Biết bao tình duyên trên đời bị thế tục ngăn trở, khó mà toại nguyện. Chỉ vô cớ trao gửi đóa hoa xuân như thế, vội vàng, quá vội vàng.

Tài nữ thời Đường Ngưu Huyền Cơ có thơ rằng: "*Dễ tìm vật vô giá, khó được người hữu tình.*"³ Bảo vật vô giá nằm trong tay quan lại quyền quý, truyền từ đời này sang đời khác. Còn lang quân tình sâu nghĩa nặng thì xưa nay hiếm. Nam nhi trong thiên hạ phần nhiều bạc bẽo, cho dù yêu nhau một lúc, cũng khó bên nhau trọn đời.

Từ xưa nảy sinh tình cảm dễ, giữ gìn tình cảm khó. Tình yêu của người con gái không nhuộm bụi trần, lại nhớ mãi không quên. Tình yêu của người con trai thì như nước chảy hoa nở, thay đổi thất thường. Triệu Minh Thành không phải Trương Xưởng vẽ mây, không phải Hàn Thọ trộm hương, chàng chỉ là Triệu Minh Thành.

Tư Mã Tương Như thời Hán gảy một khúc *Phụng cầu hoàng* đã giành được trái tim của Trác Văn Quân. Nàng bằng lòng vì y từ bỏ phú quý, không sợ điều tiếng, đêm khuya bỏ trốn theo y. Về sau bán rượu trên phố, đồng cam cộng khổ, thề bên nhau trọn đời.

Tư Mã Tương Như viết bài *Tử Hư phú*, được Hán Vũ đế tán thưởng, lại nhờ một bài *Thượng Lâm phú* được phong làm lang. Y có danh lợi bèn sinh lòng khác, muốn nạp cô gái Mậu Lăng làm thiếp nên lạnh nhạt với Trác Văn Quân. Lúc đó y đã quên hết tình ý kiên quyết khi nàng bỏ trốn vì mình, bầu bạn cùng mình trải qua gian nan vất vả.

Nếu không phải Trác Văn Quân dùng tài hoa tuyệt thế viết bài *Bạch đầu ngâm* khiến Tư Mã Tương Như xấu hổ, hăn y sớm đã ruồng bỏ nàng xa ngoài ngàn dặm, không thềm hỏi han. Y tự thấy thẹn với Văn Quân, về sau không nhắc đến chuyện nạp thiếp nữa, từ đó gắn bó đến bạc đầu, sống yên ổn chốn lâm tuyền.

³ Trích bài *Tặng lân nữ*.

Lý Thanh Chiếu sao lại không biết rằng câu chuyện về tài tử giai nhân có tình duyên tốt đẹp, cũng có món nợ nghiệt ngã. Khổ nỗi nàng chung tình với chàng, sau này là tươi hay héo, là yêu hay oán đều không hối hận. Con người ta sống trên đời, bất kể bằng phương thức nào, đều là lịch kiếp.

Nàng chỉ quan tâm hiện tại, mọi thứ của hiện tại vừa lòng đẹp ý là tốt rồi. Lý Cách Phi gửi định thiếp⁴ cho nhà họ Triệu, liệt kê cụ thể các thứ như của hồi môn, trang sức, vàng bạc, đồ quý giá, chăn màn... Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành theo tập tục của sĩ phu đương thời, sau khi bàn bạc, đã tổ chức hôn lễ đơn giản.

Trong buổi tiệc, thân thích khách khứa đầy nhà, trống nhạc rộn ràng, chén tạc chén thù. Sau một phen huyên náo, vạn vật tĩnh lặng, màn đêm trong trẻo, trời sao lấp lánh. Trong động phòng, nến đỏ chiếu sáng, nàng cúi đầu ngồi ngay ngắn, chỉ tô chút son phấn mà xinh tươi nghiêng nước nghiêng thành.

Hai người tha thiết nhìn nhau, từ đó cùng chia sẻ một ánh trăng soi khung cửa sổ, mấy làn gió mát lành. Ngày tháng về sau, nàng là tân nương ở nơi này, chàng vẽ mây cài trâm cho nàng trước gương, nàng pha trà hầm canh cho chàng dưới bếp. Mấy ngàn năm qua, đa số vợ chồng đều như thế, người mới thành người cũ, hiện tại thành quá khứ.

Tân hôn vui vẻ, tình chàng ý thiếp, chẳng biết tháng ngày. Nàng mới làm vợ người ta, tuy là nhà quan nhưng cũng không cần quá gò bó. Vẫn như trúc non ngoài sân, bướm bay trong vườn, thanh thản nhẹ nhàng. Lúc nhàn rỗi uống mấy chén rượu, điền vài bài từ, tài hoa không giảm, phong vận vẹn nguyên.

Hôm đó, hoa xuân nở rộ, Triệu Minh Thành dắt nàng đến Minh Quang cung uyển ngắm hoa. Từ sáng sớm đến chiều muộn, tới khi lên đèn, hứng thú chưa hết. Lý Thanh Chiếu ngẫu hứng điền từ, ghi lại một đoạn phong nhã.

Khánh thanh triều

Màn che rủ thấp, lan can bảo vệ, hoa này độc chiếm cuối xuân. Trang nhã đứng đó, dịu dàng đẹp đẽ vô ngần. Đợi khi muôn hoa nở hết, gió sương tắm gội thêm thanh tân. Yêu kiều xinh tươi, gió ghen trắng cười, giữ bước Đông quân.

⁴ Thiếp mà hai bên trao đổi khi đính hôn vào thời Tống.

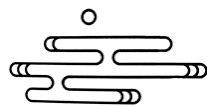
*Bên thành Đông, trên đường Nam, nắng rực sưởi trì quán, ngựa xe rộn ràng. Thịnh yến đã tàn, hương nào tiếp tục tỏa lan? Tuyệt hơn ấy cung Minh Quang, dăm cảnh đua thắm dưới ánh dương. Chén vàng ngã, nường vào ngọn nến, mặc kệ hoàng hôn.*⁵

Trang nhã đứng đó, đẹp dễ vô ngần. Yêu kiều xinh tươi, gió ghen trắng cười. Tháng Ba cuối xuân, thái bình thịnh thế, từ nhân thưởng hoa cũng tiếc hoa, có tình càng tình sâu. Hoa nàng ngấm là mẫu đơn hay thược dược, danh hoa hay loại bình thường đều không quan trọng. Thời gian yên ả, cảnh xuân bóng hoa, bình vàng sương ngọc, sao lo xuế hoàng hôn nến tàn.

Giống như cảnh hiện giờ, hương trà thoang thoảng, khói lò vẩn vít, không biết thổi đến triều đại nào, tường viện chốn nào. Thế giới bên ngoài cửa sổ, cỏ cây sân vắng có một sự lâu dài đằng đẳng. Tôi ngấm hoa đọc từ trong câu chuyện của người khác, không để ý tới.

⁵ Đông quân: thần mặt trời trong truyền thuyết, cũng chỉ vị thần cai quản mùa xuân. Minh Quang vốn là tên cung điện thời Hán, ở đây mượn để chỉ cung điện Biện Kinh thời Bắc Tống.

Mua rượu đôi tử



Trong mắt thi nhân từ khách, vạn vật trên thế gian đều có linh hồn, gần gũi với con người. Ánh mặt trời rọi trên đường quê, mưa bụi tưới tắm hoa trong sân đương nhiên là dịu dàng. Trong cội trần bất luận tài tử giai nhân hay vợ chồng quê mùa, hết thấy phong cảnh đều có tình nghĩa, cũng có câu chuyện.

Nàng tìm được nhân duyên mỹ mãn, không tham phú quý; nàng đọc sách điền từ, chẳng thích công danh lợi lộc. Một người con gái tuyệt thế vô song như vậy, tâm tư đơn giản, không lo gần, cũng chẳng lo xa. Nàng giống như cành mai buổi xuân sớm, đón tuyết bung nở, không gấp cũng không chậm, lại tranh thủ được giờ lành.

Nếu là cô gái bình thường, mới làm vợ thì nên xe chỉ luân kim, nấu cơm pha trà; ngày tháng về sau phụng dưỡng cha mẹ chồng, giúp chồng dạy con.

Song Lý Thanh Chiếu có lối sống riêng, cho dù ở nhà cha mẹ hay ở nhà chồng, nàng đều an tâm vô tư. Ngắm trăng uống rượu, tựa lan can thưởng hoa, cuộc đời tự có một vẻ thanh tú mỹ lệ.

Triệu Đình Chi hằng ngày bận rộn việc triều đình, không rảnh rang quản thúc đôi vợ chồng trẻ này. Mẹ Triệu Minh Thành nuông chiều con trai, cũng rất thích có con dâu tài hoa. Do đó sau khi kết hôn cuộc sống của Lý Thanh Chiếu không có gì khác với lúc trước ở khuê phòng.

Điều khác biệt là thời khuê nữ điền từ giải khuây, chẳng ai hỏi đáp. Nay bên cạnh có một vị lang quân tri kỷ, khiến cuộc sống vốn tĩnh lặng thêm vài phần thú vị, vài phần đầm ấm.

Sau khi vợ chồng chung sống, Lý Thanh Chiếu mới biết, thế giới của Triệu Minh Thành phong phú đa dạng hơn nàng nghĩ nhiều. Trước kia nàng nghe nói Triệu Minh Thành thích thu thập kim thạch thư họa, nhưng không biết chàng lại si mê đến thế. Thư phòng riêng của chàng chất đầy những bức tranh chữ mà chàng góp nhặt thường ngày. Những món đồ sưu tầm ở trong và ngoài tử tròng có vẻ lộn xộn, thật ra đều có xuất xứ và ghi chú.

Lý Thanh Chiếu tinh thông cầm kỳ thư họa, song không đi sâu tìm hiểu về kim thạch. Giờ đây, vì Triệu Minh Thành, nàng cũng kết mối tình duyên cả đời với những văn vật này. Niềm yêu thích của nàng dành cho kim thạch thư họa thậm chí không thua kém Triệu Minh Thành, một khi lún vào thì chẳng màng sớm tối.

Cuộc đời hạnh phúc không gì hơn là sống những ngày tháng êm đềm dài lâu với một người bạn đời cùng chung chí hướng. Sự trân quý và tuyệt diệu trong đó du dương trầm bổng mà giàu dư vị như Tống tử, ngàn vàng khó mua.

Lúc đó Triệu Minh Thành vẫn là Thái học sinh, mong một và mười lăm mới được về nhà. Họ gần ít xa nhiều, cho dù không thể luôn sum vầy nhưng cũng có trông mong nên không sinh buồn phiền.

Khi gần nhau, họ nắm tay ra ngoại thành ngắm hoa nở trên bờ ruộng, ngắm non nước tươi đẹp, hoặc cùng dạo phố phường, vào quán uống một vò rượu ngon, đến chùa Tướng Quốc tìm kiếm văn vật quý hiếm.

Khi xa nhau, Lý Thanh Chiếu một mình ở nhà, tĩnh tâm sắp xếp kim thạch thư họa cho ngăn nắp. Thi thoảng cảm thấy vắng lặng nàng cũng độc ẩm rượu nhạt, cầm bút điền từ, hoặc gửi nỗi u hoài vào dây đàn, gảy vài khúc nhạc xưa; hay cắt giấy vẩy mực, vẽ trúc lay thông reo, trăng tròn mai nở.

Năm tháng thanh tĩnh, yên bình như nước. Từ xưa văn nhân tâm tính cao thượng, thích tĩnh không thích ồn. Cuộc sống hiện tại cũng là một chặng tu hành đẹp đẽ trong những năm tháng cuộc đời của nàng. Vạn vật đều đang biến đổi, thời gian là vô tình nhất, cho dù sau này nàng cũng có cuộc sống thanh nhã thơ mộng như thế, song không còn trẻ trung nữa.

Lúc đó, Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành cần nhiều tiền bạc để duy trì việc thu thập kim thạch, giám định và thưởng thức văn vật. Triệu Minh Thành là Thái học sinh, vốn không có thu nhập kinh tế, về sau ra làm quan cũng chỉ là quan nhỏ thất bát phẩm, bổng lộc chỉ đủ trang trải nhu cầu thường ngày trong nhà. Họ lấy đâu ra tiền để mua ngần ấy kim thạch thư họa?

Sau này Lý Thanh Chiếu có một đoạn miêu tả chi tiết trong *Lời tựa để sau Kim thạch lục*: "Hai nhà Triệu, Lý vốn nghèo, xưa nay bản hàn tiết kiệm. Súc vọng hằng tháng, Minh Thành đều xin nghỉ ra ngoài, đem cầm y phục lấy năm trăm đồng tiền, vào chùa Tướng Quốc, mua văn bia và hoa quả về, cùng nhau thưởng thức nghiên cứu, tự xưng là dân Cát Thiên thị. Hai năm sau, Minh Thành ra làm quan, lập chí cho dù cơm rau áo vải cũng phải đi khắp các nơi xa xôi hẻo lánh, thu thập hết cổ văn kỳ tự

trong thiên hạ. Lâu ngày, văn vật càng tích lũy càng nhiều. Vì Thừa tướng làm việc trong chính phủ, thân bằng cố hữu có người nhậm chức ở quán các, nên thường có những sách chưa từng gặp như vong thi dật sử, Lỗ bích Cấp trung, liền ra sức sao chép, dần dần cảm thấy thú vị, đến mức không kiểm chế được. Có khi gặp tranh chữ của danh nhân xưa nay, đồ hiếm thời Tam đại, cũng nhiều lần cởi áo đổi chác. Còn nhớ những năm Sùng Ninh, có người mang đến bức tranh mẫu đơn của Từ Hi, chào giá hai mươi vạn tiền. Lúc đó dù là con em nhà quyền quý, muốn gom hai mươi vạn tiền cũng đâu dễ gì! Giữ lại hai đêm, không nghĩ ra cách nào nên đành trả lại. Vợ chồng than tiếc buồn rầu nhiều ngày."

Triệu Đình Chi tuy là quan lớn trong triều, song cũng không phải tiền nhiều đến mức dùng không hết. Còn Lý Cách Phi càng thanh bạch liêm khiết, là kẻ sĩ bản hàn, sao có tiền nhàn rỗi. Để sưu tầm kim thạch, Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành sống rất túng quẫn, song đôi bên yêu quý nhau, dù khổ cũng vui.

Mồng một, mười lăm hằng tháng, họ cùng tới tiệm cầm đồ, đem cầm quần áo và đồ dùng lấy năm trăm đồng tiền, đến chùa Đại Tướng Quốc mua văn bia và hoa quả. Về nhà, họ ngồi đối diện nhau, vừa ngắm nghía văn bia vừa nhấm nháp hoa quả, chỉ thấy tự do và vui vẻ như thần dân của Cát Thiên thị thời viễn cổ.

Thừa tướng làm việc trong chính phủ, trong số bạn bè thân thích cũng có người nhậm chức ở Bí thư tỉnh¹, thường có thơ ngoài *Kinh Thi*, dật sử ngoài chính sử và kinh truyện cổ văn cùng văn tự trên thẻ tre được khai quật từ trong tường nhà cũ của Khổng Tử ở nước Lỗ và mộ Ngụy An Ly vương ở huyện Cấp, họ bèn gắng sức sao chép, chỉ cảm thấy thú vị vô cùng, muốn thôi mà không được.

Từ đó, nếu gặp tranh chữ của danh nhân xưa nay hoặc một số đồ vật hiếm lạ thời Hạ, Thương, Chu, cho dù cởi áo đem cầm, họ cũng phải mua.

Từng nhớ những năm Sùng Ninh, có người đem đến một bức *Ngọc đường phú quý đồ* do Từ Hi thời Nam Đường vẽ, đòi hai mươi vạn tiền. Thẩm Quát thời Tống miêu tả tranh của Từ Hi rằng, "vẽ bằng bút mực, rất sơ sài, sau đó tô chút màu là thần thái khác hẳn, có nét sinh động riêng".

Mẫu đơn là vua của các loài hoa, sắc nước hương trời. Mẫu đơn của Từ Hi có thêm một phần khí chất thanh tao, siêu thoát trang nhã. Triệu Minh Thành và Lý Thanh Chiếu gặp được bức *Ngọc đường phú quý đồ* lừng danh thiên hạ, khen ngợi không ngớt lời, song khổ nổi túi tiền eo hẹp, chẳng có cách nào.

¹ Cơ quan trung ương chuyên quản lý sách vở lưu trữ của quốc gia thời xưa ở Trung Quốc.

Con em nhà quyền quý thời đó muốn gom đủ hai mươi vạn đồng tiền cùng chẳng dễ dàng gì, huống chi nghèo khó như họ. Thế là, họ giữ lại bức tranh hai đêm, chong đèn quan sát, lúc trả lưu luyến không nỡ rời. Vì vậy, hai vợ chồng tiếc nuối buồn rầu nhiều ngày, không thể nguôi ngoai.

Sau này, nhiều văn vật mà họ vất vả sưu tầm hoặc bị hủy trong ngọn lửa chiến tranh, hoặc bị trộm mất, tâm huyết cả đời trôi theo dòng nước. Lý Thanh Chiếu nói: "Nhưng có có ắt có không, có hợp ắt có tan, đó là lẽ thường. Có người mất cây cung thì sẽ có người được cây cung, hà tất so đo."

Chuyện đời khó lường, trời đất mệnh mông. Gặp nhau trong chốc lát, xa nhau cũng chỉ trong chốc lát. Tất cả những thứ có được sẽ phải mất đi. Mọi ân tình lúc này rồi có một ngày sẽ tiêu tan thành mây khói.

Những năm Càn Long, Thẩm Tam Bạch ở Cô Tô và vợ Vân Nương cũng là phu thê hiểu nhau, tình cảm đậm thắm. Vân Nương nhiều lần không tiếc cầm thoa mua rượu, cầm áo đổi thức ăn cho chồng. Ngày nhàn rỗi, hai vợ chồng cắt tỉa cây cảnh, dùng hoa và cây làm bình phong, ngồi quanh bếp lò điện tử, trò chuyện đêm khuya bên song tây.

Tài hoa của Vân Nương tuy kém xa Lý Thanh Chiếu nhưng khí chất thanh khiết, tâm tính hiền hòa, dáng vẻ đoan trang hiền thực có lẽ hơn Thanh Chiếu một bậc. Vân Nương đốt hương trong tĩnh thất, thú vị tự nhiên, lấy sương đọng trên sen chế trà, suy nghĩ độc đáo. Nàng nói: "Áo vải cơm rau, có thể vui vẻ suốt đời, không cần phải tính kế viễn du."

Sau này, Vân Nương hương tan ngọc nát, Thẩm Tam Bạch đau lòng nói: "Xin khuyên những đôi vợ chồng trên thế gian, cố nhiên không được thù hận nhau, nhưng cũng đừng nên quá đổ vỡ nặng tình. Ngạn ngữ có câu, phu thê ân ái chẳng đến cùng."

Vân Nương mất sớm, có thể nói là hồng nhan bạc mệnh. Còn Triệu Minh Thành quá cố cũng khiến Lý Thanh Chiếu nửa đời sau rày đây mai đó, tuổi xế chiều bơ vơ không nơi nương tựa, nếm hết nỗi chua xót thê lương của cõi người. Song khi yêu nhau, đôi lòng chẳng nghi ngờ, đương nhiên là bất chấp tất cả, chẳng màng gió táp mưa sa nơi trần thế.

Trong từ cất giữ nhật nguyệt, trong câu lưu lại xuân thu. Từ xưa đến nay, bao nhiêu chuyện phong lưu tao nhã, hợp tan vui buồn đều tan biến chẳng còn dấu vết. Nếu Lý Thanh Chiếu không phải là tài nữ, để lại mấy quyển thơ từ và vài bản thảo, thì chúng ta cũng chẳng biết gì về quá khứ của nàng.

Mùa thu ấy, chẳng biết thành trì của nhà Tống lại có bao nhiêu câu chuyện phong lưu, bao nhiêu ly biệt. Còn nàng, nhìn hoa quế đầy cành, cảm hứng dạt dào, lập tức viết một bài từ *Giá cô thiên*:

Sắc màu vàng nhạt vẽ dịu dàng, cho dù xa cách vẫn thơm hương. Đâu cần xanh biếc hay đỏ thắm, trăm hoa quế đứng đầu như thường.

Mai hản ghét, cúc phải nhường, Trung thu quế vẫn giữ ngôi vương. Người viết Ly tao thiếu tình tứ, vì sao năm ấy chẳng đoái thương?

Nàng dùng ngòi bút mềm mại, khen ngợi hoa quế sắc nhạt hương nồng, có thể nói là hạng nhất trong các loài hoa. Hoa mai hản ghen ghét, hoa cúc nở muộn ắt hổ thẹn. Hoa quế xứng đáng đứng đầu trăm hoa trong ngày thu. Vì sao Khuất Nguyên lại không có tình ý như thế, ông sớm uống sương sa dưới gốc mộc lan, chiều ăn hoa rụng bên hành thu cúc, có thể nói là thưởng thức hết trăm hoa, chỉ không thấy trong thơ văn ông có bóng dáng của hoa quế.

Mùa đông năm ấy, Triệu Minh Thành nghỉ ở nhà, gặp một cơn tuyết lạnh. Hai vợ chồng ngồi bên lò hâm rượu, chén tạc chén thù, có thể nói là tiên lữ chốn nhân gian khiến người ta ca tụng. Có bài từ *Ngư gia ngạo* làm chứng:

Trong tuyết đã biết tin xuân tới, hàn mai điểm tuyết cành quỳnh trĩu. Hoa thơm vừa hé đẹp ngời ngời, tựa trong sân, người ngọc tắm xong trang điểm mới.

Tạo hóa dường có ý thiên vị, nên bảo trắng sáng lung linh rọi. Cùng cạn chén vàng đựng lục nghị, chỗ từ chối, hoa này trăm hoa khôn sánh với.

Nàng yêu hoa sen băng thanh ngọc khiết, yêu hoa quế phong lưu hữu tình, càng yêu hoa mai cao ngạo lánh đời, không so bì với trăm hoa. Trong từ của Lý Thanh Chiếu có mấy bài viết về hoa mai. Nàng yêu mai đến si mê, hoa thơm cỏ lạ đua sắc, chỉ có mai siêu phàm thoát tục, không tranh giành, không cần tranh giành.

Nàng chính là cành mai trong băng tuyết ấy, được thiên nhiên ưu ái, óng ánh trong sáng, duyên dáng xinh tươi. Bình vàng đựng rượu mới sủi tăm xanh, nâng chén uống thỏa thích, thanh xuân làm bạn, vợ chồng tình sâu, đương nhiên là chuyện vui lòng đẹp mắt trong đời.

Nàng lấy người mình yêu, hạnh phúc của nàng nằm trong câu chữ, có thể bắt gặp khắp nơi. Mùa xuân năm thứ hai sau khi thành hôn, nàng vẫn là tân nương, điền bài từ *Giảm tự mộc lan hoa*:

Gánh hoa chọn lựa, mua được một cành xuân sắp nở. Lệ điểm hơi hơi, còn ngấn sương mai đáng đỏ tươi.

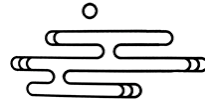
E chàng thấy rõ, mặt thiếp cùng hoa khôn sánh độ. Mái tóc nghiêng xòa, kẻ má cùng chàng đứng ngắm hoa.²

Trên đường phố Biện Kinh thường có gánh hàng hoa, sắc xuân trên vai, đưa hoa tươi còn đọng sương đến các nhà các hộ. Nàng mua một bó, thấy hoa long lanh giọt lệ, vẻ đẹp mỏng manh nao lòng, e rằng lang quân thương xót hoa xuân mà lơ là mình. Nàng cài hoa lên tóc mai, mong cùng hoa xuân không phân cao thấp, có được tình yêu của chàng.

Mọi thứ tốt đẹp trên đời đều do đôi bên thăm thiết mới có hoa nở trắng tròn. Hoa trong sân rụng hết, lại không biết phải qua bao nhiêu ngày tháng, ao sen mới trở cảnh non.

Kiếp này yên ổn, lúc thì có thứ thanh nhàn vào đầu xuân, lúc thì có nỗi sầu khổ bởi sắc thu. Biện Kinh thời Tống suy cho cùng vẫn phồn hoa náo nhiệt, người con gái trong Tống từ ngay cả ai oán cũng thanh lệ uyển chuyển nhường ấy.

² Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.



Ngoài song mưa như trút nước, sau cơn mưa này lại có bao nhiêu sinh linh không chốn nương thân. Chuyện đời vô thường, hôm qua phong tứ muôn vẻ, sớm nay tiêu tụy héo khô.

Cuộc sống tình thơ ý họa như thế của Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành chỉ duy trì được hơn một năm. Thế giới trong mắt từ nhân thuần khiết tựa hoa sen, mọi thứ đều tốt. Đợi đến khi hoa rơi tan tác bay qua mới như nằm mộng vừa tỉnh, song đã không phải là sự thú vị khi ấy nữa.

Tình hình chính trị thay đổi trong chớp mắt, họ vốn sinh ra trong gia đình quan lại, muốn đứng ngoài cuộc đâu có dễ dàng. Nếu không phải năm đó Tống Huy Tông mới lên ngôi, tranh chấp trong triều đình từng có lúc ngừng nghỉ ngắn ngủi, thì cũng không thể xúc tiến mối lương duyên của họ.

Vị đế vương phong nhã ấy mất điếc tai ngơ trước giang sơn rộng lớn, hằng ngày tựa bàn vẩy mực, viết chữ Sáu Kim, vẽ tranh hoa điệp. Ông không biết rằng ngoài thành Biện Kinh khói lửa mịt mù, trong triều đình đã gió mây vần vũ. Bề tôi của ông ngày ngày không yên phận mà tranh đấu mưu tính, nhân dân của ông từ lâu đã rơi vào bể khổ vô biên.

Năm 1102, Tống Huy Tông đổi niên hiệu là Sùng Ninh. Ông không phân rõ trung gian, yêu thích Sái Kinh, trọng dụng hẳn làm Thừa tướng. Trước đó hai phe giảng hòa, vốn bình yên vô sự, giờ đây lại bàn việc khôi phục tân pháp. Trên dưới triều đình lập tức mây đen che khuất mặt trời, phân tranh lại dấy lên.

Trong lịch sử, Sái Kinh là một tên tiểu nhân gian nịnh. Trước sau làm Thừa tướng bốn lần, tổng cộng kéo dài tận mười bảy năm, bốn lần lên xuống có thể gọi là người đầu tiên xưa nay. Phương Chấn đánh giá Sái Kinh: "Xem thường xã tắc, lòng dạ bất chính, bắt chước Vương Mãng tự lập làm Tư không, bắt chước Tào Tháo tự lập làm Ngụy quốc công, trong mắt không có tổ tông thần linh, đùa bỡn bệ hạ chẳng khác nào trẻ nhỏ; chuyên lấy việc hô hào kế thừa tân pháp Hi Ninh, Nguyên Phong làm kế sách, trên dùng tội bất hiếu để uy hiếp đế vương, dưới dùng phỉ báng gièm pha để dọa nạt thiên hạ, uy danh lấn át chúa thượng, gieo rắc tai họa cho sinh linh, kiêu căng hống hách, trong ngoài đều sợ. Quan lớn vì bảo vệ gia tộc nên không dám bàn, quan nhỏ vì

giữ chút bóng lộc nên không dám nói. Đảo lộn kỷ cương, mặc ý làm bừa, gian thần từ xưa chưa có ai hơn Sái Kinh ngày nay."

Một nhân vật như vậy, nhờ được Tống Huy Tông yêu thích nên luận bàn đại sự quốc gia, sự tồn tại của hần định sẵn sẽ mang đến bi kịch. Thời cuộc nhiều nhượng, bọn họ thừa thế trỗi dậy, mặc sức tấn công trả thù những người thuộc cựu đảng. Ánh đao bóng kiếm đủ để chấn động núi sông, phóng mắt nhìn ra xa, cỏ cây đều là binh lính.

Tống Huy Tông ra lệnh cho Trung thư tỉnh¹ ghi lại và trình lên toàn bộ quan viên phản đối tân pháp thời kỳ Nguyên Hựu cùng các đại thần từng có lời nói hành động quá khích thời kỳ Nguyên Phù². Sái Kinh bèn đem họ tên của các quan văn chấp chính như Văn Ngạn Bác, Tư Mã Quang và quan viên đãi chế³ trở lên như Tô Thúc, Triều Bồ Chi, Hoàng Đình Kiên khắc hết lên đá, định tội trạng, gọi là "gian đảng". Tống Huy Tông tự tay viết họ tên, khắc lên đá, dựng ngoài cửa Đoan Lễ, gọi là "bia những người thuộc đảng Nguyên Hựu".

Lý Cách Phi và những quan viên như Tần Quán cùng là học sĩ Tô môn, thường ngày hay qua lại, gặp cuộc hỗn loạn chính trị này cũng khó tránh khỏi tai vạ.

"Thấy quá nhiều hưng vong thật thể thảm, cười Ngô là người nào Việt là ai?" Biện Kinh lúc đó như thể đã hoán đổi thời gian không gian, nhiều điều không như ý, lại chẳng thể giải thoát. Những người từng được số phận ban cho phồn hoa ấy, hiện giờ lại không thể tránh xa tổn thương.

Bấy giờ Triệu Đĩnh nhờ vào sự khôn khéo lọc lõi, ăn ý với Sái Kinh, đương nhiên một bước lên mây. Ông ta vốn chẳng phải dạng vừa, trong tình cảnh lúc ấy có thể nói là như cá gặp nước. Về sau, nhờ ra sức luồn cúi, dựa dẫm đủ kiểu, cuối cùng ông ta bước lên ngôi vị Tể tướng, một thời vẻ vang vô cùng.

Quan trường rộng lớn, tranh đấu liên miên, thăng trầm ảo diệt không thể đoán trước. Có người rút kiếm múa may, có người cúi đầu xưng thần, đó là thiên hạ của nhà Tống, trong hùng hồn thấy âm bi ai. Có câu cờ đã đi thì không hối hận, kẻ thắng làm vua kẻ thua làm giặc, là mỹ lệ, là ảo diệt, tự theo lẽ trời và số phận.

¹ Cơ quan đầu mối chấp chính thời xưa ở Trung Quốc.

² Nguyên Phù (1098-1100): niên hiệu thứ ba của Tống Triết Tông.

³ Chức quan thời xưa. Từ thời Văn Đường đến thời Tống, đây là chức vụ của quan viên cấp cao, xếp dưới Học sĩ và Trực học sĩ.

Lúc đó, Lý Cách Phi và Triệu Đình Chi trên quan trường ai đi đường nấy, trong cuộc sống cũng không chịu qua lại. Đôi vợ chồng ân ái Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành vô cớ bị cuốn vào cơn sóng gió chính trị hỗn loạn này, suốt ngày sợ hãi, không thể sống yên ổn.

Cuộc sống phong hoa tuyết nguyệt, thơ từ trà rượu bị thời cuộc rắc rối phức tạp quấy nhiễu. Đứng trước sống chết mất còn, hai vợ chồng ngoài mặt kính nhau như khách nhưng thực ra tình cảm lại yếu ớt mỏng manh. Khoảng thời gian đó, họ chẳng còn lòng dạ nào đến chùa Đại Tướng Quốc mua tranh chữ, càng không ra phố mua rượu tìm vui. Trong thời loạn, trái tim trong sáng như nước của nàng cũng âm u ảm đạm.

Nếu Triệu Đình Chi sớm biết tình cảnh hôm nay thì khi xưa quyết không đồng ý hôn sự này. Hoa có nở tàn, trăng có tròn khuyết, núi sông trùng điệp, chưa đi đến cuối cùng, chẳng ai rõ thắng thua, khó đoán thịnh suy.

Lý Thanh Chiếu thấy cha nhiều lần bị giáng chức, chán nản thất vọng, lại thương mà không giúp gì được. Tuy nàng có tài văn chương, có thể miêu tả vạn vật gấm vóc, song không thể khiến sông núi đảo ngược, càng khó thay đổi sóng gió hôm qua.

Để cứu cha, Lý Thanh Chiếu thường ngày cao ngạo đã bất chấp tôn nghiêm, viết thơ cầu xin Triệu Đình Chi. Trong đó có câu: "Huống hồ tình cha con nhân gian!" Hẳn là mượn câu "*Mắt thấy tường trắng vui đất vàng, hướng hồ tình cha con nhân gian*"⁴ của Hoàng Đình Kiên để bày tỏ tâm trạng. Cảnh đời hoang vu, thế cuộc như vậy, có phần hoa hơn nữa cũng là đã từng.

Phụ thân đã có tuổi, cả đời làm quan thanh liêm, quang minh chính đại. Vả lại ông tâm tính văn nhân, cao thượng đoan chính, sao đâu lại nổi đám người gian tà ngang ngược kia. Chuyện Lý Thanh Chiếu lo lắng cuối cùng vẫn xảy ra.

Lý Cách Phi lụn bại, Triệu Đình Chi tránh còn không kịp, đâu bằng lòng đứng mũi chịu sào giơ tay giúp đỡ. Đối với lời khẩn cầu của Lý Thanh Chiếu, ông ta mắt điếc tai ngơ, không thêm đếm xỉa.

Trước sự lạnh lùng vô tình của Triệu Đình Chi, Lý Thanh Chiếu phẫn uất tức giận nhưng cũng chẳng biết làm thế nào. Năm Sùng Ninh thứ ba, Lý Cách Phi bị giáng chức đến Tượng Quận (nay là huyện Tượng Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc). Vào năm Sùng Ninh thứ tư và thứ năm, Lý Thanh Chiếu một lần nữa dâng thơ cho Triệu Đình

⁴ Trích bài *Ức Hình Đôn Phu*.

Chi, trong đó có câu: *"Tay nướng sắt, trái tim lạnh lẽo."* Câu này mượn câu trong bài *Lệ nhân hành* của Đỗ Phủ: *"Tay nướng sắt, quyền uy tuyệt thế, Thừa tướng mà giận phải giữ kễ."*⁵ Câu gốc của Đỗ Phủ châm biếm anh em Dương Quý phi xa hoa dâm dăng. Còn ở đây, Lý Thanh Chiêu chỉ lấy từ chứ không lấy ý.

Câu thơ của Lý Thanh Chiêu rất thẳng thắn, trong lòng nàng tự có sự xa cách, không cần che giấu. Triệu Đình Chi lúc đó làm quan đến chức Hữu thừa, quan to như thế, sao không dốc chút sức, loại bỏ cái danh gian đảng của Lý Cách Phi? Và chẳng Lý Cách Phi chỉ là hàng dư quan, thả cho ông tự do, làm một người nhàn rỗi thì có hề gì?

Khổ nổi danh tiếng "Tô môn hậu tứ học sĩ" của Lý Cách Phi quá nổi bật, cũng quá nhạy cảm. Triệu Đình Chi vốn là người cẩn thận, ông ta tham danh đoạt lợi, sao có thể vì tình riêng mà gây nguy hiểm cho địa vị của mình. Kẻ ở ngôi cao, giá rét căm căm, nhìn non nhìn nước đều khác với người thường.

Thói đời vốn nóng lạnh thất thường. Lý Thanh Chiêu thông tuệ cũng không sa sút ý chí vì sự bạc bẽo của Triệu Đình Chi. Chỉ là tình cha con bao la như trời biển, thấy cha già thu xếp hành lý, cả nhà bị đày về quê, trong lòng nàng đau xót.

Phong cảnh cuối thu, cây cối xác xơ, là nỗi sầu ly biệt, nghe âm bi ai. Biện Kinh phồn hoa như mộng, tòa thành này đã chất chứa bao nhiêu ký ức, lại trình diễn bao nhiêu hưng vong. Thứ bất biến là gió mát lồng lộng trên thành trì, cũng là dòng nước dào dạt của sông Biện.

Gió tây se sắt, cổ đạo bịn rịn, những khách qua đường bôn ba xuôi ngược ấy, có bạn, cũng có tôi.

Rời khỏi Biện Kinh sát phạt hỗn loạn, đối với Lý Cách Phi, là phúc chứ không phải họa. Bị giáng chức đến Tượng Quận, ông trồng tùng trồng cúc, cũng là chuyện tao nhã. Năm xưa, Đào Tiềm từ quan, còn Lý Cách Phi bị giáng chức gặp tai vạ, cảnh ngộ khác nhau song cũng xem là khác đường chung đích.

Lý Cách Phi không để tâm đến vinh nhục, ông chỉ lo sau này con gái làm thế nào có chỗ đứng ở nhà họ Triệu. Sao ông không biết đạo lý vinh thì cùng vinh, nhục thì cùng nhục. Điều ông có thể làm cũng chỉ là để lại vài câu dặn dò, mong nàng lẻ loi một mình vẫn không sợ gió mưa, vui vẻ bình an.

⁵ Bản dịch của Mailang.

Từ xưa tiễn biệt phần nhiều là trường đình cổ đạo, xe chạy lộc cộc, ngựa hí vang rền. Rừng rưng nước mắt vấy tay từ biệt song thân, trời đất mênh mang, chỉ còn lại nàng ngồi ngắm gió mây. Thời gian ấy, nàng thấy thanh xuân đã là xế chiều.

Từ đó xa nhau, núi sông cách trở, không biết bao giờ mới được gặp lại. Về đến phủ họ Triệu, Lý Thanh Chiếu không thể giả vờ như chẳng có chuyện gì, song nàng càng không thể vì tai kiếp của cha mà đánh mất khí tiết.

Nàng vẫn đọc sách viết từ, nỗi sầu muộn gửi vào chén rượu vơi rồi lại đầy, đầy rồi lại vơi. Muôn mối bận tâm, trong ánh chiều tà, trong ánh trăng thanh, từ nhạt đến đậm, không thể tiêu giảm.

Cuộc đấu tranh dai dẳng trong triều đình kéo dài đến mùa thu năm sau, người của cựu đảng liên tiếp bị giáng chức. Triệu Đình Chi lại như điều gặp gió, từng bước thăng quan tiến chức trong trò chơi chính trị ấy.

Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành cũng vì nhiều chuyện rối ren mà tình cảm xa cách không ít. Vì chuyện của Lý Cách Phi, Triệu Minh Thành từng cầu xin phụ thân Triệu Đình Chi song đều bị quở mắng và bác bỏ. Chàng không dám chống lại, cũng không thể chống lại, bởi mọi thứ của chàng đều dựa vào gia đình.

Tháng năm như nước chảy, buồn vui lẫn lộn. Rất muốn trở về lúc trước, vợ chồng tình sâu, uống rượu điên từ, thưởng ngoạn kim thạch thư họa dưới đèn. Họ nguyện làm dân thường, như thế thì có thể không hỏi đến thị phi trần gian, đấu tranh quan trường, chỉ trồng hoa trồng cỏ, vun vén cuộc sống trong sân nhà yên tĩnh.

Tháng Chín năm ấy, triều đình ra lệnh không cho phép con cháu của người thuộc đảng Nguyên Hựu ở lại kinh thành. Tiếp theo lại xuống chiếu: "Tông thất không được kết hôn với con cháu và họ hàng gần của gian đảng Nguyên Hựu, nếu đã đính ước mà chưa làm lễ nạp thái đều phải sửa."

Phồn hoa như gấm của phủ họ Triệu không liên quan đến nàng, thậm chí là sự mỉa mai đối với nàng. Phủ đệ rộng lớn này đã không còn chỗ cho nàng nương thân, nàng phải rời khỏi, chỉ có làm vậy mới giúp Triệu Minh Thành đứng ngoài cuộc được.

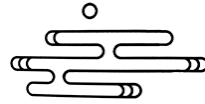
Khi Lý Thanh Chiếu từ biệt, người nhà họ Triệu chẳng buồn giữ lại. Lòng người bạc bẽo, nàng đã quen rồi nên cũng không tổn hại đến sức khỏe. Triệu Minh Thành tuy quyền luyến không nở rời song biết rõ cảnh ngộ khó khăn của Lý Thanh Chiếu trong nhiều ngày qua. Có lẽ, để nàng ra đi là tác thành cho nàng. Đã không thể che chở nàng bình an, sao không vấy tay tạm biệt.

Thời gian vội vã, ly biệt gấp gáp. Chàng nước mắt nhạt nhòa, nàng lại mỉm cười tươi tắn. Dường như tình cảm khắc cốt ghi tâm không chống chọi nổi năm tháng vô tình, chịu thua chuyện đời bể dâu.

Năm ấy, Lý Thanh Chiếu rời Biện Kinh, một mình về quê nhà Chương Khâu, thêm phần tiếc nuối. Năm ấy, Triệu Minh Thành bước vào hoạn lộ, bắt đầu làm quan nhưng không được mát mái xuôi chèo.

Biện Kinh và quan trường đón người đến, cũng tiễn khách về. Họ chỉ là một trong muôn ngàn người đi đường, có gì đáng oán, có gì đáng buồn đâu.

Đời không kinh sợ



Sương chiều khói bếp, cổ đạo dịch trạm, lều tranh cửa sài, giậu tre quanh nhà, phong cảnh mộc mạc chốn dân gian bình đạm như thế. Lý Thanh Chiếu ngồi xe ngựa về quê song không chán nản buồn bã. Trời đất bao la, nàng chỉ là một cô gái yếu đuối của Đại Tổng, phúc họa yêu hận đều không do mình.

Mọi thứ chốn quê nhà đều không thay đổi, cảnh sắc non nước vẫn như năm xưa. Nhưng nàng không còn là thiếu nữ chèo thuyền con hái sen ấy nữa. Nàng một mình quay về, mang theo nỗi tương tư và gió bụi dặm trường.

Lý Cách Phi bị bãi quan, quy ẩn điền viên, ngược lại an nhàn tự tại. Ông khai hoang trồng tùng, sửa rào trồng cúc, ban ngày rủ dăm ba hàng xóm uống rượu chơi cờ, ban đêm đọc thi thư dưới trăng. Những tranh đấu trong triều, lòng người hiểm ác kia như đã cách biệt một đời, chẳng liên quan đến ông nữa.

Đào Uyên Minh từ quan viết thơ: "*Hái cúc dưới giậu đông, thành thơ ngắm núi Nam.*"¹ Tô Đông Pha mấy phen bị giáng chức, vẫn có từ: "*Thuyền con đi tí tít hút, sóng biển gửi đời thừa.*"² Họ đều là người khoáng đạt hào phóng, không câu nệ tục lễ, không sợ buồn khổ. Lý Cách Phi chịu ảnh hưởng sâu sắc của ân sư, lần này trở về, nội tâm ung dung, thản nhiên xử thế, không để tâm đến thịnh suy.

Có người gửi tình vào rừng núi, dù ở nơi thôn hoa vẫn có chốn về yên tĩnh; có người gửi tình vào hải hồ, dù cả đời lặn lội vẫn giữ được tình thơ; cũng có người gửi tình vào hồng trần, thế giới của họ hẳn bị danh lợi và tình cảm vướng víu, không được thanh tịnh.

Trăng sáng trong núi, gió mát trên sông, nước chảy hoa nở đều là ý vị thiên nhiên. Nếu biết thưởng thức thì tự có phong vận tao nhã vô hạn. Nếu tham danh lợi, hưởng xa hoa, rơi vào dung tục, dầu hoa thắm trắng tròn thì có thể tốt đẹp bao lâu?

Thấy cha già vứt bỏ công danh, rời xa thị phi quan trường, hằng ngày đọc sách phẩm trà, trồng hoa chăm cỏ, Lý Thanh Chiếu liền yên tâm. Linh hồn vốn không nơi neo đậu của nàng cũng đã có bến đỗ nhờ sự thanh đạm của cha.

¹ Trích bài *Ẩm tửu kỳ 5*.

² Trích bài *Lâm giang tiên*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Thứ có thể gửi gắm chân tâm trên thế gian không chỉ là tình yêu, mà còn có thơ đàn rượu trà, cỏ cây núi đá. Tuy nàng tương tư thành bệnh, song có mây trắng gió mát bầu bạn, cũng đủ để khuây khỏa. Như thế cũng tốt, có thể nhạt lại chén rượu, cầm lại cây bút; một mình, mặc kệ hoàng hôn đêm tối, không vương không bận.

Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành vợ chồng son trẻ, tình cảm mặn nồng, xa cách đôi nơi như thế, sao có thể không tương tư. May mà có thư từ qua lại, nhờ dịch trạm gửi hoa mai. Nàng đem muôn vàn tâm sự diễn hết vào từ. Thế là đã có *Túy hoa âm*, đã có câu hay "Người độ hoa vàng võ":

Sương tỏa mây đùn sâu ử rữ. Hương thoảng lò kim thú. Giai tiết lại Trùng dương, gối ngọc màn sa, đêm khuya lạnh vừa thấu.

*Đông ly nâng chén hoàng hôn phủ. Tay áo hương trầm ử. Đừng bảo chẳng tiêu hồn, rèm cuốn tây phong, người độ hoa vàng võ.*³

Trong quyển *Lang Hoàn ký* của Y Thế Trân thời Nguyên dẫn *Ngoại truyện*: "Dị An gửi bài từ *Trùng dương - Túy hoa âm* cho Minh Thành. Minh Thành khen ngợi, tự thẹn không bằng, muốn phải thắng nàng, bèn không tiếp tất cả khách khứa, quên ăn quên ngủ trong ba ngày ba đêm, viết được năm mươi bài từ, để bài của Dị An xen lẫn vào trong đó, đưa cho bạn là Lục Đức Phu xem. Đức Phu xem đi xem lại, nói: 'Chỉ có ba câu tuyệt hay.' Minh Thành gặng hỏi là ba câu nào, Đức Phu đáp: 'Đừng bảo chẳng tiêu hồn, rèm cuốn tây phong, người độ hoa vàng võ.' Chính là ba câu Dị An viết."

Tài hoa của Lý Thanh Chiêu, ở cả Đại Tống, thậm chí nhiều triều đại, đều không ai vượt qua được. Nhưng nàng cũng chỉ là người con gái bình thường, tình của nàng trao cho một người, vui vẻ vì chàng, cũng buồn bã vì chàng.

Tuổi xuân chóng qua, hồng nhan dễ già, biết bao giai nhân, trong năm tháng vô tình, lặng lẽ điêu tàn, một đi không trở lại. Cho dù nàng mắt mày như tranh vẽ, chim sa cá lặn, người đời cũng không biết nàng từng đến đây, đi giữa rục rĩ, dừng ở yên bình.

Nếu may mắn gặp được một người, dấu nhan sắc phai nhạt, mỹ nhân luống tuổi, cũng phong nhã tài hoa không giảm. Được nâng niu như ngọc quý, vừa thương vừa tiếc, lo gì tuổi xuân đã mất? Nếu gặp kẻ phàm phu, dấu thanh xuân trẻ trung, xinh đẹp như hoa, cũng chỉ là chăn đơn gối chiếc, uống công trang điểm, làm sao có tuổi xuân? Tình yêu còn, tuổi xuân còn; tình yêu hết, tuổi xuân mất.

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Một mình ở bên rèm châu, ngồi ngắm hoàng hôn, không biết giờ là lúc nào. Chỉ nhìn lá rụng lá tả, hoa mai ngao tuyết, xuân đi hạ đến. Vạn vật kiên định, tươi tốt và khô héo không thương lượng với con người, ấy là vô lễ, hay là kính sợ?

Trăng nhạt rèm thưa, gió thu mát rượi như nước, bấy giờ là lễ Thất tịch. Năm xưa họ thường trăng trong sân, uống trà dưới hoa, nhìn nhau mãi không chán. Hôm nay cách trở núi sông, tương tư thành bệnh, thư gấm khó gửi.

Để cầu công danh, chàng ở lại Biện Kinh, còn đôi chút ý chí phấn đấu, cũng tranh vài phần phong thái hào kiệt trong dòng nước xiết sóng đục. Nàng ngồi dưới mái hiên trước sảnh, ủ rượu pha trà, giữ một phần thoải mái, một phần sáng khoái giữa cảnh đẹp phàm trần.

Từ về Thất tịch, *Thuốc kiều tiên*⁴ của Tần Quán là tuyệt nhất. "*Gió vàng, móc ngọc một gặp nhau, hơn biết mấy người đời gần gũi.*" Ông nói, "*Hai tình ví phỏng mãi lâu dài, đâu cứ phải mai mai tối tối!*"

Nhưng dưới trần trên trời, mỗi năm gặp một lần, làm sao không lo nghĩ sâu oán. Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành ly biệt tính ra đã một năm, ngày xưa tay áp má kề, ngày nay chỉ gặp nhau trong mộng.

Lúc này nàng và chàng tuy ở nhân gian, giữa hồng trần, song lại cách cả dòng sông thế sự. Nàng quay người biển cả, chàng đã là nường dâu. Cuộc hỗn loạn chính trị ấy mãi không sóng yên gió lặng, họ phải vượt qua rào cản thế tục, từ đó tự do như gió bằng cách nào?

Đêm đó, nàng một mình nâng chén, uống cạn dĩ vãng, cầm bút điền một bài *Hành hương tử* để xoa dịu tâm trạng ngày lễ nhớ người phương xa:

Đế kê than trong cỏ, rơi rụng lá ngô đồng, cỏi nhân gian trời cao sâu đậm. Đất sáng trăng lớp lớp từng mây, quan ải khóa nghìn trùng. Vội vàng bè nổi đến, rồi bè nổi đi, thấy nhau không được những kẻ tình si.

*Chim ô thuốc bắc cầu sao, mấy năm rồi gặp nhau một thoáng, tình xa hận cách nhớ cực cùng. Khiên Ngưu Chúc Nữ, trong xa cách tuyệt không? Vô cùng, một thoáng tạnh, một thoáng gió, một thoáng đổ mưa.*⁵

⁴ Bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

⁵ Bản dịch trên thivien.net.

Khiên Ngưu Chúc Nữ vẫn có kỳ hạn gặp nhau, còn họ trùng phùng vào ngày nào. Xuân thu đông hạ, bốn mùa thay đổi, chỉ có tương tư không đổi, như rượu mạnh, tựa sâu đậm, xưa mãi không đi.

Mùa thu ấy dài lê thê, ngoài song cỏ thơm lan tận chân trời, xa xăm bát ngát, không nhìn thấy tận cùng. Tuy gặp hoạn nạn khốn khó nhưng nàng không buồn không oán, thâm tâm yên tĩnh. Thế gian này vẫn có một người đáng để nàng sống tiếp một cách vẹn nghĩa trọn tình.

Thời gian không đáng sợ, tâm sự chưa từng rồi. Lý Thanh Chiêu ở Chương Khâu đã hai năm, thời gian ấy nàng sớm đã học được cách gặp loạn không kinh sợ. Nếu không phải Biện Kinh có Triệu Minh Thành, nàng bằng lòng kẻ cận mảnh non nước này, ăn mặc đơn giản, già chết ở quê.

Cha nghiêm nhiên trở thành một vị ẩn sĩ thế ngoại, những biến động bất ngờ, người tranh ta đoạt chốn quan trường, với ông, đã là chuyện kiếp trước. Ở quan trường, ông dám chịu trách nhiệm; ở hồng trần, cũng có thể ung dung buông bỏ.

"Dù sống lâu ngàn tuổi, cuối cùng vẫn phải chết." Huống chi, ông chưa bao giờ là bá chủ, chưa từng được người ta ngưỡng vọng, giờ đây sa sút cũng không bị chê cười. Ông không mong tên mình được lưu vào lịch sử, chỉ mong đứng ngoài cuộc, giữ vài quyển thi thư, vẽ mấy mẫu ruộng, không đến mức sơn cùng thủy tận.

Ông vui với gió mát trăng thanh, cuộc đời bình đạm. Còn Triệu Đỉnh Chi thì thăng chức nhanh chóng, khí thế mạnh mẽ. Năm Sùng Ninh thứ tư (1105), Triệu Đỉnh Chi nhậm chức Thượng thư hữu bộc xạ, kiêm nhiệm Trung thư thị lang, quyền cao chức trọng, có thể sánh với Sái Kinh, nhìn xuống chúng sinh, song lại sống nơm nớp thấp thỏm.

Lúc đó, người đảng Nguyên Hựu đã hoàn toàn thất thế. Còn cuộc đấu tranh giữa tân đảng lại lặng lẽ mở màn. Tống Huy Tông vẫn sống mơ màng, không phải ông không muốn làm một vị hoàng đế tốt, được trăm họ ủng hộ, mà là ông lực bất tòng tâm. Nhiều bề tôi trong triều trông có vẻ chỉ là con cờ chính trị của ông, mặc cho ông bố trí ván cờ, nhưng thực ra ông bị người khác thao túng.

Tháng Sáu năm ấy, để tránh mũi nhọn của Sái Kinh, Triệu Đỉnh Chi viện cớ bị ốm, xin bãi chức Thượng thư hữu bộc xạ. Sái Kinh là gian thần khét tiếng trong lịch sử, kéo bè kết đảng trong triều, thậm chí cô lập cả Huy Tông, làm điều ngang ngược, đảo lộn trắng đen, khiến tiếng oán than dậy khắp dân gian. Câu chuyện trong *Thủy hử truyện* xảy ra vào thời kỳ Sái Kinh nắm quyền.

Triệu Đình Chi dấn thân vào cuộc tranh đấu này, đường nhiên không bỏ lỡ cơ hội, chỉ trích Sái Kinh trước mặt Huy Tông. Những gì ông ta nói, Tống Huy Tông đều biết, nhưng vì nhiều điều kiêng dè nên vẫn phải dùng Sái Kinh. Sau khi suy nghĩ, nhà vua bèn cho phép Triệu Đình Chi bãi chức Tế tướng, song lại cho ông ta chức hờ có hàm tước rất cao, để ông ta ở lại kinh thành, kiêm chế Sái Kinh.

Ba anh em nhà họ Triệu cũng vì thế được phong thưởng, có chức quan. Triệu Minh Thành nhận chức Hồng lư thiếu khanh, anh cả Tôn Thành là Vệ úy khanh, anh hai Tư Thành là Bí thư thiếu giám. Tư Thành quản lý sách vở trong cung, nên Minh Thành có thể mượn đọc một số sách. Mỗi lần gặp sách lạ thì lưu luyến không thôi, chuyện này đều có ghi chép trong *Lời tựa để sau Kim thạch lục*.

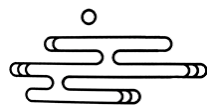
Chàng có kim thạch thư họa bầu bạn năm tháng cô đơn. Nàng cũng có thơ từ trà rượu an ủi thời gian hiu quạnh. Năm tháng sẽ không bạc đãi người có tình, tất cả khổ sở ly biệt và gió thảm mưa sầu đều là tạm thời. Vượt qua được, chính là tâm đầu ý hợp, là nắm tay gắn bó.

Cuộc đời nhiều năm vội vã, bao nhiêu sự vật đều tan tành mây khói, chẳng để lại gì cả. Những người và việc chẳng liên quan, danh lợi hư ảo ấy cần gì phải quá quan tâm. Điều đáng than là, người thông minh tài trí luôn quá đổi thấu triệt, nhưng quá đổi tỉnh táo lại khó tránh tự tổn thương.

Nếu như có thể, hãy trả tiếc nuối cho đất mẹ, rồi để từ bi ở lại nhân gian. Chỉ cần vạn vật thanh bình, năm tháng ung dung, đời không kinh sợ, hồng nhan không già.

Cực
sách
sánh
trà,
chỉ
nói
là
bình
thường

Chia xa gặp lại



Vương Quốc Duy có câu: *"Mọi việc nhân gian chẳng đáng tin."* Đúng vậy, mọi thứ trên nhân gian đều không dựa dẫm được, không cưỡng cầu được. Vạn vật tồn tại chân thực ở hiện tại, trong chớp mắt đã mờ mịt không còn dấu vết, khó mà chạm tới.

Danh lợi, tình ái, thậm chí tuổi xuân mà bạn có đều chỉ là ảo cảnh. Có lẽ dăm ba năm, có lẽ vừa quay lưng là cảnh còn người mất, ngỗ ngàng nhìn nhau.

Người trong cỏi trần ai chưa từng trải qua bể dâu, chìm nổi vốn bình thường, được mất cũng tùy ý. Tình hình chính trị biến ảo khôn lường, ngay cả đế vương cũng không thể chi phối, hưởng hồ thần dân.

Năm Sùng Ninh thứ năm (1106), Tống Huy Tông ra lệnh: bãi bỏ tất cả lệnh cấm về người thuộc đảng Nguyên Hựu, tiêu hủy bia người đảng Nguyên Hựu. Các quan viên bị giáng chức, chịu liên lụy trước kia cũng được triều đình dùng lại. Có thể nói là sông có khúc người có lúc, thăng trầm bất định.

Năm ấy, Sái Kinh bị bãi chức Thừa tướng, Triệu Đĩnh Chi tái nhiệm. Cảnh thời loạn, người thắng thì hưng, người bại thì suy, biến động bất ngờ cũng không có gì đáng hoảng sợ. Bầu trời lịch sử sao dày như mưa, lặng lẽ thoát sáng thoát tối đều chỉ là thuận theo ý trời.

Trong thoáng chốc, Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành như vén mây thấy mặt trời, liễu rậm hoa tươi. Nàng cũng xem là từng nếm trải hoạn nạn nhân gian, lần này về kinh đương nhiên là vừa kinh ngạc vừa vui mừng. Ly biệt hai năm khiến người ta học được sự ôn hòa, có vài phần day dứt với cuộc đời không thể do mình làm chủ này.

Trong số những quan viên bị cách chức ấy có nhiều người mất hứng nên về với ruộng vườn, không vào triều làm quan nữa. Hoặc đối ẩm với thông reo, hoặc buông cần câu trắng ngàn, làm người nhàn tản, ngắm hết mấy lần hoa nở là cuộc đời cũng nhanh chóng trôi qua.

Đào Hoa am ca của Đường Bá Hổ có câu: *"Mong giữa hoa già nằm lúc thác, chẳng muốn lưng khom trước ngựa xe; kẻ sang xe ngựa thiết tha, người nghèo chén rượu canh hoa duyên mới. Dem nghèo khó so nơi đài các, có khác chi một vực một trời, sang giàu*

nghèo khó so coi, họ thời tất bật ta thời nhàn thân. Người cười bảo ta điên ta dại, ta cười người thấy lại quá nông; năm lắng hào kiệt thấy không, không hoa không rượu thành đồng ruộng xanh.¹"

Ẩn sĩ chân chính tự phong lưu, nếu không có tấm lòng ngay thẳng thì cũng không viết ra được văn chương khoáng đạt như thế. Từ xưa biết bao văn nhân nửa ở ẩn nửa làm quan, lo được lo mất, rối cuộc tâm ý khó yên.

Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành gặp lại sau bao ngày xa cách, không kể nỗi khổ ly biệt, không nói niềm vui tương phùng, chỉ lặng lẽ bên nhau, mong được dài lâu. Hương trà lan tỏa trong nhà, hàng vạn quyển sách cất giữ trong tủ, như mộng như ảo. Chỉ có hơi ấm khi đôi bên nương tựa là có thể chân thực cảm nhận được.

Ngày tháng như xưa, thơ rượu dịu dàng. Dường như hết thảy đều chưa từng xảy ra, họ trở về trong câu chuyện của mình, làm nhân vật chính. Những khách qua đường nườm nượp kia chỉ là phong cảnh có cũng được mà không có cũng được, chẳng thể quý nhiều nàng nữa.

Triệu Đĩnh Chi lần nữa lên ngôi Tế tướng, ông ta đã quen với tầm cao thế này, khuấy động gió mây, cũng ngấm sao trông trăng. Tướng phủ đông như trẩy hội, tiệc tùng linh đình.

Lưu Vũ Tích có câu thơ: *"Én xưa nhà Tạ, nhà Vương, lạc loài đến chốn tầm thường dân gia."²* Bất kể danh gia vọng tộc hiển hách nhường nào đều có ngày suy tàn, cảnh tượng thịnh thế cũng sẽ tan theo nắng tàn khói thoảng. Sao trời rực rỡ cuối cùng trở về tịch liêu, không đáng buồn, cũng chẳng đáng than.

Lý Thanh Chiêu không thích những sự náo nhiệt phù phiếm này, từ lâu nàng đã chẳng để tâm đến thịnh suy của phủ họ Triệu. Nếu không phải vì Triệu Minh Thành, nàng cũng sẽ không ở lại phủ đệ vô tình này, sớm tối chung sống với những người không quan trọng đó.

Ngày thu năm ấy, không biết ai đưa đến biếu mấy cây cúc trắng, bỗng dưng khơi gợi tâm sự. Lý Thanh Chiêu đối ẩm với cúc, nhớ đến mấy năm ly biệt sống ở quê nhà, lại giống như cổ nhân ẩn cư vậy, bất giác thổn thức, lấy bút viết một bài *Đa lệ - Vịnh bạch cúc*:

¹ Bản dịch của Lê Xuân Khải.

² Trích bài *Ô Y hạp*, bản dịch của Tản Đà.

Lầu con rét, đêm dài mảnh rủ trưởng buồn. Hận gió mưa, vô tình vi vút, khuya vẫn da ngọc tổn thương. Chẳng giống đâu, Quý phi ngà chén, tựa đâu mà, Tôn Thọ chau mi. Hàn lệnh trộm hương, Từ nương thoa phấn, xin chớ đem so mới mẻ gì. Ngắm kĩ xem, Khuất Bình Đào lệnh, phong vận khéo vừa y. Gió nhẹ hiu, hương thanh kín đáo, nào kém đồ mi.

Thu dần tàn, tuyết trong ngọc mảnh, người ơi bịn rịn mãi chưa. Như ngưng sâu, thần nữ tháo châu, dưỡng lệ tuôn, thơ để quạt lựa. Gió mát trắng thanh, sương dày mưa tối, trời khiến dáng kiều kia héo úa. Tiếc cùng yêu, mà biết từ nay, giữ được bao lâu nữa? Tình người thăm, cần gì phải nhớ, bên đầm giậu thưa.³

Cúc trắng như ngọc, bị gió sương vô tình hủy hoại, không nề tình, không thương xót. Nhưng cúc trắng phẩm chất thanh cao, không giống Quý phi say rượu, cũng không giống Tôn Thọ chau mày. Chỉ có tính cách cao ngạo của Khuất Nguyên và Đào Tiềm hợp với nó.

Tuyết thanh ngọc gầy, cúc trắng có niềm lưu luyến vô hạn đối với nhân thế này, hiềm nỗi khói mưa u ám đã làm tổn hại dung nhan. Người đời đa phần nước chảy bèo trôi, sao chịu quý trọng bảo vệ nó. Cúc trắng cô đơn, bị người lạnh nhạt, giống như bản thân Thanh Chiếu. Nàng chính là cây cúc trắng ấy, lay lắt trong mưa gió của Đại Tống.

May thay, nàng có Triệu Minh Thành; may thay, họ chí hướng hợp nhau, không sa vào dung tục. Thời gian đó, Triệu Minh Thành chức quan khá cao, đã có bổng lộc, túi tiền rủng rỉnh hơn trước nhiều. Nhờ thế, hai người có thu hoạch phong phú về nghiên cứu sách cổ kim thạch.

Biện Kinh vẫn mang dáng vẻ khi xưa, phố chợ phồn hoa, thương khách tụ tập, dòng người tấp nập. Nàng lại trở về phong thái lúc trước, tự do tản mạn, không chịu vào khuôn phép. Ban ngày hoặc nhân nhả dạo phố, uống mấy bình rượu, hoặc đến sông bạc chơi vài ván, sáng khoái một phen. Ban đêm thì tựa bàn sao chép kinh truyện cổ văn và văn tự trên thẻ tre, lặng lẽ nghiên ngẫm.

³ Bản dịch của Tùng Phong. Hàn lệnh: Hàn Thọ; Từ nương: Từ Chiêu Bội, phi tần của Lương Nguyên đế; Khuất Bình: Khuất Nguyên; Đào lệnh: Đào Tiềm.

Một hôm, Lý Thanh Chiếu một mình nghiên cứu nội dung của mộ chí trong phòng. Có một tờ bản dập thiếu lạc khoản, để làm rõ, nàng tìm các tác phẩm thư pháp gần giống nhau của tám thể chữ, tinh tâm đối chiếu.

Ngoài song mây trắng nhõn nhõ, trúc biếc cao vượt tường viện, ngày tháng tươi đẹp quả là ngàn vàng khó đổi. Khi nàng đang đắn đo chưa xác định được thì Triệu Minh Thành dẫn tới một vị cao nhân. Người này tuổi ngoài năm mươi, ăn mặc xuềnh xoàng song ánh mắt có thần, chẳng giống kẻ tầm thường. Ông ta cầm chiếc bình nhỏ tinh xảo, tùy ý uống thỏa thích, thong dong thoải mái.

Không ngờ, người này lại là nhà thư pháp lớn Mễ Phát. Mễ Phát giỏi thơ văn, thạo thư họa, tinh thông giám định. Ông có cá tính quái dị, cử chỉ điên cuồng, người ta gọi là "Mễ điên". Tống Huy Tông vời ông làm Thư họa học bác sĩ, ông cùng Sái Tương, Tô Thức, Hoàng Đình Kiên hợp xưng là "Tống tứ gia".

Thư họa của Mễ Phát tự thành một nhà, khô mộc trúc thạch, sơn thủy tả ý đều có phong cách độc đáo, có danh hiệu "Mễ thị vân sơn"⁴. Trình độ thư pháp rất cao, nổi tiếng với thể chữ Hành, Thảo.

Một bậc thầy như vậy, nay ở bên cạnh cũng xem là kỳ duyên hiếm có. Lý Thanh Chiếu nhân cơ hội này, xin Mễ Phát giúp giám định người viết *Mộ chí Chu La Hầu thời Tùy*.

Lý Thanh Chiếu tư chất thông minh, được Mễ Phát chỉ bảo sơ qua đã biết chữ này là tác phẩm của Âu Dương Tuân. Mễ Phát cũng thán phục tài hoa và sự hiểu biết của nàng, cười nói đáng tiếc là tài nữ chứ không phải tài tử, bằng không có thể nhận nàng làm đệ tử.

Lý Thanh Chiếu vội trả lời, không dám nhận là tài nữ, song nhất định phải làm đệ tử của ông. Sự xuất hiện của Mễ Phát giống như mưa thuận biết thời tiết, có thể nói là đúng lúc. Thường ngày, người có thể uống rượu trò chuyện với Lý Thanh Chiếu chỉ có Triệu Minh Thành.

Tài hoa, tâm tính của nàng, người thường đâu mong sánh kịp. Nhưng từ xưa đế vương khanh tướng, tài tử giai nhân đều đến từ ngõ phố bình thường hoặc gia đình thôn quê. Trời đất bao la, quan san muôn dặm, cùng ở một triều đại đã là duyên, gặp nhau hiểu nhau càng khiến người ta trân quý.

⁴ Nghĩa là "Núi đồi trong mây của họ Mễ".

Đời người đạt đến một mức độ nào đó thì tri âm càng khó tìm. Văn nhân nhã sĩ phần nhiều trọng tình không trọng lợi, dựa vào niềm tin trong lòng, đi qua muôn nước ngàn non, trước sau không mất chí khí. Cũng bởi biết bao tình ý này mới có thể xuyên qua thời gian, chống lại mưa gió bể dâu.

Hôm ấy, Lý Thanh Chiếu vui vẻ và như ý. Nàng lấy rượu ngon lâu năm ra, mang tranh chữ sớ tầm thường ngày ra cùng thưởng thức với Mễ Phát. Thư họa cổ xưa cất giấu năm tháng lặng lẽ, bao nhiêu thế sự theo gió tan đi. Chỉ dựa vào mấy bức tranh thủy mặc, vết mực loang lổ này để tìm kiếm đôi chút hơi ấm của lịch sử, khí tiết của người xưa.

Những văn vật không đủ bộ này rơi vào tay người bình thường có lẽ chẳng đáng một đồng, song rơi vào thư phòng của người yêu thích thì là vô giá. Tính cách cật tãi ngạo mạn, phóng khoáng không chịu gò bó của Mễ Phát khiến Lý Thanh Chiếu khâm phục. Thái độ như si như say với nghệ thuật thư họa của ông cũng cảm hóa nàng. Cuộc trò chuyện của họ tản mạn tùy hứng, vui vẻ say sưa, một chén rượu một chung trà có thể bằng mười năm mộng trần.

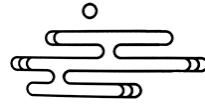
Mễ Phát từng làm một bài thơ: *"Bàn gỗ giấy bút đặt, song sáng nghiên mực bày. Xem công danh như kịch, không thấy uống đời này."*

Tài hoa của ông được năm tháng khẳng định, giống như Lý Thanh Chiếu, cũng là nhân vật được viết vào trong lịch sử. Có để tiếng thơm muôn đời hay không, có được người ta ghi nhớ hay không đều không quan trọng. Nhân gian này vốn chẳng có nhiều lưu luyến, giống như cỏ cây vậy, từng đến đây là tốt rồi.

Họ nói về thi họa và sách cổ, cũng bàn về nhân sinh và lo cho thời thế. Tướng phủ lúc ấy sân nhà tĩnh mịch, quang đăng sáng sủa, song không biết chuyện đời vô thường, lại có một cơn mưa gió sắp ập đến.

Mặc kệ người là vương hầu khanh tướng, một khi gặp buổi tao loạn cũng yếu ớt như hạt bụi. Vinh của tướng phủ không liên quan đến nàng, nhưng nhục của tướng phủ nàng phải cùng gánh vác. Những tổn thương vô lý này đều là tai kiếp phải trải qua trong đời, qua rồi cũng sẽ ung dung.

Hoài Nam Tử - Nguyên đạo huấn nói: *"Nhạc tấu thì vui, khúc dứt thì buồn, buồn vui chuyển đổi lẫn nhau..."* Khúc dứt người tan, thánh giả lũ lượt rời đi, còn con hát đa tình kia vẫn ở trong câu chuyện của người khác, cố diễn một kết cục khác.



Quy khứ lai hê từ của Đào Tiềm có câu: *"Việc xưa biết chẳng can thành, việc sau sắp lại đuổi mình đến nơi. Đường mê thực chữa xa xôi, nhận ra nay đúng, xưa thời là sai."*¹ Sự tỉnh ngộ của ông không có hối hận, mà là nhận biết về vạn vật, là siêu thoát khỏi thế tục.

Mọi sự vật trong phàm trần đều ẩn thiên cơ. Con người một khi đã đi vào cảnh thiên, nhìn phong cảnh thiên hạ đều có tình ý, vô vàn chương ngại cũng không dính thân. Nhưng hết thấy ảo cảnh đều cần dùng câu chuyện chân thực để lấp đầy năm tháng.

Phật dạy, mệnh do mình tạo, tướng do tâm sinh, vạn vật trên đời đều là hóa tướng. Tâm bất động, vạn vật đều bất động; tâm bất biến, vạn vật đều bất biến. Sự thấu suốt này giống như ánh sáng trong trẻo ngoài khung cửa sổ mùa thu, tĩnh tới mức khiến người ta không biết lo âu, mong thỏa hiệp cùng trần thế.

Hiềm nỗi, người trong quan trường, đã tham dự chuyện triều chính, động lòng trước phú quý, muốn an toàn rút lui dù sao cũng quá muộn rồi. Thời kỳ đó, vương triều Đại Tống luôn hỗn loạn, chưa từng có sự yên ổn thực sự. Tranh đoạt sát phạt trong triều đình còn sắc bén hơn hắc bóng kiếm ánh đao trên chiến trường.

Tháng Giêng năm Đại Quan thứ nhất (1107), Sái Kinh một lần nữa được Tống Huy Tông trọng dụng, phục chức Thừa tướng. Sái Kinh Đông Sơn tái khởi, khiến Triệu Đĩnh Chi trở tay không kịp, không thể tránh né. Nhiều năm tranh đoạt, Sái Kinh hận Triệu Đĩnh Chi thấu xương, giờ đây đắc thế, sao chịu bỏ lỡ dịp tốt.

Triệu Đĩnh Chi tự biết lần này khó tránh tai kiếp, hết cách cứu vãn. Chiến trường vô tình này đã không thể cho ông ta mấy may cơ hội điều đình. Triều đình từng gió nổi mây vần, hiện giờ chỉ còn lại mặt sông tuyết đọng. Non sông này vốn không phải của ông ta, ông ta chỉ tham gia một trò chơi, cũng lường trước sẽ bị thua.

*"Sợ rằng hoa khó thoát kiếp nạn, chẳng bằng thành bụi xuôi dòng. Bực yến oanh riu rít làm ồn. Tịch dương còn một tức, chịu nổi mấy tiêu hồn?"*² Lúc ấy Triệu Đĩnh Chi đã gần bảy mươi tuổi, nên xa rời danh lợi từ lâu, chỉ trách ông ta quá đổi mê muội, dứt ra

¹ Bản dịch của Châu Hải Đường.

² Trích bài Lâm giang tiên của Hạ Thừa Đào.

quá muộn. Đời này, ông ta từng có quyền lực, leo trên ngôi cao cúi nhìn thiên hạ, cũng không có tiếc nuối.

Vì tình tảo nên càng thêm lo lắng. Ông ta mặt ủ mày chau, nhưng không phải vì lợi ích riêng của mình. Điều ông ta lo là vận thế của nhà họ Triệu, là tiền đồ của con cháu. Để cầu bình an, ông ta quyết định chủ động xin từ chức, ẩn nhẫn tránh né, nhưng thư xin từ chức không được phê chuẩn.

Sơn hà một khi đã tuyệt tình thì không nói lý lẽ, cũng không cho cơ hội hối cải. Giác ngộ triệt để lúc này là vì tha thứ cho sự hồ đồ và hoang đường khi xưa. Khói lửa sinh, can qua nổi, thế gian mệnh mang đã chẳng còn chốn an thân.

Triệu Đĩnh Chi ngã bệnh, ở lì trong nhà, nằm liệt trên giường. "Con chim sắp chết, tiếng kêu bi ai; người ta sắp chết, nói lời chân thành." Ông ta đã cùng đường mặt lộ, nhân thế có nhiều phù hoa và công trạng đến mấy cũng chẳng liên quan đến ông ta. Ánh mắt ông ta đã không còn vẻ ngông nghênh khi xưa mà trở nên ôn hòa từ bi.

Ông ta biết rõ sự hiểm ác trong đấu tranh chính trị, không muốn thấy con cháu nhà họ Triệu theo gót mình, cả đời tầm thường, không có kết cục tốt đẹp. Nhưng đã muộn. Con bệnh này đến như núi đổ, ông ta biết mình chẳng còn sống được bao lâu, đời người như ảo mộng, cuối cùng sẽ trở về hư vô.

Lý Thanh Chiếu nhìn ông già như ngọn nến trước gió này, trong lòng không nở. Nàng đặt bút xuống, tạm gác thi thư, không nhớ oán cũ, không tính hiềm xưa, ở bên cạnh hầu hạ, bưng trà đưa thuốc cho ông ta, chăm nom sớm tối.

Trước đó, Lý Thanh Chiếu vì chuyện cha nàng Lý Cách Phi bị giáng chức nên oán hận Triệu Đĩnh Chi, hiện giờ ân oán đều tiêu tan. Nàng thấy rõ sự vô tình chốn quan trường, cũng biết Triệu Đĩnh Chi nhiều năm qua tranh đoạt danh lợi chẳng dễ dàng gì. Nhìn bóng lưng già nua kia, nàng bất giác nhớ tới người cha xa tận tha hương, song chỉ có thể ngậm ngùi rơi lệ những khi vắng vẻ.

Đây là một ván cờ định sẵn sẽ thua, cho dù nhọc lòng tính toán, đi từng nước cần thận thế nào, kết cục vẫn là thua trắng. Trong kết cục đã biết, họ cố gắng một cách vô nghĩa, chỉ vì quá trình này có thể giúp họ cảm nhận được giá trị tồn tại.

Triệu Đĩnh Chi không thể lên triều, tháng Ba năm ấy, ông ta bị bãi chức Thừa tướng. Cởi mũ mào nặng nề xuống, ông ta chỉ là một cụ già chán chường tiêu tụy, cơ thể bệnh tật yếu ớt không chống đỡ nổi một ngọn cỏ một cành cây.

Khi hấp hối, Triệu Đĩnh Chi biết rõ các con không thể tránh được hậu quả xấu do cuộc đấu tranh chính trị này gây ra. Có câu trèo cao té đau, ông ta đã thua, những nhân

vật giống như ông ta trong lịch sử có hàng ngàn hàng vạn, chẳng qua là trở thành câu chuyện phiếm của ngư tiều, cười nói lúc trà dư tửu hậu mà thôi.

Con người vì bình đạm mà thanh thần, cũng vì sôi nổi mà sáng khoái. Ngày tháng như nước, có sóng gợn mới càng trong trẻo. Bao nhiêu chuyện chưa đến cuối cùng thì chẳng ai biết nên kết thúc bằng cách nào.

Chưa được mấy hôm, Triệu Đình Chi qua đời. Tống Huy Tông truy phong ông ta làm Tư đồ, ban thụy hiệu "Thanh Hiến" để biểu dương công trạng lúc sinh thời. Nhà lớn đã đổ, yến tiệc đã tàn, chẳng còn ai ghi nhớ hào quang ông ta từng có.

Ông ta chỉ là một ngôi sao rơi giữa Ngân Hà Đại Tống, vương triều vốn lung lay chực đổ này sẽ không thay đổi gì vì sự ra đi của ông ta. Sái Kinh cũng sẽ không vì ông ta chết mà từ bỏ thủ đoạn, xóa tan oán hận chất chứa trong lòng.

Với Sái Kinh, cái chết của Triệu Đình Chi là một cơ hội. Hắn bắt đầu dốc hết sức lực trả thù hãm hại nhà họ Triệu. Phạm là thân quyến ở kinh thành đều bị bắt vào ngục, tháng Bảy năm ấy, tra xét không có chứng cứ mới được thả ra.

Hắn lại vu cáo Triệu Đình Chi cấu kết với người của đảng Nguyên Hựu, từng bao che cho họ. Huy Tông nổi cơn thịnh nộ, thu hồi chức quan đã truy phong, hủy bỏ thân phận Đại học sĩ điện Quan Văn của Triệu Đình Chi.

Công tử Thừa tướng từng quyền khuynh triều dã, lúc này lại trở thành tù nhân dưới thêm, chịu đủ hành hạ. Trải qua mấy tháng điều tra, Triệu Minh Thành cuối cùng được thả ra. Nhưng chức quan nhà vua ban cho ngày xưa đều bị thu hồi, mấy năm phù hoa, lại trở về làm thường dân.

Trái tim thấp thỏm của Lý Thanh Chiếu rốt cuộc cũng xem như bình tĩnh lại. Song nổi kinh hoàng mệt mỏi mà tai nạn này mang đến lại ngày đêm khó tiêu tan. Nàng nằm mơ, sáng sớm tỉnh giấc mới biết mọi thứ tốt đẹp trong mộng là hoa trong gương trăng dưới nước. Lòng bồi hồi, nàng cầm bút viết bài *Hiếu mộng*:

*"Theo tiếng chuông sớm vào giấc mộng,
Lâng lâng bay tới áng mây ngà.
Với An Kỳ Sinh từng hạnh ngộ,
Lại tình cờ gặp Ngạc Lục Hoa.
Nào ngờ gió thu quá vô lý,
Thổi dạt bông sen đình Thái Hoa.
Ngó sen lớn như thuyền cùng ngắm,*

Táo ngọt to như dưa chia ra.
Khách khứa thả phong lưu phóng khoáng,
Ý tứ tuyệt diệu, lời sâu xa.
Từ ngữ bông đùa so ngụy biện,
Lửa rục đun nước rồi rót trà.
Tuy chẳng giúp để nên sự nghiệp,
Song có niềm vui thật bao la.
Cuộc đời nếu được sống như thế,
Hà tất khăng khăng phải về nhà.
Tỉnh giấc sửa xiêm áo ngồi lặng,
Bịt tai huyên não chẳng phiền ta.
Thầm biết cảnh mộng khó mà gặp,
Nghĩ lại còn than tiếc nữa là.³

Mấy độ thăng trầm, mấy phen chia lìa nơi cõi trần từ lâu đã khiến tâm trí nàng mệt mỏi. Nhưng văn chương của nàng thanh tú phiêu dật, có tiên phong đạo cốt. Thần tiên trong mộng của nàng sống cuộc đời tiêu dao nhàn nhã, không bị phàm trần gò bó, không bị danh lợi trói buộc, không bị tình ái quấy nhiễu.

Cảnh trong thơ phiêu diêu thoát tục, lãng mạn tốt đẹp khiến người ta lưu luyến không rời. Nàng không thích nhân gian hỗn loạn náo nhiệt này, chỉ mong phong hoa tuyết nguyệt, suốt đời tự do.

Thang Hiến Tổ thời Minh viết *Lâm Xuyên tứ mộng*, gửi suy tư cả đời vào mộng. Công trạng nhân gian, phồn hoa thịnh thế, thậm chí tình cảm sâu nặng đều biến thành mộng. Trăm ngàn năm nay, bữa tiệc thịnh soạn không tàn có tình ý triền miên, cũng có khắc cốt kinh tâm. Giấc mộng của ông cho người ta sự cảnh tỉnh và suy nghĩ sâu xa, hết thấy nhân duyên bắt đầu từ mộng, cũng kết thúc từ mộng.

Sự khắc nghiệt vô tình của hiện thực khiến người ta đắm say trong mộng, không muốn tỉnh lại. Nếu có thể nán lại trong mộng thì cần gì phải trở về nhân thế. Nếu có thể cư ngụ chốn này thì cần gì phải quay lại nhà cũ. Nàng biết, kinh thành này chỉ có bề ngoài hào nhoáng, đã không phải là nơi giữ người ta ở lại. Ngôi nhà lung lay này cũng không thể chở che cho họ.

³ An Kỳ Sinh: một vị tiên thời Tần. Ngạc Lục Hoa: tiên nữ đắc đạo trong truyền thuyết cổ đại. Đế: chỉ Thiên Đế, cũng có thể hiểu là hoàng đế.

"Lòng không dời núi mây đi, chim bay mỗi cánh lại về chốn xưa."⁴ Có lẽ, nửa đời gian khổ, chỉ vì một lần trở về. Trong lòng mỗi người đều có một mảnh điền viên, đó là Tịnh độ chốn nhân gian, trước sau không bị thế giới bên ngoài quấy nhiễu.

Văn nhân đọc nhiều thi thư là để ra làm quan, cứu giúp thiên hạ. Mà lần ấy quay về sửa sang rào giậu, hái cúc núi Nam mới là chốn về của linh hồn. Đào Uyên Minh nói: "Người ơi thôi hãy về thôi, ruộng vườn sắp lụi hoang rồi về đi!"⁵

Về đâu? Về chốn rừng suối, ẩn dật giữa non nước. Mọi sự quay về đều là tình giác hồng trần. Trước đó Triệu Bồ Chi cũng bị bãi quan cùng với Lý Cách Phi, ông cư ngụ ở quê cũ Cự Dã Sơn Đông, tự đặt biệt hiệu "Quy Lai Tử", sửa nhà, gọi là "Quy Lai viên".

Sau này, Lý Thanh Chiếu theo Triệu Minh Thành về quê hương Thanh Châu và đặt tên cho căn nhà họ cư trú là "Quy Lai đường". Vật đổi sao dời, năm tháng luân phiên, Biện Kinh tuy rộng lớn nhưng không phải nơi có thể gửi mộng. Nhiều người vì vinh hoa mà chạy đến đây, lại có nhiều người vứt bỏ công danh vội vàng rời đi.

Trải qua tai họa lao ngục này, Triệu Minh Thành mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần, buồn bực vô cùng. May mà bên chàng có giai nhân như Lý Thanh Chiếu, xóa bỏ phiền não cõi trần, pha trà rót nước cho chàng.

Triệu Minh Thành vốn chỉ là một Thái học sinh, hai người anh là Tiến sĩ cấp đệ, còn chàng không có công danh. Chàng si mê kim thạch thư họa, không để ý đến quan tước danh lợi. Nhà họ Triệu gặp tai kiếp, tuy chàng uất ức bị phẫn nhưng không có quá nhiều hụt hẫng.

Thanh Châu là cố hương của Triệu Đĩnh Chi, sinh thời ông ta đã biết hoạn lộ thăng trầm nên sớm để lại một con đường lui cho mình. Ngôi nhà cũ ấy đã được sửa chữa dọn dẹp, là một chốn về không tồi. Đương nhiên ông ta không về được nữa, chỉ có u hồn thăm thú non nước, dạo chơi ruộng vườn.

Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành suy đi nghĩ lại, quyết định rời khỏi chốn vô tình này, từ bỏ sự phồn hoa ở Biện Kinh, sống quãng đời còn lại trong đạm bạc. Có lẽ, Thanh Châu chưa phải là chốn về cuối cùng, nhưng họ nắm tay dạo bước chân trời, chẳng màng năm nào tháng nào, mặc kệ nước chảy đôi dòng.

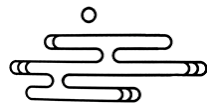
Dĩ vãng bao năm không sánh bằng thoáng chốc hoa nở. Ngần ấy quá khứ, vội vã ngoảnh đầu, giống như mấy buổi sớm chiều. Sau khi trở về, nàng có thể một mình lên

⁴ Trích *Quy khứ lai từ*, bản dịch của Châu Hải Đường.

⁵ Trích *Quy khứ lai từ*, bản dịch của Châu Hải Đường.

chiếc thuyền lan, uống rượu điền từ, có niềm vui thanh nhã riêng. Còn chàng say sưa với kim thạch thư họa, không hỏi xuân thu.

Hư danh khiến con người ta mệt mỏi ấy, không cần cũng được.



Hồng trần như loạn tuyết, bạn và tôi đều là khách mệt mỏi. May mà thế gian này có một kiểu lạc đường gọi là trở về.

Người đời thường ao ước mây ngàn hạc nội, song mệt mỏi bởi chuyện trần tục, khó vứt bỏ danh lợi. Muốn học theo Đào Tiềm hái cúc giậu đông; lại ngưỡng mộ Đỗ Phủ trồng mai núi vắng. Thật ra, non nước vốn là của người thiên hạ, chỉ xem bạn có thật sự buông bỏ, thật sự quay về hay không.

Tôi không có nỗi thương xót *"mong được nhà lớn ngàn vạn gian, giúp cho hàn sĩ thiên hạ đều hân hoan"*¹ của Đỗ Phủ, cũng không có sự hào hiệp *"lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ"*² của Phạm Trọng Yêm.

Nhưng có một sân nhà, trồng vài cây hoa rừng, pha một ấm trà trong, thì quãng đời còn lại đã có nơi gửi gắm. Cho dù quyền trùm kinh thành, tài hoa hơn người, cũng cần một chốn thanh tịnh để ổn định tâm hồn. Quá lịch duyệt khó tránh khỏi sinh lòng chán ngán, quá lọc lõi càng cảm thấy cuộc đời hoang vắng.

Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành không muốn vật lộn với danh lợi nên mới kiên quyết trở về. Thanh Châu vốn là nơi thoái ẩn và bến cảng tránh gió của Triệu Đĩnh Chi, nhưng ông ta oai phong cả đời, quyền khuynh triều dã, lại chẳng khác gì dân chúng bình thường, chôn ở trong núi, vắng vẻ vô danh. Chỉ có hồn phách về quê cũ, gần gũi với trăng sáng non cao.

Bên Quy Lai đường sóng trong nước biếc; trên hồ Dương Khê sen trắng liễu xanh. Quy Lai đường nằm ở phía tây thành Thanh Châu, kề bên khói nước, đượm hơi lạnh mùa thu. Thanh Châu tuy nhỏ nhưng là một tòa cổ thành, có văn minh lâu đời, non nước tú lệ, cũng có văn nhân từ khách.

Gần Quy Lai đường có từ đường Phạm Công của Phạm Văn Chính³, cũng có giếng do ông đào. Ông nhậm chức Thái thú Thanh Châu, nặng lòng lo lắng cho thiên hạ. Âu

¹ Trích bài *Mao ốc vị thu phong sở phá ca*.

² Trích bài *Nhạc Dương lâu ký*.

³ Tục Phạm Trọng Yêm.

Dương Tu, người ngâm câu "*Chỉ mong được làm kẻ vô sự, sâu muộn nhân gian chẳng vương thân*⁴", cũng từng nhậm chức ở Thanh Châu.

Nơi đây có quan lại hiển đạt, cũng có kẻ sĩ bần hàn. Có người rời đi, cũng có người trở về. Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành trở về chuyến này đã tăng thêm thú vui tao nhã cho cổ thành ấy, cũng trở thành phong cảnh của nó.

Nhà nhỏ sâu sâu, đình đài lầu gác, trúc biếc mai thưa, sen nở gió mát. Bên Quy Lai đường, tài tử giai nhân ngồi đối diện nhau pha trà, nhàn rỗi đàm đạo chuyện cổ kim. Lần này ẩn dật là lánh đời, cũng để thoát ly, nhưng nàng bằng lòng làm bạn với nước non rừng suối, bớt đi phần hoa ồn ã.

Ẩn sĩ trên đời đa phần đứng ngoài cuộc, tuy không thể bận tâm cho muôn dân nhưng vui với cảnh nghèo, an nhàn vui vẻ. Lý Thanh Chiêu cũng là người từng thấy phần hoa, hiện giờ quy ẩn ở Thanh Châu cũng là tu thân dưỡng tính.

Nàng tự đặt hiệu là Dị An cư sĩ, từ đó về sau cái tên này không những ngân vang khắp bầu trời sao của Đại Tống mà còn lấp lánh suốt ngàn năm. Một người nếu không thể thay đổi cuộc sống thì gặp sao yên vậy. Nàng có thể không cần phú quý danh lợi, song không thể buông bỏ trăng gió cỏ cây; có thể không cần vàng bạc châu báu, song không thể buông bỏ thơ văn.

Quy Lai đường có gió mát làm khách, có phu quân bầu bạn, nàng không cô đơn. Khép cửa lánh đời, nơi này yên ổn vô sự, mặc cho xuân đến thu đi, sông núi đổi dời.

Từng dải gió đêm mưa, Lý Thanh Chiêu đã không còn là thiếu nữ chèo thuyền hái sen năm xưa nữa, song có một vẻ đẹp tĩnh lặng gột hết phấn son. Bên cạnh nàng có Triệu Minh Thành ân cần hỏi han, có sách có trà, có văn vật kim thạch nàng yêu thích, còn có trăm hoa ngấm mãi không hết.

Lúc nhàn hạ thời gian dễ trôi qua, mười năm cũng chỉ là mấy buổi sớm chiều, vài lần hoa nở, mấy độ trăng tròn. Mười năm, Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành sống ở Quy Lai đường, đọc sách đấu trà, cùng viết sách về kim thạch, thu thập sách cổ và văn vật. Mười năm, họ gần nhiều xa ít, nghe mưa ngấm trăng, ân tình không giảm. Mười năm, thế giới bên ngoài vẫn hỗn loạn bất an, song cổ thành Thanh Châu yên ổn tĩnh lặng.

Về sau, Lý Thanh Chiêu ghi lại mười năm ở Quy Lai đường trong *Lời tựa để sau Kim thạch lục*, chỉ vắn vắn mấy câu đã thể hiện rõ những năm tháng đầm ấm đó của

⁴ Trích bài *Nhật trường ngẫu thư*.

họ. Quy Lai đường đã trở thành nơi văn nhân mặc khách trên đời khao khát. Trong nhà cất giữ vạn quyển sách, trong lò có trà mới pha sẵn, trên bàn lúc nào cũng có hoa tươi, trước sảnh thoang thoảng hương mực.

"Sau Minh Thành bị bãi quan, dẫn tôi về quê ẩn cư mười năm, sống cần kiệm, ăn mặc không thiếu thốn. Rồi Minh Thành được phục chức, liên tiếp làm Tri châu hai châu, dùng hết bổng lộc vào việc khảo đính và khắc sách. Mỗi lần có được một quyển sách, chúng tôi cùng khảo đính, chỉnh lý, đề tên. Có được sách tranh vò đính cũng mân mê ngắm nghía, chỉ ra khuyết điểm, đến khi nấn tắt mới thôi. Vì vậy những sách vở này về mặt tinh xảo và hoàn chỉnh thì trội hơn nhiều nhà sưu tầm khác. Tôi vốn có trí nhớ tốt, mỗi khi dùng cơm xong, cùng Minh Thành ngồi trong Quy Lai đường pha trà, chỉ vào sách sử chất đống, nói diễn tích nào đó nằm ở dòng thứ mấy trang thứ mấy quyển nào sách nào, lấy việc đoán đúng hay không để phân thắng thua, từ đó quyết định ai được uống trà trước. Người đoán đúng nâng chén cười vang, thường bắt cần làm đổ trà lên vạt áo trước ngực, thế là chẳng uống được ngụm nào. Thật vui lòng sống cả đời như vậy, tuy có khó khăn nhưng không nhụt chí. Thu thập được khá nhiều sách bèn xây kho, đóng tủ ở Quy Lai đường, đánh số Giáp Ất..., dùng để cất sách. Nếu muốn đọc thì lấy chìa khóa, đăng ký vào sổ, rồi lấy sách ra. Nếu ai làm tổn hại hoặc làm bẩn sách thì nhất định phải phạt lau sạch, xóa và sửa lại cho đúng, nhằm chỉnh đốn tác phong tùy tiện trước kia, thế nên muốn được thoải mái mà ngược lại chuốc lấy bất an. Tôi không giỏi quán xuyến gia đình, bắt đầu nghĩ cách chỉ ăn một món mặn, chỉ mặc một chiếc áo lụa, trên đầu không đeo trang sức minh châu ngọc bích, trong nhà không có đồ dùng mạ vàng thêu thùa. Gặp kinh sử bách gia, nếu câu chữ đầy đủ và là phiên bản hợp lệ thì mua để dành làm bản phụ. Xưa nay *Chu Dịch* và *Tả truyện* gia truyền vốn có hai bản, văn tự hoàn chỉnh đầy đủ nhất, thế là bày trên bàn, chất bên giường. Chúng tôi tâm đầu ý hợp, chỉ liếc mắt đã hiểu ý, còn vui hơn đam mê ca múa sân bắn."

Điều đẹp nhất trong đời không gì hơn là sống những ngày tháng đọc sách uống trà với một người cùng chung chí hướng. Khi nhàn cư ở Thanh Châu, vợ chồng Lý Thanh Chiêu sống cần kiệm, cuộc sống tuy thanh đạm giản dị song cũng không phải lo cái ăn cái mặc. Thường ngày, họ dùng hầu hết số tiền tích góp được vào việc sưu tầm. Son phấn, áo đẹp cơm ngon đều không phải thứ họ thích.

Mỗi lần có được một quyển sách, hai người cùng hiệu đính, sắp xếp phân loại, đề tên. Tìm được các văn vật như sách, tranh, vò, đính, họ mân mê vuốt ve hoặc giở ra thưởng thức, nêu lên những chỗ thiếu sót. Đến khi ngọn nến cháy hết, trăng lặn non tây, họ mới chịu đi nghỉ.

Lý Thanh Chiếu được năm tháng ưu ái, có tư chất thiên nhiên, tính tình thuần khiết, trí nhớ siêu phàm, người bình thường không thể sánh bằng. Thường ngày, dùng cơm xong, nàng và Triệu Minh Thành lấy việc pha trà đấu thơ làm vui. Xem ai nhớ được chuyện nào nằm ở dòng nào trang nào quyển nào của sách nào, để quyết định thắng thua.

Người thắng uống trà, người thua ngồi xem. Mỗi lần nói đúng, Lý Thanh Chiếu liền nâng chén cười vang, đến nỗi trà sánh ra, hắt lên người, đã chẳng uống được trà mà còn mất công thu dọn. Về sau, cụm từ "cực sách sánh trà" được dùng để miêu tả vợ chồng đầm thắm trên đời.

Quy Lai đường là một cõi Tịnh độ có thể chắn gió che mưa, gửi gắm phong nhã, càng có thể sống an phận. Thanh Châu không phồn hoa bằng Biện Kinh, cũng không có ngần ấy văn nhân phong lưu và chính khách xảo trá, song giữ được một phần yên bình. Sự trở về của nàng như hoa mai đã có tường viện nấu mình, như lan thăm tìm được khe vắng tĩnh mạch, càng giống cúc thu đã có nhà tranh nường tựa.

Hết thấy cảnh vật đều vừa khéo. Vợ chồng thăm thiết khôn tả. Chuyện đời đều có lấy hay bỏ, với tâm tư của Lý Thanh Chiếu, đương nhiên tỉnh táo phóng khoáng hơn người thường. Danh lợi như mây trôi biển cả, tuy tốt đẹp nhưng không được lâu dài. Muôn tia ngàn hồng cũng từng có, đến sau này bị năm tháng hủy hoại, chẳng còn lại là bao.

Lúc quy ẩn ở Thanh Châu, Lý Thanh Chiếu đương độ phong nhã tài hoa tuyệt thế. Nàng bằng lòng vứt bỏ phồn hoa, là vì thời thế, cũng vì tình yêu, càng vì thanh nhã. Mọi thứ đều có thể cắt bỏ, chỉ luôn nặng tình với thơ từ. Ăn trước nhà, trúc lối quanh, gió hành lang, mây góc hiên đều có thể đi vào thơ, đều là ý cảnh của từ.

Nàng trút hết vào bút mực tất cả tâm tư, cảm động, sâu hận, thậm chí thở than. Cho dù sơn hà vô chủ, thiên hạ loạn lạc, hoặc khói lửa tứ bề, sinh linh lầm than thì can hệ gì đến nàng? Gửi tình vào thơ, nhờ trăng tỏ lòng, nhân gian này có thêm một đoạn lịch sử, một câu chuyện mà thôi.

Thơ từ chú trọng trí tuệ và nhận thức, Lý Thanh Chiếu tài hoa, là vì nàng có trái tim thanh khiết. Tài nữ thiên cổ nào phải hư danh, vẻ đẹp vô song đâu cần chải chuốt. Vạn vật trên đời, cỏ cây núi đá, chim chóc muông thú có thể gần gũi với nàng, vừa đi vào từ của nàng đã là phong cảnh tuyệt vời.

Năm tháng bình đạm đã có khí độ của thơ, phong thái của từ, nên không còn lạnh lẽo vắng lặng. Trà có trà đạo, từ có từ vận, từ lòng dạ của một người có thể thấy được

tính cách. Có câu đức dày chở vật, chính là như thế, khí khái rộng rãi của văn nhân còn hơn cả đế vương khanh tướng. Bởi sức yếu nên họ không thể chi phối đại sự quốc gia, song tự có một kiểu kinh tâm động phách.

Năm ấy, Triều Bồ Chi mừng thọ, Lý Thanh Chiếu điền từ chúc mừng. Tình cảnh trong từ cũng là khắc họa cuộc sống khi họ ẩn cư ở Quy Lai đường.

Tân hà diệp

Sương mỏng vừa lan, đêm thâu với ngày dài đều phân. Lầu gác bên nước, cao ngất vạn trượng Bồng Doanh. Chi lan chúc thọ, cùng tỏa rạng, trâm hốt đầy sân. Hoa thanh ngọc khiết, nâng chung còn có mỹ nhân.

Hạc gây thông xanh, tinh thần đủ, trăng sáng tranh phần. Đức hạnh văn chương, xưa nay kinh đô vang danh. Đông sơn ẩn cư, tuy khanh tướng, chẳng lấy làm vinh. An Thạch tái khởi, cứu giúp thiên hạ chúng sinh.⁵

Cỏ chi và cỏ lan có phẩm chất cao thượng vô cùng, không nhập bọn với các loài hoa thường. Người thanh tĩnh không màng danh lợi mới hiểu được sự thoát tục của chúng. Ẩn sĩ từ xưa đều là phong cảnh tuyệt đẹp, tuy là nghệ thuật cao siêu quá ít người thưởng thức, nhưng người hiểu được lại xem như báu vật, yêu quý vô cùng.

Những người này hoặc dựng nhà chốn núi sâu rừng rậm, hoặc sống nhờ nơi phố chợ hồng trần. Nhưng lòng họ lại luôn ở trên mây, cao xa vời vợi. Cõi trần bận rộn, quá nhiều hỗn loạn và tranh chấp, không thể trốn tránh, khiến người ta thương cảm.

Nếu là người thường, sống cuộc sống đơn giản một chén trà một bát cơm, chỉ mong năm tháng tĩnh lặng là được rồi. Nhưng sinh ra đã có cốt cách hoa mai, tâm tính chi lan, thần thái tùng cúc, sao có thể tùy tiện nước chảy bèo trôi. Thế là đã có Khuất Nguyên ăn hoa rụng, đã có Thất hiền⁶ pha trà trong rừng trúc, đã có Đào Tiềm hái cúc giậu đông, cũng đã có Lâm Bô coi mai là vợ, hạc là con.

"Hạc gây thông xanh, tinh thần đủ, trăng sáng tranh phần." Đọc xong câu này, dường như nhìn thấy Ngũ Liễu tiên sinh⁷ áo vải tựa vào giậu đông ấy đang trông về núi Nam, đối diện thu cúc, an nhàn thông thả, điểm đậm thanh cao.

⁵ Bồng Doanh: tiên đảo Bồng Lai và Doanh Châu. Chi lan chỉ con cháu, trâm hốt chỉ quan to. An Thạch: tên chữ của Tạ An thời Tấn. Bài này mượn điển tích "Đông sơn tái khởi" của Tạ An để bày tỏ mong đợi người được mừng thọ là Triều Bồ Chi sẽ ra làm quan trở lại.

⁶ Chỉ Trúc lâm thất hiền - nhóm bảy học giả, nhà văn và nhạc sĩ theo trường phái Đạo Giáo sống trong rừng trúc đầu thời Tấn, gồm Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh, Sơn Đào, Hướng Tú, Vương Nhung và Nguyễn Hàm.

⁷ Túc Đào Tiềm.

Đông đảo chúng sinh đến đi đều là khách qua đường, có thể ghi nhớ mấy người đây? Chỉ có non nước thiên nhiên, tính tình ngàn xưa và thời gian bất tận chịu nổi hao mòn.

Bầu trời đẹp dễ như thế, mây tụ mây tan, phần nhiều là cảnh ảo, chớp mắt đã không còn dấu vết. Hoa cúc mùa thu ấy giống như triều Tống, gầy gò cô đơn nhưng không đánh mất phong thái.

Tôi là người cách biệt thời gian không gian, cho dù đi đến tận cùng núi sông cũng không thể gặp gỡ với nàng. Nhờ thơ văn nên tôi biết tâm sự của nàng, đọc hiểu tình cảm của nàng. Song vẫn có nhiều bí mật ẩn giấu nơi sâu thẳm thời gian, không thể biết, cũng không cần phải biết.

Ngày thu này, tôi cũng điền một bài từ để gửi tình dưỡng tâm. Tài sơ học thiển, đương nhiên không dám so với Thanh Chiếu, chỉ mong gửi một chút tâm tư cho liễu gãy sen tàn, trao vài phần tuổi hoa cho nước biếc non xanh.

Thủy điệu ca đầu

Phú quý là gì nhỉ? Với ta sao bằng trà.

Đun sôi tuyết trắng, tay thon lấy búp trước mưa ra.

Ngồi trước Trà Sơn Ngự sử⁸, còn cười thì tặng si niệm, thiền ý lại khác xa.

Uống rồi cười tâm hạc, cùng đến chốn vân hà.

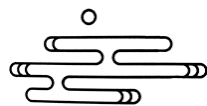
Tựa trăng thu, nghe nước chảy, năm tháng qua.

Kiểm tìm phong nhã, trúc non chênh chếch song rèm sa.

Không phải khách nhàn giậu đông, không giống Cô Sơn ẩn giả, nhưng danh lợi lơ là.

Đời chẳng nhiều ao ước, chỉ thích lạc mai hoa.

⁸ Tức Trà thánh Lục Vũ.



Tôi nhớ trong *Phù sinh lục ký*, Vân Nương nói: "Áo vải cơm rau, có thể vui vẻ suốt đời, không cần phải tính kế viễn du."

Đó là vì hồng trần có tình yêu, nàng và Thẩm Phục sống ở căn nhà cũ bên đình Thương Lang tại Cô Tô, làm láng giềng với non nước. Vợ chồng tình sâu, đồng cam cộng khổ, đâu chịu viễn du phiêu bạt.

Sau Thẩm Phục khốn đốn vì sinh kế, rời quê làm thợ tá ba mươi năm, nếm hết nỗi khổ lưu lạc, thậm chí ăn đói mặc rét, chết nơi quê người, chôn ở núi hoang, sở nguyện bình sinh cuối cùng kết thúc sơ sài.

Bạn và tôi đều là khách phiêu lãng, gửi thân nơi hồng trần, không có chốn về thật sự, nhưng luôn có một nơi đáng để lưu luyến, từng có thời gian kiếp này khó quên. Ở đó không có thế sự vô thường, không có ân oán giang hồ, không có chiến loạn sát phạt, cũng không có lệnh đêngh trôi dạt.

Thời gian yên ổn nhất kiếp này của Lý Thanh Chiếu gửi lại ở Quy Lai đường. Sân vườn đã tu sửa của Triệu Đĩnh Chi dù không rộng rãi lắm nhưng cũng đủ để tu dưỡng tính tình, giải sầu tiêu khiển, khuây khỏa buồn phiền.

Thời gian đó, ngân lượng của họ chỉ đủ duy trì cuộc sống, ngày tháng thanh bản song nhân hạ ung dung. *Lộ thất minh*¹ có câu: "Có thể gảy dây đàn một mạc, đọc Kim kinh. Không tiếng tơ tiếng trúc làm loạn tai, không giấy tờ, thư trát làm mệt thân hình."

Đời người có một căn nhà đơn sơ, một cây đàn một ấm trà, một bát cháo một chén cơm là có thể an tâm mà sống. Nếu có được một người một lòng một dạ yêu thương thì có thể trời tàn đất tận.

Lý Thanh Chiếu có tình yêu đẹp nhất trên đời, lại có mai trúc ở Quy Lai đường bầu bạn, còn có sách vở tranh chữ thư tâm khắp nhà, đương nhiên là kiếp này không hối hận. Sau này, lang bạt kỳ hồ, nếm trải gió sương mưa tuyết nào có ngại gì.

Cuộc đời của ai mà chưa từng có sóng gió? Ngoài non nước, số phận có nhiều bước chuyển ngoặt và an bài. Một đời của đế vương, một đời của từ khách, một đời của

¹ Tác giả Lưu Vũ Tích, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.

thường dân không có phân biệt. Sinh mệnh có thể cao quý như ngọc đẹp, cũng có thể hèn mọn như cỏ rác, tất cả vẻ đẹp tĩnh lặng nằm ở lòng người.

Lý Thanh Chiếu dùng phần lớn thời gian ở Quy Lai đường vào nghiên cứu kim thạch thư họa, nhưng sự chung tình của nàng dành cho từ cũng chưa bao giờ giảm bớt. Thời kỳ đó Lý Thanh Chiếu đã viết *Từ luận*.

Nàng nói: "Mới biết từ riêng là một nhà, ít người biết điều đó." Lý Thanh Chiếu cho rằng từ khác với thơ, coi trọng âm luật, và nhiều phương diện như nội dung tư tưởng, phong cách nghệ thuật, hình thức biểu hiện cần có khí chất và đặc sắc riêng.

Từ thời Văn Đường Ngũ Đại đến những năm cuối thời Bắc Tống, từ luôn bị giới hạn bởi âm thanh lả lướt và phong cách uyển ước, mất đi khí thế hào phóng, cũng không có giai điệu vang dội. Trong bài văn *Từ luận*, nàng đã đánh giá ưu khuyết điểm của các tác giả trước đó.

Nàng không vừa ý với những quan điểm như "từ ngữ dung tục bất nhã" của Liễu Vĩnh; "có lời hay, nhưng vụn vặt" của Trương Tiên, Tống Kỳ; từ chỉ là "thơ có câu dài ngắn không đều" của Ân Thù, Âu Dương Tu, Tô Thức; "thiếu tao nhã trang trọng" của Hạ Chú; "không có tường thuật" của Ân Kỷ Đạo; "chú trọng thú vị mà thiếu câu chuyện lịch sử" của Tần Quán; "vẫn có câu chuyện lịch sử, song nhiều khuyết điểm" của Hoàng Đình Kiên.

Luận điểm của Lý Thanh Chiếu về từ "riêng là một nhà" có ảnh hưởng sâu sắc với đời sau. Thời Minh Thanh, nhóm người Lý Ngư bàn về từ, có câu "trên không giống thơ, dưới không giống khúc". Thi có thi phong, từ có từ vận, khúc có khúc luật, chúng mỗi thứ một vẻ, phong thái duyên dáng trong triều đại thuộc về mình.

Từ luận của Lý Thanh Chiếu được viết trước chiến loạn, về sau thế cuộc rồi ren, phong cách từ có sự thay đổi lớn. Theo sự trình bày và phân tích của nàng, từ lấy uyển ước nhẹ nhàng làm chủ. Mà sau này nhiều bài từ có phong thái hào hùng hoặc u sầu cũng là điều ban đầu nàng không lường trước được.

Phong cách từ của nàng do năm tháng đổi dời nên cũng có sự chuyển biến lặng lẽ. Thời niên thiếu uyển chuyển thanh tú, đến tuổi xế chiều lại đau khổ u uất, thâm lương sâu lắng. Nếu năm tháng tĩnh lặng thì sao lại sinh ra đáng vẻ kinh hoàng; nếu hạnh phúc an nhàn thì sao lại ngâm xướng những âm ai oán.

Biết bao tài tử giai nhân trên đời, vì thơ mà gặp nhau, vì thơ mà hiểu nhau, vì từ mà quý nhau. Họ gìn giữ năm tháng dịu dàng, đọc hiểu ý vị bốn mùa, nghe được ánh trăng chảy tràn, thông hiểu vạn vật sinh diệt, nhân duyên hòa hợp.

Bên Quy Lai đường, đình đài tắm gió xuân, rèm màn ngăn mưa thu, hai vị thi nhân từ khách hoặc thưởng cúc nổi câu, hoặc hâm rượu bên lò. Ngà ngà men say, họ viết những câu từ đẹp đẽ, bình phẩm tình sử ngàn xưa.

Cổ thành Thanh Châu nhân văn hưng thịnh, trăm hoa như tuyết, liễu biếc sóng trong, đủ để dưỡng tâm tính. Vợ chồng họ cùng khảo cứu kim thạch thư họa, tình ý thuận hòa. Nhưng để tìm kiếm bia khắc cổ văn, Triệu Minh Thành thường ra ngoài khảo sát, tuy là ly biệt ngắn ngủi song cũng có nỗi tương tư nói không hết.

Quý Nhĩ tập của Trường Doan Nghĩa thời Nam Tống viết: "Dị An cư sĩ Lý thị, vợ của Triệu Minh Thành. *Kim thạch lục* cũng có phần sáng tác của nàng." *Chu Tử ngữ loại*: "Minh Thành, chồng của Lý Dị An, hành văn cao siêu, *Kim thạch lục* viết rất hay!" *Thi nữ sử* của Điền Nghệ Hành thời Minh: "Đức Phổ viết *Kim thạch lục*, vợ có cùng chí hướng, bèn cùng khảo cứu mà hoàn thành, do đó nổi tiếng một thời." Các bậc tiên hiền đều nói, *Kim thạch lục* cũng có tâm huyết của Lý Thanh Chiếu.

Thiết nghĩ, với trí tuệ và tài hoa của Lý Thanh Chiếu, tập trung vào một việc, suy nghĩ tinh tế, đương nhiên trội hơn chồng nàng. Vả lại nàng thường ngày nhàn rỗi, hứng thú tràn trề, ngoài uống rượu điền tử thì nghiên cứu tranh chữ văn bia. Với nàng, đây đều là chuyện vui trong đời, có thể đẹp lòng, lại có thể gửi hứng.

Triệu Minh Thành ra ngoài tìm tranh chữ, đá khắc, mỗi lần trở về, hai người luôn chong đèn thâu đêm suốt sáng, cùng nghiên cứu, tìm tòi học hỏi, luận cổ suy kim. Thế nên *Kim thạch lục* tuy đứng tên Triệu Minh Thành, nhưng Lý Thanh Chiếu cũng có công lao rất lớn.

Huống chi *Kim thạch lục* có bút pháp điêu luyện, cấu tứ khéo léo, không tài hoa thì khó kiểm soát được. Hai vợ chồng về bút pháp có nhiều chỗ khác nhau, nhưng mỗi người đều có sở trường riêng. Nàng chú trọng ý cảnh linh hoạt kỳ diệu, chàng thiên về học thuật lịch sử.

Trong thời gian đó, Triệu Minh Thành từng nhiều lần dạo chơi Thiên Sơn, ngắm trăng thưởng tuyết, còn đến văn cảnh chùa Linh Nham ở huyện Trường Thanh mấy lượt và đi về kinh sư vài chuyến. Chàng trở về kể hết những chuyện lạ gặp trên đường với Lý Thanh Chiếu, vợ chồng tuy không thể bên nhau nhưng chung một tấm lòng, chẳng khác nào đồng hành.

Phu thê nhiều năm vẫn tình cảm mặn nồng. Mỗi lần ly biệt, hoặc ngắn hoặc dài đều khiến nàng da diết mong nhớ. Từ nhân vốn cô đơn, hiếm nỗi yêu nhau mà không được bên nhau lâu dài nên thêm phần buồn bã.

Nàng không làm được người vợ bình thường, ban ngày chăm sóc sân vườn, ban đêm xe chỉ lượn kim, tựa cửa chờ người chồng đi xa. Nàng đem thời gian gửi vào câu chữ, trao cho nỗi tương tư, để lại trong chung chén. Bất cứ lúc nào, tình yêu của nàng đều như thuở ban sơ, tốt đẹp thuần khiết, thơ mộng dịu dàng.

Hạnh phúc vốn nằm trong tầm tay lại mơ hồ khó nắm bắt đến thế. Chàng là ngọn đèn không tắt trong lòng nàng, bất kể ở đâu, vẫn luôn tỏa sáng, điềm tĩnh bình yên.

Non nước cổ thành, cỏ cây sân nhà, mây trôi trên trời, gió nhẹ góc hiên cho đến hạt bụi trên bàn đều có tình ý miên man. Lại không liên quan đến biến động lịch sử, không liên quan đến thế thái bể dâu, chỉ tuân theo thứ tự mùa vụ, làm thi liệu của văn nhân.

Hôm ấy nàng tâm sự nặng nề mà không nơi giải bày, từ sớm đã đóng cửa, một mình hâm rượu tìm say. Đối diện với hoa nến, nàng điền bài *Hoán kê sa* này:

Đừng bảo chén sâu rượu lại nồng, chưa say suy nghĩ đã mông lung. Gió muộn đến kèm tiếng chuông rung.

Hương thụy nảo tắt giấc mộng dứt, thoa vàng quá nhỏ búi tóc chùng. Tỉnh dậy lặng nhìn ngọn nến hồng.

Buồng khuê vắng vẻ, chén sâu rượu nồng, đối diện nến đỏ rạng rỡ, uống ít mà đã chính choáng. Tiếng chuông khoan nhặt trong gió chiều khiến người ta mộng mị khó tan. Búi tóc lơ lửng, chợt giật mình nhận ra tương tư chỉ ở trong mộng. Lò tắt hương hết, chăn gối lạnh lẽo, nàng trần trọc thao thức, tình sâu man mác, hồn túi chứa chan, khó mà miêu tả.

Nếu chưa từng có được thì sẽ không có nỗi băn khoăn hụt hẫng hiện giờ. Có những người một khi gặp gỡ thì không trở về như trước được nữa. Nếu họ cam chịu sống đạm bạc thì việc gì phải cố chấp với những văn vật suy tàn, bôn ba viễn du, đến nỗi gần ít xa nhiều, không dựng thêm phiền não.

Mùa xuân năm ấy, Triệu Minh Thành đến thăm ngôi chùa Linh Nham nổi tiếng cách Thanh Châu không xa. Văn chương của nàng vì chàng đi vắng mà cháy trong lòng, rơi trên giấy, điểm tô sông núi.

Nhân quả trên đời không chiều ý người, hết thấy được mất khó bề chu toàn. Chàng đi vắng, nàng đương nhiên là khó giấu nỗi cô đơn, chỉ biết gửi những âm dứt ruột dứt

gan vào thơ từ. Một bài *Niệm nô kiều*, cách núi mây muôn dặm, biển người dậy sóng, vẫn đọc ra được nỗi hoang mang và khắc khoải của nàng.

Sân nhà vắng ngắt, thêm gió giật mưa bay, cửa đóng mấy lần. Hoa đẹp liễu yêu thanh minh gần, mọi vật rầu rầu, người ảo não. Vẫn khó thơ xong, cơn say đã tỉnh, thần thờ thờ thẫn. Ớn nhận về đầu, lòng này giải tỏ cùng ai?

*Lầu cao đầu xuân khế lạnh, bốn bề rèm rủ, lan can ngọc ngai tựa. Chăn không ấm, hương tàn, mộng tỉnh, gương dậy cũng không thành. Sương tan trời sáng, ngô đồng mầm nhú. Xuân ý liệu nhiều ít, trời cao khói nhạt, mưa nắng vốn vẫn vô thường.*²

Gió giật mưa bay, con người ảo não, cửa đóng then cài, uống rượu làm thơ, muốn gửi cho người chồng đi xa. Khổ nỗi âu sầu muôn mối, chim nhận bay rồi, rớt cuộc thư từ khó gửi.

Lầu nhỏ xuân lạnh, lan can biếng tựa, ngồi yên càng thêm sầu muộn. Trời cao khói nhạt, vốn là ngày tạnh ráo, có thể đập thanh chơi xuân, lại sợ nắng râm khó lường, gió mưa ập đến.

Nếu không có Triệu Minh Thành, từ của Lý Thanh Chiêu e rằng đã phần mang một vẻ hoang vắng và bi thương. Ngay cả sầu hận cũng mất đi vai chính, thiếu đi tình cảm dịu dàng, không còn giàu dư vị như thế.

Đời người vì có tình nên có vấn vương, có quyến luyến. Sau này, tất cả lại trả về cho thời gian, nhưng câu chuyện và tình cảm từng có lúc trước đã không thể sửa đổi. Có những thứ ở lại trong câu chữ, để cho người đời sau tìm đọc. Có những thứ thì giấu trong thâm sâu ký ức, không nhắc tới nữa.

Tôi biết, ở Thanh Châu xưa từng có một đoạn chuyện tình của Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành, từng lưu giữ nỗi tương tư của nàng. Chỉ là, mấy ai nhớ được Giang Nam nhiều mộng này cũng từng để lại hồng trần của tôi, khói lửa của tôi.

Mùa này, vì có nàng nên lá đỏ đa tình, vạn vật từ bi. Nàng là cảnh đẹp, cười gió mà tới, mang theo một quyền từ thanh tân, một chút ý trở về.

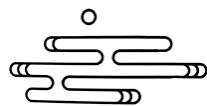
² Bản dịch của Lê Văn Đình, Ngô Như Sâm.

Nguyệt

rọi

tây

lâu



Tạo hóa khoe tài khéo léo, cho người ta ý tưởng tuyệt vời, lại không chịu thập toàn thập mỹ. Vạn vật trên thế gian bất kể sang hèn chưa bao giờ thiếu chủ nhân, khi yêu thì thương tiếc, khi ghét thì vứt bỏ.

Người ta đều nói đồ vật có tình cảm lâu dài hơn con người, mà lại không biết vật cũ có thâm tình đến mấy cũng không thể bầu bạn cùng ta mãi mãi. Đời người bận rộn, nhưng chẳng rõ thứ mình mong cầu là gì, gột hết phần son mới biết hết thấy chấp niệm đều là sự trừng phạt đối với bản thân.

Thà rằng chờ đợi một cơn gió tuyết ngập trời, trông nom một đóa hoa nở lặng lẽ, còn hơn tiêu hao hết cả đời để theo đuổi danh lợi phù phiếm, trao đi cho một cuộc tình vô vọng.

Quy Lai đường là nơi yên bình, Lý Thanh Chiếu đã trải qua một quãng thời gian an nhàn ở đó. Mai trúc trồng trong sân nhà, mưa khói bên khung cửa sổ, ánh trăng trải đầy mặt đất đều đi vào từ cửa nàng, lưu truyền ngàn năm. Những kim thạch thư họa ấy là tâm huyết nửa đời của nàng, vô số ngày đêm vất vả để nên văn minh thất lạc lại nở rộ đẹp đẽ.

Nàng đã trao cho Quy Lai đường, trao cho Triệu Minh Thành tình yêu thuần khiết nhất. Vì chàng, nàng vui lòng buông bỏ hồng trần vạn trượng, cùng chàng đắm chìm vào núi sách biển tranh. Vì nghiên cứu kim thạch, nàng cũng có thể từ bỏ cuộc sống yên ổn. Sướng và khổ, được và mất trong đó chỉ có tự biết.

Mấy năm thấm thoát trôi qua. Mai trúc trước sảnh vẫn như cũ, nhưng dung nhan trong gương sớm đã lặng lẽ đổi thay. Tài danh của nàng vẫn vang khắp thành trì thời Tống, lan xa đầu đường cuối ngõ. Cho dù tất cả đều sẽ trở thành quá khứ, tài văn chương và nhan sắc của nàng, thậm chí những văn vật nàng cất kỹ cuối cùng đều trở thành khói bụi.

Năm Tuyên Hòa thứ ba thời Tống Huy Tông (1121), Triệu Minh Thành được bổ nhiệm làm Thái thú Lai Châu. Chàng vốn hồ hởi với danh lợi, cuộc sống ẩn dật nhiều năm khiến lòng chàng bình lặng như nước từ lâu. Cha chàng Triệu Đình Chi cũng từng

thét ra lửa nhưng rồi kết thúc thê thảm, mà sự lên voi xuống chó của nhà họ Triệu cũng khiến chàng càng chán ngán con đường làm quan.

Triều đình đầy rẫy sóng gió sao bằng cuộc sống tình thơ ý họa. Những người ở chốn quan trường, nghe lệnh quân vương làm sao có sự tự tại tiêu dao như mây ngàn hạc nội. Hiềm nỗi những năm qua vợ chồng họ thu thập sách cổ tranh chữ nên hao tốn quá nhiều tiền bạc, gia sản ít ỏi từ lâu đã thu không đủ chi.

Mấy năm gần đây, trang sức của Lý Thanh Chiêu đều đem cầm chẳng còn sót lại mấy món. Nếu chỉ là cuộc sống đơn giản bình thường, chàng tuyệt đối sẽ không để mình bị cuốn vào quan trường, chịu sự thao túng. Nhưng nghĩ đến số văn vật đầy nhà cần sắp xếp ổn thỏa, chàng buộc lòng phải từ bỏ sự an nhàn, rời xa chốn lâm tuyền để đến Lai Châu.

Năm xưa Đào Tiềm chẳng chịu bợ đỡ nịnh nọt, không khom lưng vì năm đấu gạo, từ chức Huyện lệnh Bành Trạch về với ruộng vườn, cả đời không ra làm quan nữa. Nhưng nay Triệu Minh Thành làm ngược lại, không phải vì ham mê danh lợi mà chỉ muốn nuôi gia đình, vạn bất đắc dĩ.

Lần này, Triệu Minh Thành không dẫn theo gia quyến, một mình đi nhậm chức. Đã quen áo vải gọn nhẹ, thoải mái không gò bó, giờ mặc quan phục lại có chút không quen. Nam nhi trọng chí khí, nữ nhi trọng tình ý, nhiều năm đầm ấm bên nhau, sợ nhất vẫn là biệt ly.

Trường đình cổ đạo, biết bao lưu luyến tiễn biệt, mỗi người mang một tâm sự và tình ý riêng. Có những người chỉ tạm xa nhau vài tháng, có những người xa nhau đến dăm ba năm, còn có những người quay lưng là cả đời.

Phụ nữ yếu đuối đa sầu, làm sao chịu nổi sự chờ đợi quá lâu. Mấy mùa xuân thu đã hồng nhan tiêu tụy, phong thái sa sút. Thà bình đàm bên nhau mấy chục năm cũng không cần sự lâu dài hư vô ấy.

Thế gian có một niềm vui thanh nhã, không trau chuốt, không chịu trời buột, sống giản dị đơn thuần, không bị người làm kinh sợ, cũng không làm người kinh sợ. Lý Thanh Chiêu ở lại Quy Lai đường, không biết đã ngồi ngắm bao nhiêu buổi hoàng hôn, uống say túy lúy, điền từ mấy bài.

Tiếc rằng luôn có nỗi tương tư quấy nhiễu, tình ý khó khuây, u sầu không tan. Những năm qua, thứ không rời không bỏ là rượu trong chén, gió hành lang và mấy chục gốc mai trong sân nhà.

Người thời Tống yêu mai, yêu dáng thanh xương gầy và vẻ lạnh lùng kiêu hãnh nhưng đa tình của nó. Lý Thanh Chiếu càng yêu mai thành si, từ vịnh mai của nàng nhiều không kể xiết. Trước Quy Lai đường cây mai thành rừng, ngày tuyết rơi, hoa nở rộ. Trong phòng, lửa lò không tắt, pha trà hâm rượu, làm thơ điền từ là chuyện vui trên đời, kiếp này còn cầu mong gì hơn thế nữa?

Nếu đời người không có chiến loạn phân tranh, không có tai nạn ly biệt, năm nào cũng hoa thắm trắng tròn thì tốt biết bao. Cũng từng sớm tối bên nhau, gió mưa không sợ, mà nay lại ngày đêm thui thủi, độc ẩm nỗi sầu.

Vì nỗi tương tư vô hạn ấy nên mới có bài từ tuyệt xướng của tài nữ thiên cổ. Bài *Nhất tiễn mai* này thanh lệ uyển chuyển, tâm tư triền miên, được mọi người ngâm ngợi đến nay.

Sen đỏ hương tàn ngọc điện thu, nhẹ cỏi xiêm là, bước xuống lan châu. Trong mây ai gửi lá thư qua? Lúc nhận bay về, nguyệt rọi tây lầu.

Hoa rụng tới bởi nước chảy mau, một mối tương tư, hai chốn ưu sầu. Cảnh tình không chỗ để tiêu trừ, vừa nhúu mây chau, lại quặn lòng đau.¹

Một buổi chiều thu của ngàn năm trước, Lý Thanh Chiếu tự rót tự uống, sau đó một mình lên chiếc thuyền lan, chèo ra chỗ sen đỏ hương tàn. Nhìn chim nhận về tổ, nguyệt rọi tây lầu, chỉ có nàng chiếc bóng lẻ loi, oán cũ chưa vơi, lại thêm sầu mới.

Phạm Trọng Yêm từng có câu: *"Đền tàn bên gối khêu hiu hắt, mới thấm giấc cô miên tẻ ngắt. Trước nông nỗi ấy, nét mặt, đáy lòng, khó tìm đường lẩn thoát."²* Dù là nhà quân sự, nhà chính trị có hoài bão sâu xa cũng có muôn vàn tình cảm dịu dàng, sầu tư quanh quẩn.

Bài từ này đã làm Lý Thanh Chiếu xúc động, người nàng mong nhớ cũng cách trở ngàn non. Phía nam Quy Lai đường là từ đường Phạm Công, cách nhau không xa. Tình cảm muôn thuở giống nhau, chỉ có người mong nhớ là khác, nên đã có những vần từ khác nhau.

Nước chảy hoa rơi đều là vật vô tình, bởi vì ly biệt nên buồn phiền càng sâu đậm. Thời gian dài đằng đẳng, không thể đo lường, đêm vắng lê thê, nghe tiếng đồng hồ nước nhỏ tí tách, kể nỗi thê lương.

¹ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

² Trích bài *Ngự nhai hành* - *Thu nhật hoài cựu*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Nàng ôm gối ngồi lặng giữa khóm hoa cúc, đợi đến hoàng hôn. Nhớ lại ngày thu năm xưa, cùng người thương ngắm cúc uống rượu, thưởng văn luận từ, cười nói rôm rả. Giờ đây chỉ có thể dựa vào hồi ức để gượng gượng qua ngày. Ngày thu này so với trước kia quạnh quẽ hơn, đàng đẵng hơn.

Chẳng ai biết ở Quy Lai đường có một vị tài nữ, danh vang kinh thành, tạo ra một thế giới riêng trên văn đàn thời Tống, để tiếng thơm trăm đời. Trong lời bình phẩm của người đời sau, vẻ diễm lệ ấy đã làm thời gian phải kinh ngạc.

Dù biết cũng chỉ là ngưỡng mộ nhất thời, nào từng quý trọng. Đời người vốn trống vắng, nỗi khổ biệt ly, phiền não tương tư, vô số tình cảnh ấy khó nói thành lời, chỉ có tự hiểu.

Điểm giáng thần

Lặng lẽ phòng khuê, ruột mềm một thốn sâu chan chứa. Tiếc xuân xuân lỡ, mưa giục hoa đua nở.

Tựa khắp lan can, man mác tình mong nhớ. Người đâu tá? Trời liền cây cỏ, mỗi mắt đường về ngó.³

Thời gian của một người là ánh sáng nhấp nháy, năm tháng của hai người là hào quang rực rỡ. Mười mấy năm chung sống, có xa nhau ngắn ngày, có gần nhau lâu ngày, lần này lại là cách biệt lâu dài. Xuân cũng cô đơn, hạ cũng hiu quạnh, thu cũng trần trở, đông cũng thao thức.

Cỏ úa tận chân trời, đèn lẻ soi đêm trường, ngàn mối tương tư, trăm nỗi khúc mắc. Ngoài song hoa rơi lả tả như mưa, trên bàn có bài từ mới nàng chép bằng thể chữ tiêu khải thanh tú. Lò hương này cháy hết là có thể ngủ say, non nước trong lòng chờ một vòng luân hồi kế tiếp.

Thật ra, cô đơn cũng là một kiểu tu hành của đời người. Mùa đông ấy, nàng một mình ngắm tuyết thưởng mai, mấy gian phòng sách, mấy bài từ ngắn, tạm giết thời gian.

Những năm qua Lý Thanh Chiêu và Triệu Minh Thành vợ chồng đảm đảm, cũng là giai thoại nhân gian. Lương duyên vàng ngọc trong mắt người đời là trai tài gái sắc,

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

tâm đầu ý hợp. Nhưng hạnh phúc của họ luôn mang một sự khiếm khuyết không thể bù đắp.

Năm đó, Triệu Đình Chi từ trần, điều ông ta lo nhất là Triệu Minh Thành và Lý Thanh Chiêu không có con nối dõi. Nhiều năm trôi qua, hai người vẫn không con không cháu, tuy họ không màng thế tục song khó tránh sinh lòng tiếc nuối.

Người xưa cho rằng ba tội bất hiếu, không con nối dõi là lớn nhất. Phụ nữ thời xưa nếu không thể sinh con trai cho chồng thì nhân duyên tốt đến mấy cũng không xem là hoàn mỹ, áp lực mà Lý Thanh Chiêu phải gánh chịu rất lớn. Triệu Minh Thành tâm tính như thường, vẫn nuông chiều nàng, nhưng rốt cuộc cũng có lúc lạnh nhạt.

Có lẽ do hai vợ chồng cả ngày bận bịu với chuyện kim thạch, không có nhiều thì giờ nhàn rỗi để ý điều ong tiếng ve của người khác. Cũng có lẽ chàng yêu vẻ phong lưu của Thanh Chiêu, trong lòng không nảy sinh ý nghĩ nạp thiếp. Song lòng dạ có rộng rãi cách mấy cũng không phải đúc bằng sắt đá, hoa cỏ bình thường trên đời cũng có chỗ kiêu diễm động lòng người.

So với phụ nữ, tình cảm của đàn ông suy cho cùng vẫn nông cạn, không đủ kiên định. "Tình không biết bắt đầu từ đâu mà luôn sâu đậm", sống có thể chết, chết rồi có thể sống lại, chỉ là câu chuyện trong kịch. Chàng là nhà sĩ, cũng là phàm phu, tình yêu thấm thiết cách mấy cũng không chịu nổi sự gột rửa của thời gian, không chịu nổi nỗi trống trải khi ly biệt.

Con đường làm quan của chàng không hề thuận lợi, mà chỉ có quá nhiều điều thân bất do kỷ, nếu được hồng nhan bầu bạn thì có thể bù đắp nỗi chán nản thất vọng. Lúc đó nàng sớm nhớ chiều mong chàng, còn chàng có lẽ thì thoáng nhớ đến nàng, song không còn tình ý nồng nàn ngọt ngào năm xưa nữa.

Nàng dần có tuổi, tuy vẫn còn thướt tha nhưng làm sao có dáng vẻ nhẹ nhàng của cô gái trẻ. Những ngày vui vẻ cợt sáo sánh trà, thưởng thức văn vật ấy đã đi đâu mất rồi? Những năm tháng đập tuyết tìm mai, vung bút vẩy mực đã chẳng thấy bóng dáng. Chỉ còn lại nàng ngồi bên song tây, khẽ cắt hoa đèn, niềm kiêu hãnh một thời đã thành nỗi oán hận thâm kín.

Hết thấy phong cảnh trên đời có thể ngắm chung với người ta, chỉ có tình yêu là ích kỷ, không thể chia sẻ với ai khác. Nàng vững tin vào tình ý của chàng, song vì không có con nên trong lòng lo sợ bất an. Với chàng, nàng có áy náy, lại không chịu dễ dàng cúi đầu.

Nỗi lo lắng của nàng chưa bao giờ nói với ai, Triệu Minh Thành cũng không biết. Bất cứ lúc nào, nàng đều không muốn chạm đến chỗ yếu mềm trong lòng mình, nàng sợ dao kiếm vô tình của thế tục sẽ đâm nó bị thương.

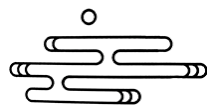
Thời xưa phụ nữ chốn thâm cung ru rú trong một mảnh sân, cả ngày lẫn đêm chỉ chờ đợi một người đàn ông. Với họ, cuộc đời dường như dài đằng đặc. Cảnh ngộ của Lý Thanh Chiêu tuy khá hơn họ, song rốt cuộc vẫn không tránh khỏi sự quấy nhiễu của phàm trần.

Chuyện Lý Thanh Chiêu lo sợ giống như một cơn gió thu lồng lộng, nàng còn chưa kịp ẩn nấp đã thương tích đầy mình. Nhưng bất kể gặp chuyện gì, nàng vẫn có thể ung dung đối mặt, mỉm cười vượt qua. Thế giới của nàng vẫn như xưa, muôn vàn mỹ lệ, có cỏ cây tôn lên cảnh đẹp, có câu chữ chữa lành vết thương.

Còn chàng, vạn khóm hoa từng đi qua cũng chỉ là mùi vị bình thường. Rồi có một ngày, chàng lại trở về với nàng.

Rèm
cuốn
tây
phong,
người
độ
hoa
vàng
võ¹

¹ Trích bài *Túy hoa âm* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.



Có những người nắm tay đi qua một đoạn đường đời, không tranh không cãi, không chia không lìa, cứ thế nhạt phai. Tình cảm của con người cũng như thơ từ, có khởi, thừa, chuyển, hợp¹, bình đạm mãnh liệt. Như phong cảnh bốn mùa, có hoa xuân trắng thu, cũng có ấm lạnh tươi héo.

Trên đời chẳng có tình yêu vĩnh viễn không đổi, càng chẳng có lời hứa cả đời không đổi. Cố chấp với vật, cố chấp với cảnh, hoặc cố chấp với tình đều là sự sai lầm. Dầu đều biết rằng thế sự vô thường, chúng sinh lại vẫn cố gắng kiên cường sống theo cách mà mình muốn.

Nàng hẳn là muôn nước ngàn non đều đi qua, từng có vinh quang, từng trải thăng trầm, còn có gì không thể chấp nhận và buông bỏ. Nàng thành danh ở kinh sư, văn chương như gấm vóc, đến nay vẫn được mọi người nhiều lần nhắc tới. Ẩn dật ở Quy Lai đường, trà rượu không ngớt, tận hưởng thú vui thanh nhã.

Nàng tuy rộng lượng, có khí phách nhưng cũng có tâm sự khó yên. Nàng nhờ hồng nhan truyền thư, điển từ kể nỗi tương tư, chàng đương nhiên hiểu được song khó xướng họa. Nàng cho rằng kiếp này chàng đã có kim thạch thư họa, có nàng bầu bạn đọc sách thì sẽ không cần gì khác. Nếu luận phong lưu tao nhã, trên đời e rằng không ai có thể bằng Lý Thanh Chiếu, có vợ như vậy, người chồng còn mong gì nữa.

Nàng đã nhầm, dục vọng và yêu cầu trong đời người không có điểm dừng, biển lòng mênh mông khó lấp đầy. Ở giữa trăm bụi hoa, mấy ai có thể phiến lá không dính người?

Chuyện cũ mơ hồ, hoặc tốt đẹp, hoặc thương tâm, tất cả đều ở trong mộng. Lý Thanh Chiếu không sợ năm tháng hủy hoại, nhưng sợ tình ý đôi bên bị thời gian làm hao mòn. Tống từ uyển ước chứa đựng biết bao câu chuyện phong lưu quyến luyến, người từng đọc đều biết. Hằng ngày hồng hương lục ngọc², chén tạc chén thù, có mấy người chống nổi cảm dỗ của chuyện mây mưa.

¹ Thứ tự cách viết văn thời xưa: khởi là bắt đầu, thừa là tiếp đoạn trên, chuyển là chuyển tiếp, hợp là kết thúc.

² Trong Hồng lâu mộng, vì Di Hồng viện trồng chuối và hải đường, nên Giả Bảo Ngọc muốn đề bốn chữ "hồng hương lục ngọc", nghĩa là "màu xanh của lá chuối và màu đỏ của hoa hải đường".

Triệu Minh Thành nhậm chức ở Lai Châu, vì Lý Thanh Chiếu không thể bầu bạn nên đã nạp thiếp để xoa dịu nỗi cô đơn. Vào thời Tống, đàn ông nạp thiếp là chuyện thường gặp, bất kể quan lại quyền quý hay văn nhân từ khách, nạp thiếp cũng bình thường như uống rượu uống trà vậy.

Tô Thức phong lưu hào phóng cũng có thị thiếp Vương Triều Vân bầu bạn cùng ông quan trường chìm nổi, cầm sắt hòa hợp. Nạp thiếp đã trở thành một loại trào lưu, thậm chí có đế vương cổ vũ bề tôi nạp thiếp, nuôi ca kỹ, lấy đó làm chuyện vui.

Văn nhân nhà khách thời xưa có mấy người trọn đời trọn kiếp chung đôi. Thạch Sùng giàu sang sánh ngang quốc gia thời Tây Tấn có sủng thiếp Lục Châu; Bạch Cư Dị thời Đường có thị thiếp Phần Tố và Tiểu Man hát hay múa dẻo bầu bạn bên cạnh, thăm thiết sắt son.

Tình cảm của Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành không phải tình yêu của người thường, mà là một thứ tình yêu vượt lên hồng trần, xem là tri kỷ. Từ xưa người ta có thể có đôi ba bạn thân, năm thê bảy thiếp, song tri kỷ lại là duy nhất. Kiêu hãnh như nàng, sao chịu chia sẻ tình yêu trong lòng với người khác.

Vân Nương trong *Phù sinh lục* ký đã sinh một trai một gái, chỉ vì sức khỏe yếu nên chủ động nạp thiếp cho chồng là Thẩm Tam Bạch. Họ yêu nhau tha thiết, chuyện phong nhã không kém Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành, nhưng Vân Nương cam nguyện lặn lội hy sinh cho chồng, vui vẻ không hối hận.

Vân Nương tâm tính điềm đạm, dịu dàng như nước, nàng bằng lòng chấp nhận chồng có thị thiếp, còn Thẩm Tam Bạch lại mấy phen từ chối. Giờ đây Triệu Minh Thành không bàn bạc với Lý Thanh Chiếu đã tự nạp thiếp ở Lai Châu, thái độ này là một sự tổn thương đối với Thanh Chiếu và đối với tình cảm của họ.

Năm xưa, Tư Mã Tương Như lấy Trác Văn Quân làm vợ, hai người thể non hện biển, nàng vì chàng trải hết gian nan khổ cực. Về sau, Tư Mã Tương Như được quân vương tán thưởng, liền mướn mộ mỹ nữ phong trần, muốn nạp cô gái Mậu Lăng làm thiếp, rồi cảm động bởi Văn Quân, cuối cùng nắm tay nàng sống quãng đời còn lại ở chốn lâm tuyền.

Triệu Minh Thành không như vậy, cho dù chàng biết rõ kiếp này khó gặp được người con gái tài hoa thanh tú như Thanh Chiếu nữa, song vẫn rung động trước giai nhân đôi mắt long lanh, thùy mị mỹ lệ. Chàng nạp thiếp, hoặc vì phong lưu, hoặc chỉ

vì sinh con đẻ cái, tất cả những điều này đều không thể che đậy sự phản bội của chàng đối với nàng.

Chàng nạp thiếp, tuy hợp tình lý nhưng chưa bàn bạc với Thanh Chiêu, thực là không nên. Nàng mong tình này không đổi, cùng chàng bạc đầu, song chưa chắc không có độ lượng rộng rãi dung nạp người khác. Nếu được một người thiếp sinh con, rửa tay nấu canh cho chàng, thì đâu có gì là không thể.

Có lẽ, tình cảm tốt đẹp nhất trên đời chính là cả đời động lòng một lần, cả đời chỉ yêu một người, những người còn lại đều là đi lướt qua nhau. Tiếc rằng cuộc đời có quá nhiều gặp gỡ, nhân quả vô thường, khiến người ta mệt mỏi vô cùng. Nhiều tưởng nhớ đã thành ảo tưởng, không thể cầu, không thể có.

Nghe tin Triệu Minh Thành nạp thiếp, trong lòng Lý Thanh Chiêu dậy sóng, nhưng nàng biết trong cuộc đời đằng đẳng tất cả đều là khách qua đường. Sự bầu bạn lâu bền đến mấy cùng sẽ kết thúc, có một ngày, thậm chí nhìn nhau câm lặng.

Thế là, từng chữ từng câu trong từ đều là sầu oán, đều là máu trong tim.

Phụng hoàng đài thượng ước xuy tiêu

Hương lạnh lò vàng, chẵn nghiêng sóng đỏ, dậy rồi lười chải sơ đầu. Mặc hộp gương đầy bụi, ác rọi rèm châu. Thêm sợ ly mong biệt khổ, có lắm việc muốn nói lại rầu. Gần đây vô, không vì bệnh rượu, chẳng phải buồn thu.

*Rầu rầu. Lần này ly biệt, ngàn vạn lượt Dương Quan, cũng khó trú lưu. Người Vũ Lăng xa bật, khói tỏa Tần lâu. Chỉ có trước lâu dòng nước, chừng thấy kẻ suốt buổi nhìn lâu. Nơi nhìn đó, từ nay lại thêm một đoạn tân sầu.*³

Đúng vậy, nơi nhìn đó, từ nay lại thêm một đoạn tân sầu. Trong lòng Lý Thanh Chiêu nảy sinh nỗi ngậm ngùi người Vũ Lăng xa bật, khói tỏa Tần lâu. Nàng tiểu tụy vô vàng không vì bệnh rượu, cũng chẳng phải buồn thu. Bình sinh sợ nhất là ly biệt, là người mình thương kiếp này càng đi càng xa.

Người Vũ Lăng xa dùng điển tích trong *Đào hoa nguyên ký* và *U Minh lục* của Lưu Nghĩa Khánh. *U Minh lục* kể Lưu Thần và Nguyễn Triệu lạc đường trong rừng núi, cùng hai tiên nữ chung sống nửa năm, sau khi họ xuống núi, thế gian đã mấy trăm năm trôi qua.

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Tần lâu là phụng đài do Tần Mục công xây. Tiêu Sứ rất giỏi thổi tiêu, tiếng như phụng hoàng. Lộng Ngọc con gái Tần Mục công quý mến nên lấy chàng, Mục công xây phụng đài để đôi người ngọc này du ngoạn. Một hôm, tiếng tiêu của Tiêu Sứ thu hút phụng hoàng đến, hai người bèn cưỡi phụng lên tiên.

"Từng qua biển lớn, không gì nước, chưa đến Vu Sơn, chẳng biết mây."⁴ Trong lòng mỗi người đều có một vùng biển lớn, một ngọn Vu Sơn, không thể thay thế, không thể vượt qua. Nhưng hồng trần thường vô tình, duyên ương chia lìa, không thể bên nhau.

Có lúc ngẫm lại, hoa thắm trắng tròn vốn là câu chuyện đường phố, nhân duyên trần thế đa phần chỉ là một giấc ảo mộng. Nâng án ngang mày, kính nhau như khách e cũng chỉ là giai thoại nhân gian, chuyện lạ ngàn xưa. Hồng trần cuộn cuộn, con người có nhu cầu bản năng với chuyện ăn uống và nam nữ, đào đâu ra ngân ấy đồng cam cộng khổ, đến chết không đổi.

Là phụ nữ vốn không nên quá nặng tình, vậy mà lại do bản tính thôi thúc, không thể thoát khỏi. Yêu một người có lẽ chỉ trong thoáng chốc, quên một người lại phải dùng cả đời.

Sầu như cỏ xuân mọc lên không lưu dấu, lại tựa nhận thu bay qua không để vết, muôn ngàn mùi vị biết tỏ cùng ai. Chàng đã có người mới ở nơi đó, đâu còn quan tâm trong lòng nàng tích tụ nhiều nỗi buồn khổ. Chàng nhen đỏ soi sáng, chặn gấm hương ấm, làm sao để ý đến đêm tuyết giá lạnh, nàng tro tro ngồi lặng đến khi trời sáng.

Thời gian không hỏi buồn vui, lặng lẽ trôi qua, với tài nữ hay với phụ nữ bình thường chẳng có khác biệt. Trên đường hồng trần, có những người lưu luyến cây hoa mai khi tuyết tan, chìm trong mộng không chịu tỉnh lại; có những người thì vội vã đến với cảnh xuân sớm nhất kia.

Nàng ngồi trước gương Lăng Hoa, vẽ mày tô má, xuân sắc tuy mất song lòng xuân vẫn như xưa. Rồi nàng cúi đầu rửa tay áo, vung bút điền từ, viết một bài *Điệp luyến hoa*, mặc cho bốn mùa luân chuyển.

Mưa ẩm gió êm tan băng giá. Mai thắm liễu xanh, đã thấy xuân rộn rã. Bâu bạn rượu thơ tìm đâu tá? Lệ tuôn nhạt nhòa phấn trên má.

Áo kép tơ vàng thử quấy quá. Nghiêng tựa lên gối, thoa phụng dè hồng cả. Sầu đông giấc ngủ không yên ả, đêm tàn cắt bắc hồng khuây khỏa.

⁴ Trích bài *Ly tứ kỳ 4* của Nguyên Chấn, bản dịch của Điệp Luyến Hoa.

Phong cảnh đầu xuân rực rỡ muôn màu, tâm trạng sầu muộn của nàng cũng cùng thức tỉnh theo vạn vật. Từ cửa nàng không viết về tiết xuân se lạnh mà viết về mưa ẩm gió nhẹ, mai thắm liễu xanh.

Bầu bạn rượu thơ tìm đâu tá? Nhớ năm xưa, khi mới gặp nhau, chàng còn là một Thái học sinh phong thái nhanh nhẹn, sau khi kết hôn hai người dạo chơi phố phường Biện Kinh, hoan hỉ bất tận. Họ lưu luyến ở chùa Tướng Quốc, tìm được văn bia thưởng ngoạn, kiếm được hoa quả nhấm nháp.

Tình thơ ý rượu của họ tuyệt đối không phải là văn nhân bình thường hơi say khê ngâm trước hoa dưới trăng, mà là một lối sống tao nhã hơn. Đối diện với sách vở tranh chữ trong Quy Lai đường, nàng cảm thấy bi thương, những ngày cực sách sánh trà khi xưa vì sao một đi không trở lại?

Nghiêng tựa lên gối, thoa phụng đề hồng cả. Vạn vật là điểm xuyết, là làm nền, cũng là gánh nặng. Những năm qua, vì sự nghiệp mà chàng yêu thích, nàng không tiếc nhiều lần đem cầm thoa châu y phục, chỉ để lấy mấy quyển thẻ tre nát, vài trang thơ văn không đầy đủ.

Nàng tự biết ôm mối sầu đậm không có mộng đẹp, bèn nhiều lần cắt hoa đèn, mong người chồng ở phương xa cũng sẽ dịu dàng nhớ đến nàng trong đêm vắng này. Há không biết, trong nỗi nhớ của nàng có quá nhiều bất an và lo lắng.

Nàng chỉ giả vờ bình tĩnh, bởi vì núi trùng khe khuất, chưa chắc có thể liễu rậm hoa tươi. Vượt qua rồi, là hoa thắm trắng tròn, không qua được, là biển cả nường dâu.

Du xuân và hái sen xong, mùa thu năm Tuyên Hòa thứ ba (1121), Lý Thanh Chiêu thu xếp hành lý, đến Lai Châu đoàn tụ với Triệu Minh Thành. Có lẽ là Triệu Minh Thành nghĩ nàng cô quạnh nên viết thư bảo nàng đến, cũng có lẽ là nàng không chịu nổi sự chờ đợi vô vọng nữa, khẳng khẳng đòi đi.

Mấy năm bên nhau, lại nhiều phen đau khổ ly biệt, nàng đã chán ngán xa xôi cách trở. Nàng ẩn cư ở Quy Lai đường mười năm, tĩnh tâm sắp xếp sách vở văn vật, cỏ cây là thơ, gió mưa thành từ. Nàng cho rằng cả đời này có thể kề cận hoa mai mình tự tay trồng ở Quy Lai đường, không còn nói biệt ly nữa.

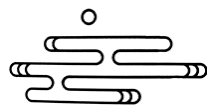
Sơn hà nghiêng ngả, bạn và tôi chỉ là người bình thường trên đời, sao có thể không nghe theo số phận an bài. Đến với người thương vốn là niềm vui, nhưng trong một đêm nàng lại vốc dáng tiều tụy, cõi lòng không nén nổi trống vắng.

Nỗi buồn này không thể nói nên lời, cho dù nàng có ngòi bút phong lưu cũng không miêu tả được. Điều khiến nàng không yên tâm về Quy Lai đường là số kim thạch thư họa họ sưu tầm nhiều năm. Ngoài ra, không còn vật gì, cũng không còn người nào khiến nàng bận lòng.

Nhàn cư ở Quy Lai đường bao năm, Lý Thanh Chiếu đã kết giao nhiều chị em thân thiết. Vào lúc nàng cô đơn, họ từng dịu dàng bầu bạn, hoặc du xuân đạp thanh, chèo thuyền hái sen, hoặc lá đỏ đề thơ, bẻ mai trong tuyết.

Sự ra đi của nàng không vắng vẻ lặng lẽ, mà cuộc tiễn biệt ở trường đình có nhiều lưu luyến và bịn rịn. Bụi vàng trên cổ đạo từng mang đi bao nhiêu chiếc bóng phiêu bạt, lại từng đẩy lên bao nhiêu sóng đời cuộn cuộn.

Giang hồ năm ấy, nàng một mình vội vã ra đi, chân mây nhuộm vài phần sắc thu, tóc mai vương mấy làn gió lạnh.



Thời gian như hoa rụng mưa rơi, mong rằng cả đời yên ổn, kiếp này quý trọng nhiều hơn. Mỗi thời đại đều có những may mắn và bi ai khác nhau, sống ở hiện tại, cùng tu hành với vạn vật là duyên phận, nên tùy hỉ.

Câu chuyện của nàng xảy ra vào thời Tống, những gì người đời sau biết được cũng chỉ là vài mẩu lẻ tẻ. Có lẽ chân thực, cũng có lẽ hư ảo, giữa trời đất, từng niềm vui nỗi buồn, từng lời nói việc làm đều chỉ là bản thân nàng. Sinh ra làm tài nữ, có tầm cao mà người bình thường không thể đạt được, cũng có nỗi cô đơn mà người bình thường không thể cảm nhận được.

Đêm qua tôi nằm mơ, đến một đạo quán trong núi sâu, cây cối um tùm, đình đài xanh ngắt. Không biết là triều đại nào, cũng không biết là danh sơn đất nào, càng không nhớ rõ là ai đi cùng.

Đường mòn trên núi loang lổ rêu phong, cổng tam quan và tường viện của đạo quán có dấu vết hằn sâu của năm tháng. Hành lang khắc bia chữ thời Ngụy Tấn Đường Tống, chưa xem kĩ cũng biết đã dãi dầu mưa gió. Nơi đó vốn là đạo trường tu hành, không nên có quá nhiều lịch sử và bề dâu, phong lưu ngàn xưa, chỉ có non xanh nước biếc.

Tỉnh giấc, tôi bất giác thấy hoang vắng và bi ai, biến người mệnh mông, vậy mà chẳng có ai để dốc bầu tâm sự. Về đến trong sách, tôi lại nhớ tới người con gái đã cách biệt ngàn năm với mình, trong lòng thương xót và ngậm ngùi vì cảnh ngộ cuộc đời nàng.

Lúc đó nàng phiêu bạt tha hương, lặn lội dặm trường đến Lai Châu. Còn tôi dùng thời gian đổi lấy sự yên ổn ngắn ngủi này, chỉ vì tôi không biết quãng đời còn lại sẽ có tình cảnh thế nào.

Lộ trình từ Thanh Châu đến Lai Châu chỉ mất mấy ngày, nhưng Lý Thanh Chiêu lại cảm thấy non nước xa xôi. Trên đường đi ngang qua Xương Lạc, nàng một mình nghỉ ở một dịch quán không biết tên. Đêm vắng mất ngủ, chong ngọn đèn xanh, nghe gió thu xào xạc ngoài cửa sổ, lo nghĩ đủ điều.

Nàng nhớ đến cảnh các chị em tiễn biệt lúc ở Thanh Châu, tình ý dâng trào, bèn cầm bút điền một bài *Điệp luyến hoa*:

Lệ uớt áo là hoen má phấn. Tú điệp Dương Quan, ngâm tới muôn nghìn bận. Người bảo núi dài rồi cũng tận, quán cô mưa nhỏ nghe vương vấn.

Nuối tiếc chia xa lòng nghĩ quẩn. Khi tiễn quên rồi, đây, cạm ly mời dẫn. Cánh nhạn nhờ đem lời muốn dặn, Đông Lai so Bông Lai đường vẫn.¹

"*Nuối tiếc chia xa lòng nghĩ quẩn. Khi tiễn quên rồi, đây, cạm ly mời dẫn.*" Tình người như rượu, hoặc đậm hoặc nhạt, một sớm chia ly, chân trời nhớ nhau. Nàng mong sau lần ly biệt này, các chị em thường thư từ qua lại, duy trì tình nghĩa sâu nặng bao năm.

Tương phùng gần trong gang tấc, vì sao lòng nàng không hề vui vẻ, mà hoang mang và lo lắng nhiều hơn? Những năm qua, ngoài ý cảnh trong từ ngày càng rộng mở, còn có dung nhan ngày càng tiêu tụy.

Nhớ năm xưa, chàng thần thái tuấn tú, nàng nguyệt thẹn hoa nhường. Giờ đây, chàng có lẽ chưa thấy nét già nua, mà nàng đã nhạt phai vẻ thanh tú mỹ lệ. Tài hoa là tất cả vốn cước của nàng, nàng chưa chắc sẽ thua.

Lai Châu tuy không văn minh cổ xưa bằng thành nhỏ Thanh Châu, nhưng cũng có lịch sử lâu đời, có cảnh vật phong tục riêng. Với nàng, mọi thứ ở đây đều là cảnh mới, song cỏ cây nhà cửa nơi này lại không xa lạ. Nghĩ đến việc tòa thành này có người nàng quen thuộc, trong lòng lại lướt qua đôi chút tình cảm dịu êm.

Sảnh đường đơn sơ song cũng sạch sẽ, thị thiếp thanh tú khéo léo, dễ làm rung động lòng người. Cô gái ấy nhẹ nhàng vái chào nàng, nàng thầm chua xót song cố gượng cười. Nàng hiểu, nét đẹp nhất của người con gái không phải tài hoa tuyệt thế mà là tuổi xuân phơi phới.

Lý Thanh Chiếu không kìm được than thở, người nàng trăm mong ngàn nhớ rõ ràng ở ngay bên cạnh, vì sao như xa tận chân trời. Nàng chưa đánh cược đã thua trước rồi, chuyện đến nước này cũng đành thản nhiên. Triệu Minh Thành hổ thẹn trong lòng ánh mắt dịu dàng quyến luyến khi xưa giờ bắt đầu lảng tránh.

¹ Bản dịch của Nam Long.

Nàng không nói, chàng cũng im lặng. Chàng biết, nhiều lời giải thích cũng vô ích. Có lẽ chàng sẽ được nàng lượng thứ, song tình cảm giữa họ không thể trở lại cái thuở ban đầu nữa.

Ái tình như ngọc đẹp, thuần khiết không tì vết, nếu đã có vết rạn nứt, bị thời gian ăn mòn thì khó được như ban sơ. Nàng trong sáng thanh cao, đương nhiên không thích người khác xen vào chuyện của họ, quá nhiều tâm trạng của nàng; song đã không để ý rằng chàng sống trong thời đại ấy, rốt cuộc không thể thoát khỏi thói tục.

Nay đã khác xưa, chàng đã ra làm quan, giữ chức Thái thú, có bổng lộc. Nàng không ở bên cạnh, lại có cô gái xinh đẹp mến mộ chàng. Thêm vào đó, vợ chồng nhiều năm chưa có con, lúc này nạp thiếp đương nhiên là cơ hội tốt.

Trên đường tình cảm, không có ai sớm nhất, cũng không có ai quá muộn. Nàng cũng từng là tân nương, đêm khuya trò chuyện bên song, phong lưu bên gối, giờ đây quay lưng đã thành người cũ.

Thế là, vào hoàng hôn lạnh lẽo, mấy người họ dùng cơm xong, không chuyện vãn nhiều, Lý Thanh Chiêu một mình đi nghỉ. Đêm đó, gió mưa thốc vào cửa sổ, nàng khép cửa ngồi lặng, có ý tránh né, chỉ vì nhất thời nàng không biết nên đối mặt thế nào.

Liên tiếp mấy ngày, Triệu Minh Thành không đàm luận thơ từ, uống rượu tìm vui với nàng như lúc trước. Chàng bận rộn việc công, thỉnh thoảng nhàn rỗi cũng không dám gần gũi nàng, trước sau vẫn áy náy, chỉ mong có một ngày chọn thời cơ làm lành với nàng.

Nơi cư ngụ tại Lai Châu không sáng sủa trang nhã bằng Quy Lai đường. Ở đây bệ cửa sổ đồ nát, bàn ghế cũ kỹ, chẳng có sách vở tranh chữ, cũng chẳng có rượu ngon trà thơm. Nơi lạnh lẽo vắng vẻ như thế khiến nàng vô cùng buồn chán, bèn đóng cửa làm thơ, tìm lại sự phong nhã.

Hôm đó, nàng cầm bút viết bài thơ *Cảm hoài*. Trong lời tựa, nàng nói về cảnh ngộ đáng thương của mình, thực ra là mỉa mai Minh Thành:

Ngày mười tháng Tám năm Tân Sửu (năm Tuyên Hòa thứ ba) đến Lai Châu, ngồi một mình trong phòng, những sách vở yêu thích ở đây đều không có. Trên bàn có quyển Lễ vận, do đó tiện tay mở ra, định lấy chữ trên trang đó làm vần để làm thơ, ngẫu nhiên được chữ "tử", bèn lấy làm vần, viết một bài thơ cảm hoài.

Song lạnh bàn cũ không sách sử,
Công Lộ đáng thương đến thế ru?
Say sưa tiệc rượu với tiền tài,
Suốt ngày ồn ào hay sinh sự.
Cần phải đóng cửa không tiếp khách,
Đốt hương thì mới có thi tứ.
Tĩnh lặng ta có được tri âm:
Ô Hữu tiên sinh, Tử Hu tử.²

Nàng không thích màu mè tô vẽ mà thích thanh đạm giản dị. Nàng không cần nhà đẹp đồ tốt, chỉ cần chỗ ở sơ sài mộc mạc. Nàng cũng không cần thoa châu trang sức, chỉ cần áo vải cơm rau. Nàng không oán trách về ngôi nhà cũ kĩ ở Lai Châu, chỉ là phụ quân tất bật vì chuyện thế tục, mất đi sự thú vị, khiến nàng phiền não.

Nếu chàng giữ lời hứa, an phận cô đơn, thì nỗi giằng xé tương tư mà nàng chịu đựng cũng xứng đáng. Song lần này đoàn tụ, chàng bận tâm chuyện trần tục và đã có niềm vui mới, nàng không còn là ánh trăng sáng trước cửa sổ, nốt ruồi son trong lòng chàng nữa.

Lý Thanh Chiếu tuy buồn bực nhưng vẫn phải sống tiếp, hướng chi thời ấy phụ xưởng phụ tùy. Nàng chấp nhận tình cảnh lúc đó, bởi nàng biết, nàng không có con trai, trong mắt người đời chung quy cũng là bất hiếu.

Tranh cãi mất phong độ, phóng túng mất chừng mực, nàng cả đời thanh cao như sen, đương nhiên không rơi vào dung tục. Trên đời có muôn vàn phụ nữ, hoa nở nhiều cành, nàng chỉ là một đóa trong số đó. Nếu đã như vậy thì cần gì phải cố chấp với một mối tình, một đồ vật mà tâm sức kiệt quệ, âm thầm đau khổ.

Tác thành và buông bỏ là thương xót cho người khác, tha thứ cho bản thân. Chấp niệm quá nặng thì trở thành tâm ma. Thông tuệ như nàng, ắt hẳn chẳng mấy ngày đã có thể vứt bỏ hết buồn phiền.

Địa vị của Lý Thanh Chiếu trong lòng Triệu Minh Thành chưa bao giờ lung lay mảy may. Cho dù bên cạnh chàng đã có thị thiếp, người chàng chung tình vẫn là vị tài nữ phong nhã này.

² Công Lộ tức Viên Thuật. Ô Hữu, Tử Hu là nhân vật hư cấu trong *Tử Hu phú* của Tư Mã Tương Như.

Thấy nàng uất ức buồn rầu, chàng đau lòng áy náy. Giờ đây nàng đối đãi khoan dung càng khiến chàng cảm kích, mong dùng tất cả tình sâu để bù đắp chỗ thiếu sót đáng tiếc nhiều năm qua.

Đã buông bỏ thì không còn vướng mắc nữa, cho dù có cũng nên chấp nhận. Thế là hai người lại gửi tình vào chén rượu, thỉnh thoảng điên từ, vợ chồng cùng chinh lý *Kim thạch lục* trong Tỉnh Trị đường.

"(*Kim thạch lục*) vừa đóng thành sách, thêm vào thẻ làm dấu sách, buộc bằng dây màu xanh nhạt, cứ mười quyển thành một bộ. Mỗi tối thuộc cấp ra về rồi, chàng bèn hiệu đính hai quyển, viết lời跋 một quyển."

So với văn vật lịch sử, tình cảm của con người dường như quá nhỏ bé. Năm tháng vô tâm, không nhớ nổi những tan hợp buồn vui từng có, song đã lưu lại công trạng lớn lao của hôm qua. Tất cả những thứ này, bởi vì người có tình nghiên cứu kỹ lưỡng và cố gắng vun vén, khiến chúng một lần nữa có sinh mệnh và có giá trị.

Trong thời gian đó, Triệu Minh Thành và mấy vị phụ tá cùng trèo lên núi Vân Phong ở Lai Châu, phóng mắt nhìn ra xa, sông núi nguy nga. Đi giữa thiên nhiên, con người không khác gì cỏ rác, vẫn phải có lòng kính nể, khiêm tốn hòa nhã.

Khi mới đến Lai Châu, Triệu Minh Thành có được tấm hạ bia của Trịnh Đạo Chiêu thời Bắc Ngụy ở núi Nam. Chàng sai người đến phía nam núi Thiên Trụ để hỏi tìm tấm thượng bia, cuối cùng có được ở huyện Giao Thủy.

Núi Vân Phong còn gọi là "núi Bút Giá", là danh lam thắng cảnh của Lai Châu. Núi cao rừng rậm, phong cảnh tuyệt đẹp, di tích cổ rất nhiều, từ chân núi đến đỉnh núi có mười bảy chỗ khắc đá thời Bắc triều. Trịnh Đạo Chiêu thời Bắc Ngụy để lại hai chỗ để khắc ở đây, đều nằm trên vách núi cheo leo.

Trịnh Đạo Chiêu, tên chữ Hy Bá, người Khai Phong Huỳnh Dương, là nhà thơ, nhà thư pháp thời Ngụy Bắc triều. Ông được tôn là "Thư thánh phương Bắc", lúc đương thời nổi tiếng ngang với Vương Hy Chi, có danh hiệu "Bắc Trịnh Nam Vương". *Bia Trịnh Văn công* khắc trên vách núi của ông là tuyệt phẩm trong số bia thời Ngụy. Thư pháp của ông nghiêm cẩn mộc mạc, mạnh mẽ hùng hồn, có thể gọi là danh tác một thời.

Năm Tuyên Hòa thứ sáu (1124), Triệu Minh Thành bị điều đi nhậm chức Thái thú Truy Châu. Truy Châu, tức khu Truy Xuyên thành phố Truy Bác tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc ngày nay, là kinh đô nước Tề vào thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc. Cung Tắc Hạ³ nổi

³ Một học viện nghiên cứu học thuật thời Chiến Quốc.

tiếng nằm ở đây. Vùng này văn vật phong phú, có tập tục còn sót lại của đất Tề, cũng là nơi ẩn dật của nhiều văn sĩ nhà khách, trí giả cao nhân.

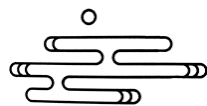
Với Triệu Minh Thành và Lý Thanh Chiếu, non nước là phong cảnh, văn vật là tài sản. Họ vận chuyển số tranh chữ sách vở thu thập ở Lai Châu về Thanh Châu. Sau đó, Triệu Minh Thành đến Truy Châu nhậm chức, Lý Thanh Chiếu và thị thiếp đi cùng.

Vợ chồng đồng lòng, sợ gì lưu lạc. Dù có chỗ không được như ý cũng không cần phải hiềm nghi, mọi cảnh ngộ đều chỉ xem như cuộc tu hành trong đời. Đi đâu, ở đâu đều không quan trọng.

Cho dù nàng biết mọi thứ trước mắt đều sẽ tan biến mất tăm như ảo cảnh. Nhớ năm xưa, Bạch Cư Dị tuổi già sức yếu, không còn lưu luyến hồng trần, bèn bán ngựa trắng, giải tán thị thiếp, một mình quy ẩn.

Có lẽ một ngày kia, họ cũng sẽ vứt bỏ tất cả, xem mọi thứ như cát bụi. Chỉ cần có nhau là đủ.

Chuyện phiếm tán gẫu với thời gian, thông dong điềm tĩnh. Bắt tay giảng hòa với số phận, ung dung yên bình. Ruổi ngựa giang hồ, gió sương ủ rượu, cỏ cây là thơ, đời này giàu cũng được mà nghèo cũng được, lên cũng được mà xuống cũng được.



Một thành một cảnh vật, một cảnh một tuổi hoa.

Đất Tề Lỗ¹ cũng có gió nhẹ mưa phùn, song nhỏ mộng vắng. Trong lòng người đời, non sông nhà Tống bất kể đất nào thành nào hẳn đều dịu dàng đa tình. Mỗi thành thị đều là một bài từ, đều có một bình rượu, một giấc mộng.

Nơi ở tại Truy Châu cũng không có hiên nhà rộng rãi thoáng mát như Quy Lai đường. Nhưng nhà cửa đơn sơ vẫn có chuyện thú vị phong lưu, sảnh đường cũ kĩ vẫn không thiếu mùi sách hương trà.

Triệu Minh Thành vốn không để tâm đến công danh, làm quan đến chức gì hoặc bổ nhiệm ở đâu đều tùy ý. Ngoài việc công phải xử lý, hết thấy thời gian của chàng đều dùng để thu thập kim thạch thư họa. Mà người bầu bạn cùng chàng trong côi phù thế này luôn là một mình Lý Thanh Chiếu.

Chuyện nạp thiếp giống như một giấc mộng đối với họ, từ lâu đã không còn quan trọng. Lý Thanh Chiếu lại đóng vai chính, thỏa thích uống rượu, ngẫu hứng điền từ trong phong cảnh thuộc về họ.

Mỗi lần đến một vùng nào, Triệu Minh Thành đều đi thăm các nơi trong dân gian để tìm kiếm văn vật bản địa. Hôm đó, trong một ngôi làng dưới quyền quản lý của mình, chàng có được *Kinh Lăng Nghiêm* mà Bạch Lạc Thiên² tự tay viết, mừng rỡ như điên.

"Vì thế lên ngựa phi nhanh về, cùng thưởng thức với vợ." Chàng thúc ngựa chạy như bay, đem về cùng thưởng thức với Lý Thanh Chiếu. Cùng chia sẻ với người tri âm những chuyện hài lòng và vật yêu thích chính là niềm vui tột bậc trên đời.

Biết bao lần gặp được vật quý hiếm, hai người đều thưởng ngoạn dưới đèn, cho đến khi trà nguội nến tàn, lần lửa mãi không chịu đi ngủ. Đời này, Lý Thanh Chiếu là người vợ duy nhất của chàng, phàm trần không còn người phụ nữ nào khác tâm linh tương thông với chàng, yêu quý lẫn nhau.

¹ Thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc ngày này.

² Tức Bạch Cư Dị.

Cuộc sống của họ là cuộc sống của người thời Tống, trong năm tháng của họ toàn là kim thạch thư họa, tình yêu của họ là thơ từ rượu trà. Có người nói, hạnh phúc là một thứ tham vọng. Nhưng hạnh phúc cũng rất đơn giản, là hai người nương tựa vào nhau, chung sống bình đạm.

Lúc đó, thế giới của họ như mẫu đơn tháng Tư, vô cùng tươi đẹp. Sơn hà Đại Tống thì trời băng đất tuyết, thoi thóp hơi tàn, Biện Kinh phồn hoa tựa gấm sẽ thành chiến trường khói lửa mịt mù. Rượu ngon và cao lương mỹ vị biến thành ánh tịch dương. Khê khàng ngâm xướng biến thành ánh đao bóng kiếm.

Công đức lớn nhất kiếp này của Tống Huy Tông không phải trị vì vương triều Đại Tống, mà là thể chữ Sáu Kim. Ông thờ ơ với giang sơn vạn dặm, khi quân Kim ồ ạt xâm lược phương Nam, ông lựa chọn hốt hoảng trốn tránh.

"Hoàng thái tử có thể lên ngôi Hoàng đế, cho Giáo chủ Đạo quân lui về cung Long Đức." Tháng Mười hai năm Tuyên Hòa thứ bảy, Thái tử Triệu Hoàn kế vị. Năm sau, đổi niên hiệu là Tĩnh Khang. Huy Tông thoái vị, lấy hiệu là Giáo chủ Đạo quân Thái thượng hoàng đế.

Tháng Giêng năm Tĩnh Khang thứ nhất, Huy Tông nghe tin quân Kim đã vượt sông Hoàng Hà, bèn chạy trốn về phương Nam ngay trong đêm. Huy Tông chỉ dẫn theo Sái Du³ và vài nội thị, mượn danh "thấp hương", cuống cuống chạy khỏi Biện Kinh, đến Bạc Châu, tiếp theo lại chạy đến Trấn Giang để tránh tai họa.

Tống Khâm Tông Triệu Hoàn miễn cưỡng ngồi lên chiếc ngai rồng này. Giang sơn mà Tống Huy Tông truyền cho ông đã đổ nát từ lâu, tấm thân yếu đuối của ông làm sao chống đỡ nổi kị binh tinh nhuệ của Đại Kim. Ông muốn chạy, song bị kẹt ở Biện Kinh, không nơi ẩn náu.

Quân Kim bao vây đô thành. Nhờ Biện Kinh Thủ ngự sử Lý Cương dẫn quân ra sức chống lại nên quân Kim không chiếm thành được. Khi quân Kim đánh lâu chưa hạ được, yêu cầu nghị hòa, Tống Khâm Tông lập tức đồng ý, cắt đất cầu hòa.

Sau khi quân Kim rút lui, Biện Kinh khói mù dày đặc, cỏ dại lan tràn, khắp nơi bừa bộn. Vua tôi Đại Tống vội vàng thu dọn tàn cuộc, tiếp tục sống mơ màng. Họ biết rõ, sự bình yên lúc này sẽ tan thành mây khói theo ngọn lửa chiến tranh ập đến một lần nữa không lâu sau đó.

³ Con trai trưởng của Sái Kinh.

Lý Cương bị giáng chức, đường đường Đại Tổng còn ai có thể cố gắng xoay chuyển tình thế? Những tướng sĩ từng cùng chung mối thù, tắm máu giết giặc ấy đã không vung nổi đao kiếm, không còn khí thế giành lại sơn hà nữa.

Tháng Mười một, quân Kim lại đến xâm phạm, Biện Kinh rơi vào tay giặc. Từ đó, non sông gấm vóc của Đại Tống chỉ có thể tìm kiếm trong mơ. Ở đó, đế vương khanh tướng ngồi hưởng giang sơn, vung bút vẩy mực; thi nhân từ khách mơ xanh nấu rượu, nâng chén nói cười; hiệp khách giang hồ tụ hợp; thương nhân bốn biển tề tựu.

Nhưng giờ đây khói lửa dấy lên, màn trời chiếu đất, nhân dân khốn khổ, trăm họ bỏ chạy tứ tán. Vương triều Tống Ca múa mừng cảnh thái bình chỉ trong một đêm đã hạ màn, kết thúc thê lương.

Thiên tử, hoàng tử thân vương, công chúa phi tần, đại thần nội thi, nhạc công nghệ nhân của Đại Tống đều bị bắt, trở thành tù nhân dưới trướng.

Tổng Khâm Tông bị cầm tù trong doanh trại quân Kim, chịu đủ sỉ nhục lạnh nhạt, sống ngày tày năm. Cung điện vàng son lộng lẫy đã đổi thành căn phòng nhỏ sơ sài rách nát. Rượu ấm trà nóng cũng đổi thành cơm thừa canh cặn.

Thành Biện Kinh trống vắng vô chủ gió tuyết liên miên, dân chúng không có gì ăn, vừa đói vừa rét. Biết bao người bị phơi thây nơi đồng hoang, xương trắng âm u, thảm không nở nhìn.

Nhưng người Kim vẫn chưa chịu thôi, chúng cướp bóc vàng bạc của cải, sách vở y thư, thợ thủ công các ngành, nhất là phụ nữ bị chúng chà đạp, tử thương vô số.

Vương triều Bắc Tống bị cướp sạch sành sanh, trong thành Biện Kinh tiếng oán than dậy đất, dân chúng lầm than. Cảnh tượng thê thảm như thế để lại vết thương không thể chữa lành trong lòng người Tống. Bắc Tống diệt vong, sử gọi là "biến cố Tĩnh Khang".

Ung trung nhân ngữ chép: Tháng Mười hai năm Tĩnh Khang thứ nhất, "Ngày Hai mươi tư, chùa Khai Bảo cháy. Ngày Hai mươi lăm, giặc cướp sách của Quốc tử giám đưa ra khỏi thành"; tháng Giêng năm sau, "Ngày Hai mươi lăm, giặc cướp tất cả đồ dùng trong nghi lễ của cung đình như ngọc sách, xa giá, mũ miện và đàn bà trẻ con sáu trăm người, nhạc công giáo phường mấy trăm người..."

Thân ngâm ngữ chép: "Những người bị cướp bóc ngày ngày dùng nước mắt rửa mặt. Tướng giặc đều ôm ấp phụ nữ, rượu thịt tha hồ, đàn sáo âm ỉ, vui vẻ vô cùng."

Ngô Kịch viết bài từ *Nhân nguyệt viên*: "Nam triều trải bao chuyện đau xót, khúc Hậu đình hoa vẫn hát hoài. Chim én trước sân Vương Tạ cũ, chẳng hay giờ bay đến nhà ai. Gặp cung tần xưa ngổ nằm mộng, da trắng hơn tuyết, tóc mây dài. Tư mã Giang Châu lệ ướt áo, cùng là người lưu lạc thiên nhai."

Sau khi Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông bị người Kim bắt, Huy Tông viết *Tại Bắc đề bích*: "Suốt đêm gió tây rung cửa gậy, điều hiu quán trọ đèn lắt lay. Cố hương xa cách ba ngàn dặm, về nam nào thấy cánh nhạn bay."

Hai vị thiên tử Đại Tống cao quý bị giam ở thành Ngũ Quốc, chịu đủ hành hạ sỉ nhục, cuối cùng chết một cách thê lương, ngay cả hồn phách cũng không về được cố quốc. Khi bị cầm tù, họ chỉ biết mượn thơ rượu để trải qua nỗi quạnh quẽ ê chề.

Mối nhục Tĩnh Khang là một nạn kiếp to lớn của vương triều Đại Tống, thê thảm kinh tâm, không nỡ nghe kể. Đại tướng Nam Tống Nhạc Phi từng viết: "Mối nhục Tĩnh Khang, chưa gột hết. Hận thù này, bao giờ mới diệt."⁴

Cảnh chiều chạng vạng, không một gợn mây. Biến cố Tĩnh Khang khiến nhà Tống dời xuống miền Nam, Khang vương Triệu Cấu lên ngôi ở Nam Kinh (nay là Thương Khâu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc). Quốc hiệu vẫn là Tống, sử gọi là Nam Tống. Sau dời đô đến phủ Lâm An, tức Hàng Châu ngày nay. (Năm 1129, đổi Hàng Châu thành phủ Lâm An.)

Nam Tống, mở màn một cách vắng lặng giữa hỗn loạn bất an, đã trình diễn một kiểu rối ren và phong tình khác. Vua tôi yên phận ở Giang Nam, non sông phương Bắc bị mất đã là mộng cũ phồn hoa, chẳng ai dám tùy tiện đụng chạm nữa.

Phương Nam không nhuộm khói lửa vẫn rượu nồng trà thơm, ca múa không dứt. Lầu Tần quán Sở, thuyền hoa trên sông, so với phương Bắc còn phong lưu hơn. Thơ từ hội họa của Nam Tống cũng đạt đến đỉnh cao vào lúc ấy.

Giang sơn bị chiếm, chúng sinh bơ vơ. Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành cũng bị cuộc chiến tranh này làm tổn thương, sau đó theo hoàng thất chạy về miền Nam, cuộc đời có sự chuyển biến to lớn.

Biện Kinh là chuyện cũ của vương triều Bắc Tống, cũng là chuyện cũ của họ. Điều họ lo lắng là số sách cổ tranh chữ thu thập nhiều năm, là sân nhà yên ổn của Quy Lai đường. Điều khiến họ buồn rầu than thở là sơn hà mất đi không giành lại được.

⁴ Trích bài *Mãn giang hồng*, bản dịch của Nam Trân.

Dây đàn sinh mệnh tấu lên khúc bi ca. Lý Thanh Chiếu là người phụ nữ có khí tiết, mây liễu không nhường mây râu, song vì sức yếu nên rất cuộc khó chống lại thế sự đổi dời.

Nàng không muốn nước chảy bèo trôi, song điều nàng có thể làm chỉ là điên mầy bài từ, để lại vài phần cứng cỏi. Nàng không biết rằng chờ đợi nàng trong tương lai là đào tẩu lưu lạc, cô đơn hoang vu, là năm tháng đằng đẳng bất tận, số mệnh không thể thay đổi.

Cho dù tài cao có thể cười nhạo vương hầu, bướng bỉnh ngang ngạnh, thì cũng phải thuận theo thời vận. Non sông rơi vào tay giặc, nàng cũng hoang mang và xót xa. Ngoài đau buồn, họ nên làm như thế nào, ra đi hay ở lại cố thành trống vắng này.

Tháng Ba năm đó, Tống Huy Tông bị người Kim bắt đi. Còn Triệu Minh Thành cũng hay tin mẫu thân sống ở Giang Ninh (nay là Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc) qua đời. Về tình về lý, chàng đều phải lập tức tới đó.

Hai vợ chồng lo lắng cho số văn vật ở Quy Lai đường, sau mấy lần bàn bạc, quyết định để Lý Thanh Chiếu về Thanh Châu trước để thu xếp ổn thỏa những tranh chữ đó. Họ sợ tâm huyết nhiều năm bị ngọn lửa chiến tranh thiêu rụi, khi trở về chỉ còn lại nỗi tiếc hận.

Xe ngựa thời loạn cũng vội vàng sợ sệt; bôn ba trên cổ đạo, lòng người hãi hùng. Hai bàn tay siết chặt của họ lại buông ra, không biết là năm nào mới được gặp lại.

Về đến Thanh Châu, Quy Lai đường chưa bị khói lửa quấy nhiễu, cũng chưa bị đao kiếm áp sát. Dưới vẻ bình yên ẩn giấu sóng gió, tai kiếp này từ đô thành lan đến bầu trời Thanh Châu, lớn vồn không tan.

Trong lúc gấp gáp, nàng sắp xếp những văn vật của Quy Lai đường. *Lời tựa để sau Kim thạch lục* có ghi chép: "Tháng Ba mùa xuân năm Đinh Mùi (năm Kiến Viêm thứ nhất), Minh Thành vội về miền Nam chịu tang thái phụ nhân. Đồ đạc không thể chở đi hết, bèn bỏ những sách có ấn bản to và nặng trước, tiếp theo bỏ những bức tranh trùng lập, rồi bỏ những đồ cổ không có chữ khắc. Sau đó lại bỏ những sách ấn bản của Quốc tử giám, tranh bình thường, đồ công kênh. Bỏ bớt nhiều lần rồi mà vẫn chất hết mười lăm xe sách. Đến Hải Châu, phải thuê mấy chiếc thuyền, qua sông Hoài, rồi qua sông Trường Giang, đến Kiến Khang."

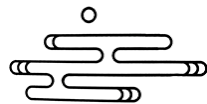
Sau khi chọn lọc, văn vật được chuyển đi gồm mười lăm xe. Vậy mà đồ để lại ở Thanh Châu vẫn chiếm mười mấy gian phòng. Bao mùa xuân thu, chẳng qua như một

đóa hoa một chiếc lá. Nàng đâu biết, những thứ có được nhiều năm qua rồi sẽ trả lại cho trời đất.

Từng yêu sâu đậm mới biết nỗi khổ biệt ly. Trong thời loạn gặp nhiều hoạn nạn. Lần này chia tay còn bịn rịn hơn lúc bình thường, rưng rưng lệ nhìn nhau, cũng chỉ đành quay lưng.

"Đất lá vàng, trời mây thắm, sóng nhuộm màu thu, khói lạnh trùm xanh sẫm."⁵

⁵ Trích bài *Tô mặc già* của Phạm Trọng Yêm, bản dịch của Châu Hải Đường.



Vạn vật trên đời đều có nơi đến, cũng có chốn về. Chúng ta giống như hạt bụi nhỏ bé, sống nhờ ở đây, đối đãi tử tế với từng cảnh vật, cũng được cảnh vật đối đãi tử tế.

Người ta đều nói vật cũ có tình, có thể cùng bạn đi qua năm tháng, cùng hội cùng thuyền với bạn. Hiềm nỗi, lúc này bạn là chủ nhân của nó, mấy phen qua tay, ai đó lại thay thế vị trí của bạn.

Những kim thạch thư họa ấy từng có vô số chủ cũ, chứa đựng vô số tình cảm và câu chuyện. Về sau, chúng được Minh Thành và Thanh Chiêu mang về Quy Lai đường, cẩn thận giữ gìn nên đã có lại hơi ấm và giá trị.

Mỗi cuốn sách, mỗi bức tranh chữ đã chứng kiến tuổi trẻ và tình yêu của họ, cũng biết rõ hợp tan vui buồn bao năm của họ.

Giang sơn đổi chủ cũng bình thường như hoa nở hoa tàn, trăng tròn trăng khuyết. Chỉ là, người ở trong triều đại ấy khó tránh khỏi cảm thấy vô cùng đau khổ. Vào thời loạn, dù có tu vi cao thâm đến mấy cũng không thể không tổn thương chút nào.

Cây hoa trước sân, trúc biếc ngoài cửa, chim sẻ dưới hiên, nhân gian bình yên, vạn vật hữu tình, không tranh với đời. Chúng thấy chủ nhân thu xếp đồ đạc cũng không khỏi sợ hãi biến sắc. Không lâu sau, ngọn lửa chiến tranh cháy lan ra, những sinh linh cỏ cây này cũng sẽ trải qua một tai kiếp chưa từng có.

Triệu Minh Thành đi rồi, không trở lại nữa, để lại nàng một mình trông nom Quy Lai đường, nhan nhản phồn hoa lại đượm vẻ thê lương khôn tả.

Hoàng hôn buông xuống, chim mỏi về rừng đã ở trong tổ. Một đời người như cánh bèo trôi dạt, trông có vẻ có nơi gửi gắm, song lại chẳng chốn nương nhờ.

Trong sự chờ đợi, dung nhan dần tiêu tụy, con người cũng yếu đuối. Cảnh trước mắt, vật cất kĩ, vì non sông nghiêng ngả mà trở nên huyền ảo mơ hồ.

Từng có ước hẹn kiếp này ẩn cư ở Quy Lai đường, trông nom sách cổ trong nhà và mai trúc ngoài sân, cùng nhau già đi. Chàng không rời, nàng không bỏ.

Không phải ai bội ước, mà là chuyện đời chuyển biến quá nhanh. Trong những năm tháng khói lửa ngút trời, tương lai chưa rõ, mọi chỗ dừng lại đều có thể là điểm cuối, mọi sự ra đi đều có thể là vĩnh biệt.

Vua tôi Đại Tổng tránh về Giang Nam, giữa non nước êm đềm, nhớ lại giấc mộng Biện Kinh đã xa. Họ chưa thức tỉnh khỏi đau buồn và kinh hoàng, hằng ngày nghe hát uống rượu chỉ để che giấu nỗi nhục mất nước.

Vương triều Nam Tống mang hơi thở thoi thóp của kiếp trước, chậm rãi trị thương ở Giang Nam hoa hạnh mưa khói. Nơi đây có liễu xuân cầu nhỏ, ánh trăng sân nhà, thuyền hoa Tần Hoài, còn có vô số tài tử phong lưu, giai nhân tuyệt sắc.

Say sưa ở đây, họ thậm chí quên lãng núi sông tươi đẹp của Trung Nguyên. Bàn tay nâng chén cầm bút không còn cầm nổi đao kiếm nữa. Có lẽ, giang sơn bao la, ai giỏi thì được, chỉ cần trăm họ yên vui, ai là chủ ai là tớ có gì quan trọng đâu?

Tháng Bảy năm Kiến Viêm thứ nhất (1127), Triệu Minh Thành nhậm chức Tri phủ Giang Ninh. Phương Bắc chiến tranh sôi sục, thành Thanh Châu không thể may mắn thoát khỏi. Quan phủ, thân sĩ và dân chúng trong thành đều thu xếp sẵn hành lý, chuẩn bị dời nhà bất cứ lúc nào. Tòa thành từng cho họ sự yên ổn ấm áp này giờ lại phải dẫn lòng rời bỏ.

Tháng Mười hai, Thanh Châu xảy ra binh biến. Quận thú Thanh Châu Tăng Hiếu Tự phái tướng dưới quyền là Vương Định đi dẹp loạn, Vương Định thua trận trở về. Tăng Hiếu Tự nghiêm khắc trách mắng, nếu không dẹp loạn được thì xử theo quân pháp. Vương Định bực tức, phát động binh sĩ thủ hạ trở giáo, cha con Tăng Hiếu Tự bị quân phản loạn sát hại.

Quận thú Dị giết, thành Thanh Châu chìm vào ngọn lửa chiến tranh, trong thành đốt giết cướp bóc, vô cùng hỗn loạn. Thành trì rộng lớn khi xưa nhân văn hội tụ, lái buồn lui tới, giờ đây thân hồn nát thần tính, không còn chốn nương thân.

Sơn hà tráng lệ không chịu nổi chiến tranh tàn phá, hồng nhan tuyệt mỹ không chịu nổi năm tháng mài mòn. Quân phản loạn phóng hỏa, không những thiêu hủy nhà cửa của nhiều gia đình mà còn đốt thành tro bụi toàn bộ tranh chữ cát trong mười mấy gian phòng ở Quy Lai đường.

Lịch sử luôn tạo ra những điều tốt đẹp và thần kỳ, đồng thời lại tàn nhẫn hủy diệt chúng. Năm xưa Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn nho sĩ, tiêu hủy quá nhiều tác phẩm kinh điển nên không thể truyền lại cho đời sau. Càng không biết có bao nhiêu thứ quý hiếm bị hủy trong ngọn lửa chiến tranh.

Ngoài thương tiếc, chúng ta cũng hiểu rõ một đạo lý. Vật trên thế gian không thiếu chủ nhân, cho dù nằm trong tay cũng chỉ là bầu bạn một thời gian mà thôi. Thứ ta có thể sở hữu chỉ là vài buổi sớm tối, sau đó nhiều mùa xuân thu đều giống như xa lạ, chẳng biết tìm đâu.

Người và việc đã điều tàn, báu vật rơi vào tay người khác. Trong quá trình đó, có quá nhiều người đánh mất bản tính, trở thành đầy tớ của danh lợi. Vốn là người yêu vật, đến sau này lại đánh mất sơ tâm, trở nên dung tục.

Văn chương quá đẹp, ngôn từ tuyệt diệu, kẻ sĩ tài hoa vung bút là xong, viết hết nổi bể dâu chốn nhân gian. Tạo hóa sợ trần thế từ đây không còn vẻ linh hoạt thanh tú gì đáng kể, nên đã thu về nhiều thứ, để lại đôi chút cho người đời sau sáng tác.

Tạ Linh Vận từng nói: "Tài trong thiên hạ có một thạch, riêng Tào Tử Kiến¹ có tám đấu, ta có một đấu, thiên hạ chia nhau một đấu." Đủ thấy văn nhân đều lạnh lùng kiêu ngạo, mà kẻ tự phụ tài cao đâu chỉ có mỗi mình ông ta.

Có điều văn chương là sở hữu của người thiên hạ, người tài cao nhiều không đếm xuể, hiềm nỗi đều bị năm tháng chôn vùi. Biết bao người tài năng học vấn đầy bụng, song cả đời lặng lẽ vô danh, làm thôn phu nơi sơn dã, âm thầm già đi. Thứ để lại trên đời chỉ là ngôi mộ hoang dưới nắng chiều.

Người như thế, vật cũng như thế. Vạn vật đều đảm trách sứ mệnh của mình, có dấu ấn không thể phai mờ. Sinh mệnh không phân sang hèn, hết thảy nằm ở lòng người, bạn xem như báu vật thì giá trị liền thành, bạn đối đãi bạc bẽo thì một xu không đáng.

"Nhà cũ ở Thanh Châu còn cất giữ sách vở và đồ lặt vặt, chiếm dụng mười mấy gian phòng, mong rằng mùa xuân năm sau lại chuẩn bị thuyền chở đi. Tháng Mười hai, người Kim đánh chiếm Thanh Châu, đồ trong mười mấy gian phòng này đều hóa thành tro bụi."

Người phụ nữ thanh khiết này gặp cảnh binh mã nhốn nháo cũng không thể nào không kinh sợ. Ngẫm lại, lúc đó hẳn là cả đám quân phản loạn xông vào phóng hỏa đốt Quy Lai đường, ngọn lửa cháy lan ra trong chớp mắt.

Sưu tầm nhiều năm, mỗi món đồ đều là tâm huyết của nàng, giống như bạn bè, sao nỡ dễ dàng vứt bỏ? Khổ nỗi nàng một mình yếu ớt, chạy trốn giữ mạng còn không kịp, đâu lo xuể cho những văn vật ấy.

¹ Túc Tào Thực.

Nhớ năm xưa, cung A Phòng gấm vóc rực rỡ cũng không thoát khỏi một mối lửa, hưởng chi sân nhà nhỏ nhỏ ở thành Thanh Châu này. Chẳng ai biết nàng là tài nữ lừng danh kinh thành, dù biết cũng đối đãi như nhau. Cũng không rõ đồ vật cất trong mười mấy gian phòng ấy giá trị bao nhiêu, chứa đựng bao nhiêu văn minh lịch sử.

Lửa lớn nhuộm đỏ nửa bầu trời, Lý Thanh Chiếu khóc chảy máu mắt, đau khổ khôn xiết. Nhà cửa cỏ cây, chim chóc sâu kiến ở Quy Lai đường cũng tan biến theo ngọn lửa rừng rực này.

Trong thành Thanh Châu, dân chúng bỏ chạy, hài cốt ngổn ngang, quân phản loạn đi đến đâu mặc sức sát phạt cướp bóc đến đó, thảm không nỡ nhìn.

Giữa ngọn lửa dữ, Lý Thanh Chiếu giành giật về mấy món đồ ít ỏi, trong đó có *Triệu thị thần diệu thiếp* do Sái Tương viết. Thiếp này là vật Triệu Minh Thành yêu thích, có ý nghĩa khác thường với chàng.

Nàng đã gắng hết sức rồi, một mình mang theo sổ sách vở sót lại, vội vã chạy xuống miền Nam. Về nhếch nhác chán nản, nỗi hoang mang sợ hãi lúc đó không nói cũng rõ.

Nàng quay đầu nhìn lâu tây, trăng tròn thuở nào, mưa rơi năm ấy, sau một trận hỏa hoạn vô tình chỉ còn lại vách đổ tường xiêu. Cho dù người đời sau tu sửa thế nào cũng không trở lại dáng vẻ khi xưa được nữa.

Buổi chạng vạng ở ngôi đình ven suối, sen tàn quen thuộc, sợ gió thu, càng sợ trò đời. Thiếu nữ từng ngồi thuyền hái sen ấy bị gió sương vùi dập, dung nhan nhạt phai, những bài từ đẹp đẽ không miêu tả được phong cảnh đã mất đi.

Tòa thành này đã chứng kiến tuổi xuân rực rỡ của nàng nở rộ, cũng cho nàng thú phong nhã. Lần này từ biệt, đời này e rằng khó quay lại được, lối suối băng ngàn, ở tòa thành nàng sắp đến sẽ có cuộc gặp gỡ thế nào?

Tài nữ tuyệt thế, phu nhân nhà quan, lưu lạc đến nước này cũng giống như dân thường, len lỏi giữa dòng người chạy nạn, không biết về đâu.

Trút bỏ lụa là gấm vóc, mặc áo vải mộc mạc, đeo tay nai đơn sơ, nàng cũng chỉ là một người phụ nữ bình thường. Dùng tiền bạc đổi lấy chiếc bánh bao, đem thoa châu đổi lấy bát rượu nhạt.

Cũng là người từng trải sóng gió, nỗi khổ sở sa sút lúc này không đáng sợ cho lắm. Điều nàng đau lòng là sơn hà tan nát, là văn vật hao hết tâm sức vẫn không bảo toàn được.

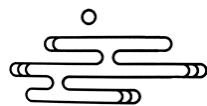
Nếu những vật sư tâm ấy rơi vào tay người khác thì cũng không sao, ít ra chúng còn tồn tại trên đời, chỉ đổi chủ nhân. Nhưng nay chúng hóa thành tro bụi, cùng diệt vong với triều đại này, sao không khiến người ta đau xót?

Người trong thời loạn sống được ngày nào hay ngày ấy. Những gian khổ và hoang liêu của đời người chỉ có trải qua mới biết rõ. Sau đại nạn tày trời, vòm không yên ắng lạ thường.

Sông thu gió lạnh, cỏ đạo quạ kêu, quá khứ rành rành trước mắt, chỉ là không thấy tương lai. Nàng phải đi Giang Ninh, tòa cố thành phương Nam ấy và nàng sớm đã gặp nhau trong câu chữ, giờ đây cuối cùng cũng có thể nhìn rõ dáng vẻ chân thực của nó.

Bên cầu Chu Tước, ngõ dài Ô Y, phong lưu Vương Tạ, nếp sống thường dân, chờ đợi nàng sẽ là một kiểu phồn hoa hiện tại, hoặc thay đổi bề dẫu khác.

Thế sự giống như nhân sinh, lúc thì bèo tụ, lúc thì mây tan. Trời đất mệnh mang, luôn có nơi ánh nắng không rọi đến được. Cuộc đời rồi ren, tôi mong xuôi theo dòng nước, lặng lẽ vô danh.



Người thời Tống có từ rằng: "Một tắc tương tư muôn ngàn mối, nhân gian chẳng một chốn an bài." Nói về người ấy của năm xưa, cũng là tôi của lúc này, hoặc là bạn của tương lai.

Tâm sự mười năm, mưa gió giang hồ. Có lẽ đời này bất kể nường thân nơi đâu, hoặc lạnh lẽo nghèo khó, hoặc rõ ràng công danh đều chẳng có được sự yên ổn thực sự. Người như bèo dạt, không gốc không rễ, giang sơn vạn dặm cũng không thể lấp đầy nỗi hoang vắng trong lòng.

Xin thứ lỗi cho tôi hèn nhát, bao nhiêu lần quay lưng với thế giới, chỉ để sống đơn thuần là chính mình. Song số phận ngoan cố, không thay đổi ước nguyện ban đầu vì bất cứ ai, đến cuối cùng, chúng ta đều chỉ đành thỏa hiệp.

Từng có những năm tháng tĩnh lặng ngấm mai ngâm thơ, chén tạc chén thù, nhưng thời gian êm đềm rồi cũng dậy sóng gió. Giống như Giang Nam lúc bấy giờ, khí chất ôn nhuận của nó không khóa lấp nổi vẻ thô lương thời loạn.

Chiều tà bóng xế, khói dày cỏ rậm, nàng thân gái một mình, mang theo chút ít thơ họa còn sót lại, nhếch nhác chạy nạn. Dặm trường vất vả, thấy những mái nhà tỏa khói bếp đều mong đó là chốn nấu mình.

Nỗi buồn lớn trên đời không gì hơn là vương triều sụp đổ, anh hùng mạt lộ, hồng nhan bơ vơ. Sụp đổ là các triều đại Đường Tống Nguyên Minh Thanh. Mạt lộ là Bá Di không ăn thóc nhà Chu, là Hạng Vũ tự vẫn ở Ô Giang, là Nhạc Phi chí lớn chưa thành. Bơ vơ là Lý Thanh Chiêu trên đường phiêu bạt, Chu Thục Trân trong cảnh cô đơn và Tô Tiểu Tiểu giữa chốn trắng hoa.

Thời thế vô thường, chỉ có đích thân trải qua mới biết hoạn nạn chân thực đến vậy. Con người lợi ngược dòng mới thấu hiểu ngay cả gian nan cũng quý giá nhường nào. Cõi lòng dịu dàng, dù là dòng nước buổi hoàng hôn cũng đẹp để vô hạn.

Trên đường người xuôi kẻ ngược đều không biết nhau, song hoạn nạn giống nhau. Có câu tu hành trăm ngàn năm mới được làm người, nhưng ở thời đại khói lửa này, rơi vào số kiếp thì nhỏ bé như hạt bụi.

Trọ ở dịch trạm, đêm vắng chong đèn, chuyện xưa mơ hồ, nỗi sầu như nước. Lần trước đi xa là vì đấu tranh đảng phái trong triều đình, thấm thoát mười mấy năm đã qua, lần này đi xa là vì sơn hà nghiêng ngả.

Người bình thường tuy có thể bất mãn thời cuộc hoặc sinh lòng oán giận nhưng không thể không yêu nước nhà, càng không thể vì chút lợi nhỏ mà đánh mất khí phách.

Từ xưa đến nay, có sự mạnh mẽ *"Đời người tự cổ ai không chết, để lại lòng son rạng sử xanh¹"*, cũng có sự anh dũng *"Bỏ mình vì quốc nạn, xem cái chết như không²"*, càng có sự bi thương *"Ngày nào Trung thổ giành lại được, cúng giỗ đừng quên khấn cha hay³"*.

Nhưng trò đời có thể lương hơn nữa cũng không thể để một người phụ nữ bình thường gánh vác. Tình cảnh này khiến người ta bất giác nhớ đến Hoa Nhị phu nhân. Bà là Quý phi của Hậu Thục chủ Mạnh Sưởng thời Ngũ Đại, dung mạo xuất chúng, thơ phú tinh thông, tài hoa tuyệt thế. Bà từng phỏng theo Vương Kiến làm cả trăm bài hát trong cung, được người đương thời khen ngợi.

Sau khi Mạnh Thục mất nước, Hoa Nhị phu nhân bị bắt vào hoàng cung nhà Tống. Tống Thái tổ hâm mộ tài thơ của bà, cho gọi bà đến làm thơ. Thế là, bà viết một bài thơ ở ngay trên triều: *"Trên thành quân vương giường cờ trắng, trong cung thần thiếp nào biết gì? Mười bốn vạn người cùng cởi giáp, chẳng ai xứng mặt đấng nam nhi!"*

Sử liệu ghi chép, lúc đó chỉ có mấy vạn quân Tống đánh Thục, trong khi Hậu Thục có đến mười bốn vạn người. Lấy mạnh địch yếu, dễ thủ khó công, lo gì thua trận? Song vì vua Thục hoang dâm trụy lạc, vua tôi không hề có ý chí chiến đấu nên mới xảy ra bi kịch này.

Mười bốn vạn tướng sĩ chẳng có mấy may hào khí của nam nhi, thậm chí còn không khảng khái bằng phụ nữ, bởi nhu nhược nên họ không đánh mà thua. Ánh đao bóng kiếm loang loáng, đốt giết cướp bóc khắp nơi, trăm họ gặp tai ương. Ngay cả phe đầu hàng chỉ biết bo bo giữ mình e rằng cũng chẳng thoát khỏi kết cục bi thảm chết không toàn thây.

Tình hình Nam Tống bấy giờ cũng như vậy, vua tôi yếu hèn giữ lấy nửa mảnh giang sơn ở Giang Nam, sống lay lắt qua ngày. Trước quân Kim ngang ngược lộng

¹ Trích bài *Quá Đỉnh Linh dương* của Văn Thiên Tường.

² Trích bài *Bạch mã thiên* của Tào Thục.

³ Trích bài *Thị nhi* của Lục Du.

hành, đám đàn ông lưng dài vai rộng đó, những kẻ hục hặc với nhau, hô mưa gọi gió, bối lông tìm vết trong đấu tranh chính trị đó đến lúc này lại chẳng còn khí thế gì cả.

Gặp loạn thì chạy, trốn được thì trốn, còn có phe đầu hàng gây cản trở từ bên trong, tiếp tay cho quân Kim, khiến non sông tan nát, dân chúng lầm than.

Chẳng phải họ không hiểu đạo lý tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ, chỉ là sơn hà bao la, đâu phải ai cũng làm chủ được. Lý Thanh Chiếu tuy có khí tiết, có chí lớn nhưng lại là phận gái, khi giang sơn suy tàn chỉ có thể theo triều đình chuyển đến nơi đất khách quê người.

Mùa xuân năm Kiến Viêm thứ hai (1128), Lý Thanh Chiếu một mình đi về miền Nam. Hành trình quanh co, trên đường hoa nở, nếu không có chiến sự thì còn có thể thoát ly trần tục để thưởng thức cảnh xuân tràn trề này. Chuyện hưng vong ngàn xưa như hoa nở hoa rụng, song thời loạn trăm năm khó gặp, nàng đã gặp rồi.

Suốt dọc đường binh mã nhốn nháo, trộm cướp hoành hành, khi đi ngang qua Trấn Giang, Giang Tô, Lý Thanh Chiếu gặp phải cường đạo. Bọn chúng lục soát từng người, lấy hết tiền của, phần lớn tranh chữ Lý Thanh Chiếu mang theo đều bị cướp đi. Chỉ có bức *Triệu thị thần diệu thiếp* nhờ nàng nhanh trí khéo léo giấu kĩ nên may mắn giữ lại được.

Phàm trần không nhiều tuyệt tác, thế gian cũng hiếm nhân tài. Báu vật có thể chuốc lấy tai họa cho chủ nhân, dễ thất thoát, phải được quý trọng và gìn giữ thì mới tồn tại lâu dài. Còn người có tài thường không gặp vận mà long đong lận đận, vì vậy cần bền bỉ nghiên cứu học thuật thì tài hoa mới được duy trì. Nếu nặng lòng phú quý, hoặc mệt mỏi với công vụ, hoặc bận rộn với thế tục, tiêu tan chí khí, thì tài hoa ắt cũng chịu ảnh hưởng, mất đi sự thông tuệ.

Đúng như Triệu Minh Thành nói trong lời bạt *Triệu thị thần diệu thiếp*: "Thiếp này do người họ Chương bán ở kinh sư, tôi bỏ ra hai trăm ngàn mua được. Mùa thu năm ngoái, Tây binh nổi loạn, cửa cải nhà tôi mất sạch, vợ tôi mang theo thiếp này chạy trốn. Chẳng bao lâu sau, cường đạo Giang Nam lại cướp Trấn Giang, chỉ còn lại thiếp này, tin rằng nó là tác phẩm thư pháp kỳ diệu nên được thần linh bảo vệ. Viết vào ngày Mười tháng Ba năm Kiến Viêm thứ hai."

Lý Thanh Chiếu vượt bao trắc trở, lận lội đường xa, cuối cùng cũng đến Giang Ninh. Vào thời buổi chiến tranh ác liệt, vợ chồng gặp lại như đã cách biệt mấy đời. Tuy họ vui mừng vì xem như lại có chỗ dựa, nhưng không thể xóa tan nỗi ngậm ngùi xót xa trong lòng.

Chuyện đời vô thường, chỉ trong mấy tháng mà giang sơn đã đổi thay. Nàng đi đường mệt nhọc nên khó giấu vẻ tiều tụy, sau nhiều phen lưu lạc vẫn còn cảm giác kinh hoàng. Mấy tháng ấy, nàng ngày đêm sợ hãi, giờ đoàn tụ với Triệu Minh Thành mới tìm được đôi chút yên ổn.

Lúc đó Triệu Minh Thành đã là Thái thú Giang Ninh, đối với việc chàng ra làm quan, Lý Thanh Chiếu không tỏ ra hân hoan. Nàng cũng thấy đáng buồn cho vua tôi nhà Tống yên phận ở Giang Nam, suốt ngày mượn rượu giải sầu. Mọi thứ trước mắt là cánh hoa trôi trên sóng nước, hư ảo mà mơ hồ.

Ngồi đối diện nhau bên song tây, khêu đèn trò chuyện thâu đêm, đương nhiên là kể không hết những nỗi gió sương ẩm lạnh và nắng mưa tròn khuyết. Nhắc đến cuộc binh biến ở Thanh Châu, ngọn lửa vô tình đó đã thiêu hủy tâm huyết nhiều năm của họ, vợ chồng ôm nhau khóc ròng.

Bộ sưu tầm suốt nửa đời đều hóa thành tro bụi. Số văn vật mang đến Giang Ninh cũng chẳng biết có thể giữ đến bao giờ. Có lẽ một ngày nào đó tình hình đổi thay, những thứ còn sót lại này sẽ một lần nữa hóa thành hư ảo.

Nhớ lại năm xưa ở thành Biện Kinh, họ cùng tìm kiếm sách cổ tranh chữ, ngắm nghĩa thưởng thức dưới đèn. Ở Quy Lai đường sách chứa đầy nhà, được phân loại sắp xếp đầu vào đó, vợ chồng cựa sách sánh trà, thú vui tao nhã vô hạn. Vốn ngỡ rằng có thể gối lên sách đi vào giấc mộng, tà áo mãi vương vấn hương trà, nào ngờ mọi điều tốt đẹp trên đời chỉ là thoáng qua.

Lúc ấy Triệu Minh Thành tóc đã hoa râm, còn Lý Thanh Chiếu cũng là mỹ nhân xế chiều. Chàng đã nói cả đời nuông chiều nàng, che mưa chắn gió cho nàng. Lời hứa vẫn còn đó, không phải chàng thất tín bội ước, mà là ý trời khó trái.

Ông trời có thể cho bạn mọi thứ, lại có thể phá hủy tất cả. Nhưng thứ bị phá hủy đâu chỉ là sơn hà mà còn có tình cảm của con người; duy hoa xuân liễu xuân chốn Giang Nam, tiếng mái chèo và ánh đèn lồng của thuyền hoa Tần Hoài là không đổi.

Giang Ninh cũng là Kim Lăng thời xưa, đô thành kim phấn, vùng đất phong lưu. Đây là một tòa thành nhiều tai lầm nạn, tràn ngập mùi phấn son không thể tiêu tan, nó vốn nên có bá khí của vương giả, nhưng lại làm tù binh của sự dục dăng.

Đây là miền Nam trong mộng, nước biếc non xanh, hành lang có vẽ tranh lãng đãng mưa khói, đẹp đến mức khiến người ta rơi lệ. Nàng từng nhiều lần bắt gặp vẻ phong nhã êm dịu của nó trong sách, lúc này dưới ánh nước dập dờn lại nhìn thấy nét ai oán mềm yếu của nó.

Đỗ Mục thời Đường có thơ rằng: "*Khói trùm nước lạnh, trắng lông cát, thuyền đậu Tần Hoài, cạnh tửu gia. Cô gái không hay buồn nước mất, bên sông còn hát Hậu đình hoa.*"⁴ Nhớ năm xưa, Trần Hậu chủ đắm chìm trong cuộc sống rượu chè hưởng lạc, để lỡ việc nước, đánh mất giang sơn. Triều Trần tuy diệt vong nhưng âm điệu lá lướt đó lại được lưu truyền, được ca nữ Tần Hoài diễn xướng.

Bài thơ của Đỗ Mục có ý châm biếm, song ông nào hay đô thành son phấn này vì nhiều cô gái Tần Hoài mà đã có cốt cách rắn rỏi. Vô số giai nhân thời loạn còn có khí tiết hơn nhiều nhà sĩ phong lưu, nam nhi bảy thước. Phải biết rằng, mỹ nhân không chỉ biết rơi lệ mà còn biết chảy máu.

Khói sóng bàng bạc trên hồ, oanh yến liú lo bờ liễu. Tòa thành này quả thật có thể tránh loạn, có thể chữa thương. Nếu không phải do chiến tranh mà chạy trốn đến đây, thì e rằng đời này Lý Thanh Chiếu vô duyên với nó.

Vùng đất mưa khói, xứ sở dẫu dằng có thể áp ủ tình thơ cảnh từ, song không thể chống đỡ cuộc bể dâu của một vương triều. Nếu không phải sơn hà gặp biến cố, nước mất nhà tan, chỉ là sinh lão bệnh tử đơn thuần của đời người thì có gì đáng sợ?

Gặp gỡ với tòa thành này là cơ duyên trong đời, càng là một điều bất ngờ đẹp đẽ. Lý Thanh Chiếu biết, nàng cũng chỉ tạm dừng chân ở đây. Thiên hạ hỗn loạn khó yên này sẽ có sự đổ vỡ lớn hơn vào bất cứ lúc nào.

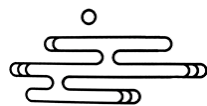
Trong thời loạn, làm sao tính được chuyện tương lai. Sống với hiện tại, sân nhà nho nhỏ trông quế trông hòe cũng là một sự yên ổn. Rồi có một ngày, thời đại cổ xưa ấy và diện mạo xã hội này đều sẽ tan biến.

Song con người tồn tại trên thế gian tự có một luồng ánh sáng trong trẻo, soi tỏ tháng năm. Như gió xuân và nước thu, Đường thi và Tống từ, không phụ nhau, không hối hận.

⁴ Bài *Bạc Tần Hoài*, bản dịch của Trần Trọng San.

Trên
trời
dưới
trần,
chẳng
ai
gửi
gắm
được¹

¹ Trích bài *Cô nhạn nhi* của Lý Thanh Chiếu.



Thời gian vô tình, song lại có một vẻ trang nghiêm khiến người ta kính trọng. Tâm trạng và phong thái của con người tùy theo tình hình mà thay đổi, từng trải càng nhiều thì càng khiêm tốn.

Cuộc đời có nhiều khó khăn buồn khổ, hơn nữa đó là hiện thực không cho phép người ta trốn tránh. Tôi chỉ mong làm một người dân bình thường, trồng trà trồng dâu, hằng năm lo việc nông tang và thu hoạch phong phú. Cho dù thế giới bên ngoài muôn vẻ náo nhiệt cũng không có nhiều cảm dỗ, chỉ trông nom mấy mẫu ruộng cần, vài gian nhà gạch, nhàn tản qua ngày.

Nhưng lịch sử và năm tháng có quá nhiều tai kiếp, từ ngàn xưa chúng sinh gặp phải biết bao chuyện hưng vong. Vương khí của đế kinh là hơi thở của phố phường, mà giang sơn như tranh vẽ cũng nằm trọn ở những mái nhà khói bếp thơm nồng.

Những nơi nàng đi qua như được làn gió trong hành lang, cơn mưa dưới mái hiên tưới tắm. Tòa thành này, bởi vì nàng đến thăm, nên trong suy tàn đã có nét thanh tao, trong thê lương đã thêm phần ý vị.

Thế giới của ai chưa từng là tường cao sân sâu, chưa từng có muôn hồng ngàn tía? Bên cầu Chu Tước, đầu ngõ Ô Y, nét phong lưu của Vương Tạ thời xưa tàn mất chốn dân gian theo sự thay đổi triều đại. Bao nhiêu người chống cây sào dài của năm tháng, vớt giấc mộng xưa đã trôi xa của Kim Lăng ở bên sông Tần Hoài.

Nơi xa là cổ đạo tịch dương, cỏ dại um tùm, còn Giang Ninh hiện giờ mưa phùn gió nhẹ, mây nước mơ màng. Vua tôi Nam Tống say sưa bởi làn gió ấm áp của Giang Nam, từ lâu đã không nhìn thẳng vào thực tế sơn hà ngày xưa vẫn lún sâu trong khói lửa mịt mù.

Mối nhục Tĩnh Khang ai có thể quên? Nhưng triều đình đông đảo là thế, vậy mà nhiều tướng lĩnh lại chẳng có hào khí thu phục non sông xưa. Tất cả sớm có định mệnh, vở kịch này đã hết, là họ vẫn chưa chuẩn bị sẵn sàng ly biệt.

Giang Ninh trông có vẻ oanh ca én liệng này thực ra cũng không thái bình. Ky binh tinh nhuệ của Đại Kim không ngừng cướp đoạt, chúng lấy việc chinh phục giang sơn Đại Tống làm mục tiêu, vung roi thúc ngựa, đánh đâu thắng đó.

Triệu Minh Thành là Thái thú Giang Ninh, đương nhiên có trách nhiệm ngăn chặn loạn lạc, bảo vệ sự bình yên của nhân dân. Chàng suốt ngày bận rộn công vụ, lo lắng việc nước, không còn rảnh rang đắm chìm vào kim thạch thư họa, thậm chí không có thời gian thưởng hoa ngắm cảnh với Lý Thanh Chiếu, đã chẳng còn thấy bóng dáng thiếu niên hăng hái ngày xưa.

Tây lâu nguyệt rọi, song nhỏ mộng vắng, những ngày tháng ngậm thơ làm từ ấy đã đi đâu mất rồi? Thế thái lạnh lùng, nhưng lòng nàng chưa từng có mấy may thờ ơ với cuộc đời. Dầu sơn cùng thủy tận, nàng vẫn có thể dựng nhà mà ở, dầu lưu lạc giang hồ vẫn phong nhã nhẹ nhàng.

"*Khói lửa liền ba tháng, thư nhà đáng ngàn vàng.*"¹ Nhớ năm xưa, loạn An Sử, Trường An thịnh thế thuở nào cũng tiêu điều suy tàn chỉ trong một đêm. Lịch sử có quá nhiều chỗ giống nhau, những ngày khói lửa ngút trời, đâu đâu cũng thấy dân chúng hoảng hốt chạy trốn, lang thang phiêu bạt.

Dầm mưa leo lên cao, ngắm thành cũ tháp cổ chẳng rõ có từ triều đại nào. Người đời ghi nhớ các vị hiền thần danh tướng trong lịch sử, song lại không biết rằng những tiểu thương tởm ấy cùng có với họ một khoảng trời mây, nắng chiều sơn khô, rừng trúc ruộng đồng.

Tôi và Lý Thanh Chiếu, cách nhau ngàn năm, đều đã chứng kiến thế sự bể dâu. Tôi tìm kiếm những mẩu chuyện hoặc giả hoặc thật về nàng trong văn chương của người xưa. Rồi lại thương tiếc cho tâm sự hoặc buồn hoặc vui trong những bài từ của nàng.

Mùa đông năm ấy, Lý Thanh Chiếu buồn phiền lo sợ vì chiến sự không yên. Triệu Minh Thành chỉ có chức Thái thú suông, vào thời buổi nhiễu nhương này, mọi việc đều lực bất tòng tâm. Tống Cao Tông nhu nhược không chịu nổi một chút gió thổi cỏ lay, sẵn sàng dời xuống phía nam bất cứ lúc nào.

Cho dù như thế, khí chất thi nhân trong cốt cách của Lý Thanh Chiếu không hề thay đổi. Giang Ninh tuyết rơi, vạn vật trắng xóa, tường thành hoa lệ sừng sững nguyên vẹn. Người con gái thích hoa mai tuyết trắng này sao có thể phụ nhã ý của tạo hóa? Nàng nảy sinh hứng thú, đội nón lá khoác áo tơ, đi dạo trong thành để tìm tứ thơ.

Quyển Tám *Thanh Ba tạp chí* của học giả Châu Huy thời Tống có chép: "Mới gặp người trong họ của Dị An, kể rằng khi Minh Thành ở Kiến Khang, mỗi lần trời đổ tuyết

¹ Trích bài *Xuân vọng* của Đỗ Phủ.

lớn Dị An liền đội nón lá, khoác áo tơ, đi dạo trong thành và nhìn ra xa để tìm tứ thơ, được câu hay ắt mời chồng xướng họa."

Tuyết rơi lả tả, cây ngọc cành quỳnh, Giang Ninh ngày xưa hẳn là trắng lẹ như tranh. Lý Thanh Chiêu lúc đó đã ngoại tứ tuần, giai nhân thuở nào đã luống tuổi. Nhưng nàng vẫn giữ được thần thái, đội nón lá, khoác áo tơ, đi giữa khung cảnh phong nhã hào hoa thời Tống.

Biết bao chuyện của Nam triều không bằng một quyển từ của nàng. Những ngày bấp bênh không ổn định này ẩn chứa quá nhiều tâm tư, hết thấy cảm xúc chỉ có thể trao cho bút mực. Văn chương có thể gửi tình tỏ ý, nếu trong phong cảnh không có lịch sử và câu chuyện thì làm sao sâu sắc, lay động lòng người được?

Thơ Lý Thanh Chiêu viết vào thời kỳ đó đến nay đã thất lạc. Mấy câu rời rạc để lại gửi gắm tâm trạng của nàng, người đời sau đọc được chỉ là thưởng thức mà thôi.

Mỗi lần viết được câu hay, nàng ắt mời Triệu Minh Thành ngâm họa. Ngắm tuyết thưởng mai, hâm rượu bình thơ vốn là chuyện tao nhã của văn nhân. Nhưng hiện giờ sống đục nước xiết, bao nhiêu người có thể còn bình tĩnh, sống yên ổn riêng mình?

Theo *Thi thuyết tuyển vĩnh* chép lại, nàng có câu "Áo mũ về Nam thiếu Vương Đạo, thông tin từ Bắc vắng Lưu Côn", còn có câu "Vào Nam vẫn sợ Ngô Giang lạnh, ra Bắc nên buồn Dịch Thủy hàn".

Lý Thanh Chiêu cảm thấy bi phần vì miền Bắc rơi vào tay giặc, cũng rất bất mãn với triều đình Nam Tống an phận. Nàng mong đợi có nhân vật anh hùng như Vương Đạo xuất hiện, xoay chuyển tình thế, quét khởi trở lại. Giờ đây vương triều suy yếu, nhưng không có sĩ phu tài năng có thể khôi phục giang sơn như Lưu Côn.

Tình hình những năm loạn bát vương² và họa Vĩnh Gia³ thời Tây Tấn tương tự với lúc này. Sau nội loạn, vùng đất rộng lớn miền Bắc rơi vào tay kẻ khác, thời đại Ngũ Hồ loạn Hoa⁴ dần dần bắt đầu. Nhất thời sơn hà tan nát, xã tắc trầm luân. Hàng loạt người Hán bị giết, sĩ tộc phương Bắc nhao nhao chạy xuống phía nam để tránh tai họa. Số người qua sông về phương Nam chiếm sáu, bảy phần mười, sử gọi là "Áo mũ qua sông".

Wang Dao là một trong số đó, cũng là nhân vật chủ yếu. Ông từng khuyên Tư Mã Duệ chiêu hiền nạp sĩ và cùng nhau củng cố chính quyền Đông Tấn. Ông có câu nói nổi tiếng: "Nên cùng ra sức giúp triều đình, khôi phục Trung Nguyên, sao có thể nhìn

² Loạn do tám vị vương họ Tư Mã thuộc hoàng tộc nhà Tây Tấn gây ra từ năm 291 tới năm 306.

³ Năm Vĩnh Gia thứ năm (311), quân Hung Nô đánh chiếm Lạc Dương, Tấn Hoài đế bị bắt.

⁴ Năm dân tộc Hồ (Hung Nô, Yết, Tiên Ti, Đê, Khương) làm loạn Trung Hoa.

nhau khóc lóc như tù nhân nước Sở!" Cho dù cuối cùng cũng trở thành lời nói viên vông nhưng so với tình cảnh Nam Tống yên phận thì tốt hơn nhiều.

Còn Lưu Côn trấn thủ Tinh Châu, độ sức với các dân tộc thiểu số, đạt được thành quả đáng kể. Trong lòng Lý Thanh Chiếu, Nam Tống đang thiếu loại tướng lĩnh trí dũng song toàn này.

Nước mất nhà tan, muôn vàn hào tình, một bầu nhiệt huyết đều là vô ích. Đạo chơi ngấm cảnh, uống rượu làm thơ cũng chẳng còn bao nhiêu hứng thú. Cảnh xuân nhân gian, hoa nở đầy cảnh, chẳng qua hằng năm người thưởng hoa khác nhau mà thôi.

Bình sinh nàng yêu thích tuyết rơi ngoài song, mai nở khắp sân. Năm xưa ở Quy Lai đường tự tay trồng mấy cây mai, sau bị lửa lớn thiêu rụi, nàng chạy nạn bỏ chúng lại. Nhà cửa không ai tu sửa chắc đã vách đổ tường xiêu, cảnh tượng hoang tàn không nữ nghĩ đến.

Giang Ninh tuy tốt, phong lưu đẹp đẽ, nhưng ở đây, nàng là khách tha hương. Nếu không phải vì loạn lạc chiến tranh, lúc này hẳn nàng đang đạp tuyết tìm mai ở Quy Lai đường. Trong nhà khói trà vẫn vít, trên bàn hương mai quấn quanh, nàng tâm sự quuyến luyến, cảm hứng dạt dào.

Hiện giờ tuyết vẫn bay lất phất, hoa mai đẹp tuyệt trần, không đổi vì thời, không dời vì cảnh. Nàng không còn là làn gió xuân thanh nhã ấy, cũng không còn là đóa mai nở lúc tuyết tạnh kia, từ sau khi về phương Nam, cõi lòng nàng càng thêm thê lương ử dột.

Hôm đó, nàng vô cùng buồn chán, cầm bút viết một bài *Lâm giang tiên*, cảnh trong từ như nói hết lòng nàng:

Đình viện bao la sâu thăm thẳm, mây mù song các vắng tanh. Đài mai ngọn liễu thấy phân minh. Xuân về Mạt Lăng thụ, người lão Kiến Khang thành.

*Vịnh gió ngâm trăng bao xiết kể, bằng nay tuổi lão thôi đành. Ai thương tiểu tụy với điêu linh. Ngọn đèn còn trơ bắc, ly biệt cùng buồn tình.*⁵

"Ngọn đèn còn trơ bắc, ly biệt cùng buồn tình." Hồi nhỏ đọc bài từ này, tôi chỉ xem đó là nổi oán phòng khuê. Tài nữ một thời sống trong sân sâu, ngâm vịnh gió trăng,

⁵ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn. Riêng hai câu cuối chúng tôi xin mạn phép sửa lại theo phiên bản của sách này.

tương tư thành bệnh, dung nhan ngày càng tiêu tụy. Hằng ngày ngồi trên gác cao, ngắm ngọn liễu dài mai, uống phí tuổi xuân gấm vóc.

Đã biết giai đoạn lịch sử này của nhà Tống, đọc lại bài từ thì không còn là nỗi buồn đau cá nhân nữa. Tôi thích cuộc bể dâu của lịch sử, dày nặng như cổ ngọc, ý vị sâu xa. Song tôi lại sợ chạm đến chỗ mềm yếu trong lòng, sợ giảng giải những chuyện hưng vong. Mỗi lần đọc đến cổ đạo chiều buông, tường viện loang lổ, gió thu lạnh lẽo, tôi đều che mặt mà khóc.

Lịch sử là một đoạn chuyện xưa, là ký ức của triều đại, cũng là dịch trạm mà người ta dừng chân. Đôi lúc tôi nghĩ, trong thời gian không gian mênh mông đó, từng có vua hiền tôi sáng, chàng đốn củi nàng hái dâu, từng có chim thú sâu cá, mây trôi gió thoảng, thì sẽ thấy lòng mình dịu dàng và cảm động.

Thế gian quả là vạn vật hữu tình, mặc cho thời gian mơ hồ, sông núi lạnh nhạt, song luôn có nhiều chi tiết nhỏ bé khiến tôi vui mừng khôn xiết. Một cây hoa mai, một lò hương xông, thậm chí một chiếc lá rơi đều chân thực đến mức như khóc như than.

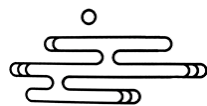
Tuyết trắng mai đỏ, vợ chồng hòa thuận, sự vật tốt đẹp xiết bao, được thi nhân yêu quý, được từ khách tán thưởng. Nhưng nàng lo cho thời thế, lòng đầy u sầu, những điều thổ lộ trong từ không còn là lời than thở của một mình nàng mà là tâm trạng của muôn ngàn người dân thời đại ấy.

Tôi hiểu sâu sắc những suy tư của nàng, cũng thấy kinh ngạc và kính nể. Sau tai nạn lớn, thế giới hẳn là vô cùng yên tĩnh. Trên bờ sông vắng du khách đó, hoa mai không ai hái tinh khôi đến nỗi chẳng biết lo âu. Cũng phải, khói lửa ngút trời, vương triều thay đổi thì liên quan gì đến chúng?

Giống như người phụ nữ này vậy, nàng tóc mai điểm sương, tuổi đã xế chiều, nhưng vẫn đoan trang tao nhã. Nàng cúi đầu vung bút, tựa một cơn mưa hoa đẹp đẽ. Chuyện đời trải qua nhiều rồi cũng sẽ không quá đổi để tâm, thế nên trong lòng nàng có khúc ca bi tráng, song văn chương không có sự rối loạn.

Tôi khác với nàng, chuyện đời vui buồn tùy duyên. Không phải không tranh, không phải không sợ, chỉ là đời người như quán trọ, từ lâu tôi đã học được sự uyển chuyển điềm đạm. Dù có nhiều điều không hợp, nên biết vạn vật gặp gỡ đều có cơ duyên, sao có thể nhìn mà như không thấy, ngạo mạn vô lễ.

Năm ấy, tuyết rơi lạnh lẽ, mai nở hết mình. Năm ấy, nàng vẫn lịch kiếp ở thế gian, không biết hợp tan ngày mai.



Kinh Thi có câu: "Lúc tử sinh hay khi cách biệt, chẳng bỏ nhau lời quyết thệ rồi. Cầm tay nàng hẹn mấy lời: Sống bên nhau mãi đến hồi già nua."¹ Câu thơ cũng như tình yêu và lời thề hẹn ấy, đẹp biết bao.

Ba ngàn năm trước, bờ sông lau lách rậm rạp có giai nhân ở một phương nào của vùng nước mênh mông. Nàng linh hoạt uyển chuyển, phiêu diêu như tiên, khiến người ta sinh lòng mến mộ. Chàng mê mãi tới lui tìm kiếm, chỉ để đổi lấy một cái ngoảnh nhìn của nàng.

Từ xưa ái tình khiến người ta đau buồn chán nản. Nó bông bột mà sâu lắng, là trần kiếp trong kinh Phật, là quyến luyến trong thơ ca, rơi vào trong từ lại là triền miên.

Trong thời loạn, đừng nói danh lợi phú quý mà ngay cả tình yêu cũng bấp bênh. Những ngày ở Giang Ninh, nàng không thiếu thơ rượu gió trăng, không quên kim thạch thư họa, nhưng leo lên tường thành, tìm kiếm di tích cổ, ngắm sương chiều khói bếp, lầu gác hoàng hôn, cũng vẫn không khỏi xót xa.

Triệu Minh Thành tuy bận việc nước nhưng mỗi ngày đều dành cho nàng thời gian uống một chén trà, nàng cũng vui vẻ mãn nguyện. Tình yêu của nàng tinh khiết hoàn hảo như mai trắng tuyết rơi.

Nhớ năm xưa, thế giới của chàng cũng từng ong bay bướm liệng, nàng hiểu rõ trên đời tri âm khó cầu nên cũng ung dung chấp nhận. Bầu bạn mấy mươi năm, tan tan hợp hợp, đến đến đi đi, trong đời nàng chỉ có một Triệu Minh Thành.

Nếu không phải chàng nhu nhược bỏ thành, bỏ lại dân chúng Giang Ninh, bỏ lại nàng, thì nàng cũng không nguội lòng nản chí. Đối với người đàn ông này, từ quen nhau đến hiểu nhau rồi bên nhau, nàng đều vừa ý. Dù có chút thiếu sót cũng bỏ qua không so đo.

Xuân se se lạnh, vạn vật nửa mơ nửa tỉnh. Hằng ngày Lý Thanh Chiếu nhóm lò hâm rượu, trong thời tiết lạnh lẽo này, chỉ có thể mượn rượu giải sầu.

¹ Trích bài Kịch cổ 4, bản dịch của Tạ Quang Phát.

Vua tôi vương triều Nam Tống cũng cầm chung nâng chén, sống ngây ngô hoang đường. Họ không biết ngày nào mọi thứ mình đang có sẽ tan vỡ trong khoảnh khắc. Trái tim từng bị thương dù sao cũng rất yếu đuối bơ vơ.

Quả nhiên, Ngự doanh thống chế Vương Diệc định lợi dụng sơ hở lúc điều động Tri phủ Giang Ninh để khởi binh làm loạn trong thành. Giang Đông chuyển vận phó sứ Lý Mô phát giác chuyện này và kịp thời báo cho Triệu Minh Thành biết để bàn bạc đối sách.

Nhưng Triệu Minh Thành nhận được chiếu chỉ điều đi nhậm chức Thái thú Hồ Châu nên không để tâm đến chuyện này, cũng không áp dụng bất cứ biện pháp ứng phó nào. Lý Mô biết rõ quân tình nguy cấp bèn tự bài binh bố trận để đề phòng bất trắc.

Đêm đó, Vương Diệc phóng hỏa làm hiệu, khởi binh mưu phản, muốn tha hồ đốt giết cướp bóc. May mà Lý Mô sớm có phòng bị nên đã đánh bại Vương Diệc, chặn đứng cuộc nổi loạn này.

Rạng sáng, Lý Mô vội vàng đến báo cáo tình hình dẹp loạn với Triệu Minh Thành. Nào ngờ, Triệu Minh Thành và Thông phán phủ sự triều tán lang Vô Khâu Giáng, Quan sát thôi quan Thang Doãn Cung đã nhân lúc binh biến vào ban đêm, thông dây tụt xuống khỏi thành lâu, bỏ thành mà đi. Sử gọi việc xấu này là "Trúy thành tiêu độn"².

Từ xưa trong cõi trời đất có thắng có thua, kẻ thắng làm vua, kẻ thua làm giặc, cũng chẳng hề gì. Song chàng chưa đánh đã chạy vào lúc trăng mờ gió lộng, không đếm xỉa đến trăm họ toàn thành, bỏ lại người vợ đồng cam cộng khổ. Hành động này khiến người đời khinh bỉ.

Nếu hôm đó quân phản loạn đánh chiếm thành trì thì ai bảo vệ dân chúng cả thành? Lý Thanh Chiếu - người bầu bạn cùng chàng trải qua thăng trầm nhiều năm, biết ẩn nấp ở đâu? Người đàn ông hèn nhát này suốt đời si mê kim thạch thư họa, quanh quẩn phong hoa tuyết nguyệt, từ lâu đã đánh mất sự kiên cường chính trực và cứng cỏi.

Việc chàng cuống cuống bỏ thành khiến Lý Thanh Chiếu thất vọng cùng cực. Trong mắt nàng, chàng tuy là thư sinh nho nhã yếu đuối song không mất khí tiết. Dù không thể xoay chuyển tình thế cũng không đến nỗi bỏ thành cởi giáp.

² Nghĩa là: thông dây từ trên thành xuống để chạy trốn trong đêm.

Ngắm lại, giang sơn Đại Tống mỏng manh không chịu nổi một đòn như thế đều vì đám vua tôi bạc nhược kém cỏi này. Nếu họ buông chén xuống, giáo vàng ngựa sắt, ngang dọc sa trường, có lẽ thiên hạ sẽ là một cảnh tượng khác.

Biết bao mây liễu không nhường mây râu, lòng yêu nước của Lý Thanh Chiếu sâu sắc hơn Triệu Minh Thành. Trước khí phách của Liễu Như Thị, Tiền Khiêm Ích cũng thấy xấu hổ. Còn Lý Hương Quân máu nhuộm quạt hoa đào, khiến Hầu Phương Vực lưu vong đến chân trời cũng hổ thẹn không biết trốn vào đâu.

Tình quá nồng nàn sẽ chuyển sang nhạt nhẽo, nếu không có quá nhiều kỳ vọng thì lúc này cũng không thất vọng như thế. Chuyện đến nước này, trách móc chỉ vô ích, nàng không nói gì, chàng áy náy trong lòng, sai lầm đã không thể cứu vãn.

Vì chuyện "Trúy thành tiêu độn", Triệu Minh Thành bị bãi quan, vốn sẽ điều đi nhậm chức Thái thú Hồ Châu cũng hủy bỏ. Nhất thời, thành Giang Ninh có nhiều lời đàm tiếu, châm biếm chế nhạo. Nhưng loạn lạc chưa yên, lòng người lo sợ, những lời đồn đại ấy chẳng mấy chốc đã bị thổi bay như hạt bụi.

Không thể sợ, cũng không có gì đáng sợ. Nhân gian đâu đâu cũng hỗn loạn, chốn lâm tuyền ao ước trong mơ còn rất xa vời. Mùa xuân ấy đến hơi muộn, cái lạnh se se mà lại thấu xương khó quên.

Mồng ba tháng Ba là lễ Thượng Tị truyền thống. Vào ngày này, người xưa yếm ẩm, du ngoạn, đập thanh. *Tống thư* dẫn *Hàn thi*: "Phong tục của nước Trịnh là vào lễ Thượng Tị tháng Ba, ra sông Trần và sông Vị để gọi hồn nổi phách. Cầm hoa lan để xua đuổi chuyện không may."

Đỗ Phủ có thơ rằng: "*Ngày ba trùng tháng, khí thanh tân, bến nước Trường An lắm mỹ nhân.*"³ Câu thơ kể về cảnh đẹp bên sông Trường An thời xưa. Hôm ấy, văn nhân nhã sĩ, giai nhân thanh lệ nắm tay dạo chơi, uống rượu tán gẫu. Hoặc vì một lần hoa nở, hoặc vì một cuộc hẹn hò, hoặc chỉ là ra ngoài sưởi ấm tâm trạng lạnh lẽo.

Bên sông Tần Hoài lúc ấy liễu non mới nhú, sóng xuân dập dờn. Giang Nam trù phú gấm vóc như thế, nếu chiến mã nước Kim không giày xéo lên vùng đất thanh tịnh này thì vương triều Nam Tống giữ nửa mảnh giang sơn ấy cũng chẳng có gì không tốt.

Phong cảnh muôn màu, trò đời muôn vẻ, biết bao tranh đoạt vô lý, quen rồi là được. Mặc cho năm tháng dần trôi, tấm lòng thi nhân Lý Thanh Chiếu vẫn còn, văn chương của nàng giống như gió xuân bên sông, thổi mãi không ngừng.

³ Trích bài *Lệ nhân hành*, bản dịch của Mailang.

Hôm ấy, Lý Thanh Chiêu mời gia tộc họp mặt ăn tiệc, lòng có cảm xúc, bèn viết một bài *Điệp luyến hoa - Thượng Tị triệu thân tộc* để ghi lại tâm trạng:

Đêm dài đằng đẵng lòng phiền não, mơ về khi xưa, thấy Trường An cổ đạo. Cảnh xuân năm nay thật hoàn hảo, đáp lại, hoa trắng cũng huyền ảo.

Tiệc tuy đơn sơ không tinh xảo, rượu ngon mơ chua, vẫn khiến người khuynh đảo. Say rồi cài hoa, hoa chớ nhạo, tiếc xuân qua nhanh, người già lão.

Một đêm trăng cảnh xuân tươi đẹp, yến tiệc đã tàn, nàng lại tâm sự uể oải, không chút hân hoan. Mấy phen trần trọc, nàng vẫn mơ về cung điện thành trì, cảnh sắc non nước của Biện Kinh.

Giang Nam hoa tươi trắng sáng, rượu ngon nhắm tốt, tất cả đều vừa khéo, tao nhã phong lưu. Nàng vốn nên yên phận ở đây, say mê cảnh vật chốn này như vua tôi nhà Nam Tống. Nhưng nội tâm nàng luôn xao động, cục diện chính trị hỗn loạn lúc bấy giờ làm sao yên được?

Say rượu ngắm hoa chỉ là vui gượng. *Lạc Dương mẫu đơn ký phong tục ký* của Âu Dương Tu viết: "Phong tục của Lạc Dương nói chung là thích hoa. Mùa xuân, trong thành bất kể kẻ sang hèn đều cắm hoa." Hẳn là trong thành mỗi độ xuân về đều cắm đầy hoa thắm, uống rượu nếm thức ăn tươi. Nhưng mùa xuân chóng qua, hồng nhan đã già, nước nhà không còn, hoa sân trước, trúc sân sau chỉ là ảo cảnh.

Trên đời chẳng có bữa tiệc nào không tàn, lần này Triệu Minh Thành bị cách chức, cũng không muốn làm quan nữa. Giang Ninh cũng không phải nơi ở lại lâu dài, họ cần tìm một chốn yên tĩnh, chấn chỉnh tâm trạng, yên thân gửi phận.

Thời loạn đầy sóng gió, thời cuộc không thể đảo ngược, họ chỉ có thể trốn tránh thật xa. Có điều trần gian mệnh mang, nơi nào mới là thế ngoại đào nguyên dưới ngòi bút của Đào Tiềm, có thể né tránh tai họa, một đời bình an?

Lời tựa để sau Kim thạch lục có chép: "Tháng Chín mùa thu năm Mậu Thân (năm Kiến Viêm thứ hai), Minh Thành chưa mãn tang đã được bổ nhiệm làm Tri phủ phủ Kiến Khang. Tháng Ba mùa xuân Kỷ Dậu (năm Kiến Viêm thứ ba) bãi quan, ngồi thuyền lên Vu Hồ, vào Cô Thục, định tìm chỗ an cư bên sông Cám. Tháng Năm mùa hạ, đến Trì Dương, chàng nhận chỉ làm Tri châu Hồ Châu, phải triều kiến, bèn tạm thu xếp chỗ ở tại Trì Dương, chàng một mình vào châu."

Mùa xuân ấy, trăm hoa đua nở, mà họ lại bắt đầu vội vã bốn ba. Núi non uốn lượn, nước chảy róc rách, ở ngôi đình ven đường đằng xa kia, họ sẽ lại gặp gỡ phong cảnh thế nào, gánh chịu tai kiếp ra sao?

"*Ráng chiều và cò lẻ cùng bay, nước biếc nổi trời xanh một sắc.*"⁴ Trời trắng non nước bên bờ sông Cám liệu có phải là một cảnh tượng xa xôi sáng sủa khác không?

Không kịp từ biệt với cỏ cây ở Giang Ninh, họ đã bước lên con thuyền đi xa. Ráng chiều như tranh vẽ, chuyện đời tựa biển cả, họ mang theo nhiều văn vật kim thạch, chậm rãi lênh đênh trên sông nước.

Qua Vu Hồ, ngang qua Ô Giang, Lý Thanh Chiêu viết: "*Sống là người hào kiệt, chết cũng ma anh hùng. Nay còn nhớ Hạng Vũ, không chịu sang Giang Đông.*"⁵

Người con gái với phong cách từ uyển ước một thời ấy đã có khí khái không màng sống chết như thế, khiến trời đất kinh tâm, quỷ thần biến sắc, gian nịnh lùi bước vì nàng.

Năm xưa Hạng Vũ thua trận ở Cai Hạ, chạy đến Ô Giang, đình trưởng Ô Giang khuyên ông qua sông, về đến đất Giang Đông, chinh đồn cờ trống để mưu cầu nghiệp bá. Nhưng Hạng Vũ cảm thấy chẳng còn mặt mũi gặp lại phụ lão Giang Đông, bèn quay lại khổ chiến, giết mấy trăm quân địch, cuối cùng rút kiếm tự vẫn.

Không chịu sang Giang Đông. Hạng Vũ không ngáp ngừng, không lùi bước, không trốn tránh, anh hùng nhường ấy khiến Lý Thanh Chiêu đem lòng kính nể. Còn vua tôi Đại Tổng trước là cắt đất cầu hòa, sau lại yên phận ở Giang Nam, bạc nhược như thế khiến nàng căm phẫn.

Còn việc người từng cùng nàng sướng khổ có nhau bỏ thành chạy trốn càng khiến nàng chẳng biết nói sao. Xem ra đời người có thành bại được mất, đủ thứ ân oán buồn vui này rốt cuộc phải giải thoát.

Giang sơn đã đổi, song chí sĩ vẫn còn. Biết bao danh tướng Nam Tống như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung, Tông Trạch vẫn ấp ủ tình cảm bi phẫn và tấm lòng báo quốc, mong dẫn quân Bắc phạt, thu phục sơn hà ngày xưa.

Nếu là thân nam nhi, Lý Thanh Chiêu hẳn sẽ rút kiếm múa, ra sức chống giặc như Nhạc Phi. Hiềm nỗi, danh tướng dũng mãnh thiện chiến, tận trung báo quốc như Nhạc

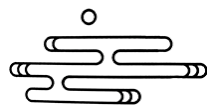
⁴ Trích bài *Đề Đền Vương các tự* của Vương Bột.

⁵ Bài *Hạ nhật tuyệt cú*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

Phi cũng bị người ta gán cho tội danh "Có lẽ có⁶", hại chết ở đình Phong Ba, trở thành lời than thở ngàn đời.

Trong cõi trời đất dập dìu tấp nập, khó dự đoán được tương lai. Chỉ là, nơi khói lửa tràn qua, giang sơn muôn dặm trống rỗng. Đất bằng nối tiếp núi xa, nông phu đang làm ruộng; sân vắng chan hòa nắng gió, thôn phụ đang dệt vải. Ai còn nhớ được những thành bại vinh nhục mà người khác từng có?

⁶ Gian thần Tần Cối vu cho Nhạc Phi tội mưu phản, Hàn Thế Trung bất bình, bèn hỏi Tần Cối có chứng cứ gì không, Tần Cối trả lời "Có lẽ có". Về sau từ này dùng để chỉ sự bịa đặt vô căn cứ.



Buổi chiều ngày đông, ngồi yên sưởi nắng, trong ấm áp vẫn còn lạnh lạnh.

Tôi chợt cảm thấy dòng chảy thời gian, từng tắc từng tắc một, trôi đi ở cõi trần. Năm tháng sống khổ, buồn vui lẫn lộn đều theo đó tan đi, lặng lẽ im lìm.

Trước sảnh cỏ lan tươi tốt, ngoài song lá rụng đầy lối đi. Cảnh lúc này thật thông dong, trong thanh đạm có một nét thú vị khó tả. Đó là sự yên tĩnh siêu thoát lánh đời, cũng là nỗi cảm động như dòng nước nhỏ chảy mãi.

Sự yên ổn trên thế gian chẳng gì hơn là nhà nhỏ trong ngõ, chậm rãi giản dị, áo vải cơm rau. Không có thú thanh nhàn tao nhã, song cũng chẳng có chấp niệm oán hận.

Hồng trần náo nhiệt khắp chốn đều là cảnh đẹp, đều có mái ấm gia đình. Nhưng rõ ràng họ phiêu bạt giữa biển người, Thiên Sơn tuyết chiều, khói sóng mênh mông, không biết đâu là chốn quy ẩn.

Dọc đường toàn là cảnh vật Giang Nam, núi sông tươi đẹp, nếu không phải gặp loạn lạc chiến tranh thì dải gió dầm mưa đi một chuyến cũng tốt. Trời đất vô cùng, thời gian vô tận, tuy chuyện đời nhiều lần biến ảo, những văn vật còn lại cũng trải qua vương triều đổi dời, nhưng hiện giờ vẫn bầu bạn cùng họ.

Non nước xa xôi, những gì họ thấy tuy là sự vật xa lạ nhưng rừng trúc vườn dâu, nước chảy khói tỏa lại đại để giống nhau. Mỗi lần đi đến một nơi đều có ý vị của lịch sử, nghĩ tới giang sơn ngàn đời, vương hầu khanh tướng, bình dân trăm họ, thì nỗi gian khổ hiện tại cũng không thấy đáng sợ nữa.

Cổ mộ ban chiều cũng từng là nơi dân cư đông đúc, tiếng kèn lệnh đồn dập, quân hai bên đối đầu, sau này lại thành di chỉ để người ta du lãm. Vùng đất ca múa thanh bình có lẽ đã thành rừng đào ruộng nương, vinh hoa qua rồi mọi thứ như thường.

Tháng Hai năm Kiến Viêm thứ ba (1129), quân Kim bất ngờ tập kích Dương Châu, Tống Cao Tông mặc quân phục xuất hành, nhếch nhác sang sông. Trước đến Qua Châu (nay là ngoại thành phía Nam Dương Châu, Giang Tô, Trung Quốc), sau qua phủ

Trần Giang đến Lâm An. Người Kim chiếm đóng Dương Châu và hỏa thiêu thành Dương Châu, nhất thời khắp thành tiếng khóc vang trời, thân phơi đầy đất.

Tổng Cao Tông đến Lâm An, dưới áp lực dư luận, ông buộc phải cách chức đảm người Ưng Bá Ngạn, Hoàng Tiềm Thiện. Đến tháng Năm, thời cuộc hơi hòa hoãn, ông mới rời Lâm An đến Giang Ninh, dừng chân ở cung Thần Tiêu, đổi phủ Giang Ninh thành phủ Kiến Khang, có chiếu rằng: "Đất Kiến Khang, xưa gọi là danh đô."

Không lâu sau, Tổng Cao Tông xuống chiếu lệnh cho Triệu Minh Thành nhậm chức Thái thú Hồ Châu và bảo chàng lập tức đến Kiến Khang yết kiến. Tâm nguyện ẩn cư bên sông Cám của họ vĩnh viễn không thể thực hiện bởi một bản chiếu lệnh của Tổng Cao Tông.

Triệu Minh Thành bị bãi quan rồi lại được phục chức Thái thú không phải vì chàng tài năng lỗi lạc hay có công trạng lớn lao, mà là vì quân Kim từng bước áp sát, triều đình bấp bênh, tướng lĩnh hữu dụng trong triều đếm được trên đầu ngón tay.

Tổng Cao Tông còn chạy trốn đến tận chân trời, không có chỗ ở cố định, bãi miễn ai, lưu dụng ai hoàn toàn dựa vào một câu nói của ông. Triệu Minh Thành một mạch đi theo quân vương đến Giang Nam, vả lại hai người anh của chàng giữ chức vụ quan trọng trong triều, việc tái nhậm chức Thái thú cũng là bình thường.

Con đường làm quan biến ảo khôn lường, tái nhậm chức thực sự không phải điều chàng mong muốn. Nhưng lệnh vua không thể trái, Triệu Minh Thành đành kết thúc hành trình hiện tại, lập tức đi diện thánh rồi đến Hồ Châu nhậm chức.

Chàng vốn muốn dẫn theo vợ và cả thuyền văn vật, đến bờ sông Cám, tìm một ngôi nhà cũ nhỏ nhỏ, làm bạn với kim thạch, không sa vào khói lửa hồng trần nữa. Song thời buổi chiến tranh loạn lạc, dù là thiên tử cao quý cũng không thể tự làm chủ, huống hồ là họ.

Lời tựa để sau Kim thạch lục chép: "Ngày Mười ba tháng Sáu, bắt đầu gánh hành lý, bỏ thuyền lên bờ. Chàng mặc áo vải đay, đội khăn lộ trán, tinh thần hăng hái, ánh mắt sáng ngời, nhìn vào thuyền để cáo biệt. Tâm trạng tôi không tốt, tôi gọi to: 'Nếu nghe đồn trong thành nguy cấp thì làm thế nào?' Chàng giơ ngón trỏ và ngón giữa, đáp: 'Làm theo mọi người. Vạn bất đắc dĩ thì bỏ rương hòm trước, đến áo chần, rồi đến sách vở tranh cuốn, mới đến đồ cổ; riêng đồ cúng tế thì phải tự mang theo, cùng tồn vong với bản thân, đừng quên!' Đoạn phi ngựa đi."

Họ từ biệt ở Trì Dương (nay là Quý Trì, An Huy, Trung Quốc), mọi chuyện đến quá vội vã, song không có nỗi buồn ly biệt. Nhiều năm qua, ly biệt đã thành bình thường,

hoặc vài tháng, hoặc vài năm, đều có ngày đoàn tụ. Vì vậy lần này chia tay họ cũng không cảm thấy bi thương, như thể chỉ là khoảng cách rất gần, không hề đi xa.

Trước khi đi, Lý Thanh Chiếu hỏi, nếu xảy ra biến cố thì nên làm thế nào. Triệu Minh Thành đáp, mọi chuyện làm theo số đông, nếu cực chẳng đã thì bỏ ruộng hòm trước rồi bỏ y phục đệm chăn, sau đó bỏ sách vở tranh cuốn, cuối cùng mới bỏ đồ cổ. Nhưng vật dụng cúng tế nhất thiết phải mang theo bên mình, người còn vật còn, xin đừng quên.

Lời phó thác nghiêm túc này của chàng, nàng sao có thể không nghe theo. Chàng thúc ngựa phi nhanh, vội vã ra đi. Nàng một mình tạm trú tại Trì Dương, ở miền đất xa lạ ấy, trông giữ trăm ngàn cuốn sách cổ, vô cùng lúng túng.

Người ta đều bảo tương lai còn dài, nhưng ai ngờ thế sự vô thường. Nàng thà rằng lần chờ đợi này không có tận cùng, yên lặng ở đây, không hỏi xuân thu, không hỏi ngày về.

Sinh ly tử biệt trong đời chân thực đến vậy, khiến nàng không kịp trở tay. Chàng vừa quay người đã không bao giờ trở lại được nữa, như pháo hoa, tựa tuyết đọng. Hoa rồi sẽ tàn, người rồi sẽ chết, thế mới biết một tắc quang âm quý như vàng. Năm tháng dài đằng đẳng rồi cũng sẽ dừng lại trong chớp mắt vào một ngày nào đó, không thể đề phòng.

Nàng chép: "Suốt dọc đường đi gấp, chàng bị trúng nắng, bị cảm, đến hành tại¹ thì mắc bệnh sốt rét. Cuối tháng Bảy, chàng gửi thư báo ngã bệnh. Tôi kinh sợ, nhớ rằng chàng xưa nay nóng tính, bệnh sốt rét có lúc phát sốt, chàng nhất định sẽ uống thuốc có tính hàn để hạ nhiệt, thế thì bệnh rất đáng lo. Tôi bèn ngồi thuyền, một ngày đêm đi ba trăm dặm. Đến nơi, chàng quả nhiên đã uống nhiều vị thuốc như sài hồ, hoàng cầm, sốt rét cộng thêm kiệt ly, bệnh tình nguy kịch. Tôi đau buồn khóc lóc, trong lúc vội vàng hoảng hốt không nở lòng hỏi đến hậu sự. Ngày Mười tám tháng Tám, chàng không gượng dậy nổi nữa, lấy bút làm thơ, tuyệt bút mà mất, ngoài ra không có di chúc kiểu chia hương bán giày."

Mấy câu ngắn gọn đã kể hết nguyên nhân hậu quả của việc Triệu Minh Thành qua đời. Tháng Bảy năm đó, Lý Thanh Chiếu nhận được thư Triệu Minh Thành, nàng có dự cảm không phải chuyện tốt.

¹ Chỗ ở tạm thời của vua khi đi ra ngoài. Ở đây chỉ Kiến Khang.

Do Hoàng đế triệu gấp, Triệu Minh Thành phóng ngựa chạy một mạch, cộng thêm gặp trời nắng nóng nên chàng mắc bệnh sốt rét. Hiện giờ chàng nằm trên giường bệnh ở thành Kiến Khang, chờ nàng đến.

Sốt rét vốn không xem là bệnh nặng, chỉ là lúc lạnh lúc nóng khiến người ta phiền chán, nếu bệnh tình không nặng thì không nguy hiểm đến tính mạng. Nào ngờ Triệu Minh Thành nóng lòng muốn mau bình phục nên tự uống các vị thuốc như sài hồ, hoàng cầm, dẫn đến bệnh trở nặng, đã hết phương cứu chữa.

Lý Thanh Chiếu đọc thư xong, nơm nớp lo sợ. Nàng tức khắc ngồi thuyền khởi hành, may mà xuôi gió nên một ngày đêm đi ba trăm dặm, gấp rút đến Kiến Khang.

Vợ chồng gặp nhau, nước mắt nhạt nhòa, tình cảnh này sao có thể không đau khổ. Tình cảm đầm thắm nhiều năm, từng có ngăn cách, từng có lạnh nhạt thậm chí từng có tranh cãi, song bao nhiêu rạn nứt đều có thể không so đo, lúc này nàng chỉ mong chàng thân thể an khang, phúc thọ song toàn.

Sinh mệnh rất yếu ớt, như con sâu cái kiến, tựa chiếc lá mùa thu, chỉ cần phút chốc đã hóa thành cát bụi. Hoặc do bệnh vật, hoặc do thuốc khắc nhau, chẳng mấy ngày người đã ra ma.

Con người đến thế gian này, đường sá thăm thẳm, không biết tận cùng. Khi người đi, lại đột ngột như mưa đổ, quá vội vàng. Một sớm rời khỏi có thể là vĩnh biệt, dẫu có muôn ngàn lời lẽ cũng chẳng còn ai để giải bày. Hoặc ân hoặc oán, hoặc vinh hoặc nhục đều là ảo mộng.

Cơ thể hư nhược của Triệu Minh Thành chẳng khác nào sen tàn ngày đông. Ánh mắt chàng vẫn trong sáng nhưng đã không còn sức sống ngày xưa. Tóc mai điểm bạc, song vẫn thấp thoáng thấy được nét phong nhã hào hoa năm nào. Người đàn ông si mê kim thạch, thông thạo thi họa, cùng nàng cực sách sánh trà ấy không thể bầu bạn nàng dạo chơi cõi trần trong kiếp này nữa.

Nửa tháng sau đó, Lý Thanh Chiếu bưng trà đưa thuốc, ân cần săn sóc bên giường bệnh. Nhưng chàng đã thoi thóp hơi tàn, dù Hoa Đà tái thế cũng không thể cứu vãn.

Ngày Mười tám tháng Tám, Triệu Minh Thành mang theo nỗi buồn rầu chan chứa, u uất qua đời. Không có di chúc kiểu chia hương bán giày², chưa kịp thu xếp cho thi thiếp thì đã lặng lẽ ra đi.

² Khi mất, Tào Tháo để lại *Di lệnh*, dặn dò phải đối đãi tử tế với các tì thiếp và ca nhi vũ nữ. Hương xông còn thừa đem chia hết, đừng dùng để cúng tế. Phụ nữ các phòng nhàn rỗi có thể học bện dây tơ,

Chàng bảo Lý Thanh Chiêu lấy giấy bút đặt bên gối, gượng tấm thân hư nhược để viết tuyệt bút. Viết xong, bút rơi bên gối, người đã từ trần. Hoặc theo ngựa trắng, hoặc cưỡi hạc tiên, từ biệt muôn nước ngàn non nơi nhân thế này, nhẹ nhàng đi xa.

"*Lấy bút làm thơ, tuyệt bút mà mất.*" Thứ chàng không buông bỏ được là *Kim thạch lục* mình chưa hoàn thành, là những văn vật mà mình hao hết tuổi trẻ, dốc hết tâm huyết để có được.

Chàng từng là thiếu niên phong lưu hào phóng ở Biện Kinh, giờ chết nơi đất khách quê người cũng chỉ trả lại thân xác này cho trời đất, có gì đáng tiếc? Rồi khỏi thời loạn này, ở một thế giới khác, có lẽ sẽ có sự thanh bình mà chàng hằng mong mỏi.

Chàng nên là một học giả vào thời Tống chứ không phải một quan viên chẳng có bao nhiêu thành tựu, nhưng điều khiến người đời khắc ghi về chàng lại là chồng của nữ tử nhân. Lúc sinh thời, chàng không thể thay đổi bất cứ sự vật gì, khi ra đi cũng không mang theo được một gốc cây ngọn cỏ.

Thế gian không có bao nhiêu người nhớ chàng. Nếu có, có lẽ cũng là vì tài nữ thiên cổ Lý Thanh Chiêu mà thôi. Họ cũng từng trước hoa dưới trăng, lầu nhỏ sánh vai, từng nói đầu bạc răng long, tình sâu trọn đời, song rốt cuộc chàng không thể giữ lời.

Con người đa tình nhất, cũng vô tình nhất. Chàng bỏ lại nàng ở cõi trần, để nàng một mình thu dọn năm tháng hư hao này. Từ đó lẻ loi, mưa gió giang hồ, phiêu bạt bơ vơ. Vốn ngỡ rằng chàng là người trở về, song cũng chỉ là khách qua đường.

Tòa cổ thành này đèn đuốc rực rỡ, cây hoa sum sê, có sự tôn vinh tối cao, cũng đeo đẳng quá nhiều thê lương nặng nề. Năm tháng vô tình, thế giới của nàng chỉ còn lại cô đơn và lạnh lẽo.

Chàng đi rồi, từ đó bật vô âm tín. Biết bao đêm, nàng đốt hương mài mực, đợi chàng đẩy song, đến trong giấc mộng. Biến cố bất ngờ này khiến nàng mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần, nhiều năm bôn ba lưu vong cũng chưa từng tuyệt vọng như lần này.

Cuộc đời không còn người yêu dấu nhất, sau này nàng hẳn là lặng lẽ úa tàn thôi. Nhớ không rõ đã một mình trải qua bao nhiêu ngày tháng, gió thổi bóng lay thời gian trôi, mà nàng vẫn chìm trong bi thương khó tự thoát ra.

giày cỏ để bán. Cụm từ "chia hương bán giày" thường dùng để ví von người sắp chết vẫn canh cánh trong lòng chuyện vợ con.

Hôm đó, nàng diện một bài *Cô nhạn nhi*, mượn hoa mai bộc bạch nỗi lòng, thực ra là tưởng nhớ người đã khuất. Lời tựa viết: "Người đời làm từ về mai, đặt bút là dung tục! Tôi thử làm một bài, mới biết câu trên quả thật không phải nói bừa." Lời tựa này quá ngông cuồng, trên đời chỉ có Dị An dám nói như thế!

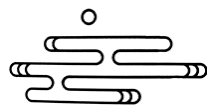
Giường mây màn giấy sớm tỉnh giấc. Kể khôn xiết, bao lo ngẫm. Trầm hương đốt hết lò ngọc lạnh, lòng dâng nỗi buồn thăm thẳm. Sáo ngân Tam lộng, hoa mai bùng nở, xuân đến sâu vẫn lắm.

Gió mưa rả rích ngổi thờ thẩn, lại tuôn ngàn hàng lệ dầm. Người thổi tiêu đi lầu ngọc trống, cảnh đẹp biết cùng ai ngắm? Cành hoa bẻ được, trên trời dưới trần, chẳng có người gửi gắm.³

Xuân rét mưa phùn, khiến lòng người chán chường, không còn hứng thú. Cảnh vật trước mắt biết chia sẻ cùng ai. Đau đớn tưởng niệm như thế, tiếng tiêu quanh quần song chẳng có dư âm. Bẻ cành mai xong, dưới trần trên trời, gửi vào nơi đâu, gửi cho người nào?

Có lúc, cơn loạn lạc của thiên hạ không bằng nỗi khổ đau của một người con gái bé nhỏ. Mưa xuân rơi trên mái ngói, mai ngoài sân in bóng lên cửa sổ bồi giấy, khi gác bút, nàng rơi lệ như mưa, làm rung động núi sông.

³ Điệu *Cô nhạn nhi* vốn có tên là *Ngự nhai hành*. Màn giấy: màn được làm từ giấy kén tằm và vỏ cây mây. Tam lộng: khúc *Mai hoa tam lộng*.



Hạ Chú thời Tống có từ rằng: *"Trở lại Xương Môn khác trước kia, cùng đi lại sao chẳng cùng về! Ngô đồng chết nửa sau sương lạnh, bay lẻ uyên ương mất bạn thể."*¹ Mỗi lần đọc câu này, tôi luôn thấy thương cảm, lệ rơi lã chã.

Thứ có thể cắt đứt tình ái trên đời cũng chỉ có sống chết mà thôi. Vốn nên nắm tay đến tận chân trời, bình lặng bên nhau lâu dài, ai ngờ vừa quay lưng đã không còn ngày trùng phùng nữa.

*"Chuyện khiến người sầu khổ, chỉ ly biệt mà thôi!"*² Nỗi thương tâm ngàn đời không gì hơn tử biệt. Đông Pha tưởng niệm người vợ đã khuất: *"Mười năm sống chết có đôi đường, gạt nhớ thương, vẫn tơ vương. Ngàn dặm nắm mồ cô, xiết nỗi thê lương."*³ Nguyên Chấn viết: *"Đợi chờ đâu biết thân đồng huyết, hò hẹn khôn lường kiếp tái sinh."*⁴

Thẩm Ước nói: *"Biết rằng mọi thứ rồi sẽ mất, nhưng người còn sống vẫn đau lòng."* Mà nay nàng là: *"Cực sách tiêu khiển trà thơm hương, bấy giờ chỉ nói là bình thường."*

Trải qua thời loạn, thế giới của nàng đã là một miền hoang vu. Ký ức vẫn còn, tiếng cười nói vui vẻ tại thành Biện Kinh vẫn vang vọng bên tai, cảnh uống rượu làm tù ở Quy Lai đường vẫn rành rành trước mắt.

Chàng vẽ mây tô môi cho nàng, mài mực trái giấy cho nàng. Trước Quy Lai đường, gió xuân hây hây, ngoài khung cửa sổ, mưa phùn giăng giăng.

Chàng không phải anh hùng hào kiệt mà chỉ là một học giả khiêm nhường, yêu thích thư họa. Thế gian huyên náo, giang sơn chìm nổi, chàng không mấy để tâm.

Nàng thì là hoa mai trong tranh, bên cạnh có đá Thái Hồ hoặc trúc biếc phối cùng. Có lẽ Triệu Minh Thành chính là đá ấy, trúc ấy, cùng nàng đi một quãng đường hồng trần rồi rời khỏi trước.

Sinh lão bệnh tử, ái hận ly sầu trong kinh Phật đều có nhân quả, đều hợp tình hợp lý. Lúc này chàng ra đi là duyên tận. Trăng lạnh như móc câu, sao trời vẫn chi chít,

¹ Trích bài *Giá cô thiên*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

² Trích bài *Biệt phú* của Giang Yêm.

³ Trích bài *Giang thành tử*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

⁴ Trích bài *Khiển bi hoài kỳ 3*, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

chàng hẳn là đã làm một ngôi sao, bầu bạn nàng bằng một phương thức khác. Lúc đêm vắng, chắc là có hồn về trong mộng, cùng nàng ngồi ở hiên nhà uống thiền trà.

Nàng là mai, tuy trái hết bể dâu, cành lá thừa thốt vẫn hoa thơm nhụy tĩnh, thanh tú an lành. Lòng nàng tuy khoáng đạt thông tuệ song duyên ương mất bạn khó tránh bi thương, khóc đứng khóc ngồi, khiến người ta xót xa.

Hôm đó mưa nhỏ, Triệu Minh Thành được hạ táng, trong thời loạn, cũng chỉ là giữa trời đất núi đồi có thêm một nấm mồ mới. Triều đình sẽ không thay đổi gì vì chàng mất, thế sự khó đoán, chẳng ai là chỗ dựa mãi mãi của ai, chẳng ai cho ai cả đời yên ổn được.

Lý Thanh Chiếu cố nén đau buồn, viết *Văn tế Triệu Hồ Châu*, "*Đang buổi ban trưa, than ông Bàng nhanh trí; thành chắc sụp đổ, thương vợ Kỷ đau lòng.*" Vô vàn tâm sự không nói nên lời, chỉ gửi vào câu chữ, ai hiểu cuộc tình khắc cốt mà trang nghiêm ấy.

Theo *Cảnh Đức truyện đăng lục* của Thích Đạo Nguyên thời Tống, cư sĩ Bàng Uẩn, "sắp nhập diệt, bảo con gái Linh Chiếu ra xem trời sớm hay muộn, đến trưa thì báo. Con gái báo rằng: 'Đã giữa trưa rồi, còn có nhật thực.' Cư sĩ ra khỏi nhà xem, Linh Chiếu liền leo lên chỗ ngồi của cha, chấp tay tọa hóa. Cư sĩ cười bảo: 'Con gái ta lạnh lợi quá.' Thế là trì hoãn thêm bảy ngày (rồi mất)."

Trước khi tịch diệt, cư sĩ Bàng Uẩn bảo con gái Linh Chiếu ra xem giờ. Con gái về trả lời, lúc này đang là giữa trưa, có nhật thực. Bàng Uẩn ra cửa quan sát, trở lại thấy con gái Linh Chiếu đã chấp tay tọa hóa ở chỗ ngồi của ông. Bảy ngày sau Bàng Uẩn mới vãng sinh.

Thuyết uyển - Thiện thuyết của Lưu Hưởng chép: "Xưa Ký Lương chết trận, người vợ đau buồn, hướng về phía thành mà khóc, vì thế một góc thành sụt lở, thành sụp đổ."

Ký Lương chết trận, người vợ đau đớn tuyệt vọng, hướng về thành mà khóc, làm thành trì sụp đổ. Lý Thanh Chiếu dùng hai điển tích này, một để nói không ngờ Triệu Minh Thành lại mất trước mình; hai để nói nỗi bi thương của nàng vô cùng sâu sắc.

Hồng trần cuộn cuộn không còn gì lưu luyến, cũng không thể lưu luyến. Người đi trước ấy từ lâu đã nhìn thấu đạo lý huyền diệu về sinh tử, bỏ lại nàng đêm lạnh gối chiếc, nghe mưa phùn tưới ướt cây ngô đồng, mãi đến khi trời sáng.

"*Chắc cũng thấy, nhân gian vô vị.*"⁵ Nàng vẫn phải sống ở nhân gian vô vị này. Thế mới biết, còn có mùa xuân hoa nở đầy cành, có giữa trời trăng tròn vành vạnh, có gió

⁵ Trích bài *Kim lữ khúc* của Nạp Lan Tính Đức.

đượm hương sen mát lạnh ngày hạ, có trà nóng trên bếp lò ấm sức đêm đông. Có nhiều tình cảnh tinh tế này, nỗi tủi thân và buồn rầu cũng có thể nguôi ngoai.

Vợ chồng là nhân duyên trời định, giữa muôn ngàn người, thiếu niên ấy là chồng của nàng, nàng là vợ của chàng. Chồng còn, muôn vàn tâm sự của nàng còn có nơi gửi gắm; chồng mất, nàng đi đến chân trời cũng không có cố nhân.

Lúc này Lý Thanh Chiêu là cảnh hoa nép dưới mái hiên, đã dầm sương đêm, lại dãi gió lạnh. Cộng thêm nàng quá đổi đau buồn, lo nghĩ canh cánh nên cuối cùng bị ốm nặng.

Rốt cuộc số phận là gì mà không đoán chắc được, không thể thay đổi và khó lòng chống lại như thế? Mấy chục năm qua, nàng đối đãi với chàng hết lòng hết dạ, kiếp này là vợ chồng, hẳn không hối không tiếc.

Nhớ năm xưa Đông Pha bị giáng chúc, Triệu Vân hoạn nạn không rời bỏ, nàng tuy là thị thiếp nhưng cùng ông trải qua mưa gió thăng trầm. Nàng vốn là cô gái ca múa duyên dáng bên Tây Hồ, xinh đẹp thông minh, vì yêu ông tài hoa độ lượng nên nấu cơm pha trà cho ông, tình sâu ý đậm.

Sau Triệu Vân ngã bệnh rồi mất ở Huệ Châu, Đông Pha bi thương tột độ, viết những câu từ đau lòng vì nàng. Ông tự tay viết câu đối: *"Chẳng hợp thời, chỉ có Triệu Vân hiểu được ta; đàn khúc xưa, mỗi lần mưa chiều thêm nhớ nàng."*

Hiện tại, Triệu Minh Thành mất, Kiến Khang trở thành nơi chàng yên giấc ngàn thu trong hiu quạnh. Tương lai, nắm mồ hoang của Lý Thanh Chiêu sẽ nằm ở đâu? Thế gian còn có ai viết một đoạn từ, mấy câu lẻ tẻ cho nàng? Đến lúc đó, bên đá Tam Sinh, liệu nàng còn có thể gặp chàng không?

Sức người nhỏ bé, bất kể vương hầu khanh tướng hay nguyệt thẹn hoa nhường, rốt cuộc cũng không thoát khỏi vòng sinh tử. Cho dù sống ở triều đại nào cũng có ý nghĩa huyền diệu và sự tinh khôi không thể xem thường. Dù bị hủy diệt cũng không thấy buồn, suy cho cùng từng có duyên phận sớm tối gặp nhau với mọi thứ của thời đại ấy.

Nếu bên nhau từng nợ nhau, thì ra đi có lẽ là giải thoát. Chàng đã làm vầng trăng vàng vạc trên trời, nàng vẫn là đóa hoa kiều diễm cõi trần. Tạo hóa vô tình, đã cho họ ngày lành, nay lại đòi về hết. Tâm đầu ý hợp, cuối cùng thành bỏ lỡ.

Ồm nằm trên giường, không ai bưng canh đưa thuốc, không ai trái giấy chếp kinh. Nàng từng trèo đèo lội suối, băng qua chông gai nhiều hơn người thường. Cây hoa trong sân vườn đều từng ướm lệ, tình cảnh lúc này hẳn là thê thảm lụn bại. Nàng tuy

như hoa thu song vẫn giữ được nét đoan trang, sợ khơi gợi sầu hận, làm kinh động gió trăng.

Không biết đã trải qua mấy độ trăng tròn trăng khuyết, hoa cúc trong sân giống như tình cảm con người, không dám tùy tiện nói yêu hận hay dễ dàng buồn vui. Bầu trời ngoài cửa sổ bát ngát không mây, giống như giang sơn đã đi xa, tuy thua song trong sạch như thế.

Rốt cuộc không phải thời thái bình, chiến tranh loạn lạc vẫn còn, khói lửa mịt mù trời đất. Giờ Triệu Minh Thành mất, bỏ lại nàng ở thành Kiến Khang, làm sao yên ổn. Oán khổ trong lòng chỉ gửi vào một bài từ.

Cuối thu ấy, nàng chuyển dời tình cảm sang sự vật, mượn chuyện xưa để gửi nỗi lòng, viết một bài *Giá cô thiên*:

Ngày lạnh cảm cảm lọt tỏa song, ngô đồng chừng hận những đêm sương. Rượu tàn lại thích hương trà đắng, mộng dứt riêng ưa thụy nã hương.

*Thu đã hết, ngày vẫn trường, Trọng Tuyên hoài viễn lại thê lương. Chi bằng tùy phận say vì rượu, đừng phụ đông quân nhụy cúc vàng.*⁶

Ánh thu lạnh lẽo chiếu lên tỏa song, cỏ cây đung đưa như đang kể nỗi tâm sự của nàng. Rượu tàn uống trà, mộng dứt ngửi hương, thân đơn bóng chiếc, khiến thời gian càng thấy dài đằng đẵng. Cố quốc ở đâu, nếu không phải thời loạn bất ổn định thì nàng cũng chẳng lưu lạc tha hương, rơi vào cảnh ngộ thê lương này.

Đào Tiềm thời Tấn hái cúc dưới giậu đông, thành thơi ngấm núi Nam, là tâm cơ nhường nào. Nàng cũng muốn mượn chén rượu, say rồi quên lo, không phụ lòng hoa cúc diễm tĩnh nở rộ trong sân. Lúc này nàng chỉ là một gốc hoa cỏ rơi rớt lại bên góc tường, chưa từng đón gió bung cánh đã sắp điêu tàn.

Sau khi khỏi ốm, nàng leo lên cao nhìn ra xa, ngấm núi non đồng ruộng, làn khói lam chiều. Vạn vật đều còn, chỉ có sơn hà đổi chủ, nhà tan người mất. Trở về, nàng điền một bài *Ức Tần Nga*, bao nhiêu sắc thu, bao nhiêu tịch tịch, chỉ có tự biết:

Lầu cao đứng. Non ngàn nội trái khói lan mỏng. Khói lan mỏng. Qua quay về đậu, ốc chiều nghe vọng.

⁶ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

*Hương tàn rượu cạn lòng càng động. Gió tây ào ạt ngô đồng rụng. Ngô đồng rụng. Lại trơ thu sắc, lại trơ trống rỗng.*⁷

Từ cảnh như tâm cảnh, phong cảnh tựa tình cảnh, vạn vật giống bụi bay, song đều có chốn về. Chỉ có nàng thanh khiết như hoa sen, lại không biết có thể yên thân gửi phận ở nơi nào. Nàng vốn không tin thời vận hay năm hạn, nhưng những tai kiếp dồn dập này khiến nàng tha thiết mong mỗi cuộc sống bình yên trở lại, hỗn loạn chấm dứt.

Có lẽ thế giới của nàng không còn thấy cảnh xuân tươi đẹp và tiếng đàn sáo tuyệt diệu nữa. Một thời, nàng mang tâm sự thiếu nữ ngây thơ hồn nhiên, hoặc chèo thuyền hái sen, hoặc dạo chơi phố xá, sống hết mình. Giờ đây, nàng đến tuổi xế chiều, đau khổ thê lương, hoặc uống rượu giải sầu, hoặc mượn cảnh thương cảm ly biệt, cũng không che giấu.

*"Ngô đồng cùng đợi nhau già, yên ương đến chết vẫn là chung đôi... Sóng ngầm thế chẳng dấy lên, lòng như giếng cổ êm đêm nước xưa."*⁸ Từ xưa những câu thơ đứt ruột đứt gan về tình yêu sớm đã được người đi trước viết hết. Yêu oán tình thù trên thế gian đại khái giống nhau. Cao sơn lưu thủy, luôn có một tri âm, khiến ta quên đi bản thân, không cần chọn lựa, giữ lấy hồi ức không trọn vẹn, từ từ già đi.

Thời khắc muôn lá rụng hết, mới biết đời người thật sự có vĩnh biệt. Năm xưa phồn thịnh, hãy quý trọng tình ý lúc bên nhau, một khi tàn tạ cũng có thể không hối hận.

Màn đêm sâu thẳm, giống như nỗi sầu ly biệt này, có sức nặng ngàn cân. Bóng hoa u nhã, gió mát hiu hiu, mọi thứ lúc này chân thực như thế. Chỉ một khoảnh khắc, tôi bước ra khỏi câu chữ vốn nặng nề, tựa câu thơ trong *Kinh Thi*, mà đẹp mắt trong.

⁷ Bản dịch của Nam Long.

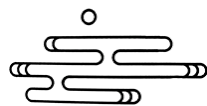
⁸ Trích bài *Liệt nữ tháo* của Mạnh Giao, bản dịch của Trần Trọng San.

Nước

non

mất

mất



Phật nói, tất cả đều khổ, hợp là khổ, tan là khổ; được là khổ, mất cũng là khổ. Phật cũng nói, tất cả tự tại, tùy duyên hỉ lạc.

Từ xưa anh hùng hào kiệt không phải đều xuất thân thế gia, mỹ nhân tuyệt sắc cũng không phải đều đến từ danh môn. Tôi thấy người con gái có ngộ tính thông tuệ đều là đóa sen trước Phật, vì lịch kiếp mà lưu lạc hồng trần. Nàng bốn ba lán nạn cũng chỉ là ứng phó với trò đời, vẫn sống với bản sắc của mình.

Lý Thanh Chiêu ốm nặng vừa khỏi, tuy yếu ớt gầy gò nhưng vẫn phải suy nghĩ tìm một chỗ để đi. Nước chảy cuồn cuộn, ánh nắng chói chang, thiên hạ hỗn loạn, lại phẳng lặng như nước, dường như chưa từng có chiến loạn, cũng chưa từng có hưng vong.

Lúc đó ai nấy đều gặp nạn lớn, đế vương cũng như ngọn cỏ bông, không biết về đâu. Hoàng thượng giải tán hết phi tần hậu cung, biết bao hồng nhan vội vàng thu xếp hành trang, chạy đến chân trời. Khói bếp chiều hôm khiến người ta muốn quay về, song lại không chốn nương thân.

Nghe nói Trường Giang sắp cấm qua sông, Lý Thanh Chiêu lo lắng cho số văn vật ở Trì Dương, còn có hai vạn quyển sách, hai ngàn quyển bản dập kim thạch và đồ đựng. Nghĩ đến tâm huyết cả đời của Triệu Minh Thành, để bảo vệ văn vật vẹn toàn, nàng ngồi thuyền trở về Trì Dương.

Từ biệt với tòa thành nổi tiếng, kinh đô thời xưa chỉ chút vết thương này, nàng buồn bã rầu rĩ. Non nước dọc đường không có gì khác với lúc đến, chỉ vì đổi mùa nên đã đổi dung nhan. Sóng lớn cuộn trào, như có ý căm phẫn, song tâm tư nàng đơn giản rõ ràng, dịu hiền khiêm tốn.

Thuyền đến Trì Dương, nắng chiều vàng rực. Lúc chạng vạng thấp đèn, trên bàn bày thức ăn giản dị, chỉ cảm thấy thân thương yên ổn. Nếu sinh ra trong gia đình bình thường, có lẽ cuộc đời nàng sẽ là một cảnh tượng khác.

Ánh trăng trong trẻo, nếu không nhớ quá khứ, không sợ tương lai, sống ở căn nhà mộc mạc như lúc này, nàng cũng lấy làm cảm kích. Nhưng nàng phải vất óc tìm nơi

gửi gắm cả vạn quyển sách và nhiều văn vật ấy. Nếu có thể, nàng bằng lòng dùng tu hành cả đời để đổi lấy sự yên ổn của chúng.

Nàng nhớ Triệu Minh Thành có một người em rể là Lý Trạc, giữ chức Thị lang Bộ Binh, nắm binh quyền ở Hồng Châu (nay là Nam Xương, Giang Tây, Trung Quốc). Hồng Châu chưa bị chiến tranh ảnh hưởng, nếu chuyển văn vật đến chỗ y thì có lẽ thỏa đáng. Nàng bèn nhờ hai người thư lại cũ thuê thuyền, vận chuyển số văn vật còn lại đến Hồng Châu.

Nào ngờ, trời có gió mây khó lường, tính một đằng ra một nẻo. Tháng Mười hai, quân Kim đánh chiếm Hồng Châu. Do chiến sự căng thẳng, Lý Trạc không thể mang theo nhiều văn vật, về sau bị hủy hết trong ngọn lửa, chẳng còn sót lại chút gì.

Lời tựa đề sau Kim thạch lục chép: "Số sách chở hết thuyền này đến thuyền khác qua sông lại tan biến như mây khói. Chỉ còn lại một ít cuốn tranh, thiếp chữ nhỏ và nhẹ, bản sao các tập thơ văn của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, *Thế thuyết tân ngữ*, *Diêm thiết luận*, mấy chục cuốn bản sao khắc đá thời Hán Đường, mười mấy món đỉnh vạc thời Tam đại, mấy hòm sách bản sao thời Nam Đường. Thi thoảng lúc ốm tôi ngắm nghía, dời chúng vào trong phòng ngủ, nên may mắn còn lại."

Tần Hoàng Hán Vũ, Vương Tạ phong lưu ngày xưa đã tan thành mây khói trong chiến tranh. Học lịch sử giúp người ta tỉnh táo thấu suốt, cuộc đời có lẽ có cảnh lá sum sê, cũng có nước non mất mát, như trăng tròn trăng khuyết, đều phải ung dung chấp nhận.

Tâm huyết nửa đời còn lại chẳng bao nhiêu, mà nàng cũng là giai nhân luống tuổi, duyên ương lẽ bạn. Văn vật tuy quý giá nhưng không bằng tình ý Triệu Minh Thành gửi gắm cho nàng. Dầu rất quý trọng vẫn không thoát khỏi tai họa lớn này, nàng đã làm hết sức mình, sao chàng trách được.

Lúc ốm đau rảnh rỗi nàng ngắm nghía khắc đá thời Hán Đường, bản sao thời Nam Đường, đi vào lịch sử, chốn tận cùng hoang vu có một vẻ đẹp tĩnh lặng. Tính cách nàng vốn rộng lượng thẳng thắn, tình riêng với vật đều vì yêu thích thật sự. Phàm là sự vật tốt, hoặc kim thạch thư họa, hoặc cây hoa trong sân đều có cảnh thiên. Hiện giờ trái qua đại nạn bị tiêu hủy gần hết, chưa hẳn không phải là sự giải thoát.

Nàng chưa từng phụ lòng vạn vật, cũng thuận theo cảnh ngộ hiện tại. Chỉ là đường đời xa xôi, mưa gió còn ở phía trước. Những văn vật khiến người ta yêu quý này có linh hồn có tình cảm, nhưng cũng mang lại gánh nặng, tăng thêm trắc trở cho con người.

"Khi tiên phu bệnh tình nguy kịch, có học sĩ Trương Phi Khanh mang ấm ngọc đến thăm, rồi mang đi, kỳ thực nó được tạc từ một khối đá giống như ngọc. Không biết ai đồn ra, có những lời nói xằng như 'tặng cho quân Kim', hoặc đồn có người bí mật tố cáo. Tôi vô cùng hoảng sợ, không dám nói gì, cũng không dám bỏ qua, bèn lấy hết các cổ vật như đồ đồng trong nhà ra, định dâng cho triều đình."

Lúc Triệu Minh Thành còn sống, có một vị học sĩ tên Trương Phi Khanh mang ấm ngọc đến thăm. Bấy giờ Triệu Minh Thành ốm nặng, không tiện gặp khách, Trương Phi Khanh bèn mang đi. Ấm ngọc ấy là dùng một khối đá như ngọc tạc nên.

Về sau lại có lời đồn nói xằng rằng hai người Triệu và Trương muốn tặng ấm ấy cho quân Kim, còn đồn là có kẻ ngầm dâng biểu, muốn tố cáo và vạch tội. Vì chuyện liên quan đến nghi can thông đồng với địch nên Lý Thanh Chiếu lo sợ vô cùng. Nếu tội danh thành lập, không những số văn vật sót lại bị thanh tra và tịch thu mà còn có thể mất mạng.

Số văn vật mà Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành thu thập nhiều năm, trải qua hai cơn đại nạn ở Thanh Châu và Hồng Châu, đã chẳng còn sót lại là bao. Nhưng vẫn có nhiều người nhòm ngó bộ sưu tầm ấy, không phải tha thiết gì với vật mà là để tâm giá trị của chúng.

Năm xưa nàng là vợ của Thái thú, giống như đoá hoa ngự trên tường cao, không bị người ta vịn bẻ. Hiện giờ trở trời một mình, mang theo số văn vật sót lại, trốn chui trốn nhủi, không biết gửi đâu. Thà vứt bỏ từ đây để đổi lấy sự tự tại yên tâm, còn hơn bị vật trói buộc.

Thế là, Lý Thanh Chiếu thu xếp những văn vật hiện có, dự định dâng hết cho triều đình để tránh họa và mong được yên ổn. Song Hoàng đế lúc đó thân mình lo chưa xong, chạy khắp các nơi ở Giang Nam để tránh quân Kim đuổi giết. Lý Thanh Chiếu theo chân Tống Cao Tông, rày đây mai đó, không có nơi ở cố định.

"Thượng du Trường Giang đã không thể đi, hơn nữa tình hình quân giặc khó đoán, tôi có người em trai tên Hàng làm quan phụ trách biên soạn chiếu lệnh, bèn đến nương nhờ. Đến Thai Châu, Thái thú đã chạy trốn. Đến Diêm huyện, đi đường bộ, lại vứt bỏ áo chắn, đi gấp tới Hoàng Nham, thuê thuyền ra biển, đuổi theo triều đình đang lưu vong, bấy giờ nhà vua dừng chân ở Chương An. Tôi theo thuyền ngự đi đường biển đến Ôn Châu, rồi đến Việt Châu. Tháng Mười hai năm Canh Tuất (năm Kiến Viêm thứ tư), nhà vua lệnh cho bá quan phân tán, tôi bèn đến Cù Châu. Tháng Ba mùa xuân năm Tân Hợi (năm Thiệu Hưng thứ nhất), về Việt Châu. Năm Nhâm Tý, lại đến Hàng Châu."

Mấy lời ngắn gọn khó kể hết nỗi khổ sở phiêu bạt suốt mấy năm của Lý Thanh Chiếu. Một người phụ nữ yếu đuối, mang theo văn vật, đi đường chậm chạp, sợ truy binh, lại sợ thổ phỉ. Nàng men con đường chạy nạn của Tống Cao Tông, chắt vật đuổi theo.

Một thân một mình, hành trình gian khổ, lành dữ chưa biết, phúc họa khó lường. Những văn vật từng lấy làm niềm kiêu hãnh, nâng niu cất giữ, giờ lại thành quần chân. Rõ ràng, với người với vật đều không thể quá cố chấp, tình sâu thì phụ bạc cũng nhiều.

Nếu thông suốt thấu đáo thì bình đàm với người, không tùy tiện động lòng, hòa nhã với vật, không chiếm làm của riêng. Có lẽ có thể tránh đi nhiều vấn vương, giảm bớt sự quấy rầy vô lý.

Lý Thanh Chiếu chở theo đồ nặng, vội vã đuổi sát Tống Cao Tông. Thời xưa hoàng quyền chí cao vô thượng, thời thế tuy loạn nhưng nàng không dám mang theo văn vật ẩn cư núi rừng.

Khắp thiên hạ đều là đất của vua. Trời đất bao la, sông nước trong vắt, vương giả tuy thua song thiên hạ này vẫn có lễ chế. Đối với triều chính, sao nàng dám không cẩn thận cung kính, vì hơi có sơ suất là vật hủy người mất.

Lúc này ai còn có thú thanh nhàn, ngồi xuống nghe nữ tử nhân lành danh kinh sư năm xưa đàn một khúc dịu dàng. Lại có ai thưởng thức từ của nàng, thổ lộ một đoạn tâm sự uyển chuyển.

Mấy phen trắc trở, Lý Thanh Chiếu đến Thai Châu. Bấy giờ, Thái thú Thai Châu đã bỏ thành chạy trốn, nàng bèn đến Diêm huyện (nay là Thặng Châu, Chiết Giang, Trung Quốc). Sau vứt bỏ quần áo, chần đệm, chạy gấp đến Hoàng Nham, thuê thuyền ra biển, đuổi theo triều đình đang chạy nạn.

Sau đó, nàng đi đường biển đến Ôn Châu (nay thuộc Chiết Giang), rồi đến Việt Châu (nay là Thiệu Hưng, Chiết Giang, Trung Quốc), dọc đường ăn gió nằm sương, nhếch nhác vô cùng. Thuyền ngự đi nhanh, nàng không sao theo kịp bước Cao Tông. Tháng Mười hai, Cao Tông giải tán các quan lại từ Lang quan trở xuống. Lý Thanh Chiếu đến Cù Châu. Mùa xuân năm sau, nàng về Việt Châu; sau lại đến Hàng Châu.

Lý Thanh Chiếu biết đường đi nguy hiểm nên không dám giữ nhiều văn vật bên mình, trước đó đã gửi lại ở Diêm huyện. Sau này, quan quân lùng bắt các binh sĩ làm phản, văn vật bị mất. Nàng nghe nói, những văn vật nàng yêu như tính mạng rơi hết vào tay một vị tướng quân họ Lý.

"Số đồ vật bảo là "may mắn còn lại", ước chừng mất thêm năm, sáu phần mười. Duy có tranh chữ nghiên mực còn năm, sáu hòm, tôi không nỡ để ở chỗ khác, thường giấu dưới giường, tự tay bảo quản."

Nhưng ngay cả những sách vở còn sót lại này, có một ngày cũng phải ly biệt với chúng. Chuyện đời khó đoán, gió thổi hoa rụng, không thể hỏi tương lai.

Khi bốn ba ở các nơi như Minh Châu (nay là Ninh Ba, Chiết Giang, Trung Quốc), Ôn Châu, Lý Thanh Chiếu viết một bài *Ngư gia ngạo*:

Mây khói trời mai làn sóng tỏa, dòng Ngân xe nhích ngàn buồm múa. Mộng hồn phảng phất về thiên phủ, nghe trời nủ, chẳng hay người định về đâu đó?

Ta thừa: ngày chiều đường xa lỡ, thơ có câu hay khiến người sợ. Chín vạn dặm cánh bằng gặp gió. Gió lên nữa, đi tới non tiên thuyền nhẹ chở.¹

Mây khói trời mai, dòng Ngân xe nhích, lúc này nàng đi giữa sóng gió, trải qua vô số vinh nhục. Đường xa trời tối, nàng có tài hoa nhưng lại gặp quá nhiều bất hạnh. Giờ trèo đèo lội suối, mong theo gió bay lên, thoát khỏi trần kiếp. Con thuyền này tìm thấy non tiên mà đi, không rơi vào biển đời tròng trành nữa.

Tiêu dao du của Trang Tử có câu: "Con chim bằng dờ xuống biển Nam, nó đập nước tung tóe lên ba ngàn dặm rồi nương gió lốc cuốn lên cao chín vạn dặm. Nó xuống biển Nam vào tháng Sáu, lúc gió nổi lên."² Mà một người phụ nữ yếu đuối như Lý Thanh Chiếu có khí khái hào hùng dũng cảm như thế, thực khiến người ta kính nể.

Tháng Chín năm ấy, được người Kim nâng đỡ, phản thần Nam Tống Lưu Dự đã thành lập chính quyền bù nhìn, được lập làm Hoàng đế "Đại Tề", đóng đô ở Đại Danh, sau dời đến Biện Kinh. Hần là vị hoàng đế bù nhìn tiếp sau Trương Bang Xương. Hần thống trị đất Hà Nam, Thiểm Tây, theo ý chỉ của nhà Kim, tàn bạo áp bức dân chúng, vơ vét tiền của để cung cấp cho nước Kim, đồng thời thao luyện binh sĩ, phối hợp với quân Kim tấn công nhà Tống.

Lý Thanh Chiếu hết sức căm giận, đã viết bài thơ *Vịnh sử* để bày tỏ nỗi lòng:

*Lưỡng Hán vốn tiếp nối,
Triều mới như bấu thừa.*

¹ Bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

² Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.

Vì thế Kê Trung tán,
Chết còn trách bạn xưa.³

Nàng mượn xưa mĩ nay, mong Nam Tống phục hưng như Đông Hán, chửi mắng những kẻ tiểu nhân bù nhìn bóp méo lịch sử, lập nên triều mới kia. Nàng dùng chuyện Kê Khang tuyệt giao với Sơn Đào để chê bai bọn tham sống sợ chết trong triều. Một khúc *Quảng lăng tán* trở thành thiên cổ tuyệt xướng, nhân gian mệnh mang này vẫn tồn tại tinh thần bất khuất.

Quyển Một trăm bốn mươi *Chu Tử ngữ loại* viết: "Phụ nữ giỏi văn chương triều ta chỉ có Lý Dị An và Ngụy phu nhân. Lý có thơ, đại lược nói: 'Lưỡng Hán vốn tiếp nối, triều mới như bấu thừa' vân vân. 'Vì thế Kê Trung tán, chết còn trách bạn xưa.' Mượn lời chê trách của Trung tán để ví với Vương Mãng. Những câu như thế, phụ nữ dễ gì thốt ra được."

Lý Dị An thời Tống đúng là mày liễu không nhường mày râu. Nàng là người phụ nữ kiên cường có chí khí, từ của nàng uyển chuyển tuyệt mỹ, thơ của nàng đa dạng tráng lệ, phong thái của nàng làm sơn hà bao la cảm phục, con người nàng đoan chính trầm tĩnh, điềm đạm hữu tình.

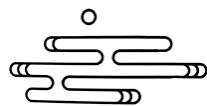
³ Lưỡng Hán chỉ Tây Hán và Đông Hán. Triều mới chỉ triều đình do Vương Mãng lập ra. Kê Trung tán tức Kê Khang. Là tông thất Tào Ngụy, Kê Khang khinh bỉ hành vi dựa vào họ Tư Mã của Sơn Đào, bèn tuyệt giao.

Chiều

về

gió

đã



Chuyện tuyệt vời trên đời chẳng qua là ở bên người mình yêu, nương tựa lẫn nhau, sống những ngày đẹp tựa gấm vóc. Lúc ấy đương độ tuổi hoa, thanh xuân trẻ trung, lúc ấy hoa thắm trắng tròn, năm tháng yên bình.

Chuyện tiếc nuối trên đời không gì hơn là mỹ nhân xé chiều, bơ vơ không nơi nương tựa, dần dần tóc bạc phơ phơ. Lúc này, trời trăng non nước cũng sợ mất đi vẻ quyến rũ và linh động, làm người ta mờ mắt.

Trên đường lánh nạn, qua sông vượt núi, đi khắp Giang Nam. Nàng nghĩ, đất này từng có biết bao đế vương khanh tướng, danh kỹ khuê tú. Nếu có thể, nàng muốn ở lại một ngôi nhà nhỏ của sài, làm một người phụ nữ hái dâu hái trà, không cần phú quý nhân gian, không cần kim thạch thư họa, chỉ yên tâm ở đây, ngắm đào mạn gió xuân, mây trôi mưa đổ.

Cuộc đời trong quá khứ của nàng vốn đẹp để tươi sáng, cầm kỳ thư họa, kim thạch ti trúc, chẳng thiếu thứ gì. Dù là thời kỳ chiến loạn bốn ba, đi đường vất vả, được bữa sớm lo bữa tối, cũng kiên cường hơn người thường.

Nếu trong năm tháng sau này, cắt đứt tình duyên, buông bỏ văn vật, nàng cũng không cần nhớ lại, càng không nuối tiếc. Như thế, có thể ngắm phong cảnh mà không để ý, đọc lịch sử mà không rơi lệ, gặp hoàng thân quốc thích cũng chỉ xem là dân thường.

Không để tâm giang sơn, không ngưỡng mộ anh hùng, song không buông bỏ được rượu nhạt từ hay, mưa phùn gió nhẹ, trúc biếc mai lạnh. Có điều, từ của nàng không còn thấy vẻ thiên kiều bách mị ngày xưa mà phần nhiều là sắc thu ảm đạm.

Hôm ấy uống rượu xong, nàng một mình ngồi bên song nhỏ, ngắm hoa vàng rơi đầy đất, ngô đồng tắm mưa phùn, tình ý chứa chan. Nàng cầm bút viết một bài *Thanh thanh mạn*, nỗi buồn da diết kéo dài ngàn năm:

Lần lần, giở giở, lạnh lạnh lòng lòng, cảm cảm thương thương nhớ nhớ. Thời tiết ẩm lên lại rét, càng thêm khó ở. Rượu nhạt uống đôi ba chén, không chống nổi chiều về gió dữ. Nhận bay qua, đang đau lòng, lại đúng bạn quen biết cũ.

Chống chất hoa vàng khắp chỗ, buồn bực nỗi, giờ đây còn ai bẻ nữa? Đến kịt nương kia, một mình giữ bên cửa sổ. Cây ngô đồng gặp mưa bay, buổi hoàng hôn thánh thót giọt nhỏ. Nói tiếp vậy, ghé góm sao, sâu kia một chữ!¹

Chỉ thấy một mỹ nhân luống tuổi, vào buổi hoàng hôn ngày thu, chậm rãi uống rượu, khẽ cất tiếng ca. Hiềm nỗi mấy chén rượu nhạt làm sao chống nổi chiều về gió dữ chốn hồng trần. Không có hứng thú thưởng hoa, cũng chẳng có tâm trạng hái hoa, chỉ có say rồi nghe mưa phùn gõ vào cửa sổ, mặc cho cảnh đời hoang vu, âu sầu không dứt.

Dị An cư sĩ lúc này không còn thú tao nhã "đông ly nâng chén hoàng hôn phủ, tay áo hương trầm ủ" năm xưa nữa. Nửa đời của nàng đã trải qua mưa gió và hợp tan bằng mấy kiếp của người thường. Nàng có quá nhiều điều không xác định về cuộc đời, phạm là sự vật nàng xem trọng, cuối cùng đều rời nàng đi xa.

Thuyền đi vạn dặm, không thấy dân cư, sóng vỗ nước xiết, hơi nước mịt mờ. Nàng và Triệu Minh Thành chỉ cách vài năm bể dâu nhưng như đằng đẵng cả ngàn năm.

Nỗi sầu của nàng hợp tình hợp lý, không cần giải thoát. Hoặc giả những lời than vãn lải nhải của người trong thời loạn đều đáng được thông cảm. Có lẽ họ không có chí lớn, chỉ muốn gặp dữ hóa lành, cả đời bình an.

Quyển Hai *Từ phẩm* của Dương Thận thời Minh viết: "Trong những người điển từ thời Tống, Lý Dị An cũng xứng là vượt trội. Trong hàng áo mũ, có thể tranh hùng với Tần Thất, Hoàng Cửu, không chỉ xưng hùng chốn khuê các vậy. Từ của bà tên *Sấu ngọc tập*, tôi tìm chưa ra. Bài từ *Thanh thanh mạn* là uyển chuyển đẹp đẽ nhất... Ông Sơn Cốc có câu lấy cũ làm mới, lấy tục làm nhã, Dị An đã làm được trước."²

Năm 1131, Tống Cao Tông lấy ý "Thiệu tộ trung hưng"³, đổi niên hiệu là "Thiệu Hưng". Việt Châu (Thiệu Hưng ngày nay) chỉ là nơi ở tạm của Hoàng đế Nam Tống. Giang Nam mưa khói có lẽ chẳng có gì cả, song đủ để khiến bạn có một không gian

¹ Bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

² Tần Thất tức Tần Quán. Hoàng Cửu, Sơn Cốc tức Hoàng Đình Kiên.

³ Nghĩa là: kế thừa quốc thống để chấn hưng trở lại.

nằm mộng. Ở đây, bạn sẽ quên chiến loạn Hán Đường, quên mây nước phiêu bạt, chỉ kẻ cận vùng núi sông tú lệ này, cảm thấy vạn vật trong treo êm dịu và có linh hồn.

Tháng Ba năm đó, Lý Thanh Chiếu đến Việt Châu, chọn một ngõa xá dân gian⁴ để ở lại. Tại đây, nàng và em trai là Lý Hàng trùng phùng, nhiều năm ly biệt, gặp nhau đã bạc mái đầu.

Một bàn thức ăn, mấy chén rượu nhạt, nói đến chuyện xưa, bất giác buồn bã. Bao nhiêu thành bại vinh nhục, bao nhiêu yêu hận buồn vui, đến nay mọi ý định đều tiêu tan, không đáng nhắc tới.

Tổ trung tình

Đêm đến say vui muện tẩy trang, mai cài tóc cành trơ. Men nhạt hương hun tỉnh mộng, chẳng về được quê xưa.

Người lặng lẽ, trắng lưu luyến, rèm buông hờ. Vân về nhụy nát, lại ngủi hương thừa, hồng giết thời giờ.

Nàng dường như lúc nào cũng say, trên búi tóc cài cành hoa mai, giấc mộng xuân dang dở, mãi không đến được cố hương. Người lặng lẽ, trắng lưu luyến, tay khẽ vê nhụy mai tàn, hương thơm thoang thoảng thấm vào tận xương ấy khiến thời gian qua nhanh hơn.

Tường trắng ngói đen, ngõ nhỏ đá xanh, vùng sông nước Giang Nam có một vẻ đẹp tĩnh lặng và trong sáng. Nàng cũng yêu nắng gió chan hòa nơi nhà nhỏ trong ngõ này, song nội tâm vẫn đang phiêu bạt, không nơi nương tựa.

Có câu thơ: "Xuân tàn sao cứ nhớ quê hoài, đương ốm chải đầu giận tóc dài. Chim én trên xà không ngừng hót, tường vi theo gió lưu hương dai."⁵ Quê hương nàng nhớ nhưng là cố quốc từng phồn hoa, là người chồng lúc tuổi trẻ.

Mái tóc dài như thác khi xưa đã bị gió sương từ từ nhuộm trắng. Dung nhan trong treo như nước xuân cũng thêm nhiều bể dâu. Nàng mong yên ổn sống qua ngày, nhưng vẫn luôn lo nghĩ quá đỗi. Nàng không trêu chọc chuyện đời, song chuyện đời liên tục quấy nhiễu nàng.

⁴ Nơi biểu diễn nghệ thuật dân gian vào thời Tống.

⁵ Bài thơ *Xuân tàn* của Lý Thanh Chiếu.

Lời tựa để sau Kim thạch lục viết: "Ở Cối Kê, tôi cư ngụ tại nhà người dân bản địa họ Chung. Bỗng một đêm, có kẻ đào tường khiêng đi năm hòm đồ. Tôi vô cùng đau lòng, treo thưởng hậu để chuộc về. Hai ngày sau, người hàng xóm Chung Phục Hạo lấy ra mười tám cuốn tranh chữ đến đòi thưởng, vì vậy tôi biết kẻ trộm ở gần đó. Tôi cầu xin đủ kiểu, y cũng không chịu lấy ra những thứ còn lại. Nay tôi mới biết đều bị Vận sứ Ngô Duyệt mua với giá rẻ. Số đồ vật bảo là 'may mắn còn lại', lúc này đã mất bảy, tám phần mười. Một vài cuốn sách lẻ tẻ không đủ bộ, dăm ba thư thiếp bình thường, tôi vẫn yêu quý như bảo vệ đầu và mắt mình, ngu xuẩn biết bao!"

Khi Lý Thanh Chiếu ra ngoài, có kẻ cắp đào tường, trộm đi hết số văn vật nàng giấu dưới giường. Nàng hết lời van xin cũng không làm chúng động lòng, hàng xóm Chung Phục Hạo lấy ra mười tám cuốn tranh chữ đến chỗ nàng đòi thưởng, số còn lại đã bị bán rẻ cho Phúc Kiến chuyển vận phán quan Ngô Duyệt.

Bọn trộm cắp nông cạn này làm sao hiểu giá trị thật sự của văn vật? Đối với chúng, đồ cổ tranh chữ có thể đổi ít tiền bạc, xây vài căn nhà đẹp, nhưng ngày sau gió táp mưa sa rồi sẽ sụp đổ. Hoặc mua vài vò rượu, mấy món ăn quý lạ, chỉ thế mà thôi. Còn Ngô Duyệt có lẽ chỉ vất vả uống công, một khi vật mất thì gia tài mất trắng.

Vũ đài lịch sử rộng lớn không thiếu những kẻ tiểu nhân dốt đặc cán mai như vậy, tâm mắt họ thiếu cận, vì một chút tham niệm mà khiến tòa nhà bị sập, xã tắc không còn.

"Xưa khi Giang Lăng bị chiếm, Tiêu Dịch không tiếc nước mắt mà thiêu hủy thư họa; khi Giang Đô sụp đổ, Dương Quảng không buồn vì mình sắp chết mà lấy lại sách vở. Lẽ nào những thứ mà người ta chuyên chú thì sống chết vẫn không quên được? Có lẽ ý trời cho rằng tôi bé mọn, không xứng đáng để hưởng những báu vật này? Hoặc là người đã khuất linh thiêng, còn yêu quý chúng nên không chịu để lại nhân gian? Vì sao được thì khó mà mất lại dễ như vậy!"

Trời cao đất rộng, tạo hóa nào chịu buông tha cho ai? Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành xem kim thạch là tri kỷ cả đời, hao phí tâm sức cũng không thể giữ lại. Huống chi những kẻ thô tục có lòng tham, không biết đồ tốt kia. Được mất ảo diệt cũng chỉ trong chớp mắt, cần gì phải quá mê muội lưu luyến. Những văn minh cổ xưa, đồ vật khuyết thiếu ấy, cùng với hết thảy phong cảnh hiện tại rốt cuộc đều sẽ mất đi.

Văn vật vốn chẳng còn lại bao nhiêu, một lần nữa bị trộm, tâm trạng nàng không nói cũng rõ. Văn vật từng thắt lưng buộc bụng để thu thập, nay chỉ sót lại một, hai món

lẻ tẻ, dăm ba quyển sách không đủ bộ. Những thư thiếp bình thường ấy, nếu giờ còn lao tâm cất giữ thì thật là ngốc nghếch.

Trong nhà và ngoài cửa dưới hiên giống như từng đổ một trận tuyết lớn, vô cùng tinh khôi. Nàng không phải trốn chui trốn nhủi, cũng không cần khổ cực chở đồ nặng đuổi theo để dâng tặng nữa. Mấy bức tranh chữ không hoàn chỉnh còn lại hẳn là chẳng ai hỏi đến.

Những năm qua, thời gian đã đem đi quá nhiều thứ, ngọn lửa chiến tranh đã thiêu hủy hết thảy. Để lại cho nàng là thi thư nhiều vô cùng tận trong bụng, là tóc bạc mọc nhanh trong gương, và cả mấy chạng non nước chưa đi hết.

"Ngày mai cách núi cách sông, chuyện đời thôi lại mịt mù nơi." ⁶ Đường như chưa có một tòa thành nào thật sự chịu được sức nặng nổi cô đơn của nàng, dù là cho nàng sự yên ổn ngắn ngủi. Cuộc đời nàng luôn ở ngã tư đường, lúc nào cũng sẵn sàng ly biệt.

Ngoài cửa sổ tuyết vẫn đang rơi, trời đất hữu tình, trả lại sự trong sạch cho nhân gian. Trúc mai sân nhà dù trong hoạn nạn cũng trong sáng từ bi, bất kể triều đại nào đều thanh khiết phong lưu. Xưa nay, thứ thay đổi chỉ là lòng người.

Đầu năm Thiệu Hưng thứ hai (1132), Tống Cao Tông đến Lâm An. Cảnh hồ sắc núi nơi đây giống như thiên đường chốn nhân gian, ông vừa gặp đã yêu thích, bèn cho xây dựng thái miếu, từ đó, nơi này trở thành quốc đô của triều đình yên phận, thu nhận nhiều linh hồn yếu đuối bơ vơ.

Những vương công quý tộc đó ngây ngất bởi làn gió ấm áp chốn Giang Nam, đã quên nợ nước thù nhà và mưa gió giang hồ. Ở đây, họ xây dinh thự, cưới vợ nạp thiếp, gửi tình vào ca múa, sống mơ mơ màng màng.

Có thơ rằng: "*Lớp lớp non xanh, lớp lớp lầu, Tây Hồ múa hát đến bao lâu? Gió êm đã ngấm say lòng khách, dám bảo Hàng Châu cũng Biện Châu.*" ⁷ Cảnh Tây Hồ nổi tiếng thiên hạ, rèm gió màn xanh, liễu khói cầu sơn, biết bao văn nhân từ khách thương nhớ vì nó.

Để tránh chiến loạn, vua tôi Nam Tống nghỉ chân ở đây, cũng không xem là khinh nhờn với phong cảnh. Nhân gian non nước tươi đẹp, nơi nào không thể tẻ gia trị quốc bình thiên hạ, hưng vong nóng lạnh trong quá khứ, hãy xem như một giấc mơ. Chỉ cần

⁶ Trích bài *Tặng vệ bát xử sĩ* của Đỗ Phủ, bản dịch của Nhược Tông.

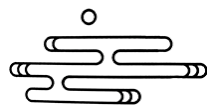
⁷ Bài thơ *Đề Lâm An* của Lâm Thăng, bản dịch của Nam Trân.

chí khí không suy sụp, giữa trời đất núi cao sông dài, phong cảnh vô biên; trong Ngân Hà muôn sao lấp lánh, rực rỡ trong trẻo.

Trong thời loạn, cũng có vui vẻ phú quý, có cảnh đẹp gió xuân. Trời đất đến đi ung dung, trăm họ bình đạm yên ổn.

Trời
liền
cây
cỏ,
mỗi
mắt
đường
về
ngó¹

¹ Trích bài *Điểm giáng thần* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.



Phái nữ đều có xương thịt làm bằng nước, hiền lành mà dịu dàng. Nàng nhỏ bé yếu ớt, không tranh giành, từ bi hữu tình, được vạn vật nuôi dưỡng, lại tưới nhuần vạn vật. Nàng kín đáo uyển chuyển, kiều mị vô cùng, một cái cau mày, một nụ cười mỉm đã nghiêng nước nghiêng thành. Những điều tuyệt vời của nàng như trời trăng non nước, muôn vàn màu sắc, vô cùng vô tận.

Tây Hồ là một nơi có thể dung nạp vạn vật, sắp đặt thú thanh nhàn. Tây Hồ, Tây Hồ của Tô Tiểu Tiểu, Tây Hồ của Bạch Cư Dị, Tây Hồ của Tô Đông Pha, cũng là Tây Hồ của Bạch Nương Tử và Hứa Tiên. Những người này yêu thơ liễu sau mưa, hoa đào bình minh, càng yêu hồng trần muôn trượng.

Bạch Lạc Thiên có thơ rằng: *"Oanh sớm mấy nơi tranh nhánh ẩm, én xuân đâu đó gặp bùn non. Nhiều hoa khách ngắm mắt không chán, dầy cỏ ngựa đi dấu chẳng còn."*¹ Ông miêu tả cảnh xuân ở Tây Hồ thời Đường, tiếng chuông Cô Sơn, dương xanh đề Bạch. Tây Hồ không chỉ non nước tú lệ mà còn nhân văn hưng thịnh, trăm ngàn năm nay vô cùng náo nhiệt.

Còn câu thơ *"Tây Hồ khá sánh cùng Tây Tử, nhật phấn nông sơn thủy tuyệt vời"*² của Tô Đông Pha cũng miêu tả vẻ đẹp của Tây Hồ đến cực điểm. Tây Hồ chính là giai nhân tuyệt sắc đó, trăm vẻ xinh tươi, lại thân thiết hiểu ý, mong bên nhau lâu dài.

Mùa xuân năm đó, Lý Thanh Chiếu cũng theo triều đình đến Lâm An. Tây Hồ là đất tụ họp của văn nhân mặc khách, phần hoa ngàn xưa sao có thể thiếu nàng được? Nàng trôi dạt đến đây, toàn thân bụi bặm, gió sớm sương chiều, tuy đã là hồng nhan xé bóng nhưng vẫn khiến cành hoa dao động, đào liễu nhạt màu.

Nàng không còn là thiếu nữ chèo thuyền nơi ngôi đình ven suối năm xưa, cũng không còn phong thái thướt tha. Lúc này nàng gầy yếu lắm bệnh, dung nhan tiêu tụy, nhờ vào bình rượu đang hâm trên lò, ngồi từ hoàng hôn đến sẩm tối, rồi ngắm trăng đến khi trời sáng.

¹ Trích bài *Tiền Đường hồ xuân hành*, bản dịch của Mailang.

² Trích bài *Ấm hồ thượng sơ tình hậu vũ*, bản dịch của Nam Trân.

Nàng cũng đi Tây Hồ chèo thuyền, xem tơ liễu như tranh, ngắm tháp Lô Phong trong ánh chiều tà, đến Long Tinh uống trà, thăm chùa trong núi tìm hoa quế, viếng chùa Linh Ẩn bàn về thiền. Dần dà, nàng cảm thấy ngày tháng bình thường đã có một ý nghĩa mới mẻ thú vị, cũng lãng quên nỗi khổ biệt ly khi ở giữa phong cảnh.

Thế cuộc rối ren dường như xa ngoài cõi trần. Tòa thành này có triều đình theo mộng tìm vui, cũng có dân chúng an cư lạc nghiệp. Nếu như có thể, từ đây quên đi giang sơn ngày xưa, xây dựng lầu gác sân vườn, cũng chưa hẳn là không tốt.

Bao nhiêu con tim phiêu linh tan nát trên thế gian cuối cùng cũng cần một chốn nghỉ lại, từ từ chữa trị vết thương. Lúc nhàn rồi, nàng cũng chăm mực làm thơ, cầm bút điền từ. Có câu: *"Hoa sương in bóng Liễu Tam Biển, hương quế lan tỏa Trương Cửu Thành."*

Ngày tháng như thơ, song cũng đậm bạc, không có sự yên ổn mà nàng mong muốn. Nàng có thể không cần thư sinh anh hùng, cũng không cần danh lợi phú quý, không cần thể non hèn biển, nhưng đêm dài lạnh lẽo, giường bệnh thê lương. Khi cô đơn, nàng vẫn mong mỏi có một người hỏi han ân cần, để nàng nương tựa.

Vốn nghĩ kiếp này giữ gìn những tranh chữ sách cổ không trọn bộ, yên ổn sống nốt quãng đời còn lại. Giờ đây người đi vật mất, thế giới của nàng thuần khiết như thuở ban sơ, chỉ thêm chút gió sương năm tháng. Nàng ngỡ rằng đời này không còn ai có thể gõ mở cánh cửa con tim nàng, ngỡ rằng hết duyên với hồng trần, đi vào cảnh thiền.

Vậy mà lại có một người đàn ông xông vào cuộc đời cô đơn của nàng, đến không đúng lúc, lại gặp cơ hội tốt. Gã tên Trương Như Châu, người Quy An (nay là thành phố Hồ Châu, Chiết Giang, Trung Quốc). Trước kia gã từng là quan nhỏ trong quân đội Trì Dương, đỗ Tiến sĩ vào năm Sùng Ninh thứ hai, và giữ chức Hữu thừa vụ lang vào năm Thiệu Hưng thứ nhất.

Vì việc công, gã quen biết Lý Hàng, nhờ đó kết giao với Lý Thanh Chiếu. Lúc này Lý Thanh Chiếu tuy chẳng "Còn duyên kẻ đón người đưa" nhưng khí chất trác tuyệt, huống chi nàng có danh tiếng nữ tử nhân, năm xưa kinh động Biện Kinh, hiện giờ cũng được truyền xướng ở Lâm An.

Trương Như Châu từ lâu đã nghe Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành nhiều năm qua say đắm kim thạch thư họa, trữ vạn quyển sách. Vì thế gã lấy lòng nàng, mang hai bức tranh của Ngô Đạo Tử đến để nàng thưởng thức. Gã lại nói lâu nay mình ngưỡng mộ tài điền từ của Dị An, cuối cùng cũng được gặp, đủ để an ủi cả đời.

Trương Nhữ Châu vốn là quan văn, sinh ra ở đất Giang Nam tươi đẹp, không phải phường thô kệch. Gã cũng là nho sinh, có công danh, có chức quan, dáng vẻ thanh tú, đậm chất thư sinh, khác với khí chất của đàn ông phương Bắc.

Trong nhiều ngày, Trương Nhữ Châu viết thơ từ, liên tục đến chỗ ở của Lý Thanh Chiếu để nhờ nàng chỉ bảo. Lý Thanh Chiếu đọc từ của gã, tuy chẳng có gì đặc sắc song cũng đúng quy cách, không đến nỗi quá kém. Hơn nữa trong đó thoả lộ ý mến mộ và tình tương tư dành cho nàng, làm sao nàng không biết.

Trương Nhữ Châu đã góa vợ, vẫn chưa tục huyền. Gã bèn bàn bạc với Lý Hàng, nay thời loạn lênh đênh, trộm cướp hoành hành, nhìn quanh chỉ thấy mờ mịt, được bữa sớm lo bữa tối, Thanh Chiếu thân gái một mình, phiêu bạt giang hồ, dù sao cũng bất tiện. Gã có lòng cưới nàng làm vợ, để nàng có một bến đỗ, tránh nỗi khổ lưu lạc.

Lúc đó Lý Thanh Chiếu vẫn đang ốm, cảm thấy thân như cánh bèo dạt không gốc rễ. Nhìn hoa rơi thấy cuộc đời thâm trầm, ngắm mưa bụi thấy bi thương, lẻ loi trải qua nhiều buổi hoàng hôn, nỗi khổ sở trong đó chỉ có tự biết.

Lênh đênh nhiều năm, nếm hết chua cay, nàng cũng muốn tìm được lang quân, ôn lại mộng đẹp. Tuy biết Trương Nhữ Châu không phong lưu phóng khoáng, học vấn uyên bác như Triệu Minh Thành, song cũng mặt mày thanh tú, biết chút thơ từ, nho nhã khiêm tốn.

Cho dù phụ nữ thời xưa tái giá là thất tiết, sẽ bị mỉa mai chứ không được chúc mừng, nhưng trước giờ nàng xem thường lễ nghi thế tục, tính tình kiêu hãnh thoải mái, chuyện đã quyết ý làm thì chẳng ai cản được.

Gã không yêu nàng sâu đậm, nàng cũng không nhất thiết phải lấy gã. Có điều là một đóa hoa một gốc cây trong hồng trần, ham mê đôi chút cảnh xuân, muốn nắm tay bầu bạn, ai nấy có được thứ mình cần. Ngày tháng về sau, nàng cho gã tình thơ ý từ, gã cho nàng kiếp này yên ổn.

Thế là, một chiếc kiệu hoa, mọi thứ đơn giản, Lý Thanh Chiếu và Trương Nhữ Châu kết nghĩa vợ chồng. Theo nàng thấy, có lẽ đây là số phận an bài. Triệu Minh Thành rời nàng ra đi, nhiều năm nhận lẻ phiêu bạt, dãi dầu mưa gió giang hồ, cuối cùng lại có một chốn về. Tuy không phải niên thiếu như hoa song cũng có thể phó thác nửa đời.

Nến đỏ soi sáng, trong màn uyên ương, hai người tình ý dịu dàng, hãy còn hoan hỉ. Người đàn ông này không cho nàng sự khắc cốt ghi tâm như Triệu Minh Thành, cả hai cũng không cảm thấy thắm thiết, chỉ là đôi vợ chồng dân gian bình thường. Đêm

đó, ánh trăng trong sáng, bóng trúc in song, không hiểu được niềm vui thích nhân gian, cũng không tỏ tường nỗi buồn lo trần thế.

Tài nữ tái giá, thành Lâm An nhất thời bàn tán xôn xao. Những điều tiếng ấy, nàng đương nhiên không để trong lòng. Nàng chỉ muốn có một chỗ ở yên tĩnh trong tòa thành này, có một người quan tâm săn sóc, đối ẩm song tây.

Thế giới của nàng có thêm một người bạn ngày cùng nàng thơ từ, ban đêm cùng nàng trăng gió. Bơ vơ nhiều năm, giờ đây cuối cùng cũng đã có chút an ủi, nếu có thể, nàng mong cùng người đó bình đàm bên nhau.

Chỉ mới mấy ngày, Trương Nhữ Châu chợt hỏi Thanh Chiếu, văn vật của nàng còn sót lại bao nhiêu, chi bằng lấy ra để gã cất giữ, tránh bị kẻ xấu trộm đi. Lý Thanh Chiếu nói đúng sự thật, bộ sưu tầm cả vạn quyển sách trải qua mấy lần chiến tranh rồi gặp kẻ trộm đã mất mát hết, còn lại chỉ là mấy cuốn sách bình thường, chẳng có giá trị.

Trương Nhữ Châu tất nhiên không tin, sau đó lại năm lần bảy lượt vòng vo bóng gió hỏi đến chuyện đồ cổ của Lý Thanh Chiếu, nàng đều đáp không có. Nhất thời, nàng dường như đã hiểu rõ tất cả, sở dĩ gã kết hợp với nàng không phải vì tài hoa tâm tính của nàng, mà vì thèm muốn vật sưu tầm nhiều năm của nàng.

Gã nhiều lần ép hỏi nhưng không có kết quả. Gã đàn ông này bắt đầu khiến nàng cảm thấy xa lạ. Sau đó, gã lưu luyến chốn trăng hoa, nửa đêm trở về đều say mèm, khiến nàng chán ghét tột cùng.

Người đời đều nói số văn vật mà Triệu Minh Thành sưu tầm tính hàng vạn, có những báu vật càng là vô giá. Song nào ai biết rằng những vật quý đó theo Lý Thanh Chiếu lang thang khắp nơi, thất lạc giữa đường, từ lâu đã không rõ tung tích.

Trương Nhữ Châu tưởng rằng cưới được tài nữ làm vợ là có thể sở hữu những văn vật quý giá của nàng. Giờ biết đồ vật mất hết thì thất vọng tràn trề, mặt nặng mày nhẹ với Lý Thanh Chiếu, không những đối xử lạnh nhạt mà còn thượng cẳng chân hạ cẳng tay.

Lý Thanh Chiếu biết mình lấy nhầm chồng xấu, mất mùa tâm mùa, hối hận khôn xiết. Đáng tiếc về già dung nhan phai tàn, cả đời thanh bạch lại rơi vào kiếp số này. Có lẽ phụ nữ trên đời nếu không gặp được người tốt thì thà như bèo dạt cũng đừng tùy tiện trao thân gửi phận."

Sau khi bị đánh đập mấy lần, thực sự không chịu nổi sỉ nhục, Lý Thanh Chiếu quyết tâm rời xa người này, cắt đứt đoạn nghiệt duyên này. Nàng vốn là hoa mai trên

cảnh cao, lạnh lùng kiêu ngạo, sao chịu nhân nhượng cầu toàn. Sai lầm nàng phạm phải, nàng sẽ gánh chịu.

Thư gửi Hàn lâm học sĩ Kỳ Sùng Lễ của Lý Thanh Chiêu miêu tả quá trình gả nhầm cho Trương Nhữ Châu: "Trong lúc vội vàng đã khinh suất, cả tin vào miệng lưỡi của hắn, bị lời nói đẹp như gấm vóc mê hoặc. Em trai tôi dễ bị lừa, thấy hắn có chức quan liền tin tưởng, bản thân tôi gần như sắp chết, làm sao biết chọn chồng là người thế nào? Tôi do dự mãi mới đồng ý hôn sự này. Tôi và người này thực sự khó lòng chung sống."

Nàng suy đi nghĩ lại, lục tìm các nơi trong nhà, muốn tìm ra tội trạng của Trương Nhữ Châu. Sau nàng phát hiện gã thi cử quá nhiều lần, vượt quá quy định thời Tống. Đây là tội khi quân, một khi phán tội sẽ lấy lại quan tước, đày đi nơi xa.

Lý Thanh Chiêu tố cáo gã và xin ly hôn, khôi phục tự do. Theo luật hình thời Tống, vợ tố cáo chồng dù là sự thật cũng phải phán tội hai năm. Lý Thanh Chiêu thà làm ngọc nát cũng không muốn sống tạm bợ, không có khí phách thì không thể làm được như vậy. Thế là hai vợ chồng một người đi đày, một người vào tù, đúng là hoa rơi nước chảy đôi bên vô tình.

May được Hàn lâm học sĩ Kỳ Sùng Lễ cứu, ông "thanh liêm tiết kiệm, đứng đắn chính trực, không sợ cường quyền", là bạn cũ của Triệu Minh Thành, hiện được Tống Cao Tông trọng dụng. Ông miễn tài của Dị An, cũng thương xót cảnh ngộ thê lương của nàng.

Ở trước mặt Cao Tông, Kỳ Sùng Lễ nhắc đến việc Lý Thanh Chiêu đi theo loan giá, phiêu bạt mấy năm và nói rõ chuyện Trương Nhữ Châu lừa kết hôn, mới giúp nàng được miễn hình phạt. Sau khi vào ngục chín ngày, Lý Thanh Chiêu được thả ra.

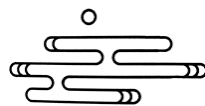
Từ đó trong Tống sử lại có thêm một đoạn dật sự truyền kỳ. Hoặc chê nàng thất tiết không trung trinh, hoặc khen nàng dám yêu dám hận, phải trái đúng sai như khói bụi, đều đã qua đi.

Thiếu Khê ngư ẩn tùng thoại của Hồ Tử nói: "Dị An tái giá Trương Nhữ Châu, chẳng bao lâu đã không hòa thuận, có thư gửi ông Kỳ nói rằng: 'Sao tôi lại đem tấm thân trong sạch, vào lúc cuối đời, gả cho một kẻ con buôn bỉ ổi như thế.' Những người kể lại thấy đều chê cười."

Ngàn đời đằng đẳng, dù là giang sơn đổi chủ cũng chỉ xem là chuyện phiếm của ngư tiêu, trò cười của dân chúng. Nàng chỉ là một hạt bụi giữa trời đất bao la, sao tránh khỏi được.

Trong *Đạo đức kinh* có nói, "*Gió lớn không suốt sáng, mưa to chẳng suốt ngày.*" Gió lớn mưa to rồi cuộc sẽ ngừng, hết thấy hiểm ác trên đời cuối cùng đều trở về tốt đẹp.

Nàng lại làm Dị An cư sĩ, tựa vào lầu gác độc ẩm cảnh xuân. Lông mày nhiều ngày chưa vẽ hơi nhạt, tóc bạc mới mọc như trắng sáng sương tuyết. Nàng trải giấy mài mực, viết về non nước mệnh mang.



"Nước chảy róc rách, cảnh xuân ngời ngời. Khe núi tĩnh mịch, mỹ nhân xinh tươi. Bờ nước gió nhẹ, Bích Đào rợp trời.¹" Mấy câu này viết về phẩm chất và phong cách "tiềm nùng" (tĩnh tế nồng nàn) của thơ ca.

Nàng cũng từng là mỹ nhân, lưu luyến với hoàng hôn ở ngôi đình ven suối, say sưa giữa vạt hoa sen. Cũng từng nhẹ cưỡi xiêm là, bước xuống thuyền lan, ngắm lâu tây trắng rọi, chim nhận quay về.

Yêu là một cơn gió, thổi qua Giang Nam tha thướt, thổi qua Bình hồ thu nguyệt², thổi qua sân nhà tường xanh. Vạn vật tăng giảm, một lên một xuống; mới cũ thay nhau, một sinh một diệt.

Hợp tan trong đời đều là ý trời, sau khi trải qua mới biết bao nhiêu chuyện trần thế nực cười mà hoang đường. Bạn dốc hết tâm sức muốn duy trì một cuộc tình, sống tốt một đời này, nhưng thường là khó được toại nguyện.

Trên đường lưu vong nhiều năm, chỉ mong kiếp này yên ổn, có một căn nhà cũ để nường nấu, như thế dù sao cũng không đến nỗi lên đèn. Ai ngờ nàng cập nhảm bên đực, tu hành nhiều năm rốt cuộc vẫn rơi vào vũng lầy. May thay nàng kịp thời thoát ra, chưa tới mức hoàn toàn hủy hoại những năm tháng cuối đời. Hôm qua cùng bàn cùng ăn, giờ đây đã thành người đứng nước lã.

Sau khi kết thúc cuộc hôn nhân thất bại thảm hại này, Lý Thanh Chiếu cảm thấy mình lại già đi nhiều. Trải qua khói lửa chiến tranh, cường đạo cướp giết, thậm chí tai nạn lao ngục, nàng vẫn bình yên vô sự. Từng có ngân ấy kiếp số, nay mưa tạnh trời quang, liệu có xem là cát nhân thiên tướng³ không?

Không biết mấy tháng trôi qua, đường lớn ngõ nhỏ ở Giang Nam đã có tiếng rao bán hoa. Sức sống này khiến nàng vẫn yêu khói lửa thế tục, mọi chuyện nhân gian tuy vô căn cứ nhưng vẫn đáng tin.

¹ Trích *Thi phẩm* của Tư Không Đồ.

² Một trong mười cảnh đẹp của Tây Hồ.

³ Nghĩa là: người tốt tự có trời giúp.

Tạm gác lại tâm tư buồn phiền, thân thể ốm yếu, cũng mặc kệ tóc mai điểm sương. Có bài từ *Sơn hoa tử*⁴ viết về tình cảnh của nàng sau khi ốm, điểm đậm tự nhiên, nhân nhả an lành:

Bệnh dậy bờ phờ tóc điểm hoa, nằm nhìn trăng xế rọi song sa. Đậu khấu đầu cành đun nước sủi, tối pha trà.

Tựa trên gối thơ khi rảnh rỗi, trước hiên cảnh đẹp lúc mưa sa. Tỏ vẻ hướng người hàm nhả ý, mộc tê hoa.

Thường có ánh trăng rọi lên cửa sổ rèm sa, lại thi thoảng có mưa nhỏ gõ trên mái ngói. Đậu khấu pha trà, thi thư trên gối, ngay cả mộc tê cũng đa tình, suốt ngày ủ hương thơm tặng cho con người. Lý Thanh Chiếu rửa sạch phấn son, dường như đã rời xa sinh tử sầu khổ, tìm lại thú vui thanh nhàn.

Người thời Tống vốn tao nhã, thích đun nước pha trà, cắm hoa điền từ. Nếu không có nỗi nhục nước mất nhà tan, đây hẳn là một triều đại khiến người ta mơ tưởng. Non sông gấm vóc ấy cũng từng khiến họ đắc ý. Nhưng vật quá tốt đẹp thường không được dài lâu, sau yên ổn là loạn lạc.

Trải qua ngàn ấy trắc trở, nàng nên ẩn cư sâu giữa vùng núi hồ này, pha trà sắc thuốc, thơ văn làm bạn. Song triều đình sa sút ý chí, như núi thu xơ xác tiêu điều, mỗi khi màn đêm buông xuống, nàng luôn thấy thê lương khó yên.

Vinh nhục thăng trầm của cá nhân còn có thể gánh vác, nhưng sơn hà lụn bại này nào có kế hay cứu vãn. Đế vương yêu giang sơn, thương nhân yêu phú quý, trăm họ yêu yên bình. Nàng là từ khách, với sắc thu nhân gian này, mọi thứ nàng đều yêu.

Sơn hà làm cho người ta rơi lệ, những quá khứ bỏ quên ở Biện Kinh cũng giống như lá mùa thu, khó nhạt nhanh lại. Trăng có sáng tối tròn khuyết, song cửa sổ góc mái hiên cũng có dáng vẻ riêng. Đưa mắt nhìn, người xưa đã mất, cố quốc khó tìm, thật gây thất vọng, có nỗi thê lương khôn xiết.

Chén rượu cầm lên lại đặt xuống, không dám truy hỏi ngọn nguồn. Hai vị hoàng đế Đại Tống bị quân Kim bắt đi, tung tích không biết, sống chết không rõ. Liệu nhà vua có còn viết thể chữ Sáu Kim chân phương ở mảnh đất đầu hiu ấy, hay hát khúc hoa xuân trăng thu trong nhà lao chật hẹp?

⁴ Còn có tên *Than phá hoán kê sa*, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Tháng Năm năm Thiệu Hưng thứ ba, Tống Cao Tông phái Hàn Tiêu Trụ và Hồ Tùng Niên đi sứ nước Kim, lấy danh nghĩa thăm hai vua Huy, Khâm để thử dò thái độ của nước Kim, xem có thể nghị hòa không. Hàn Tiêu Trụ là cháu ba đời của Tể tướng Bắc Tống Hàn Kỳ, được phong làm Học sĩ điện Đoan Minh, Đồng thiêm thư xu mật viện sự. Lúc đó nước Kim bình hùng tướng mạnh, chuyển đi sứ sang Kim không hề nắm chắc, e là lành ít dữ nhiều.

Trước khi đi, Hàn Tiêu Trụ tâu với Cao Tông: "Hiện giờ các đại thần mỗi người một ý, dẫn đến đánh hay hòa chưa có kết luận, nhưng đàm phán hòa bình là tùy cơ ứng biến để vượt qua khó khăn. Ngày sau quốc gia dần ổn định giàu mạnh, thanh thế quân đội phần chấn, thì nên tính kế khác. Nay bọn thần đi, mong chớ bội ước trước. Nếu nửa năm không phục mệnh, ắt chúng có mưu khác, nên mau tiến quân, đừng vì bọn thần ở bên đó mà chậm trễ."

Ông biết chuyến đi xa này sống chết chưa rõ, song không hề sợ hãi. Ông nói với Tống Cao Tông, nếu trong nửa năm mình không về phục mệnh thì chứng tỏ người Kim có mưu đồ khác, nên nhanh chóng tiến quân, không cần lo cho an nguy cá nhân của ông.

Khi từ biệt, Hàn Tiêu Trụ nước mắt đầm đìa, quỳ trước mặt mẹ nói mình bất hiếu. Người mẹ khuyên: "Nhà họ Hàn đời đời là bề tôi của xã tắc, con nên nhận lệnh thì đi ngay, đừng nhớ mẹ già."

Từ xưa sau lưng anh hùng luôn có một người mẹ vĩ đại mà kiên cường. Bà tuy yếu đuối nhưng có lòng yêu thương dạt dào như Hoàng Hà, tình cảm bao la tựa Trường Giang. Bà không thể thúc ngựa rong ruổi sa trường song luôn đứng ra, xả thân bảo vệ vào lúc nguy nan.

Tống Cao Tông khen ngợi Hàn mẫu có đức hạnh, phong bà làm "Vinh Quốc thái phu nhân". Tuy bà chỉ nhẹ nhàng đi qua vũ đài lịch sử, thậm chí không để lại bóng dáng, nhưng từng tồn tại một cách chân thực, khiến mọi người sinh lòng kính nể.

Lý Thanh Chiếu biết chuyện, vô cùng cảm phục đức độ ấy. Nhớ đến hai đời ông cha đều là môn đệ của Hàn Kỳ, tuy muốn đến thăm nhưng do nhiều điều bất tiện nên nàng viết *Gửi Xu mật Hàn công và Thượng thư Bộ Công Hồ công* để bày tỏ tấm lòng.

Lời tựa là: Tháng Năm năm Quý Sửu (năm Thiệu Hưng thứ ba), Xu mật Hàn công và Thượng thư Bộ Công Hồ công đi sứ nước địch, thăm hỏi hai vua. Có Dị An, ông cha đều là môn đệ của Hàn công, nay gia thế sa sút, phận con cháu hàn vi, không dám bái

kiến. Tuy nghèo khó ốm đau, nhưng thần trí chưa suy yếu, thấy hiệu lệnh lớn này không thể im lặng, bèn làm cổ thi, luật thi mỗi thể một bài, để gửi gắm chút tâm ý.

Kỳ 1

(Lược bỏ)

Kỳ 2

*Mong thấy sứ giả qua hai kinh,
Vạn người ra đường để hoan nghênh.
Chim lầu Hoa Ngạc ắt ríu rít,
Hoa cung Liên Xương hẳn lung linh.
Lòng vua nếu xót thương trăm họ,
Ý trời cũng nghĩ đến chúng sinh.
Thánh thượng anh minh chắc biết rõ,
Loạn lạc không yên bởi kết minh.*

Đối mặt với giang sơn đã không thu phục được, biết bao người lựa chọn im lặng. Hoặc ham mê an nhàn, hoặc nước chảy bèo trôi, không hỏi sống chết thành bại ngày mai. Nhưng Lý Thanh Chiếu trước sau không thể thờ ơ, tình cảm sâu nặng của nàng với cố quốc đều bày tỏ trong câu chữ.

Nếu là nam nhi, có lẽ Lý Thanh Chiếu sẽ giống như Tân Khí Tật, gia nhập tiền tuyến chống Kim, hào khí bừng bừng. Nhưng nàng là nữ nhi, không thể vung roi thúc ngựa, khoác giáp ra trận, cũng không thể bày mưu tính kế, tận trung báo quốc. Nàng chỉ có thể ở nơi sâu sâu, trông ra bên ngoài trời, một đàn nhạn qua, một áng mây đến.

Nàng không tán thành cách làm của Tống Cao Tông, vì sự tận hiếu giả dối mà nhu nhược một mực cầu hòa. Nàng hy vọng có người đứng ra, như đại tướng Đậu Hiến thời Đông Hán, ghi công trên đá núi Yên Nhiên, phá tan Hung Nô. Hoặc như Hoàn Ôn, thu phục sơn hà, thấy lại dương liễu biếc xanh chốn cũ.

Hàn Tiêu Trự tài đức vẹn toàn, đi sứ nước Kim, có lẽ có thể chấn hưng uy danh quốc gia. Năm xưa Hung Nô khiếp sợ Vương Thương, Thổ Phồn tôn trọng Quách Tử Nghi, hiện giờ chỉ mong Hàn Tiêu Trự làm người Kim khuất phục. Trong thơ, Lý Thanh Chiếu hoặc khích lệ, hoặc dặn dò, hoặc khuyên nhủ, đều là tình ý chân thực.

Non nước từng du ngoạn, lan can từng dựa đã đổi chủ. Ngẫm lại, sao có thể không lo lắng buồn rầu? Giang sơn tươi đẹp thuở nào tan nát quá nửa, người dân nơi quê nhà cũng không có trao đổi thư từ, bất vô âm tín.

Họ có bình an không? Lưu lạc chốn nào? Cư ngụ nơi đâu? Có còn trông dâu trồng đay, có cơm ăn áo mặc không? Nàng chẳng biết gì cả, chỉ gửi chí khí hào hùng vào chén rượu nhạt, vào núi xanh trắng sáng.

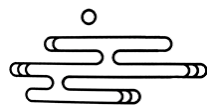
Hàn Tiêu Trự đọc áng thơ hùng hồn của Lý Thanh Chiếu, vô cùng xúc động, khí khái lắm liệt tự nhiên nảy sinh. Suốt dọc đường, ông đã gặp vô số bãi cỏ hoang dưới ánh chiều tà, nổi sầu ly biệt lúc đậm lúc nhạt.

Hàn Tiêu Trự đến nước Kim, người Kim biết gia thế của ông, biết ông vốn là con cháu danh thần nên vô cùng xem trọng. Lần này đi sứ, đi về mất nửa năm. Từ khi Tống Cao Tông lên ngôi, hai bên chưa từng có sứ giả qua lại, lúc Hàn Tiêu Trự về, nước Kim phái sứ giả đi cùng. Tuy chưa đạt được đàm phán hòa bình nhưng nước Kim đồng ý tạm thời đình chiến.

Lịch sử giống như một trò chơi, hỗn loạn là nó, yên bình cũng là nó; thắng là nó, thua cũng là nó. Như thế cũng tốt, vua tôi Nam Tống vốn nhất gan lại có lý do đầy đủ để an cư ở miền sông nước Giang Nam.

Họ học được phong nhã, chèo thuyền trên hồ, mua say ở Tây Linh. Lâm An càng thêm phồn hoa kiêu diễm so với trước kia. Mưa phùn thấm ướt ngõ sâu, tơ liễu bay vào sân vắng, giang sơn một thời đã có cảnh tượng mới.

Dị An cư sĩ thì là thần hoa dạo chơi, dấu tiên lúc ẩn lúc hiện, ngẩn ngơ không nhớ đường về. Chỉ là sang năm xuân ấm ền về, cảnh mai gầy này sẽ nở rộ trong sân nhà ai, rạng rỡ cười nói vì ai?



"Bữa ăn uống rượu cho say, hẹn nhau chung sống đến ngày tóc sương. Hầu buổi tiệc du dương cầm sắt, thì an vui tương đắc hợp hòa.¹"
Câu thơ nói về tình yêu dân gian, cửa sài sơn nhỏ, nhà trồng dâu trúc, vợ chồng thôn quê, tuy bữa cơm rau dưa nhưng đầm ấm yên bình.

Cảnh hiện tại cũng là trời đất quang đãng, ngay cả giấc mơ cũng trong trẻo như nước, chẳng có mây may quấy nhiễu. Lá ngoài song, trà trên lò, hoa trong bình và bóng cảnh khô thích nghi với đời, an vui hòa hợp.

Chàng thiếu niên thuở ấy không còn, chỉ còn nàng giai nhân luống tuổi nhìn nắng rọi gió thổi, ngắm tịch dương đỏ rực dưới hiên và sắc đêm đen thẫm ngoài song. Nước chảy hoa rơi có một ý cảnh lãng mạn riêng, mà nay nàng tạm ổn định ở đây, đã không còn thương tâm. Chỉ có nỗi sầu vương vấn, thoát đậm thoát nhạt, khi tăng khi giảm.

Lúc đó là cuối thu, song Lâm An vẫn lộng lẫy ngút ngàn, cỏ cây tươi tắn, bên bờ Tây Hồ ca múa không ngơi. Nhiều năm chinh chiến sát phạt, lưu vong chạy nạn, họ đã chán ngán hỗn loạn huyền ảo, mong yên phận ở một góc, ngắm nước biếc trời xanh. Đời người vội vã lại vô thường, cần gì phải luôn luôn gánh nặng mà đi.

Lý Thanh Chiêu rửa sạch phấn son, không lòng dạ nào chải chuốt dung nhan. Đồ trang sức trên bàn còn vài món châu ngọc sót lại, từ đó thấp thoáng thấy được tuổi hoa khi xưa của nàng. Ngắn ấy kim thạch thu họa lao tâm khổ tứ thu thập và tình cảm vun đắp bao năm đều đã thất tán. Nhân gian này, còn thứ gì có thể giữ lại?

Nhiều năm trước, Triệu Minh Thành từng gửi gắm văn vật cho nàng trông nom, giờ còn lại ít sách vở lẻ tẻ này, nên giải thích với chàng thế nào? Rốt cuộc là ý trời khó trái, sông lớn chảy về đông, sóng dãi hết nhân vật phong lưu muôn thuở, song cũng phiêu bạt vô chủ.

Lúc sinh thời Triệu Minh Thành tìm kiếm văn vật, cất giữ, ngắm nghía và bỏ ra nhiều thời gian viết *Kim thạch lục*. Mà nay người đi vật mất, trong lòng Lý Thanh Chiêu áy náy, liền nhân lúc này yên ổn để hoàn thành ý nguyện của người chồng đã khuất. Như thế, nàng cũng yên tâm, bớt đi đôi phần lo nghĩ.

¹ Trích bài *Nữ viết kê minh* 2 trong *Kinh Thi*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

Khách đến pha trà, khách đi cầm bút, ngoài song hoa nở rồi hoa tàn, trước cửa khách đến rồi khách đi. Viết *Kim thạch lục* cũng là nhớ lại nửa đời đầy đủ sung túc mà hoang vắng của nàng. Chỉ là ai còn nhớ đôi tài tử giai nhân khiến người ta ca ngợi ở thành Biện Kinh năm xưa này? Cuộc sống mười năm ở Quy Lai đường đã trở thành ngày hôm qua mãi mãi không quay về được.

Văn vật vốn vô tình, là họ đã bỏ vào quá nhiều chân tâm, để lại quá nhiều câu chuyện, nên về sau chúng đã có giá trị, đã có lịch sử, trở thành báu vật làm người ta quyến luyến.

Nếu chàng còn sống hẳn vui vẻ biết bao. Một người tựa bàn, một người đốt hương. Một người đun nước, một người rót trà. Giở đây trên trời dưới trần, lại rõ ràng cảm thấy chàng như hình với bóng nên cũng không có bi ai. Tình đến sâu đậm thì không có sinh tử ly biệt, chỉ cần nàng nhớ thì chàng luôn còn đó.

"Hiếu đạo có trước có sau, học thuật có chuyên nghiên cứu."² Lý Thời Trân viết *Bản thảo cương mục*, Lục Vũ viết *Trà kinh*, Triệu Minh Thành và Lý Thanh Chiếu thì viết *Kim thạch lục*. Yêu thích cả đời chỉ là hoa xuân trắng thu, chén trà lò hương và những kim thạch thư họa này.

Nhớ năm xưa, nàng không tiếc đem cầm xiêm áo thoa châu, chỉ để đổi lấy nửa quyển sách mỏng. Cũng từng phú quý xa hoa, cũng từng thanh bần nhàn tản, cũng từng câu nệ thế tục, cũng từng tự do tự tại, cũng từng sợ được sợ mất, cũng từng đi ở tùy ý. Tất cả những điều này đều đồng hành với thời gian, không trở lại nữa.

Nhưng vinh hoa bần hàn trên đời đều chân thực và bình thường, chỉ là mùi vị trong đó khó nói bằng lời. Xưa nay biết bao nền văn minh bắt nguồn từ nhân dân, rồi mới có đế vương khanh tướng, có thi nhân từ khách, cũng có hưng vong thành bại.

Tháng Tám năm Thiệu Hưng thứ tư, Lý Thanh Chiếu hoàn thành *Kim thạch lục*, tâm nguyện nhiều năm đã vẹn tròn. *Kim thạch lục* gồm ba mươi quyển, ghi chép về những chữ khắc trên đồ tế lễ như chuông, đỉnh và chữ khắc đá như văn bia, mộ chí từ ba triều đại Thượng cổ³ tới Tùy Đường, Ngũ Đại rồi đến thời bấy giờ mà họ đã gặp, là một trong những danh mục và tác phẩm chuyên nghiên cứu kim thạch sớm nhất của Trung Quốc.

² Một câu trong *Sư thuyết* của Hàn Dũ.

³ Túc Hạ, Thương, Chu.

Sau đó, Lý Thanh Chiếu cầm bút viết *Lời tựa để sau Kim thạch lục*, chỉ vài trang ngắn ngủi đã kể hết buồn vui cả đời của mình.

"Than ôi! Tôi từ mười tám tuổi đến năm mươi hai tuổi, trong ba mươi tư năm này, hoạn nạn được mất quá nhiều! Nhưng có có ắt có không, có hợp ắt có tan, đó là lẽ thường. Có người mất cây cung, thì sẽ có người được cây cung, hà tất so đo. Cho nên tôi ghi lại đầu đuôi của cuốn sách này, cũng mong để lại điều răn cho người yêu thích cái cổ và uyên bác đời sau."

"Có có ắt có không, có hợp ắt có tan, đó là lẽ thường." Nàng giống như thiên nữ rải hoa, hết thấy phù hoa chẳng dính dáng đến mình. Trình độ tu vi như thế là đã nhìn hết non nước, cũng xem như đã vượt qua những kiếp số liên tiếp kia.

Sen Tây Hồ như thể muốn dốc hết tất cả, nở rộ thật đẹp lần cuối. Sân nhà nàng ngày vắng đêm dài, cõi lòng nhẹ nhõm. Sau khi gác bút nàng chẳng làm gì cả, mặc cho mùa vụ thay đổi, hoa nở trắng tròn.

Trên mặt hồ phẳng lặng, sóng gió lại dấy lên. Tháng Chín năm đó, nước Kim dấy binh mấy vạn, kết hợp với quân Ngụy Tề xâm lược phương Nam. Tin tức này truyền đến Lâm An, cả triều đình kinh hoàng. Có người chủ trương sơ tán bách quan, tránh mũi nhọn của giặc, cũng có người chủ trương chống trả, liều chết chiến đấu với giặc.

Tháng Mười, Cao Tông quyết định ngự giá thân chinh, muốn dẫn cấm quân quyết một trận sống mái với giặc, hành động này đã cổ vũ sĩ khí. Thêm vào đó, nhờ có các dũng tướng như Hàn Thế Trung và Nhạc Phi, khiến quân Kim liên tiếp thua trận. Đến tháng Mười hai, quân Kim lương thảo thiếu thốn, vua Kim ốm nặng, bèn rút quân về phương Bắc.

Vương triều Nam Tống yếu ớt trải qua loạn lạc chiến tranh nhiều năm đã như chim sợ cành cong. Khói lửa dấy lên, ca múa ngừng lại, vua tôi bỏ chạy, dân chúng đi theo, thành Lâm An vô cùng lộn xộn.

Lý Thanh Chiếu viết trong *Lời tựa Đả mã đồ kinh*: "Mong một tháng Mười năm đó, nghe cảnh báo từ Hoài Thượng, người vùng Giang Chiết từ đông chạy sang tây, từ nam chạy lên bắc, người ở núi rừng muốn vào thành thị, người ở thành thị muốn vào núi rừng, nướm nướp không ngớt, ai cũng không chốn nương thân."

Lý Thanh Chiếu hay tin, cũng chạy đến Kim Hoa. Đây cũng là vùng đất linh tú ở Giang Nam, có văn hóa Ngô Việt, còn có nhiều núi tiên cảnh đẹp, chùa xưa tháp cổ.

Lần này chạy nạn, Lý Thanh Chiếu chỉ mang hành lý gọn nhẹ, không nhọc lòng bởi đồ vật nên cũng ung dung. Quân Kim tuy khí thế hung mãnh nhưng vấp phải sự chống cự ngoan cường của các tướng lĩnh nhà Tống nên không thể vượt sông. Trải bao sóng gió, đi thêm một chặng đường, qua mấy ngôi trường đình, hẳn là chẳng ngại gì.

Cuối thu ở Giang Nam rực sắc đỏ tía, gió núi lạnh lạnh, nước chảy róc rách. Qua sông Phú Xuân, ngang qua đài câu cá của Nghiêm Tử Lăng, Lý Thanh Chiếu bồi hồi xúc động, bèn viết một bài thơ *Đêm qua bãi Nghiêm*:

*Thuyền lớn chỉ vì lợi mà qua,
Thuyền nhỏ cũng vì danh mà lại.
Nhân lúc tối trời qua đài câu,
Để với tiên sinh đỡ thấy ngại.*

Nghiêm Tử Lăng là bạn thân của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, giúp nhà vua khởi binh, sau thành công thì rút lui, mai danh ẩn tích ở núi Phú Xuân. Ông không ham phú quý danh lợi, được người đời sau ca ngợi. Phạm Trọng Yêm viết *Nghiêm tiên sinh từ đường ký*, có câu: "Núi mây thăm thẳm, sông nước mênh mông, phong thái của ông, núi cao sông rộng."

"*Thiên hạ ồn ào, đều vì lợi mà đến; thiên hạ nhốn nháo, đều vì lợi mà đi.*"⁴ Lý Thanh Chiếu cảm thán bản thân giống như triều đình Nam Tống, chưa thoát khỏi lưới danh lợi, vì cuộc sống tạm bợ mà bôn ba xuôi ngược. Đức độ cao cả của ông Nghiêm khiến nàng hổ thẹn. Nay đi ngang qua đài câu cá cũng là một cơ duyên, bèn để lại bài thơ để tỏ lòng kính trọng.

Từ xưa đến nay, có mấy ai có thể không màng danh lợi như Nghiêm Quang, nhàn nhã ngồi câu tuyết xuân gió sông, ẩn cư nơi rừng núi. Đào Uyên Minh mấy lần ra làm quan, mấy lần quy ẩn, cuối cùng buông bỏ danh lợi; Chu Đôn Nho bị công danh thôi thúc, chưa giữ vững khí tiết lúc tuổi già; Tô Đông Pha phiêu bạt giang hồ, vẫn chưa quên vinh hoa thế gian. Còn Lý Thanh Chiếu trải qua vinh nhục nửa đời vẫn còn chấp niệm.

Có người vì tranh danh lợi mà ra làm quan, có người vì quên danh lợi mà quy ẩn, đến cuối cùng đều là khác đường chung đích. Chẳng qua là, năm tháng trôi qua, có người ghi tên vào sử xanh, có người lặng lẽ vô danh.

⁴ Một câu trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên.

Lý Thanh Chiếu là nhân vật ở lại trong lịch sử đó, không tô son điểm phấn, tâm tư thanh khiết. Tâm tính, phẩm cách, phong thái của nàng hơn xa Triệu Minh Thành, yêu và hận của nàng cũng đơn thuần hơn chàng. Nàng là người con gái trong Tống sử, thân thiết với nàng đều là hoan hỉ.

Trên đường lánh nạn, ngày đi đêm nghỉ, phong cảnh ven đường tuyệt đẹp, cũng thấy vui vẻ dễ chịu. Năm xưa nàng luôn lo lắng cho những văn vật mang theo, sợ truy binh thổ phỉ cướp đoạt, nay toàn thân nhẹ nhàng, mới biết rằng không có đồ vật thì tâm không vướng bận.

Mây biếc trời sương như trong tranh, nhà dân bên dòng nước bằng phẳng khói bếp, núi sông bình yên, sao có chuyện hưng vong. Thuyền lẻ, ngựa gầy, cây già, quạ chiều là cảnh tượng trong thời loạn, mà lúc ấy trên đường chạy nạn, gió tây nắng xế lại có sự yên ổn kiếp này.

Sau đó nàng viết: "Dị An cư sĩ cũng từ Lâm An đi ngược dòng, qua bãi Nghiêm, đến Kim Hoa, ở nhà họ Trần. Vừa xuống thuyền vào nhà, trong lòng đã thấy rất dễ chịu."

Giữa tháng Mười, Lý Thanh Chiếu đến Kim Hoa, ở nhà của họ Trần trong ngõ phường rượu. Lang thang nhiều năm, quen thuộc với cảnh vật phong tục Giang Nam, tại đây, nàng không hề có cảm giác xa lạ.

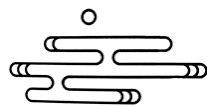
Ngọn lửa chiến tranh cách xa ở bên ngoài, nàng cũng không kinh sợ, cuộc sống vẫn như xưa. Gian nhà nhỏ nhỏ cũng có sân trước sân sau, nhà cũ ngõ sâu cũng yên tĩnh sáng sủa. Máy quyển thi thư, một ấm trà trong, nàng có muôn vàn dáng vẻ, đầy thú tao nhã.

Thú thanh nhàn của nàng bắt đầu giống như lá rụng cuối thu, không ai quản lý. Nhân thế lạnh lùng bạc bẽo, vốn không nên để mình sống quá nặng nề, quá ảm ức. Huống chi nàng tài hoa tuyệt thế, phong thái duyên dáng, không phụ người khác, không thẹn với lòng, hà tất phải âm thầm chịu đựng, có gì đáng sợ đâu?

Người đời đều cho rằng Dị An cư sĩ cuối đời bơ vơ thê lương, mà không biết rằng cuộc sống của nàng rất thú vị. Thời trẻ, nàng không những si mê thơ từ kim thạch mà còn uống rượu đánh bạc. Nếu không phải lưu lạc tránh loạn nhiều năm, hẳn nàng vẫn là cao thủ cờ bạc phóng khoáng thoải mái ở thành Biện Kinh.

Nữ nhi nếu có lòng thì còn hào phóng khoáng đạt hơn nam nhi. Nếu nói nàng từng thua trước cuộc sống thì ở sông bạc, nàng lại hầu như chưa từng thua. Mặc cho công danh lợi lộc qua đi, thứ nàng muốn chỉ là tự do phóng túng, lãng quên cõi đời.

Rồi có một ngày, phiền não đều tiêu tan, buồn vui chẳng kinh sợ.



Sân sâu trắng rọi, lầu gác đèn sáng, cỏ cây đọng sương, vạn vật im ắng. Một mình ngồi bên song nhỏ, tâm tư quanh quẩn theo bóng nắng, không phiền lòng việc vật, cũng chẳng lo lắng chuyện đời. Chỉ cảm thấy cuộc đời bình đạm không tranh giành, lúc vắng vẻ không buồn rầu, lúc vui mừng vẫn tĩnh lặng.

"Đêm dài đèn sáng, buổi tối tốt đẹp thế này biết làm gì? Thế là đánh bạc." Lý Thanh Chiếu an cư ở Kim Hoa, bao nhiêu tình ý theo thời gian qua nhanh, mọi thứ hiện tại chẳng có gì không tốt cả. Có điều đêm trường chong đèn, buổi tối tốt đẹp như vậy nên trải qua thế nào? Nàng nhớ đến cờ bạc.

Khi rảnh rỗi, ngoài đọc sách điền từ, thời gian còn lại Lý Thanh Chiếu đều dùng để uống rượu đánh bạc. Thời trẻ, nàng si mê cờ bạc, thậm chí quên ăn quên ngủ. Vì nàng tư chất thông minh, sức hiểu biết cao và chịu khó nghiên cứu nên hễ đánh bạc thì đa phần đều thắng.

Sau khi xuôi Nam, của nả thất lạc hết, ngay cả dụng cụ đánh bạc cũng mất trên đường lánh nạn. Đồ đánh bạc của thế tục quá đổi thô sơ, nên thứ duy nhất giúp nàng vui đùa chỉ có cưỡi ngựa.

Nàng không đến sòng bạc, chỉ tụ tập chơi nhỏ với láng giềng trong ngõ, để tránh đêm dài lạnh lẽo, giết thời gian nhàn tản. Thắng được ít bạc vụn, mọi người ra phố mua rượu và thức nhắm, bày tiệc nói cười, cũng vui vẻ thỏa thích.

Nàng thích đánh bạc và có nghiên cứu khá sâu, từng viết *Đả mã phú*. Mượn chuyện cưỡi ngựa để gửi gắm ý chí tính tình, lấy ván cờ để ví von cục diện chính trị, hành văn tuyệt diệu, dụng tâm sâu xa.

"Tôi bản tính thích đánh bạc, hễ đánh bạc là tôi sẽ say mê, mỗi lần đều quên ăn quên ngủ. Hơn nữa tôi đánh bạc cả đời, bất kể nhiều ít, hễ đánh ắt thắng. Chẳng qua là vì tôi biết cách chơi tinh khôn thôi. Từ khi xuôi Nam đến nay, rày đây mai đó, đồ đánh bạc bị mất hết nên ít chơi, nhưng trong lòng tôi thực vẫn ngứa ngáy khó quên."

Rõ ràng nữ tử nhân chưa hẳn đều là khách thê lương, suốt ngày ngâm vịnh những câu buồn thảm. Ở nhân gian bình đạm này, sự thông tuệ của nàng có thể nói là ứng

phó thoải mái. Có điều nàng tinh thông nhiều cách đánh bạc như thế, khó gặp đối thủ, cũng là cao siêu quá ít người hiểu.

Đả mã phú có câu: "Trò cưỡi ngựa bắt đầu thịnh hành, dần dần thay thế trò gieo xúc xắc. Thực là bậc cao trong số tài vật, là trò chơi tao nhã giữa phụ nữ với nhau." Đây là một bài văn biên ngẫu đặc sắc, trong lịch sử hiếm gặp những tác phẩm liên quan đến trò chơi đánh bạc như thế.

Dị An cư sĩ yêu thích và say mê trò chơi cưỡi ngựa. Thời khuê nữ, nàng đã có nghiên cứu về đánh bạc, sau lấy Triệu Minh Thành, nhân lúc tìm kiếm tranh chữ, vui chơi với nữ quyến hàng xóm, thắng được ít bạc thì uống rượu dạo chơi, rất đổi sáng khoái.

Nàng vô cùng ngưỡng mộ những người và chuyện đánh bạc lớn trong lịch sử, hiềm nỗi không có duyên tranh cao thấp. Nàng cũng tài hoa độ lượng, mong làm một người khoáng đạt trong sáng, bình tĩnh hòa nhã, ung dung điềm đạm như cổ nhân. Nàng tuy là phận nữ lưu, điền những bài từ uyển ước, song đọc nhiều sách vở, văn chương tuyệt diệu.

Phụ nữ chốn khuê phòng thời xưa ngoài đánh đu thì thêm thua dưới bóng hoa. Người đa tài thì tinh thông âm luật, thơ hay vẽ đẹp, lúc rỗi rãi cũng lấy việc cưỡi ngựa làm vui. Cuộc đời của họ giản dị mộc mạc, không gợn sóng gió.

Tôi nhớ hồi nhỏ ăn Tết, trong làng từ cổng tre ngô sâu đến cỏ cây đá xanh đều tràn đầy không khí mừng vui. Dừng cơm tối xong, nam nữ tụ tập đầy nhà, không nói được mất trong năm, cũng không kể buồn vui tan hợp. Họ lấy tiền trong túi, gieo xúc xắc, đánh bài cửu. Bài cửu là một trò chơi bài xương cổ xưa của Trung Quốc, nghe nói bắt nguồn từ thời Tống, đến nay dân gian vẫn thịnh hành.

Tuy là chơi nhỏ thôi nhưng mọi người hết sức để tâm, thận trọng đi từng bước một, đến đêm khuya mới tan cuộc, dầm sương về nhà. Thắng đương nhiên là vui vẻ, thua cũng không tức giận. Thời gian một năm như một canh bạc, chẳng mấy chốc đã trôi qua.

Ban đêm đánh bạc tiêu khiển, ban ngày leo lên cao hoài cổ, người phụ nữ này cho dù ở trong khói lửa cũng vẫn giữ được một phần ý thơ. Nàng luôn nặng trĩu tâm sự, lại rõ ràng không chịu buồn xuân thương thu, ngày tháng tẻ nhạt cũng sống sao cho thú vị.

Mùa xuân năm Thiệu Hưng thứ năm, nàng đến lầu Bát Vịnh, nhìn ra xa ngắm thắng cảnh non nước Nam triều, trong lòng bùi ngùi, bèn làm bài thơ *Đề Bát Vịnh* lâu:

*Phong lưu thiên cổ Bát Vịnh lâu,
Giang sơn để lại hậu nhân sầu.
Nước thông Nam quốc ba ngàn dặm,
Khi ép Giang thành mười bốn châu.*

Đau buồn vì nhà Tống không thịnh vượng, cảm khái bởi giang sơn khó giữ. Lúc này nàng đã không còn vẻ phong nhã, sống như cỏ khô dương úa, tuy lo nghĩ cho cố quốc nhưng không thể níu giữ điều gì. Nàng nói, giang sơn để lại hậu nhân sầu, mang một sự phóng khoáng buông bỏ.

Lầu gác cao vút, cách mây rất gần mà cách trời lại rất xa. Nàng xiêm áo trắng tinh, búi kiểu tóc đơn giản, cầm nghiêng thoa gỗ, không đeo châu ngọc, vẫn có một vẻ phong lưu. Gió nơi góc hiên từ thời Đường thổi tới, giang sơn nhà Tống cũng chẳng có khác biệt, nhà ngư tiêu và đường ngõ bờ ruộng vẫn thế.

Đỗ Mục thời Đường có thơ rằng: "*Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc, mưa khói che lầu biết mấy không?*"¹ Ngần ấy lầu gác trong mưa khói đều đã trở thành di tích lịch sử, có đi có ở, có thành có hủy. Phóng mắt nhìn ra xa, trời đất bao la, gió mây mù mịt, những thứ quá chân thực trên thế gian ngược lại khiến người ta sợ mất đi.

Giang sơn là một ván cờ hoặc hợp hoặc tan, đã là quân cờ, đi nước nào cũng không thay đổi được tàn cuộc. Đã không thay đổi được số mệnh thì hãy mặc nó vậy.

Nàng muốn quý trọng cuộc sống hiện tại, giao hảo với người, vui vầy với gió. Nhưng rốt cuộc đã trải qua quá nhiều chuyện, cuộc đời như vở kịch, hết thấy ôn hòa yên tĩnh đều bị bi thương thay thế. Một mình ngắm hoa nở, hoặc uống rượu nhạt, hoặc hóng gió chiều, hay đêm vắng cắt bắc đèn đều không tránh khỏi buồn bã.

Lại một thời gian trôi qua, mưa gió ập đến, hoa rơi phủ lối đi. Những cánh hoa rải khắp mặt đất ấy giống như tuổi xuân đã mất, lại giống như tình ý đầm thắm khi xưa, sao lại bị thời gian dập vùi đến nỗi này.

Vũ Lãng xuân

Gió lắng hương trần hoa đã hết, dậy muện chải đầu lười. Vật đổi sao dời mọi việc thôi, chưa nói lệ tuôn rơi.

¹ Trích bài *Giang Nam xuân*, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

Nghe nói Song Khê xuân vẫn đẹp, cũng định thả thuyền chơi. Chỉ sợ Song Khê thuyền nhỏ nhoi, sâu nhiều thuyền chở không trôi.²

Hoa rơi rụng hóa thành bùn đất, nàng mỗi một nên lười chải đầu trang điểm. Cảnh xuân tàn chẳng khác gì với trước kia, chỉ là cảnh còn người mất. Mọi việc trong đời đều thôi, dòng sông nội tâm mà nàng cố gắng củng cố một lần nữa vỡ đê, cuối cùng lệ tuôn không ngừng.

Người ta đều nói Song Khê cảnh xuân tươi đẹp, du khách nườm nượp, nàng tuy về già xuống sắc nhưng cũng muốn chèo thuyền ngắm non nước. Khói thừa mấy lần, chuyện xưa quanh quẩn, sợ con thuyền nhỏ này không chở nổi, trong lòng nàng lo buồn khôn xiết.

Còn nhớ Lý Thanh Chiếu năm xưa là thiếu nữ thướt tha, tay cầm hoa sen, chỉ thoa chút phấn cũng đẹp nghiêng thành. Trong *Kinh Thi* có câu: "*Người mà đang nói hiện thời, ở vùng nước biếc cách với một phương.*"³ Trong *Lạc Thần phú* có câu: "*Nhẹ như chim hồng bay, uyển chuyển tựa rồng lượn.*" Trong *Lý Diên Niên ca* có câu: "*Phương Bắc có giai nhân, đẹp không ai sánh được. Liếc nhìn đã nghiêng thành, nhìn lần nữa nghiêng nước.*"

Lý Thanh Chiếu chính là người con gái như vậy, dù không phải, trong mắt Triệu Minh Thành, nàng cũng là giai nhân tuyệt thế có một không hai. Nàng đoan trang thùy mị, ngồi thuyền lan, dưới bóng hoa lốm đốm, yêu kiều vô cùng.

Bao nhiêu điều tốt đẹp rung động lòng người đều bị thời gian vứt bỏ, chẳng còn bóng dáng. Nàng đã là phong cảnh chiều hôm, dù có một ngày thu phục giang sơn, trở về cố hương cũng chỉ có thể ngóng nhìn từ xa, không thể gần gũi nữa.

Thân hoa sen ngàn vạn năm mới tu được này, mất đi thoa châu đỏ, váy lụa xanh, thì còn sót lại gì? Giữa hồng trần loạn thế, nét trong sáng tươi mát, lãng mạn đa dạng của nàng trả hết cho năm tháng.

Tôi tưởng nàng sẽ luôn rầu rĩ hờn tủi, nhưng nàng không có; tôi ngỡ nàng sẽ lánh xa thế tục, song nàng cũng không có. Nàng theo con sóng của thời đại, đi đến đâu, dừng ở đấy. Những năm qua, nàng luôn lưu vong tránh loạn, không ẩn cư nơi rừng núi, mà theo triều đình chạy ngược chạy xuôi.

² Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

³ Trích bài *Kiểm gia 1*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

Không phải không biết mệt mỏi, trong lòng nàng trước sau mong đợi có một ngày cùng vua tôi Nam Tống về đến Biện Kinh trong mộng. Nàng là tài nữ của nhà Tống, sao có thể dễ dàng chịu thua hồng trần? Mỗi ngày còn sống, nàng đều biết co biết duỗi.

Ở Kim Hoa, niềm vui nhiều hơn nỗi buồn, thanh tĩnh gột rửa nóng vội. Khi ngọn lửa chiến tranh rời xa thành Lâm An cũng là ngày Lý Thanh Chiếu từ biệt Kim Hoa. Đeo tay nải, lên thuyền nhỏ, nàng bịn rịn không rời.

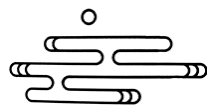
Tiền nhau ở trường đình, rồi cũng có lúc từ biệt. Tòa thành nhỏ này có nhà họ Trần đã thu nhận nàng, xem nàng là người thân, có chị em lối xóm sớm chiều bầu bạn với nàng. Ở cõi trần trong thời loạn, sự chăm sóc thật lòng thật dạ là ân sủng đối với nàng. Cuộc đời ba chìm bảy nổi này vẫn để lại nhiều tình ý đáng quý khiến người ta khó quên.

Lại là cuối thu, cảnh sắc điêu hiu, Lý Thanh Chiếu ngồi thuyền xuôi dòng Phú Xuân, tâm trạng còn bình thản hơn lúc đến. Dòng sông mênh mang, hơi nước mịt mờ, thế núi trong thiên hạ đều là cảnh lạ, hình thái khác nhau, song đều mang đến cho con người sự rung động và thán phục.

Chẳng mấy ngày, Lý Thanh Chiếu về đến Lâm An, chọn một nơi ở thanh vắng bên Tây Hồ. Tòa thành này có một kiểu Phật tính khiến người ta xiêu lòng, sẵn sàng làm mọi thứ vì nó, thậm chí có thể khiến nàng lãng quên cảnh Biện Kinh năm xưa. Nhưng nàng lại sợ trong đời mình có sự phản bội như thế.

Từ đó, nàng không rời khỏi tòa thành này, không bước ra khỏi Tây Hồ nữa. Năm xưa, Tô Tiểu Tiểu nói: "Sống ở Tây Linh, chết ở Tây Linh, vùi xương ở Tây Linh, ngô hầu không phụ niềm đam mê non nước của Tô Tiểu Tiểu ta." Nhưng nàng rốt cuộc không phải là con gái Giang Nam, cảnh sắc non nước nơi này sẽ có tình cảm sâu đậm với nàng, che chở nàng mãi mãi sao?

Núi sông có nghĩa, nhân gian đa tình, có lẽ khăng khăng giữ lấy tòa thành này, sơn hà Đại Tống sẽ thu phục từng chút một. Nàng chỉ là cánh én di cư đến đây, mong có cành cây để nương tựa.



Tựa vào lầu gác, ngắm lá rụng lả tả, sân trống rỗng thưa, chỉ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp để đáng quý. Lá vàng rực rỡ treo trước cửa sổ, nghiêng qua mái cong, có một sự trang nghiêm của thể ước, khiến người ta nhớ đến cuộc hẹn đẹp đã bỏ lỡ thời tuổi trẻ.

Một mình trải qua quá nhiều gió mưa, cõi lòng rộng mở giản dị, không dễ dàng kinh động vì nhân thế nữa. Thời gian còn lại là sen tàn đầy ao, giữ lại để đêm vắng nghe mưa, đơn giản thẳng thắn, không cần quanh co.

Nàng cư ngụ bên Tây Hồ, mong rằng vùng hồ núi yên tĩnh này giúp nàng từ từ mà tao nhã già đi. Phàm là nơi có non nước đều ngọt ngào êm dịu, ngay cả bể dâu cũng bớt đi phần nào ai oán. Có điều trong lòng thần dân của vương triều Nam Tống luôn có nỗi buồn, dầu tu hành thế nào cũng không thể nguôi ngoai.

Hai mươi năm về sau của Dị An cư sĩ trải qua ra sao, trở về lúc nào, đã không còn quan trọng. Điều quan trọng là cuộc đời nàng có lúc đặc ý, giống như bóng chim hồng, phóng khoáng tùy hứng đi qua trong thời Tống.

Giữa trời trăng núi sông, nàng bí ẩn mà dịu dàng. Từ của nàng như hoa sen mọc lên từ nước trong, lại thấu hiểu nhân tình thế thái. Gia đình trong thời loạn thường tan tác, những vật sưu tầm quý giá của nàng cũng rơi rụng. Nhưng hết thấy quá khứ của nàng đều đứng vững trước sự dò hỏi và cân nhắc, không cho phép nghi ngờ.

Thật ra, nhiều người xưa cũng chỉ tồn tại trong lịch sử. Chúng ta chẳng biết gì về câu chuyện từng xảy ra, tình cảm từng có, và vô số chi tiết nhỏ trong cuộc sống của họ. Ai nhớ được bên tóc mai nàng mọc sợi bạc tự bao giờ, biết được trong thư phòng của nàng trồng loại cây nào? Ai nhớ được trong lòng nàng từng có sầu oán ra sao, bên gối từng chảy bao nhiêu nước mắt?

Mọi thứ trước kia đều gọi là chuyện xưa. Người phụ nữ tài hoa tuyệt vời như nàng đương nhiên không cần bất cứ ai để lại dấu vết thừa thãi trong câu chuyện của mình. Nàng mong giống như một cơn tuyết dưới thành trì nhà Tống, ánh nắng soi rọi, mọi vẻ đẹp đều tan biến.

Lại thấy hoa mai in trên cửa sổ, cuộc đời giống như hoa mai ấy, kiêu hãnh xuất hiện rồi lặng lẽ ra đi. Nàng đã vịnh mai cả đời, một lần nữa gặp nhau, lại nhớ đến tình

xưa. Sau khi tuyết đầu mùa ngừng rơi, trời đất lạnh lạnh, nàng cầm cây bút gác lại đã lâu, viết bài *Thanh bình nhạc*:

Năm năm đạp tuyết, giắt mai say túy lúy. Vô hết mai không mãn ý, thêm đắm áo đầy thanh lệ.

Năm nay góc biển ven trời, phơ phơ tóc điểm sương rồi. Xem thấy chiều về gió lộng, h lẫn chừng khó thấy hoa mai.¹

Nàng rướn người bẻ mai, cầm nghiêng lên búi tóc điểm sương, đây là tình ý giữa nàng với hoa mai. Vật đổi sao dời, tan kịch, chỉ có ánh nắng chiếu lên ngói úp vẫn còn, cảnh mai nơi sâu vẫn còn. Về già Lý Thanh Chiêu tuy thảnh thỏa đi từ nhưng đã không còn câu chuyện, thanh tĩnh đến nỗi hiếm khi nằm mộng.

Bên Tây Hồ non xanh nước biếc, nhà tranh ở Tây Linh có mấy cành hoa mai. Về đẹp của Tây Hồ đâu chỉ là hoa thơm cỏ lạ rực rỡ, hơi nước mịt mù, mà phần nhiều là văn nhân mặc khách, phong lưu tuấn kiệt. Sự hào phóng của Tô Thức, sự uyển ước của Dị An, rơi vào giữa mây nước, liền có ý nghĩa vô cùng kỳ diệu. Đúng là nhật phần nồng son thấy tuyết với.

Mạnh Tử nói: *"Lúc đó khác, lúc này khác. Năm trăm năm ắt có bậc vương giả dấy lên, trong thời gian ấy ắt có hiền thần phò tá."* Đó không phải dự đoán, mà là lẽ thường ở đời. Mỗi khi thiên hạ đại loạn ắt có bậc chân chúa cứu thế. Vượt qua núi đường quanh co, thế là đã có thái bình.

Thời kỳ này, cuộc chiến tranh Tống - Kim vẫn chưa ngừng, nhưng tình thế gay go trước đó đã có chuyển biến. Sau nhiều lần thảm bại, quân Tống chinh đồn lại, càng đánh càng dừng mãi. Lại vì có những anh hùng như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung nên đã tăng thêm khí thế thu phục sơn hà.

Nhạc Phi có một bài từ *Mãn giang hồng* mà nhà nhà đều biết, khí thế mạnh mẽ, làm rung chuyển đất trời. *"Tóc dựng mái đầu, lan can đứng tựa, trận mưa vừa dứt. Ngóng trời xa, uất hận kêu dài, hùng tâm khích liệt. Ba mươi tuổi cát bụi công danh, tám ngàn dặm dầm sương dãi nguyệt. Chớ lỏng lơ nửa kéo bạc đầu, ích gì rên xiết. Mối nhục Tĩnh Khang, chưa gọi hết. Hận thù này, bao giờ mới diệt. Cười cổ binh xa, giẫm Hạ Lan nát bét. Đói, vùng lên ăn thịt giặc Hồ, khát, cười chém Hung Nô uống huyết. Rồi đây giành lại cả giang san, về châu cửa khuyết."²*

¹ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

² Bản dịch của Nam Trân.

Ba mươi tuổi cát bụi công danh, tám ngàn dặm dầm sương dãi nguyệt. Ông mang lý tưởng hào hùng, mong thu phục sơn hà, đón hai vua trở về. Khổ nỗi vua tôi Nam Tống hèn yếu kia từ lâu đã bị mây nước Giang Nam tiếm nhiệm, khư khư giữ lấy trăng gió dịu dàng, không chịu dời bước.

Quán Sở lầu Tần, trái ôm phải ấp, họ chỉ muốn nâng chén rượu thơm nồng, thề thốt khúm núm cầu hòa. Tống Cao Tông ngu muội bất chấp trên dưới triều đình phản đối, bổ nhiệm kẻ tiểu nhân phụ họa hòa theo như Tần Cối làm Tể tướng.

Tần Cối là Tiến sĩ cập đệ vào năm Chính Hòa thứ năm (1115). Có lẽ vì hần khéo nịnh nọt bộ đỡ nên con đường làm quan thuận buồm xuôi gió. Hần không hề có lòng tể thế, mà chỉ là một tên gian thần bán nước cầu vinh.

Trong triều đình Nam Tống, Tần Cối là phe chủ hòa, thi hành chính sách nghị hòa cắt đất, xưng thần, cống nạp. Lúc làm Tể tướng, hần ra sức bài xích các tướng sĩ chống Kim, đồng thời kết bè kết đảng, tấn công những người đối lập và tống vào lao ngục. Phưởng tiểu nhân gió chiều nào theo chiều nấy này khiến sơn hà Đại Tống vốn đã yếu ớt một lần nữa lung lay chực đổ.

Năm Thiệu Hưng thứ tám (1138), Tống Cao Tông hạ chiếu đóng đô ở Lâm An. Xem ra vùng non nước dịu dàng này của Giang Nam còn khiến quân vương mất hồn hơn cả mỹ nhân. Năm xưa Tùy Dạng đế xây Vận Hà ngàn dặm chỉ để ngắm hoa quỳnh, về sau mộng đứt ở Giang Nam cũng không hối tiếc.

"Ta mơ Giang Nam tốt, chinh Liêu cũng ngẫu nhiên. Chỉ cần còn cảnh đẹp, ta trở lại thường niên." Ông chết ở Giang Nam, để lại dòng Vận Hà chảy mãi ngàn năm. Người đời sau xuôi ngược trên Vận Hà vẫn nghe kể câu chuyện của ông.

Khi Nhạc Phi tắm máu sa trường, thề chết chống Kim, Tống Cao Tông chủ trương cầu hòa lại liên tục ra lệnh cho ông thu quân về triều. Nhạc Phi hiểu rõ, vị quân vương mà mình xả thân đi theo từ lâu đã không có lòng giành lại Trung Nguyên. Dù ông cố gắng xoay chuyển tình thế cũng chẳng có đất dụng võ. Nhạc Phi nản chí ngã lòng, muốn cởi giáp về quê, rời xa triều chính.

Năm Thiệu Hưng thứ mười một (1141), Tần Cối vu cáo Nhạc Phi nuôi ý đồ mưu phản, khiến ông chịu oan vào tù. Sau đó, Nhạc Phi chết trong ngục. Từ đó, trên đình Phong Ba có thêm một oan hồn. Vị danh tướng một thời cũng không thoát khỏi sự an bài của số mệnh.

Tạm ở lại vùng đất hoa rơi như mưa phương Nam này, để khói lửa mịt mù nhiều năm dần dần tiêu tan. Cũng chẳng cần khí thế vương giả, không bàn nỗi hận anh hùng, giữ lấy tòa thành trời trong nắng ấm này, mong được may mắn ổn thỏa.

Lý Thanh Chiếu biết mình không trở về được nữa. Nơi đây chính là sơn hà của nàng, có thể ngâm gió ngời trăng, làm thơ viết từ. Cho dù nhiều người không hề biết đến sự tồn tại của nàng, nàng cũng dần quen đóng cửa lánh đời, lấy thi thư làm niềm vui.

Hôm đó, nàng viết một bài thơ *Ngẫu thành*: "*Mười lăm năm trước dưới hoa trắng, cùng vịnh thơ hoa thiếp với chàng. Nay vẫn hoa trắng xem chẳng khác, tâm tình sao khỏi nỗi băng khuâng?*"³ Hoa trắng xưa nay không thay đổi, chỉ có tình cảm tính cách của con người lặng lẽ đổi thay.

Năm Thiệu Hưng thứ mười ba (1143), Lý Thanh Chiếu dâng *Kim thạch lục* cho triều đình. Như thế, áng văn mà Triệu Minh Thành dốc tâm huyết cả đời viết ra mới có thể lưu truyền đến đời sau.

Bà đã già, già đến nỗi thậm chí quên mất tuổi tác của mình. Trong sân hoa nở hoa rụng, năm tháng ấm lạnh luân phiên. Cũng chẳng rõ bao nhiêu người nhẹ nhàng ra đi, lại có bao nhiêu người thông thả mà đến.

Chốn sâu thẳm hồng trần có một sự hồ đồ, không xem là vừa lòng nhưng cũng yên ổn. Thi thoảng đọc sách điển từ, chăm sóc hoa cỏ, nghiên cứu học tập trà đạo, tự ủ rượu hoa, năm tháng thanh đạm vui vẻ. Những năm qua, bà đã quên nhiều chuyện, nhưng chưa từng buông bỏ niềm yêu thích và sự nghiên cứu dành cho văn vật.

Năm Thiệu Hưng thứ hai mươi (1150), Lý Thanh Chiếu đã sáu mươi bảy tuổi, tóc trắng như tuyết, tựa ngọn đèn trước gió. Hôm đó, khi lục xem những tranh chữ còn sót lại không nhiều, bà nhìn thấy bức *Linh Phong hành ký thiếp* mà Mễ Phát viết, vô cùng vui mừng.

Bà biết rõ, năm xưa Triệu Đình Chi rất yêu thích thư pháp của Sái Tương và Mễ Phát, Triệu Minh Thành càng xem như báu vật. Nếu thiếp này được danh gia đề tựa thì đúng là châu liên bích hợp.

Thế là Lý Thanh Chiếu đến nhà viếng thăm Mễ Hữu Nhân. Nhiều năm trước, Lý Thanh Chiếu từng có duyên gặp Mễ Phát mấy lần ở Biện Kinh, được ông khen ngợi.

³ Bản dịch của Lê Xuân Khải.

Nay cố nhân quy tiên, chỉ để lại tranh chữ ở nhân gian, nhìn vật nhớ người, chợt thấy đau buồn.

Mễ Hữu Nhân, tên chữ Nguyên Huy, là con trưởng của Mễ Phát. Ông cũng là một nhà thư pháp, nhà hội họa có trình độ rất cao, kế thừa kỹ xảo và phương pháp vẽ tranh sơn thủy của cha, được gọi là "Tiểu Mễ".

Lúc này Mễ Hữu Nhân đã là một ông già hơn bảy mươi tuổi. Hôm nay may mắn gặp lại tài nữ lừng danh kinh sư năm xưa, đương nhiên là vừa kinh ngạc vừa vui mừng. Nhớ lại cảnh phồn thịnh của Biện Kinh thuở trước, biết bao văn nhân mặc khách tụ họp. Hoặc chuyên về thư pháp, hoặc giỏi về hội họa, hoặc thạo về thơ từ, có thể nói là muôn hình muôn vẻ, hoa thắm đầy cành.

Núi sông đổi chủ, muôn sao rơi rụng. Lúc này còn có thể gặp nhau giữa non nước là cơ duyên đẹp nhất trên đời. Ông vui vẻ đề tựa cho bức thiếp chữ mà tài nữ mang đến. Thiếp chữ của Mễ Phát vốn đã có giá trị liên thành, lại được Tiểu Mễ đề tựa, càng trở thành tác phẩm có một không hai.

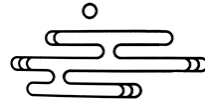
Một tờ thiếp chữ, một bức tranh, một bài từ, cả đến một miếng ngọc cũ, nếu gặp tri âm thì đáng giá vạn lượng vàng ròng; nếu gặp người không hiểu thì chỉ đổi lấy vài vò rượu ngon.

Thời gian ảo diệt vô tình, hương sách vẫn từ lại có lòng. Hôm đó, trong một ngôi nhà nhỏ ở thành Lâm An, hai vị văn nhân ngồi dưới song vắng, phẩm trà thưởng tranh. Họ nói về một số chuyện quá khứ đã xa, nói về nỗi bi ai của năm tháng, cũng nói về những điều tốt đẹp trên đời.

Có lẽ sau lần họp mặt này, họ chẳng còn cơ hội gặp lại. Cuộc đời họ đã là cảnh chiều chạng vạng, sắp đi đến tận cùng, núi không còn cao, sông không còn xa nữa.

Ba đào cuộn trào thuở nào giờ là một hồ nước lặng, không hề lăn tăn gợn sóng. Từ khách hùng hồn hát lời bi tráng năm xưa, được gió nhẹ mưa bụi Giang Nam tưới tắm, đã trở nên mềm mỏng yên tĩnh.

Giang sơn muôn dặm và thời thanh xuân mà bạn cho rằng đã đánh mất, thực ra chỉ đổi chủ mới. Không phải vờ hồ đồ, cũng không phải tâm ý chán nản, mọi hợp tan trên thế gian đều là duyên phận trùng hợp. Không có biệt ly, không quên nhau, câu chuyện của nàng như gió thổi hoa rơi, nước chảy bất tận.



Trong *Hồng lâu mộng* nói: "Trong cõi hồng trần đành rằng có nhiều thú vị, nhưng không phải là nơi nường nấu lâu dài. Huống chi 'Ngọc lành có vết, việc đời đa đoan', tám chữ này thường đi liền với nhau. Rồi trong chớp mắt, vui hết đến buồn, người thay cảnh đổi, rốt cuộc chỉ là giấc mộng, muôn cõi đều trở thành không..."¹

Nhưng hòn đá dưới đỉnh Thanh Ngạnh kia không nghe lời đạo nhân, đã động lòng phàm, nhất định phải đến chốn phú quý, cõi ấm êm ở hồng trần hưởng thụ mấy năm. Về sau, tuy hưởng hết vinh hoa phú quý nhân thế nhưng cũng trải qua trăm ngàn kiếp nạn mới lánh đời đi xa.

Chúng ta tuy không phải là hòn đá vô tài vá trời đó nhưng cũng trải qua tu luyện, biến hóa thành người. Một đời này, là an hưởng tôn vinh hay chịu đựng bần hàn đều nên ung dung đối đãi, phóng khoáng không hối hận.

Người con gái thời Tống ấy còn có trí tuệ hơn hòn đá, cuộc đời nàng trong sáng vô tư. Bất kể bao nhiêu ngày tháng quá khứ chân thực hay hư ảo, kiêu sa hay khiêm nhường, nàng vẫn là chính nàng.

Nàng cũng từng trở hết tài hoa, viết những bài từ tuyệt thế, sau này, một khi già yếu, cũng không cần câu từ đẹp để miêu tả tâm sự. Người quen lúc trước sớm thành người lạ, từ khách năm ấy bật vô âm tín. Nắng gió bình thường giống nhau, năm tháng sống khổ khác nhau đều trở thành quá khứ, như sương cũng như chớp.

Vương triều Nam Tống, trong thời gian không gian thuộc về nó, đã trình diễn thịnh suy vinh nhục của bản thân, chẳng liên quan đến con người. Cho dù vương triều này cuối cùng sẽ bị thay thế, trở thành lịch sử. Đúng là tịch dương dư một tắc, chịu nổi mấy tiêu hồn.

Không có mũi nhọn dồn ép, gió ngừng mưa tạnh cũng yên ả. Cảnh Tây Hồ tuy phong lưu dịu dàng, song nếu không ai bầu bạn cũng chẳng có hứng thú. Nàng ở nơi sâu sâu, lúc nhìn hoa cỏ nhân gian, lúc ngắm bông tuyết xuyên cảnh. Cuộc sống của

¹ Trích hồi 1 *Hồng lâu mộng*, bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

nàng nghèo khó, nhưng ngày hè có trà trong, đêm đông có bình rượu, cũng thấy thỏa mãn.

Chớp mắt, không biết là tết Nguyên tiêu năm Thiệu Hưng thứ bao nhiêu. Lý Thanh Chiêu tóc mai như tuyết, thân hình gầy yếu, tựa cửa nhìn khách qua đường tới lui như mắc cửi, bất giác cảm thán. Nhiều năm trước cũng có người nắm tay nàng ngắm cây hoa rục rở. Chàng đã cho nàng nửa đời gấm vóc, nàng vì chàng sống nửa đời lạnh lẽo.

Những năm qua, nàng đã rất ít mài mực điền từ, ngắm hết thói đời đậm nhạt, lòng nàng lạnh như băng sương. Khi cầm bút lần nữa, tài hoa như xưa, trắng sao như xưa, chỉ là tóc bụi gió sương, càng đi càng xa với hồng trần này.

Vĩnh ngộ lạc - Nguyên tiêu

Trời lặn vàng nung, mây chiều ngọc ghép, nơi đâu người ở? Liễu nhuộm khói nồng, mai hờn sáo thổi, ý xuân chừng bao nả? Tiết đẹp Nguyên tiêu, khí trời trong mát, đã chắc gì không mưa gió. Khách đến mời, xe hương ngựa quý, bạn rượu thơ xin từ tạ.

Kinh đô thời thịnh, buồn the nhàn rồi, đêm này biết bao ghi nhớ. Mũ ngọc lung linh, quần vàng càn liễu, đầy đầu trâm lược đỡ. Giờ đây tiểu tụy, tóc bụi gió sương, đêm dạo ra chơi e sợ. Chi bằng quần nấp dưới rèm thưa, mặc ai vui thú.²

Tết Nguyên tiêu lúc này đã khác với tết Nguyên tiêu ở thành Biện Kinh dưới ngòi bút Âu Dương Tu khi xưa. Sự mỹ lệ phồn hoa của Biện Kinh năm ấy đã lặn lẽ hạ màn. Thay vào đó là cảnh yên phận của nhà Nam Tống đã lãng quên kiếp trước đời này.

Năm tháng vô tình, làm giai nhân phơi pha, làm từ khách mệt mỏi. Nàng một mình ngồi dưới rèm, uống một chén rượu nhạt, nghe người ta cười nói. Nhân gian nếu yên ổn thì có thể không cần tri âm, không cần tiên Phật phù hộ, chỉ từ từ già đi như thế.

Mấy chục năm sau, một vị từ nhân khác là Tân Khí Tật đã viết một bài *Thanh ngọc án - Nguyên tịch*. Ông miêu tả cảnh cây hoa như mưa trong đêm Nguyên tiêu ở thành Lâm An với tâm trạng bi phẫn:

Đêm xuân gió thổi ngàn hoa nở, rụng như mưa, sao rục rở. Ngựa quý, hương đưa, xe chạm trở, phụng tiêu uyển chuyển, ánh trăng lay động, suốt đêm rỗng cá rợn.

² Bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

*Ngài tầm, liễu tuyết, tơ vàng rủ, phảng phất hương bay, cười nói rộ. Giữa đám tìm người trăm ngàn độ, bỗng quay đầu lại, người ngay trước mắt, dưới lửa tàn đứng đó.*³

"Bỗng quay đầu lại, người ngay trước mắt, dưới lửa tàn đứng đó." Ngàn năm dài dang dặc, cảnh vật như xưa, dáng vẻ tươi cười của nàng đâu rồi? Ở giữa mây trắng sơn khê, dưới cành hoa ngọn trúc, hoặc trong chiều tà bóng xế.

Thời gian rất dễ trôi qua như cơn mưa rào. Nhà trong ngõ vẫn nghe chim én đến xây tổ, cũng có tin tức buồn vui tan hợp. Muôn vàn phong cảnh trên thế gian đều là tình người, đều có câu chuyện. Nhưng tất cả những điều ấy đều không liên quan đến nàng.

Lúc bảy mươi hai tuổi, Dị An cư sĩ muốn truyền tài học của mình cho Tôn thị. Tôn thị là con gái hàng xóm, mới mười mấy tuổi, dáng vẻ thanh tú linh động, tư chất thông minh. Nhưng cô gái ấy lại từ chối với lý do "tài văn chương không phải việc của nữ nhi".

Sau Lục Du viết *Mộ chí của phu nhân Tôn thị*: "Phu nhân thuở nhỏ có tư chất tốt đẹp, nên Lý thị vợ của Triệu Kiến Khang, vốn là bậc thầy về văn chương, muốn truyền sở học của mình cho phu nhân. Bấy giờ phu nhân mới mười mấy tuổi, đã cảm ơn và từ chối, nói tài văn chương không phải việc của nữ nhi."

Lý Thanh Chiêu nhớ lại cả đời mình đã chịu quá nhiều rày đây mai đó, khổ sở cô đơn. Nếu muốn năm tháng yên ổn thì làm một người con gái bình thường, lấy một người đàn ông hòa nhã, sống cuộc đời bình đạm. Không có thơ từ thêm hương, cũng chẳng có nhiều chấp niệm vô căn cứ.

Tựa lan can không vì nghĩ ngợi xa xôi, bẻ cành mai không cần thương cảm ly biệt. Một người thanh đạm, áo vải thoa gai, cơm canh đạm bạc cũng chẳng có gì không tốt. Tài nữ từ khách đâu có liên quan gì? Giang sơn hưng vong đâu có liên quan gì?

Thăng trầm lịch sử cũng đâu có liên quan gì? Nhưng trong lòng người đời, Dị An cư sĩ chưa từng già nua, vẫn tuổi xuân phơi phới như ban đầu. Nàng vẫn là giai nhân thanh lệ đó, đứng trước ngôi đình bên suối, mãi ngắm hoa sen, cầm chén rượu nhắm nháp. Nàng vẫn là từ khách phong lưu, mang theo ánh trăng đầy tay áo, một mình lên lầu tây, nhớ nhung người mãi không quay về nơi phương xa.

Dị An đi rồi, rời khỏi nhân thế ồn ào náo động, muôn hình vạn trạng này. Không biết là vào mùa nào, vào giờ nào, cũng không rõ là ngày nắng hay ngày mưa. Càng

³ Bản dịch của Diệp Luyến Hoa.

chẳng hay bên cạnh còn có ai, có hoa mai mà nàng yêu quý cả đời chẳng? Hay chỉ là một quyển từ? Một chén trà uống dở chưa từng nguội lạnh?

Sau khi Dị An đi, các nhà bàn luận, không thiếu những lời lẽ hoài nghi, bôi nhọ, chế nhạo. Nhưng cả đời mưa khói qua, phải trái mặc người nói. Những năm tháng trôi đi trong thơ từ, tiêu tan trong kim thạch ấy, những tuổi hoa ở lại giữa chén rượu chung trà ấy khiến nàng kiếp này không hối hận.

Thiếu Khê ngư ẩn từng thoai nói: "Dị An bình luận ca từ các nhà, đều chỉ trích thiếu sót của họ, không ai thoát khỏi. Bình luận này chưa công bằng, tôi không dựa vào đó. Thoái Chi⁴ có thơ rằng: 'Bọn trẻ dốt không biết, phỉ báng được gì nào. Kiến đòi rung cây lớn, nực cười quá tự cao.'⁵ Chính là nói về loại người này."

Bình Châu khả đàm của Chu Úc nói nàng: "Nhưng không trọn khí tiết tuổi già, lưu lạc đến chết. Có tài hoa trời ban mà cảnh ngộ éo le, tiếc thay." *Quận trai độc thư chí* của Triều Công Vũ cũng chép: "Song không có tiết tháo, cuối đời phiêu bạt giang hồ đến lúc mất." *Bích Khê mạn chí* nói: "Triệu chết, tái giá, rồi kiện tụng mà ly hôn. Tuổi già trôi dạt không có chốn về."

Từng cười, từng khóc; từng yêu, từng oán; từng đắc chí, từng thất vọng, như thế mới là cuộc đời mưa gió, đáng để nghiền ngẫm. Những kẻ kể lể câu chuyện của người khác, bàn luận đúng sai của người khác, rồi năm nào đó cũng chỉ là hoa rụng đầy ao, tuyết đọng đầy đất, để lại được thứ gì?

Cuộc đời ngỡ rằng dài đằng đẵng chẳng có tận cùng, nói kết thúc liền kết thúc. Lịch sử là gió, thổi hay ngừng đều tự nhiên, nó đi qua thế giới Hán Đường, Tái Bắc Giang Nam, từng động binh đao, mà nay cũng yên tĩnh thanh bình.

Người ta đều nói nàng tâm sự uyển chuyển, sâu oán man mác, nửa đời dịu dàng thăm thiết, nửa đời thê lương bơ vơ. Nhưng họ không biết rằng thế giới của nàng muôn hình muôn vẻ, vô cùng tráng lệ, như hoa nở mùa xuân, mẫu đơn sau mưa, phô bày rất rõ.

Nàng hẳn là cố chấp, biết bao rối loạn lưu lạc đều chẳng để tâm, một mình đi qua muôn nước ngàn non.

Nàng hẳn là kiên cường, không thỏa hiệp với nhân thế, không thuận theo số phận, để mình sống đến tóc bạc da mồi.

⁴ Túc Hàn Dũ.

⁵ Trích bài *Điều Trương Tịch*.

Nàng hẳn là trầm tĩnh, một mình lẻ loi đi qua những năm cuối đời như tuyết.

Nội tâm nàng như đầm lạnh cuối thu, từ lâu đã không gợn sóng. Câu chuyện của nàng như trúc bên song trắng trong sân, chúng sinh đều biết nhưng không hiểu.

Những vật những việc liên quan đến nàng đều có từ vận, nhuộm đậm tình tứ. Khi nhớ đến nàng, bạn cảm thấy thời gian tĩnh lặng đẹp đẽ, rất mực dịu dàng. Nàng làm sao biết được bạn và nàng cùng có núi sông nắng gió, chỉ xa cách ngàn năm.

Nên là lúc từ biệt rồi, chỉ nói đời người như vở kịch, mà không biết văn chương cũng như vở kịch. Mộng đẹp ngàn xưa như thật như ảo, khói mây mà thôi, chớp mắt đã tan.

Nàng tay cầm quyền thanh từ, rời xa phú quý danh lợi, không cần muôn hồng ngàn tía mà vẫn mày mắt đẹp đẽ.

Nàng tay nâng chén rượu nhạt, giữ gìn tranh chữ và thành trì của mình, kể một vài tâm sự như say như tỉnh.

Nàng tay nhón cành mai gầy, gặp gỡ với trận tuyết đầu mùa chốn Giang Nam ấy, liền khó rời xa.

Thời gian sẽ thay đổi tất cả, duy gió sương này có tình, có thể giúp bạn lạc lối biết quay về, quý trọng cuộc đời.

Người ta đều bảo văn chương của Lạc Mai như nước thu trắng lạnh, luôn quá đối thương cảm, mà lại không biết rằng, cô ấy sớm đã trải qua thế sự, vui vẻ vô tư. Bất kể đi đến triều đại nào, gặp gỡ với ai đều không sinh phiền não, ung dung bình yên.

Hoa ngoài cửa sổ, trăng trên mái hiên, ai từng rót đầy chén rượu mát lạnh của nàng, hiện giờ lại mơn man sợi tóc bạc mới mọc của tôi. Tôi còn nhớ Đông Pha có câu: *"Tĩnh rượu thức dậy đi quanh cây, cảm hứng dạt dào mà cạn lời. Ông ơi cứ uống đừng than thở, may mà trong chén có trăng soi."*⁶

Hết thấy cảm hứng đều ở thời Tống. Dị An cư sĩ, người con gái thời Tống ấy, tình cảm hơn tuyết, cốt cách như mai.

Muôn ngàn năm, chỉ những sự vật tốt đẹp mới có thể trường tồn.

Nàng nói, lòng có hoa sen, chúng sinh đều là Phật.

⁶ Trích bài *Thập nhất nguyệt nhị thập lục nhật Tùng Phong đình hạ mai hoa thịnh khai*.



"Câu chuyện tình người như
vàng dương mới mọc chiếu lên
tuyết đọng, trải qua cuộc bể
dâu vẫn sáng trong."

BLUE BOOKS

Mục Lục

Lời tựa	7
<i>Quyển Một: Thơ có câu hay khiến người sợ.....</i>	<i>11</i>
Cô gái thời Tống.....	12
Con người cỏ cây	19
Biện Kinh phồn hoa.....	25
Danh sĩ phong lưu	31
Kiếp này duyên khởi.....	38
<i>Quyển Hai: Cây đồng đang lớn, chơi xuân nhiều tình tứ.....</i>	<i>44</i>
Nước nhược ba ngàn.....	45
Ngày nàng vu quy.....	51
Mua rượu đổi từ	57
Sóng gió quan trường.....	63
Đời không kinh sợ.....	69
<i>Quyển Ba: Cuộc sách sánh trà, chỉ nói là bình thường</i>	<i>74</i>
Chia xa gặp lại.....	75
Về đi thôi hể	80

Tuyết dày hồng trần	86
Gió thơ mưa từ.....	92
Nguyệt rọi tây lâu	97

Quyển Bốn: Rèm cuốn tây phong, người độ hoa vàng vổ..... 103

Người Vũ Lăng xa.....	104
Thấu hiểu yên ổn.....	110
Non sông loạn lạc	116
Để hận Quy Lai	122
Khói mù dương úa.....	127

Quyển Năm: Trên trời dưới trần, chẳng ai giữ gắm được 132

Đạp tuyết vô tâm.....	133
Bỏ thành cõi giáp	138
Người xưa đi xa	144
Ngô đồng đợi già.....	150
Nước non mất mát	155
Chiều về gió dữ.....	161

Quyển Sáu: Trời liên cây cỏ, mỗi mắt đường về ngõ..... 167

Mộng lạnh Tây Hồ.....	168
Đậu khấu pha trà.....	174

An vui hòa hợp.....	179
Cảnh còn người mất.....	185
Tóc mai điểm sương.....	190
Lòng có hoa sen.....	195